NHỮNG TRUYỆN DUYÊN KHỞI TRONG LUẬT BÍ-SÔ-NI

Lược thuật: Giác Tuệ

Hiệu đính: HT Đỗng Minh
Chú thích: Tâm Nhãn
--- o0o ---
Nguồn
http://thuvienhoasen.org
Chuyển sang ebook 26-08-2009
Người thực hiện :
Nam Thiên - namthien@gmail.com
Link Audio Tại Website http://www.phatphaponline.org

Mục Lục

PHẦN 1 - HẠNH BẤT TỊNH
VÌ SAO ĐƯỢC THIỂU DỤC?
VÌ SAO ĐƯỢC LÀM NGƯỜI XUẤT GIA?
VÌ SAO ĐƯỢC THÂN HIỆN SẮC VÀNG?
VÌ SAO ĐƯỢC DUNG NHAN ĐOAN CHÁNH SIÊU TUYỆT?
VÌ SAO ĐƯỢC NHAN SẮC KHẢ ÁI?
VÌ SAO ĐÃ LÀM NGƯỜI XUẤT GIA MÀ CÒN BỊ NGOẠI ĐẠO BỨC NÃO?
VÌ SAO ĐÃ CHỨNG QUẢ A-LA-HÁN MÀ CÒN BỊ NHÀ VUA CƯỠNG BỨC LÀM VIỆC BẤT TỊNH?
KHÔNG SAI MÀ LÀM
XÚC CHẠM
PHẦN 2 - TÁM VIỆC THÀNH PHẠM
ĐỘ PHỤ NỮ ĐÃ LÀM VIỆC PHI PHÁP
VỘI LÀM PHÁP GIẢI TỘI
KHÔNG BỎ ÁC KIẾN
LÀM NHỚP NHÀ NGƯỜI

PHẦN 3 - CÙNG BÍ-SÔ CHẲNG PHẢI THÂN QUYẾN GIẶT Y CŨ
PHẦN 4 - KHÔNG NÊN NHẬN Y TỪ BÍ-SÔ CHẲNG PHẢI BÀ CON
BÍ-SÔ NI ĐƯỢC NHẬN Y QUÝ GIÁ RỒI TRAO ĐỔI CÙNG BÍ-SÔ
KHÔNG NÊN CẦM GIỮ VẬT BÁU
XUẤT NHẬP CẦU LỢI
DÙNG TIỀN SẮM Y VÀO VIỆC ĂN UỐNG
THỌ TRÌ Y QUÝ GIÁ
CỐ Ý NÓI DỐI
NÓI LỜI MỈA MAI MẮNG NHIẾC
PHẦN 5 - KHÔNG TỰ MÌNH DỌN CẤT, KHÔNG BẢO NGƯỜI DỌN CẤT PHU CỤ1 VÀ GIƯỜNG NGỒI CỦA TĂNG...
TRỪ TRƯỜNG HỢP ĐẶC BIỆT, KHÔNG TỰ MÌNH DỌN CẤT, KHÔNG BẢO NGƯỜI DỌN CẤT PHU CỤ VÀ GIƯỜNG NẰM, GHẾ NGỒI CỦA TĂNG...
THỌ THỨC ĂN QUÁ BA BÁT
KHUYÊN NGƯỜI ĂN ĐỦ
KHÔNG NHẬN MÀ ĂN
CHO THỨC ĂN CHO NAM NỮ NGOẠI ĐẠO KHÔNG MẶC Y
CHE DẤU TỘI NGƯỜI KHÁC
XÚC HỎA
CÙNG VỚI NGƯỜI CHƯA THỌ CẬN VIÊN ĐỒNG NGỦ MỘT PHÒNG QUÁ HAI ĐÊM
MẶC Y KHÔNG HOẠI SẮC
TẮM RỬA PHI THỜI
ĐÙA GIỠN TRONG NƯỚC
CÙNG NAM TỬ NGỦ CHUNG NHÀ
UỐNG RƯỢU
VÀO XÓM LÀNG LÚC PHI THỜI
NHẬN SỰ MỜI TRƯỚC HAY SAU BỮA ĂN
TỰ TAY NẤU THỨC ĂN SỐNG
VẪY NƯỚC LÊN KẺ BỀ TRÊN (chúng trên)
ĐEM ĐỒ BẤT TỊNH ĐỔ RA NGOÀI VÁCH
ĐỘ NGƯỜI NỮ ÁC TÁNH
CHỒNG CHƯA CHO PHÉP, MÀ ĐỘ XUẤT GIA
KHIẾN NGƯỜI NỮ KHÁC THU XẾP GIA NGHIỆP
NUÔI HÀI NHI CỦA NGƯỜI KHÁC
LÀM VIỆC NHÀ NGƯỜI THẾ TỤC
SẮM ĐẦU TÓC GIẢ TRANG ĐIỂM

---o0o---

PHẦN 1 - HẠNH BẤT TỊNH

Khi Bồ-tát ở tại Đổ-sử Thiên-cung1 muốn hạ sanh, trước hết quán sát thế gian tìm đủ năm việc: một là dòng tổ xa, hai là thời tiết, ba là đất nước, bốn là dòng họ gần, năm là dòng họ mẹ.

Lúc bấy giờ, trời Lục Dục2 đến chỗ bà mẹ, ba phen làm tịnh lòng người. Ma-da phu nhân trong khi ngủ, mộng thấy con voi trắng sáu ngà giáng hạ vào bụng. Cùng lúc, đại địa hiện sáu điệu chấn động và ánh sáng rực rỡ chiếu khắp trong thế gian này. Những chỗ tối tăm nhất trong thế giới, những nơi không có ánh áng mặt trời, mặt trăng cũng thảy đều sáng rực. Các loài hữu tình ở nơi bóng tối bao phủ, tầm nhìn của họ bị ngăn che từ khi sanh đến khi chết, ngay cả thân phận chính họ cũng không thể thấy được, huống là các loài khác. Khi họ gặp ánh sáng này rồi, khởi ý tưởng kỳ lạ, cùng nhau nói: "Tại sao ở đây bỗng nhiên có chúng sanh?". Khi Bồ-tát giáng sanh, đại địa cũng chấn động, ánh sáng phóng ra cùng khắp, như trước không khác. Trong cả ba ngàn đại thiên thế giới, các loài có duyên thấy ánh sáng này, vui mừng nhảy nhót, khởi lên ý tưởng hy hữu.

Lúc bấy giờ, có bốn vị đại quốc vương đều sinh thái tử:

- Phạm Thọ đại vương ở thành Thất-la-phạt 3, khi thái tử mới sinh, có đại quang minh chiếu sáng, liền nghĩ: "Do oai lực phước đức của thánh tử ta, nên có ánh sáng lớn chiếu khắp trong thế gian. Vậy con ta nên đặt tên là Thắng Quang".

- Đại Liên Hoa Vương ở thành Vương-xá4ù, khi thái tử mới sinh cũng có ánh sáng chiếu, liền nghĩ rằng: "Phước lực của con ta thật là hy hữu. Khi mới sinh, ánh sáng chiếu khắp như vầng mặt trời tỏa rộng. Người mẹ tên là Ảnh, nên đặt tên con là Ảnh Thắng".

- Bách Quân đại vương ở nước Kiều Thiểm Ty5ø, khi sinh thái tử, cũng thấy ánh sáng, liền nghĩ rằng: "Phước lực của con ta có đại quang minh chiếu sáng, như mặt trời mới mọc chiếu soi trong thế gian, nên đặt tên là Xuất Quang".

- Đại Luân Vương ở nước Ốt-thệ-ni6, khi thái tử mới sinh, cũng thấy có ánh sáng, liền nghĩ rằng: "Khi hài nhi của ta sinh, có tia sáng thắng quang, như ánh sáng ngọn đèn có thể phá bóng tối, nên đặt tên con là Đăng Quang".

Tuy bốn đại vương đều có ý niệm vui mừng và mỗi người đều nói: "Điềm khác lạ thần kỳ này là do con của mình", chứ đâu có biết đó chính là oai quang phước đức bất khả tư nghì của Bồ-tát, từ căn lực lành, nhờ đã huân tập trong nhiều đời nhiều kiếp, không thể nghĩ bàn.

Cũng hôm ấy, trong dòng họ Thích Ca cũng có năm trăm đồng tử được sinh, trong số đó, Nan-Đà là người trước nhất. Bên nữ cũng có sáu vạn đồng nữ được sinh, trong số đó, Gia Du Đà La, Lộc mẫu, Cù Tỳ là ba đồng nữ sinh ra đầu tiên và tiếp theo có sáu vạn đồng nữ cũng chào đời cùng một lúc. Lại có năm trăm nam tử thuộc giới hầu hạ cùng sinh, trong đó Xiển Đà là người đứng hàng đầu và năm trăm người nữ hầu hạ lại cũng sinh trong ngày hôm ấy. Cũng ngày này, lại có năm trăm con voi mẹ sinh con, mà Kiền Thác là đứng đầu. Và năm trăm con ngựa, mỗi con đều sinh một con ngựa con. Bấy giờ đại địa bỗng nhiên tự hiện năm trăm lần phục tàng (ẩn dấu), ven biên các cõi, nơi không có thần đều lại tân phục.

Lúc ấy, Thích Phạm Đại-vương7 cùng các thiên chúng đi nhiễu trăm ngàn vòng, cung kính tôn trọng, thân sự Bồ-tát. Trong khi đó, tại các kinh đô nhà vua, thành ấp, tụ lạc8, tất cả trưởng giả, Bà-la-môn.v.v... thảy đều vân tập để chiêm ngưỡng, kính lễ, thừa sự Bồ-tát. Cũng trong lúc đó, vua Tịnh Phạn nghĩ rằng: "Do phước đời trước của ta chiêu cảm, nên nay Thánh tử lại sanh nhà ta, và có thể thành tựu tất cả mọi thắng sự. Vậy, con của ta nên đặt tên là Nhất Thiết Sự Thành".

Lúc bấy giờ, nước Ma-kiệt-đà9có một thành lớn tên là Ny Câu Luật. Ở đó, nhân dân phồn vinh, an ổn. Trong thành này có Bà-la-môn cũng tên là Ny Câu Luật, nhà giàu nhiều của, lắm người tôi tớ, vàng bạc trân bảo, kho lẫm đầy nhóc, có thế lực lớn như vua Tỳ-sa-môn10. Lại có mười tám tụ lạc rộng lớn dùng làm gây dựng tài lộc, mười sáu ấp lớn dùng nuôi tôi tớ và có sáu mươi ức tiền vàng, thật là vi diệu hơn hết.

Ông chủ Ma-kiệt-đà là vua Đại Liên Hoa có một ngàn lưỡi cày và số lượng lưỡi cày của gia đình Bà-la-môn cũng bằng như vậy. Vì sợ đem lại điều không hay cho nên con số ngàn chỉ giảm một. Song, nhân phước thiện đời trước, cảm quả thành thục nên trồng hạt lúa mạch thì thành hạt kim mạch,

mỗi khi thu hoạch hơn hai trăm thạch. Người ở đó, mỗi buổi sáng đến hầu vua, chỉ dùng một cúc kim mạch để hiến thọ, chúc vua phước mạng vô cùng.

Người đại Bà-la-môn đó cưới một người con gái dòng quý tộc làm vợ. Trải qua nhiều năm mà không có con, mong cầu kế tự vẫn chưa đạt ý, vợ chồng bèn dâng tế lễ tất cả thần kỳ. Tuy kỳ nguyện lâu ngày nhưng vẫn không toại ý, lòng ôm ưu khổ, chống tay nơi má, than: "Nay ta nhà giàu cự phách mà không có người kế tự, của cải sẽ giao cho ai đây? Cuối cùng của cải sẽ bị nhà quan tịch thu, không còn một mảy may nào!".

Bà mẹ thấy vậy, hỏi:

- Tại sao hôm nay con than dài thở ngắn như vậy?

Thưa:

- Hôm nay thân tâm con không được an ổn, vì của cải phong phú trong đời ít có, mà hiện nay con không có con, sự sống khó bảo toàn. Một ngày kia, mạng sống không còn, tất cả đều mất hết !

Bà mẹ nói:

- Con không nên ưu sầu. Mẹ sẽ chỉ cho cách sẽ sanh được con. Mẹ thấy trong thế gian, những người không có con, hoặc tự cầu xin, hoặc khiến người khác cầu xin, với tất cả lòng tín thành, không một trường hợp nào không toại nguyện.

Người con thưa với mẹ:

- Sự việc đó thế nào?

Bà mẹ nói:

- Trước khi mẹ không có con, mẹ cầu thần cây Ny-câu-luật11, liền được sinh con. Nay con nên đối trước thọ thần hết lòng cầu khẩn, chỉ mong sanh được một đứa con, chắc chắn sẽ toại ý.

Khi ấy, người Bà-la-môn vâng lời mẹ dạy rồi, dưới cây Tất-bát-la12 trong vườn kia, trần thiết lễ nghi, đích thân cầu nguyện: "Cúi xin thọ thần sớm ban cho tôi một đứa con. Nếu xứng với lời nguyện, tôi sẽ xây dựng thần đường

trang nghiêm, để thờ cúng và mở đại hội khánh tạ thù ân". Hằng ngày cầu xin và phát nguyện như vậy. Người Bà-la-môn lại bảo cho thọ thần biết rằng: "Nếu không toại nguyện, tôi sẽ đào gốc chặt cây, khiến cho thần không có nơi nương tựa".

Bấy giờ, vị thiên thần biết người này với tâm ân cần khẩn thiết nên sanh hoảng sợ, nghĩ: "Vấn đề này quá sức đối với ta, làm thế nào đây?". Vị thiên thần tức tốc đến chỗ Tỳ-sa-môn để cầu cứu:

- Kính bạch Đại thiên, có người Bà-la-môn vì cầu sanh con mà đến chỗ tôi ở, dọa chặt cây đó. Nguyện xin đại thiên làm ơn cứu giúp.

Đại thiên vương nghe rồi, tự nghĩ: "Mình cũng bất lực", bèn đến thượng thiên thưa với trời Đế Thích rằng:

- Xin ngài cứu xét, nay có vị thiên thần trong tầm tay trách nhiệm cai quản của tôi, đến báo cáo: Có một người vì cầu con mà mà họ bảo: "Nếu không toại ý, họ sẽ chặt cây". Trường hợp nguy khốn này, xin ngài lân mẫn!

Vị thiên chủ nghe rồi, bảo vị phụ tá rằng:

- Nếu có thiên tử nào hiện suy tướng vào lúc này thì phải đến báo cáo cho ta biết.

Thiên chủ hạ lệnh xong, vị phụ tá kính thừa thiên mệnh. Sau đó một thời gian, có một thiên tử năm tướng suy13 hao hiện ra. Phụ tá liền tức tốc đến báo cáo với thiên chủ rằng:

- Nay có một thiên tử, tướng tử đang hiện ra.

Thiên chủ bảo thiên tử đó rằng:

- Nay ngươi nên đến trong Thiệm-bộ- châu14, nơi thành Ny-câu-luật, nhà Đại Bà-la-môn, thọ sanh.

Thiên chủ nói xong, thiên tử khải bạch:

- Đại thiên nên biết, Bà-la-môn kia tự ỷ dòng họ tôn quý, nên sinh lòng phóng dật nhiều. Trong khi đó, đức Phật- vị đại sư xuất hiện ở đời- hóa duyên hoàn tất, sẽ vào Niết-bàn. Tôi đối với Ngài, đời trước nguyện sẽ đến

chỗ Ngài chuyên tu tịnh hạnh, sợ sanh vào gia đình kia rồi, sẽ trở ngại cho bản nguyện của tôi.

Thiên chủ hứa:

- Ngươi khỏi phải lo ngại. Ta sẽ giúp ngươi trong mọi hoàn cảnh, bất cứ lúc nào, ta cũng khiến ngươi không phóng dật.

Khi thiên tử mạng chung, liền đến nơi họ Ny-câu-luật thác uẩn thọ sanh. Người nữ thông tuệ mang thai, có năm trí kỳ diệu:

1- Biết nam tử có dục tâm.

2- Biết thời tiết.

3- Biết từ người nào được thai.

4- Biết thai là nam.

5- Biết thai là nữ.

Khi người vợ của Bà-la-môn kia biết mình có thai, lòng rất vui mừng, báo cáo với chồng rằng:

- Mình có biết chăng, nay em đã có thiên tử đến nhập vào thai nên em rất vui mừng.

Người chồng nghe nói, nỗi vui mừng dâng khắp cả thân tâm, lớn tiếng xướng rằng:

- Lành thay!An lạc thay!Từ trước đến nay, suốt ngày suốt đêm, ta một lòng mong được người con kế thừa gia nghiệp. Trăm năm sau, theo khả năng của mình, tu các phước nghiệp, đều xứng với tên của ta, khiến cho công đức này giúp cha mẹ ta sanh vào cõi nào cũng phước lạc vô cùng, tất cả mọi sở hữu gia vụ ta đều phó chúc.

Người chồng nói như vậy rồi, để vợ ở nơi lầu cao, trải bảo tọa để vợ ngồi nằm, mời danh y đến điều hòa thang dược, để bảo vệ sức khỏe cho vợ. Y phục, ẩm thực, mọi việc đều thích nghi. Tất cả mọi vấn đề thời tiết, lạnh, nóng, mặn, lạt... đều theo ý muốn của vợ. Thân hình người vợ được trang

nghiêm bằng anh lạc thượng diệu, hương thoa, tràng hoa lóng lánh, rực rỡ tuyệt vời. Như thiên nữ cư trú nơi vườn hoan hỷ, bà đi đứng ngao du, bước trên giường nệm nhung gấm, chân không hề dính đất, tai mắt không hề thấy nghe sắc thanh xấu ác.

Đủ ngày đủ tháng, nam nhi ra đời, hình dáng siêu tuyệt, màu da sáng rực như vàng Thiệm-bộ, đảnh tròn như bảo cái, tay dài quá gối, mũi cao và thẳng, mi cao mà dài, trán rộng bằng phẳng, các tướng đầy đủ. Sau hai mươi mốt ngày, các thân tộc mở hội vui mừng, đặt tên cho hài nhi. Thân tộc cùng bàn: "Cháu này vốn từ vấn đề cầu khẩn nơi cây Tất-bát-la mà có được, nên gọi tên là Tất Bát La, và từ nơi dòng họ, có thể gọi là Ca Diếp Ba. Do đó, người thời bấy giờ thường gọi là Tất Bát La hay Ca Diếp Ba.

Người cha đem hài nhi giao cho tám bà mẹ nuôi dưỡng. Tất cả mọi nhu cầu không thiếu thốn một thứ gì. Hài nhi được nuôi dưỡng bằng sữa, bơ, dầu tinh chế và bao nhiêu thức ăn ngon ngọt bổ dưỡng khác. Nhờ vậy, hài nhi mau lớn như hoa sen ra khỏi nước. Đến tuổi, đồng tử được gao cho các minh sư để học kỹ nghệ và các điển tịch. Học bất cứ môn gì, đồng tử vừa nghe là thuộc, nhớ liền không quên; cho đến vấn đề chấp trì tịnh bình, oai nghi tấn chỉ, không một thứ nào mà đồng tử không nắm vững. Mọi hiện hữu trong thế gian, trong hành tinh này đều được khảo sát một cách hoàn hảo về các biến chuyển của chúng. Lại rành pháp thức tự mình tế tự, dạy người tế tự; tự mình tập tụng, dạy người tập tụng. Hoặc tự mình bố thí và nhận vật bố thí của người khác. Trong sáu việc này đều thông suốt. Những gì thuộc về chi phái của Tứ minh đều nghiên cứu hết. Có khả năng phô bày tôn của mình một cách khéo léo, và khéo léo đả phá những lập luận của người khác. Trí thức phân minh lợi ích giống như lửa. Trước hết, đại chúng suy tôn, sau mời làm Đạo sư dạy hơn năm trăm người con của Bà-la-môn. Khi tuổi đã lớn khôn, người cha bảo:

- Này Ca Diếp Ba, con biết chăng!Nay con đã trưởng thành, nên phải tổ chức hôn lễ.

Người con thưa:

- Thưa cha, dục lạc của thế gian chẳng phải là sở nguyện của con.

Người cha khuyên:

- Phàm làm người, con cần phải nối tiếp gia nghiệp, cung kính thờ phụng tổ tông, không khiến cho tuyệt tự.

Ca Diếp Ba thưa:

- Thưa cha, cha không nghe cổ tiên luận rằng: Người thích ẩn cư thì thần thức của họ trong sạch và nhẹ nhàng, có khả năng bay lên đến chỗ cứu cánh hay sao?

Người cha nói:

- Nghi lễ giá thú không phải là sách chánh đáng sao?

Ca Diếp Ba thưa:

- Đó là luận cứ của người đời cận đại, chứ chẳng phải là pháp của cổ tiên.

Ca Diếp Ba thưa xong liền than:

- Hiện nay đối với ta còn cái gì tai họa bằng!Một phen sa lầy, vĩnh kiếp khó thoát khỏi!Ân của cha mẹ rất nặng, lại không thể trái. Đây thật là vấn đề tấn thoái không đường!

Khi ấy, người cha ba phen khuyên bảo, đương sự cung kính vâng theo, không dám trái mạng, nhưng tự suy nghĩ: "Ta cần phải dùng cách nào, để tránh khỏi sự trói buộc này?". Ca Diếp Ba liền thưa với cha:

- Nếu con phải cưới vợ, thì thưa cha nên dùng vàng tía đúc cho con một tượng người nữ để làm kiểu mẫu.

Người cha đúc liền. Hình tượng kia thành tựu với sắc tướng phân minh, dung nghi khả ái, kích cỡ giống như một con người. Ca Diếp Ba xem hình người nữ bằng vàng rồi lại thưa với cha:

- Nếu được như người nữ này thì con sẽ vâng lời cha làm lễ hôn thất.

Người cha nghe rồi, lòng ôm sầu não, tay chống má, than:

- Tai họa thay, nay ta tìm ở đâu có được người con gái đẹp như thế này?!

Bấy giờ, những người học trò thấy thầy ưu khổ, nên hỏi:

- Vì sao thầy (ông trưởng giả) ưu sầu như vậy?

Người thầy liền đem sự việc kể lại cho học trò mình nghe, và hỏi:

- Ở đâu có thể có được người con gái đoan chánh thế này?

Học trò thưa:

- Có thể tìm được. Trong thế gian này, xưa nay chưa có trường hợp nào "có nồi mà không có vung", "nồi nào sẽ có vung nấy". Đầy đủ phước đức như Ca Diếp Ba thì người nữ đẹp đẽ kỳ diệu như vầy cũng có thể tìm được.

Khi ấy, những người học trò nói kệ rằng:

Quả đất lớn rộng vô biên này

Người đẹp như vầy ắt phải có

Nam tử đại phước đức này đây

Nay vì cầu hôn xin chớ lo.

Các người học trò nói kệ xong, đề nghị:

- Nên đúc ba tượng bằng vàng thế này để chúng con đến bốn phương, hy vọng sẽ tìm có mỹ nữ đẹp như thế này.

Khi ấy, những người học trò mang tượng vàng đến từng phương một, gọi tượng vàng là "Kim thần". Họ đánh trống, thổi ốc, bày biện phẩm vật, cúng dường hương hoa bảo cái, trang hoàng khắp cả thành ấp ấy. Từng địa phương một, họ tìm hỏi, tuần tự đi đến thành Kiếp-tỷ-la15. Trong thành này có một người đại Bà-la-môn cũng mang tên là Kiếp-tỷ-la, giàu có, nhiều của, lắm tôi tớ...

Kiếp-tỷ-la cưới một người con gái dòng họ quý tộc làm vợ. Chung sống chưa bao lâu, họ sanh được một người con gái, dung nhan tuyệt vời, mọi người đều muốn nhìn ngắm. Bấy giờ cha mẹ muốn đặt tên, nhưng vì tiểu nữ này dung nghi khả ái, đoan chánh vô song, bẩm tánh hiền thiện, lại là con

gái của dòng Kiếp-tỷ-la, nên lấy đó mà đặt tên là Diệu Hiền. Bấy giờ cô gái Diệu Hiền tuổi đã lớn khôn, thành một người phụ nữ xinh đẹp như hoa, đức hạnh bốn phương xa gần đều biết. Những người học trò mang tượng Kim nữ đến thành này, lớn tiếng rao truyền cùng các sĩ nữ rằng: "Nữ giới nên biết, nếu ai có khả năng dùng hương hoa diệu vật cúng dường thiên thần, thì vị thần này có thể ban cho năm món đại nguyện:

1- Sẽ được sinh vào gia đình phú quý.

2- Sẽ được làm dâu nơi dòng họ quý tộc.

3- Không bị chồng khinh.

4- Sanh con trai có phước đức.

5- Người chồng thường theo ý mình".

Giới nữ nghe rao truyền như vậy, đều mang hương hoa đến chỗ Kim thần đích thân cung kính phụng hiến. Bấy giờ cha của Diệu Hiền bảo con gái mình rằng:

- Nữ giới đều cùng đến cúng dường thiên thần, con cũng nên đến đó để đích thân phụng hiến.

Diệu Hiền thưa:

- Mục đích đến cúng dường pho tượng ấy là có ý gì?

Người cha nói:

- Phụng hiến kim thân kia để có thể thỏa mãn 5 điều ước nguyện: sanh nhà phú quý, làm dâu quý tộc, chồng không khinh, sanh con có đức, phu chủ theo ý mình.

Diệu Hiền thưa với cha:

- Bản tánh của con không phải là người nữ tham dục. Chuyện gì phải vội đến kính lễ thiên thần kia?

Người cha bảo:

- Tuy con không mong cầu như vậy, nhưng việc lễ kính cũng đâu có tốn gì. Con nên tạm thời cùng đến đó để xem thử.

Diệu Hiền kính thuận, không dám trái ý cha, bèn cùng với các người nữ làm bạn đến chỗ thiên thần. Khi đến nơi, do oai quang của Diệu Hiền phản chiếu rực rỡ, làm cho Kim thân trở thành như đống sắt đen. Các người học trò mục kích hiện tượng khác thường như vậy, đều sinh kinh ngạc chưa từng có, cùng nhau nghị bàn: "Oai quang của vị thần ta hiện tại ở đâu? Thiên long, Bát bộ, các vị thần hút đi đâu rồi chăng? Hay là ánh sáng của người nữ này đã đoạt đi cho nên mới như thế? Tại sao tử kim biến thành sắt đen?".

Sau khi Diệu Hiền thấy vậy, và cùng bạn về nhà, thì bấy giờ, tượng nữ thiên thần này trở lại hiện sắc vàng tía như cũ. Các người học trò quan sát những sự kiện vừa xảy ra, đều khen là: "Thật hy hữu !", bèn hỏi mọi người:

- Người con gái có dung nghi vô song này là con của ai? Oai quang của cô ta đã biến vàng trở thành sắt !

Mọi người trả lời:

- Đó là con gái của đại Bà-la-môn Kiếp-tỷ-la, tên là Diệu Hiền.

Những người học trò thấy sức oai quang của cô ta, đều đâm ra vừa sợ vừa mừng, bèn đến chỗ đại Bà-la-môn, cúi đầu đảnh lễ xong, thưa với ông trưởng giả:

- Phương nam có một cái thành tên là Ny Câu Luật, ở trong thành này có một đại Bà-la-môn cũng tên là Ny Câu Luật, nhà giàu nhiều của, có lắm tôi tớ, vàng bạc, trân bảo, kho lẫm đều đầy cả; có đại thế lực như vua Tỳ-sa-môn. Lại có mười tám tụ lạc lớn rộng để làm phong lộc, có mười sáu đại ấp dùng làm tôi tớ, có sáu mươi ức tiền vàng thật thượng diệu. Vua Đại Liên Hoa là chủ. Vua Ma Già Đà có tới ngàn tá điền, thì tá điền của Bà-la-môn cũng bằng vua, nhưng vì sợ điềm không tốt nên chỉ giảm bớt một. Đại Bà-la-môn ấy có một người con trai tên là Ca Diếp Ba, dung mạo hy hữu, đặc biệt thông minh, không ai sánh bằng, làu thông tứ Bệ-đà16, rành các tạp thuật, thường kiến lập tôn chính mình, khéo bẻ gãy luận cứ của người, trí thức lợi hại như đuốc lửa. Nam tử ấy chưa có hôn thất, nên chúng tôi từ xa đến đây tìm cầu...

Khi ấy, Bà-la-môn Kiếp-tỷ-la từ lâu đã nghe danh Ca Diếp Ba, nên rất khâm phục tài đức. Nay nghe như vậy, rất hài lòng, liền trả lời với mọi người rằng:

- Xin kính thừa ý kiến của quý vị. Chúng ta cùng chọn ngày lành tháng tốt để tổ chức lễ kết thân hôn.

Những người học trò được sự hứa khả rồi, vui vẻ về báo cáo với đại Bà-la-môn rằng:

- Chúng con đã vì Ca Diếp Ba tìm được hiền thất đoan chánh vô song. Người đó là con gái của đại Bà-la-môn ở tại thành Kiếp-tỷ-la, tên là Diệu Hiền.

Bà-la-môn kia nghe nói như vậy, lòng sanh vui mừng khôn xiết, trả lời rằng:

- Từ lâu ta mong mỏi, nay đã được toại nguyện.

Ca Diếp Ba nghe như vậy, liền nghĩ: “Vì ta tìm vợ à? Tuy nói đã tìm có được, theo như lời truyền miệng, thì người ấy thù thắng, nhưng chưa biết thế nào, nay ta nên đến đó quan sát”.Ca Diếp Ba liền đến chỗ cha mẹ, cúi đầu thưa:

- Kính thưa song thân, hiện nay con muốn đi du quán các nơi.

Cha mẹ nói:

- Cha mẹ chỉ có một mình con, thương yêu hết sức. Hơn nữa, ngày hôn lễ lại sắp đến rồi!Thôi, tạm thời du quán, song con phải sớm trở về.

Khi ấy, Ca Diếp Ba tạm biệt cha mẹ, đến thành Kiếp-tỷ-la, thay hình đổi dạng, kết một cái đãy bằng lá, mang đi xin. Sau khi hỏi, biết nhà của Diệu Hiền, Ca Diếp Ba giả dạng người ăn xin đến đứng nơi cửa ngõ. Theo phong tục của nước ấy, thì khi cho thức ăn phải sai thiếu nữ mang ra. Bấy giờ, Diệu Hiền nghe có người ăn xin, liền tự tay mang thức ăn ra trao cho người ấy. Ca Diếp Ba khi thấy người nữ này thì sanh ý tưởng hy hữu, bèn khen rằng:

- Dung mạo đẹp thế này thì thật là vô song đối với đời. Vất bỏ đi một bông hoa xinh đẹp tươi sáng là một việc làm rất khó !

Diệu Hiền nghe qua liền hỏi ông ta rằng:

- Người đính ước với tôi đã qua đời rồi sao?

Ca Diếp Ba nói:

- Hiện tại người kia vẫn còn.

Người nữ hỏi:

- Nếu vậy, tại sao lại thốt lên những lời như thế?

Ca Diếp Ba lại nói:

- Hiện tại người kia tuy là còn, nhưng thật tình không ưa dục lạc.

Nữ nhân nghe câu nói này, cũng lấy làm kinh hãi và khen rằng:

- Thật là ít có!Thật là việc thiện!Tôi cũng một lòng không ưa hành dục.

Ca Diếp Ba nói:

- Này hiền nữ!Nếu cô là người này thì tôi là người kia đây!Nay chúng ta có thể lập lời thề: Đối với những lời dạy của cha mẹ, thật sự không dám trái, chỉ trừ khi làm lễ thành hôn, tạm thời chúng ta nắm tay nhau, nhưng sau đó thề sẽ không đụng chạm thân thể vào nhau.

Ca Diếp Ba cùng lập ước thệ nguyện rồi, trở về bổn xứ, tập hợp tôn thân, chuẩn bị tổ chức đại hôn lễ. Sau khi người vợ về, họ cùng ở nơi một trú quán, trải một sàn tòa, nam nữ cùng ở, nhưng mỗi người ở một bên, đều tu thiện nghiệp, cùng nhàm chán việc đời, chuyên tâm tìm đường thoát ly, không hề có một niệm nào khởi tâm nhiễm dục. Bấy giờ, Ca Diếp Ba bảo Diệu Hiền rằng:

- Khắp xem tội lỗi trong sanh tử

Do từ ái nhiễm làm nhân duyên

Hết thảy người đời đều làm quấy

Đâu ngờ chìm mãi biển ba cõi.

Ca Diếp Ba lại nói với vợ rằng:

- Này hiền thủ, phàm là người nữ, tánh nhiều hôn muội, đầu đêm cuối đêm người có thể an nghỉ, nửa đêm tôi tạm thời tiêu tức.

Sau một thời gian, một hôm Diệu Hiền trong giấc ngủ ngon, duỗi tay thòng trước giường, trong lúc đó thì Ca Diếp Ba hoặc đi kinh hành, hoặc ngồi tư duy. Bấy giờ, Thiên chủ thấy sự việc như vậy nên có ý nghĩ: "Nay ta nên đến thử xem Ca Diếp Ba là người lừa gạt, để cầu danh lợi, hay là chân thật cầu giải thoát !". Đế Thích liền hiện xuống, hóa làm một con rắn, hả miệng phun độc, hiện tướng đáng sợ, bò đến chỗ Diệu Hiền, muốn cắn vào tay cô ta. Ca Diếp Ba thấy vậy, liền vội vàng đi đến chỗ Diệu Hiền, dùng cán cây quạt bằng bảo vật, đỡ tay Diệu Hiền để lên giường. Bấy giờ, Diệu Hiền từ trong giấc ngủ, tỉnh giấc, nói với Ca Diếp rằng:

- Này thánh giả!Chớ nên xâm phạm đến lời thề.

Ca Diếp Ba nói:

- Người có thấy con rắn độc bò đến không?

Khi ấy, Diệu Hiền dùng tụng đáp:

- Thà để thân tôi cho rắn cắn

Thân này chỉ chết một lần thôi

Chớ đừng va chạm trái lời thề

Nhẫn dục trầm luân đâu bến bờ.

Khi ấy, Ca Diếp Ba bảo với vợ rằng:

- Này hiền thủ!Đó là tâm chí thành của người cùng tu tịnh hạnh.

Và Ca Diếp Ba nói kệ:

- Đi trên đao lửa tuy khó thật

Đối nữ tu hành còn khó hơn

Nếu hay thủ chí không sứt mẻ

Thì thế gian này có một thôi !

Bấy giờ Ca Diếp Ba đem việc này nói với Diệu Hiền rằng:

- Chẳng phải tôi vì dục tâm mà muốn xúc chạm đối với người. Song tôi có dùng cán quạt để đỡ cánh tay người cho khỏi rắn cắn.

Khi ấy, Đế Chúa kia thấy vậy phải vừa than, lại vừa thẹn, rồi trở về lại thiên cung. Hai người này ở trong một trụ quán, trải qua mười hai năm, tu hạnh thanh tịnh, như đức Phật đã dạy:

"Tích tụ đều tiêu tán

Trèo cao ắt đọa rơi

Hiệp hội rồi biệt ly

Có mạng thảy phải chết".

Sau khi mẹ qua đời, Ca Diếp Ba phải để ý đến gia nghiệp. Một hôm, đến chỗ dinh điền, nhìn thấy công việc cày đất, Ca Diếp Ba nói kệ:

Xem chỗ cày bừa này

Tổn đất, hại côn trùng

Sức trâu lại mệt nhọc

Thương xót như thân thuộc

Nông phu khổ vất vả

Nắng gió tổn hình dung

Làm việc cày bừa mệt

Thấy vậy tâm áo não !

Khi ấy, Ca Diếp Ba hỏi người cày ruộng rằng:

- Ruộng này là ruộng của gia đình nào?

Người cày ruộng trả lời:

- Đây là ruộng của Ca Diếp Ba.

Ca Diếp Ba nói:

- Gia đình tôi đâu có điền nghiệp này.

Người cày ruộng nói:

- Tôi đã cày ruộng này cho thân sinh của ông từ xưa đến nay.

Ca Diếp Ba nghe nói như vậy rồi, bảo người cày ruộng rằng:

- Từ nay tôi giải phóng các ông. Các ông sẽ không còn làm tôi tớ nữa. Các ông tự do đi đâu thì đi, theo ý muốn. Tất cả các gia súc trâu bò cũng tự do sống, không có bất cứ sự bó buộc nào.

Ca Diếp Ba thấy đó là những việc làm vô ích, bèn nói kệ rằng:

- Thức ăn không quá một thăng cơm

Chỗ ngủ không ngoài một chõng con

Che thân vải đủ hai trương điệp

Ra ngoài cái đó vật ngu si.

Ca Diếp Ba bảo người vợ rằng:

- Này hiền thủ, nay tôi có nguyện xả tục xuất gia. Vì sao vậy?- Vì tại gia ràng buộc như lao ngục, thường bị tất cả khổ não trói cột. Đây là chỗ mà tất cả các ác tri thức đều nương vào đó mà tạo nghiệp, nhơn duyên không bao

giờ thôi dứt. Xuất gia phóng khoáng như hư không, tha hồ tu thanh tịnh phạm hạnh, sớm viên mãn đến chỗ giải thoát.

Ca Diếp Ba nói kệ:

Rừng núi nhiều vắng lặng

Thản nhiên không sợ sệt

Nơi đây mà siêng tu

Thì lìa các trói buộc

Chánh kiến cùng tà kiến

Đều từ tâm phát sinh

Yên ở rừng không nhàn

Kẻ trí thường quán sát

Nếu người tham việc đời

Các khổ thường theo đuổi

Hốt nhiên lìa lưới trần

Nay đến cung Niết-bàn.

Ca Diếp Ba nói kệ xong, liền ra lệnh cho người giữ kho rằng:

- Lấy đem cho tôi một bộ y hết sức xấu. Tôi muốn bỏ nhà để tu nghiệp xuất ly.

Người giữ kho mở kho tìm, nhưng tất cả các loại y đều thuộc về loại vô giá, chỉ có một đoạn điệp bố xấu nhất, đại khái giá trị của nó bằng một ức kim tiền, mang đến dâng cho Ca Diếp Ba. Ca Diếp Ba nhận rồi, liền từ nhà ra đi.

Khi Bồ-tát quán sát khắp cả lão, bệnh, tử, thì ngài được chư thiên vây quanh bảo hộ. Giữa đêm đó, ngài vượt thành xuất gia, đến nơi rừng Cần-khổ. Cũng

vào thời điểm này, Ca Diếp Ba xả bỏ gia nghiệp, tu hạnh xuất ly và tự nghĩ rằng: "Nếu trong thế gian này, ai là bậc A-la-hán, thì tôi sẽ nương nơi vị ấy, thành kính một lòng thừa sự".

Khi đã xuất gia rồi, người bấy giờ gọi Ca Diếp Ba là ẩn sĩ. Lúc Ca Diếp Ba đang ở bên Chế-để-đa-tử17, thì Bồ-tát đang ở nơi A-lan-nhã18. Trải qua sáu năm tu khổ hạnh, Bồ-tát biết đó là việc làm vô ích, chỉ đem lại sự nhọc mệt mà thôi, nên sau đó Bồ-tát đến Hoan Hỷ, Hoan Hỷ Lực, chỗ hai người nữ chăn bò, thọ dụng một ít cháo sữa, được Long vương khen ngợi, rồi đến chỗ người gánh cỏ kiết-tường, xin lấy loại cỏ mềm nhuyễn, đến nơi gốc Bồ-đề, tự trải cỏ ra làm tòa kim cương để ngồi. Sau đó, kiết già phu tọa, đoan thân chánh niệm, như Long vương ngủ. Bấy giờ, Bồ-tát dùng gậy từ bi hàng phục ba mươi sáu ức thiên ma binh chúng, chứng Vô thượng giác.

Lần lượt Bồ-tát đến nước Ba-la-nê-tư19, chỗ tiên nhân đọa20, trong rừng Thí Lộc21, vì năm Bí-sô22 và năm người theo hầu, ba phen chuyển mười hai hành pháp luân. Tại nơi đóng đại quân Bà-la-môn và hai người nữ chăn bò, Bồ-tát vì họ nói diệu pháp, khiến họ sanh chánh kiến, đều chứng sơ quả, luôn cả một ngàn người ngoại đạo Lưu-kế23.v.v.... Tất cả đều quy y Phật, xin xuất gia và thọ Cận viên24. Vua Tần-bà-sa-la cũng trụ vào kiến đế.

Bồ-tát đến thành Vương-xá, ở nơi vườn Trúc Lâm, độ Đại Mục Kiền Liên và Xá Lợi Tử.

Tiếp tục, Bồ-tát đến thành Thất-la-phiệt, vì vua Thắng Quang nói kinh Thiếu niên, điều phục được vua. Ngài vì Thắng Man phu nhân, Tỳ Lư tướng quân và Tiên Thọ.v.v... khiến cho họ kiến đế. Thường pháp của Vô thượng Thế Tôn là như vầy: "Quán sát trong thế gian không một việc gì không nghe thấy, hằng khởi tâm đại bi, để tất cả đều được lợi ích". Trong vấn đề cứu hộ, Ngài là người đệ nhất, là người hùng mãnh, không nói hai lời, an trụ nơi định tuệ, hiển phát tam minh, khéo tu tam học, khéo điều tam nghiệp, vượt khỏi bốn bộc lưu, an tứ thần túc. Suốt cuộc đời, Ngài thực hành tứ nhiếp hạnh, xả trừ năm cái, xa lìa năm chi, vượt khỏi năm đường, sáu căn đầy đủ, sáu độ viên mãn, khắp thí bảy tài, mở bảy giác hoa, lìa tám pháp của đời, chỉ bày tám đường chánh, vĩnh đoạn chín kiết, sáng tỏ chín định, đầy đủ mười lực, tiếng đồn khắp mười phương. Trong tất cả các đấng tự tại, Ngài là bậc tối thắng, đặng pháp vô úy, hàng phục ma oán, chấn đại lôi âm, rống tiếng rống sư tử, ngày đêm sáu thời thường dùng Phật nhãn quán sát thế gian, ai thêm ai bớt, ai gặp khổ ách, ai hướng đến ác thú, ai sa vào bùn dục, ai kham nhận sự giáo hóa, bằng phương tiện nào nhằm cứu giúp để được ra khỏi,

người không có thánh tài khiến được thánh tài, dùng trí An-thiện-na25 phá màng mắt vô minh, người không có căn lành khiến trồng căn lành, người có thiện căn khiến được tăng trưởng, an trí nơi đường nhơn thiên, an ổn vô ngại, hướng đến thành Niết-bàn, như có bài tụng:

“Giả sử sóng biển lớn

Có thể mất hạn kỳ

Phật đối việc giáo hóa

Tế độ không lỗi thời.

Như mẹ có một con

Thường hộ thân mạng nó

Phật đối người giáo hóa

Mẫn niệm còn hơn kia

Phật đối với hữu tình

Từ niệm không xả ly

Nghĩ cứu khổ nạn họ

Như bò mẹ theo con”.

Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn nghĩ như vầy: “Đã đến lúc hóa độ ẩn sĩ Ca Diếp Ba”. Ngài liền đến nước Phật-lật-thị26, du hành trong nhân gian, đến thành Quảng-nghiêm27, bên tháp Đa-tử, ngồi dưới gốc cây. Vì muốn dẫn đường Ca Diếp Ba nên tự thân Ngài phóng ra ánh sáng, chiếu soi như núi Diệu-Kim, rực rỡ hy hữu, sáng khắp mọi nơi. Bấy giờ, Ca Diếp Ba thấy sự việc như vậy, tìm theo ánh sáng, đến chỗ đức Thế Tôn. Từ xa, thấy đức Như Lai dung mạo đoan chánh, tướng hảo đặc thù, các căn trạm tịch, nhất tâm không loạn, giống như Sơn vương sắc vàng chói lọi, Ca Diếp Ba vui mừng nhảy nhót, lớn tiếng xướng lên:

- Đây là thầy của tôi, tôi là đệ tử !

Đức Thế Tôn bảo:

- Đúng vậy!Đúng vậy!Này Ca Diếp Ba, ta là thầy của ngươi, ngươi là đệ tử của ta.

Ca Diếp Ba thành tâm ân cần lễ kính.

Đức Phật lại bảo:

- Những gì thật sự không biết, mà nói có biết; thật sự chưa từng thấy mà nói từng thấy; thật sự chẳng phải là đại sư mà nói là đại sư; thật sự chẳng phải là La-hán mà nói là La-hán; thật sự chẳng phải là Bạc Già Phạm mà nói là Bạc Già Phạm; chẳng phải Tam Phật Đà mà nói là Tam Phật Đà... Hạng người trá ngụy này đầu họ sẽ vỡ ra làm bảy mảnh. Này ông Ca Diếp Ba!Những gì ta biết, ta nói rằng ta biết; ta thấy nói rằng ta thấy; ta là đại sư, nói rằng đại sư; ta là A-la-hán, nói rằng A-la-hán; ta là tam Phật Đà, nói rằng Tam Phật Đà. Ta có nhân duyên vì các Thanh văn tuyên nói pháp yếu, chẳng phải không có nhân duyên; thật là xuất ly, chẳng phải không xuất ly; là chỗ quy y, chẳng phải chẳng quy y; là chơn siêu việt, chẳng phải không siêu việt; là có thần thông, chẳng phải không thần thông. Vì những nhân duyên này, Ca Diếp Ba, ông nên học như vậy. Nên nghĩ như vầy: Pháp tôi được nghe, cùng với thiện tương ưng. Tôi đều cung kính chuyên tâm mà nghe, tôn trọng, ghi nhớ; một ý tưởng không rời; lắng nghe, suy nghĩ, kính tâm thọ trì. Đối với năm thủ uẩn, ta thật quán biết là cái khổ sanh diệt. Đối với sáu xúc xứ, ta thấy nó là tập hợp, nó là mờ mịt. Đối với tứ niệm xứ, khéo hay trụ tâm. Đối với bảy Bồ-đề phần, ta sẽ tu tập và tu tập nhiều hơn. Đối với tám giải thoát, ta sẽ thân chứng đặng viên mãn vậy. Ta, trong vai đại sư và người có trí, chỗ đồng phạm hạnh, luôn khởi tâm ân cần tôn trọng, hết sức tàm quý. Chánh kiến của ta, niệm niệm tương tục. Đối với thân, chuyển theo không gián đoạn. Này Ca Diếp Ba, ông nên học như vậy.

Lúc bấy giờ, đức Bạc Già Phạm vì Ca Diếp Ba tuyên dương pháp yếu, qua những lời dạy hay ho, vui vẻ, rồi thì từ chỗ ngồi ra đi. Khi ấy cụ thọ Ma-ha Ca Diếp Ba đi theo sau đức Phật, và nghĩ rằng: “Khi nào đức Phật ngồi, ta sẽ dâng y diệp Tăng-già-chi28 này để làm chỗ ngồi”.

Vào lúc ấy, lại có năm trăm bọn giặc đi theo sau muốn cướp đoạt. Đức Thế Tôn biết như vậy, nên Ngài ngồi bên lộ. Khi ấy Ca Diếp Ba đến chỗ đức Thế

Tôn, vội vã lấy diệp y trải làm chỗ ngồi cho đức Phật. Thế Tôn liền ngồi và nói với Ca Diếp Ba rằng:

- Vải Tăng-già-chi này rất là mịn, rất là mỏng.

Ca Diếp Ba thưa:

- Kính bạch đức Thế Tôn, đúng như vậy. Vải này rất mịn và mỏng, cúi xin Ngài nạp thọ.

Đức Thế Tôn bảo:

- Ngươi có thể mặc áo gai phấn tảo29 của ta chăng?

Ca Diếp Ba thưa:

- Cúi xin đức Thế Tôn ai mẫn cho con, nhận chiếc y mỏng này. Thế Tôn ban cho con chiếc y gai phấn tảo, con sẽ đắp nó.

Đức Thế Tôn dũ lòng thương thọ nhận. Từ khi Ca Diếp Ba nhận y gai phấn tảo, trong vòng tám ngày đầu, theo thứ tự như vậy, tự mang đi khất thực, vừa nỗ lực thiền định, nhưng vẫn chưa chứng được đạo quả. Sang đến ngày thứ chín, mới chứng đắc quả A-la-hán.

Trong khi đó, Diệu Hiền không có chỗ nương thân, lại không rành mọi việc nên cô chỉ xem hình tướng bên ngoài mà đánh giá. Do đó, cô đã đem lòng kính trọng ngoại đạo không mặc áo, nên đã xuất gia theo họ. Người nữ này nhờ có dung nghi đoan chánh không ai bằng, nên ngoại đạo thấy đều sanh tâm đắm nhiễm. Tuy rất nhờm gớm, nhưng không thể xa lìa, cô gái phải bị năm trăm người ngoại đạo không mặc áo, cùng nhau làm những việc phi pháp. Diệu Hiền mắng nhiếc rằng:

- Các ông đã làm hạnh tồi tệ xấu ác này, đâu thành tu đạo.

Thân yếu ớt của người nữ đãbị khinh nhục và chịu khổ quá đáng!

Diệu Hiền đem việc này thưa lại với phái nữ ngoại đạo không mặc áo. Các người nữ trả lời:

- Cô có thể đem vấn đề đó đến chỗ vị đại sư Bổ-lặt-noa trình bày đầy đủ.

Người nữ kia theo sự hướng dẫn, liền đến chỗ vị sư, lễ sát hai chân, rồi thưa:

- Nay tôi gặp phải ách nạn hết sức khổ sở. Xin ngài từ bi cứu giúp.

Vị sư kia trả lời:

- Đời sống của ta tùy thuộc vào sự cung kính tôn trọng của đồ chúng đó, mà thu hoạch được nhiều lợi dưỡng. Theo những điều kiện của nội quy, thì môn đồ của ta thảy đều phân tán hành đạo, nên từ đó trở thành sự suy giảm, tùy ý họ hành động, ta không thể biết được!

Sự kêu cứu đã bị chôn vùi, và người nữ này đã trở thành đối tượng cho hai trăm năm mươi người, thay đổi nhau làm những điều phi pháp. Bấy giờ, người nữ này nhơn lúc phiền não ưu lo vơi đi chút ít, và tại thành Vương-xá cũng có tiết hội vui chơi, Diệu Hiền cùng với lõa hình ngoại đạo đi vào thành. Lúc bấy giờ, Ca Diếp Ba cũng đang ở tại thành Vương-xá, trong một phòng nhỏ nơi A-lan-nhã. Sáng hôm ấy, đắp y mang bát vào thành khất thực, bỗng gặp Diệu Hiền, Ca Diếp Ba hỏi:

- Hiền thủ, từ lâu người sống có được an lạc, tu tịnh hạnh thế nào?

Diệu Hiền vừa thấy Ca Diếp Ba, với lòng bi cảm, nước mắt ràn rụa, vừa lau vừa nói:

- Cùng ai làm bạn? Nương vào nơi nào để tu tịnh hạnh? Xưa kia cùng ngài ở nơi trụ quán, suốt mười hai năm kiên tâm tu diệu nghiệp, tịnh hạnh nghiêm khiết, thỉ chung không thay đổi. Ban đầu với tâm không nhiễm, dùng tay xúc chạm nhau. Từ khi xa cách đến nay, một khi đã gặp phải sự trái ngược sai khác, khi đã gieo mình vào nơi hỗn tạp, phóng túng, tạp uế tập trung này, thì nếp sống đồng như súc sanh, không thành xuất gia, làm sao có được tịnh hạnh?!

Bấy giờ Ca Diếp Ba mới hỏi lại mọi việc. Diệu Hiền với sự kính trọng như đối với người cha lành, trình bày đầy đủ mọi việc. Ca Diếp Ba tự nghĩ: "Người nữ này có căn lành đời trước hay không?". Ca Diếp Ba quán sát thấy người nữ này có căn lành, có phần giải thoát và mình có thể tế độ được, nên nói:

- Tại sao hiền thủ không xuất gia trong pháp luật thiện này?

Diệu Hiền trả lời:

- Thưa thánh giả, chớ khiến đời tôi dẫm lại vết xe cũ.

Ca Diếp Ba ngắt lời:

- Thôi, thôi!Hiền thủ chớ nói như thế. Đại sư của tôi vạn đức viên mãn, diệt tất cả chướng ngại, là bậc chơn phước điền, là nơi nương tựa vi diệu tịch tịnh, chứng chơn giải thoát, người không nên đem pháp của hạng hạ liệt mà so sánh được!

Diệu Hiền nghe rồi hoan hỷ làm theo. Ca Diếp Ba hướng dẫn Diệu Hiền đến trao cho Đại Thế Chúa30 và nói:

- Thánh giả, Diệu Hiền này là người nữ, với tâm hân hoan thắng pháp, trong ý niệm cực thiện, có thể cho xuất gia.

Đại Thế Chúa kính nhận lời dạy của Ca Diếp Ba, liền cho Diệu Hiền năm pháp y cùng các vật dụng, trao các học xứ và cho thọ Cận viên, rồi bảo:

- Nay cô có thể ở trong cảnh giới của Phật khất thực để nuôi thân, khéo tu tịnh hạnh.

Bấy giờ, buổi sáng, Diệu Hiền chấp trì y bát vào thành khất thực. Với một người nữ nghi mạo đoan chánh trong đời ít có, nên mọi người một khi đã thấy, họ vừa thắc mắc vừa khen ngợi: "Tại sao người nữ này với dáng thùy mị tuyệt vời lại đành vất bỏ lứa tuổi hoa, không hưởng thụ dục lạc, buông xả nếp sống vinh hiển tốt tươi, mà làm người xuất gia?". Diệu Hiền nghe rồi, bèn sanh thẹn thùng xấu hổ, từ đó không vào thành khất thực nữa. Sau đó, nhân gặp Diệu Hiền, Ca Diếp Ba hỏi:

- Hiền thủ có được an lạc không?

Diệu Hiền trình bày đầy đủ mọi việc về dư luận cho Ca Diếp Ba nghe. Nghe xong, Ca Diếp Ba liền khởi ý nghĩ: "Nếu được đức Phật cho phép, ta xin được thức ăn, rồi trích phân nửa cho Diệu Hiền, thì ta sẽ thực hiện điều đó". Ca Diếp Ba bạch với các Bí-sô, các Bí-sô bạch lên Phật, đức Phật dạy:

- Tùy ý cho phân nửa.

Tôn giả nghe vậy, liền trao phân nửa phần thức ăn cho Diệu Hiền, trong tinh thần cứu tế.

Khi ấy, Thổ La Nan Đà ni thấy việc như vậy, bèn sanh tâm khinh rẻ, chê cười rằng:

- Thánh giả Đại Ca Diếp Ba trước kia cùng với Diệu Hiền ở chung một trú quán, trong thời gian mười hai năm tịnh tu phạm hạnh, nhưng hôm nay lại có tư tình, khất thực cho nhau ăn.

Ca Diếp Ba nghe nói như vậy, liền đến chỗ Diệu Hiền trao dạy pháp yếu: "Việc này nên làm, việc này không nên làm, nên khéo dụng tâm". Nói xong ra đi.

Khi ấy, Diệu Hiền phát tâm đại dõng mãnh, sau phần đầu của đêm, chánh niệm tương ưng, khắc trách tự tâm, không hề thôi nghỉ, bèn chứng được quả A-la-hán, chuyển thành người nữ thanh tịnh vô song.

Bấy giờ, Ca Diếp Ba gặp Diệu Hiền, bảo rằng:

- Cô được như hôm nay, nhờ tôi là thiện tri thức. Điều gì cần làm, nay đã làm xong. Đối với trong cảnh giới của đức Phật, nên khất thực để tự nuôi thân.

Phần đầu của ngày, Diệu Hiền chấp trì y bát vào thành Vương-xá, tuần tự đi khất thực.

Lúc ấy, vua Vị Sanh Oán31 giết cha một cách oan uổng, sanh tâm hối hận nhiều, lòng ôm ưu sầu, dấu mình trong tư thất, tuy có các thứ cổ nhạc, ca vịnh, đờn địch... nhưng không giải được sầu não. Cũng vào lúc này, vị đại thần của nhà vua gặp Diệu Hiền với dung mạo đoan chánh, nhan sắc thù thắng tuyệt vời, bèn khởi ý nghĩ: "Mỹ nữ này đặc thù, khác với người thường, có thể đem dâng hiến cho vua, hy vọng sẽ giải trừ được nỗi ưu sầu của vua". Nghĩ như vậy rồi, vị đại thần nọ đưa Diệu Hiền đến gần chỗ vương thất, cưỡng bức Diệu Hiền cởi bỏ pháp y, mặc theo y phục của thể nữ, trang sức đầy đủ bằng anh lạc, xoa các danh hương và khiến người hầu cận dẫn đến chỗ vua. Vua Vị Sanh Oán vừa thấy người nữ dung nhan tuyệt vời này, liền giải được nỗi ưu sầu. Hiện tại, do ác nghiệp của Diệu Hiền đã

đến lúc thuần thục, như dòng nước bộc lưu không thể ngăn được, nên bị ác vương cưỡng bức hủy nhục, như trúng mũi tên độc, sanh đại ưu khổ.

Bấy giờ, vào ngày rằm, sắp làm lễ Bao-sái-đà32, Đại Thế Chúa nhìn khắp ni chúng, không thấy Diệu Hiền, liền nhập định để quán sát, thì thấy Diệu Hiền đang ở trong vương cung, bị áp bức thọ đại cực hình, đau khổ phi thường. Các ni hỏi:

- Thưa thánh giả, Diệu Hiền hiện nay ở đâu, mà không thấy có mặt nơi đây?

Đại Thế Chúa liền bảo ni Liên Hoa Sắc rằng:

- Cô nên nhiếp niệm đối với Diệu Hiền.

Liên Hoa Sắc nghe xong, liền nhiếp niệm, biết Diệu Hiền hiện ở tại... Như kẻ dũng sĩ chỉ trong chớp nhoáng, Liên Hoa Sắc biến mất trước ni chúng và xuất hiện nơi vương cung, đứng yên giữa không trung trên lầu cao, từ xa, bảo Diệu Hiền rằng:

- Này Diệu Hiền, tại sao cô đã có thể phá các phiền não ma, mà lại không phát khởi đại thần thông, để phải chịu sự lăng nhục như vậy?

Ni Liên Hoa Sắc liền trao pháp yếu: "Nên làm như thế này, nên tu như thế này!Mau tự điều tâm, phát khởi thông lực". Khi ấy Diệu Hiền hộ niệm trừ loạn. Chỉ trong khoảnh khắc, chứng đặng thần túc, mặc chiếc áo thế tục rực rỡ, nương nơi hư không mà đi. Liên Hoa Sắc liền cùng với Diệu Hiền đến chỗ trưởng tịnh. Khi ấy, mười hai chúng Bí-sô ni33 thấy vậy rồi sanh đại cơ hiềm, nói lời chế nhạo:

- Thật sự, tôi không thể cùng với cung nhân này đồng chỗ trưởng tịnh.

Đại Thế Chúa nghe nói như vậy, bảo Diệu Hiền:

- Này cụ thọ, cô nên đến thưa với vua, mặc lại pháp phục trước kia, rồi trở lại đây liền.

Diệu Hiền nương thần thông đến chỗ ngủ của nhà vua. Bấy giờ, nhà vua còn đang ngủ. Diệu Hiền từ không trung khảy móng tay, làm thành tiếng động, nhà vua thức dậy, thấy vậy rất kinh hoàng, lông tóc đều dựng đứng lên, hoảng hốt nói:

- Người là ai? Là thiên long chăng? Là thần quỷ chăng?

Nghe nhà vua hỏi như vậy, Diệu Hiền từ trên không trung trả lời:

- Tôi không phải thiên, long, quỷ, thần.v.v... Tôi chỉ là Bí-sô ni tên là Diệu Hiền, trong chúng Thanh văn của vị Đại sư.

Nhà vua nghe rồi, dùng bài tụng trả lời:

- Hiện không pháp y và bình bát

Dung nghi lại không giống hình ni

Tướng mạo đã đồng diễm nữ ca

Pháp, tục trái nhau nói hết rồi.

Diệu Hiền hạ thân giáng xuống, đem sự việc thưa trình:

- Đại vương phi lý cùng xâm bức

Cưỡng đoạt bát tôi và pháp y

Của cha mẹ, nên trao trở lại

Tôi cần về mau để trưởng tịnh.

Khi ấy, vua Vị Sanh Oán nghe nói như vậy, ngất xỉu, té xuống đất, phải dùng nước cấp cứu mới tỉnh dậy. Nhà vua kính lễ sát hai chân, cầu ai sám tạ và bảo lấy y bát kính cẩn trao lại cho Diệu Hiền. Nhận lại được y bát rồi, Diệu Hiền liền trở về bổn xứ, cùng với các ni chúng làm lễ trưởng tịnh.

Lúc bấy giờ, các Bí-sô ni đem vấn đề của Diệu Hiền bạch với các Bí-sô, các Bí-sô bạch lên đức Phật. Thế Tôn dùng nhơn duyên này tập hợp các Bí-sô ni. Thường pháp của chư Phật là biết mà vẫn hỏi, đúng thời thì hỏi, phi thời thì không hỏi. Có lợi mới hỏi, không lợi ích không hỏi. Phá tung, đề phòng là trừ nghi hoặc. Đức Thế Tôn hỏi Bí-sô ni Diệu Hiền rằng:

- Thật sự cô có làm việc không đoan chánh như vậy hay không?

Diệu Hiền bạch:

- Kính bạch đức Thế Tôn, thật sự con có làm như vậy.

Đức Thế Tôn lại hỏi:

- Cô có thọ lạc hay không?

- Kính bạch đức Thế Tôn, con đã ly dục, con đâu có thọ lạc.

Đức Phật dạy:

- Như vậy cô không phạm, song Bí-sô ni nào làm hạnh bất tịnh thì phạm Ba-la-thị-ca34. Như Tô-trần-na35, ta nhận thấy mười điều lợi36..., hiển dương chánh pháp, lợi khắp nhân thiên. Vì các đệ tử Bí-sô ni Thanh văn, đối với Tỳ-nại-da37, chế học xứ 38này. Nên nói như vầy:

Bí-sô ni nào, cùng các Bí-sô ni đồng thọ trì học xứ, chưa xả học xứ, học xứ sút kém nhưng không phát lồ, mà làm hạnh bất tịnh, hai bên làm pháp giao hội, cho đến cùng với loài bàng sanh, Bí-sô ni ấy là kẻ Ba-la-thị-ca, không được sống chung.

---o0o---

VÌ SAO ĐƯỢC THIỂU DỤC?

Chuyện I

Lúc ấy, các Bí-sô đều có nghi vấn, thưa hỏi đức Thế Tôn:

Tôn giả Ca Diếp Ba và Diệu Hiền trước kia đã tạo nghiệp gì, để do nghiệp lực kia mà cả hai người đều được thiểu dục?

Đức Phật bảo các Bí-sô:

- Hai người kia trước đã tạo nghiệp, nên nay có quả báo tự thọ. Các ông nên khéo nghe. Này các Bí-sô, thuở xa xưa có một nông phu ở trong một tụ lạc,

sớm chiều lùa trâu đến ruộng cày cấy. Đến giờ cơm, người vợ mang đến ăn. Một hôm, người vợ vào rừng kiếm củi để nấu cơm. Có một vị Độc giác ngồi dưới gốc cây nơi rừng đó. Người vợ thấy vị Độc giác thân tâm tịch tịnh, nhan sắc đoan nghiêm, bèn kính lễ sát chân ngài, rồi ngồi chiêm ngưỡng. Người nông phu lấy làm lạ trước sự bê trễ của vợ, nên khởi ý nghĩ: "Tại sao hôm nay chờ mãi mà không thấy vợ mình mang cơm đến?". Người nông phu bèn vác cày đến khu rừng, thấy vợ mình ngồi trước vị Độc giác, liền buông lời:

- Nhà ngươi cùng người này đang làm việc phi pháp !

Khi ấy, vị đại sư kia nghe nói như vậy, vì lòng ai mẫn đối với đương sự, nên như con nga vương, vụt bay lên không trung, hiện các thần biến, phần trên thân phát ra hỏa quang, phần dưới thân tuôn ra thanh thủy. Người nông phu thấy vậy, sanh lòng xấu hổ, gieo mình xuống đất như cây đại thọ bị ngã, quỳ gối, chắp tay, từ xa hướng đến, kính cẩn thưa:

- Cúi xin đại thánh chơn thanh tịnh dũ lòng đại bi, thọ nhận sự cúng dường của con.

Vì lòng từ mẫn, vị Độc giác từ không trung hạ xuống. Người nông phu thưa:

- Kính thưa đại sĩ, con ôm lòng nghi ngờ nên nói ra những lời phi lý. Cúi xin ngài dung thứ cho !

Người nông phu liền bưng món ăn thượng soạn dâng lên vị Độc giác, chắp tay dưới chân ngài, phát nguyện:

- Vì bởi dục tâm nên con khởi ác niệm. Hai đứa con xin nguyện: đời đời thường có ít các thứ dục nhiễm.

Này các Bí-sô, các ông nghĩ sao? Người nông phu trước kia đâu phải là ai khác, nay là cụ thọ Ca Diếp Ba. Vợ của nông phu nay là Diệu Hiền vậy. Từ đó về sau, mãi đến ngày hôm nay, cả hai đều đạt được thiểu dục.

---o0o---

Chuyện II

Các ông nên nghe tiếp:

Xa xưa về trước, ở trong tụ lạc nọ, có một trưởng giả giàu có, nhiều của. Sau một thời gian, đến tiết tam xuân, trăm hoa đua nở, núi rừng tươi tốt, ao nước trong veo, chim hót. Các loại chim khổng tước, oanh võ, nga, nhạn, uyên ương... bay hót véo von. Ông trưởng giả cùng với gia quyến dạo chơi nơi phương viên. Khi ấy đời không có Phật, chỉ có Độc giác xuất hiện. Vị Độc giác ôm lòng ai mẫn, thọ dụng ngọa cụ xấu, coi là thượng phước điền, ưa sống nơi nhàn tịnh, không cùng thế tục giao tiếp, như con đại tê giác thích lìa bầy sống một mình. Lúc ấy, vị Độc giác ngồi dưới gốc cây nơi phương viên. Ông trưởng giả dẫn vợ đến trong rừng cùng nhau hành dục. Vì trong cảnh hoang vu và mãi đắm say nơi sắc dục, nên không thấy đại sĩ. Vị Độc giác nghe tiếng, từ cảnh định xuất, ông trưởng giả thấy, liền sanh tâm xấu hổ, ôm lòng hối hận, dâng lễ cúng dường, chắp tay phát nguyện:

- Con làm việc ác, do vì đam mê sắc dục. Hai đứa con xin nguyện: Trong đời vị lai đều được quả báo thiểu dục.

Này các Bí-sô, các ông nghĩ sao? Ông trưởng giả xưa kia đâu phải là ai khác, nay chính là cụ thọ Ca Diếp Ba, còn vợ của trưởng giả nay là Diệu Hiền. Do phát nguyện như vậy nên hai người đều được thiểu dục.

---o0o---

VÌ SAO ĐƯỢC LÀM NGƯỜI XUẤT GIA?

Bấy giờ, các Bí-sô thưa:

- Bạch đức Thế Tôn, thật là điều hy hữu, cụ thọ Ca Diếp Ba và Diệu Hiền nữ, cả hai đều xuất gia !

Đức Phật bảo các Bí-sô:

- Chẳng phải mới đời này hai người đều bỏ thế tục làm người xuất gia, mà xa xưa cũng đã như vậy. Các ông lắng nghe. Ta sẽ vì các ông mà nói.

Xưa kia, ở tại thành Ba-la-nê-tư, có một người thợ đồ sứ. Tại cơ sở chế tạo này, có bốn vị Độc giác đến đó xin tá túc một đêm. Các ngài đến, kẻ trước

người sau nên không biết nhau. Bấy giờ, có một vị Độc giác vào định hỏa quang. Nhờ ánh sáng của định hỏa quang nên các ngài từ xa cùng thấy nhau và hỏi:

- Ngài là ai?

Một vị trả lời:

- Quý vị có nghe nhà vua tên là Trương Bình, nhà vua ấy có ức thiên binh voi vây quanh hay chăng?

- Chúng tôi có nghe danh nhà vua ấy.

Vị ấy trả lời:

- Nhà vua ấy là tôi đây.

Quý vị kia hỏi:

- Do nhân duyên gì mà ngài làm người xuất gia?

Vị ấy kể lại:

- Khi tôi ở trên lầu cao, nhìn thấy chim Diều hâu ngậm miếng thịt đang bay, có bầy chim bay theo, thay nhau cắn xé miếng thịt. Con chim Diều hâu bỏ miếng thịt, bay qua một bên. Các con chim kia cùng nhau cấu xé, dành nhau rúc rỉa. Tôi thấy cảnh huống như vậy, lòng sanh nhàm chán, xa lìa, khởi ý nghĩ: "Để làm gì, mà làm việc vô ích như vậy?". Do đó, tôi vất bỏ tất cả, làm người xuất gia.

Vị ấy nói tụng:

Thấy Diều hâu ngậm thịt

Các chim cùng tranh nhau

Bỏ thịt, được an ổn

Nên tôi bỏ vương vị

Niệm dục không chân thật

Như mộng tưởng điên đảo

Đi riêng như tê giác

Sống ở một bên thôi.

Kế đến, hỏi vị Độc giác thứ hai:

- Ngài là ai?

Vị Độc giác thứ hai nói:

- Quý vị có nghe nhà vua tên là Xú Diện, ông ta có vô lượng ức thiên binh mã vây quanh hay không?

Quý vị kia trả lời:

- Chúng tôi có nghe danh nhà vua ấy.

Vị ấy trả lời:

- Chính nhà vua ấy là tôi đây.

Quý vị kia lại hỏi:

- Vì nhân duyên gì mà ngài làm người xuất gia?

Vị ấy kể lại:

- Khi tôi ở trong cung, có vô lượng ức thiên binh mã vây quanh. Tôi thấy hai con trâu đực chạy theo một con trâu cái, húc lộn nhau, cơ thể bị thương tổn. Một con bị gãy sừng bỏ chạy. Tôi mục kích sự việc như vậy rồi, trong lòng ta thán, tự nghĩ: "Tất cả điều tội lỗi khổ đau, tham dục là gốc, tâm luôn não hại. Tôi sanh tâm nhàm chán sâu xa, lo ngại hoạn nạn, nên liền xuất gia".

Lại nói kệ tụng rằng:

- Tôi thấy hai trâu giành một cái

Húc lộn nhau cơ thể tổn thương

Một con xả ly được an ổn

Hữu tình vì dục thường ôm sợ

Ta như tê giác hằng riêng rẽ

Rừng rú an nhiên trú một bên

Không bị các dục nó lôi cuốn

Đặng đến chỗ tự tại vô vi.

Kế đến, hỏi vị Độc giác thứ ba:

- Ngài là ai?

Vị Độc giác thứ ba trả lời:

- Quý vị có nghe nơi thành Ba-la-nê-tư có nhà vua tên là Phạm Thọ, nhà vua ấy có vô lượng ức thiên nhơn chúng vây quanh hay chăng?

Quý vị kia trả lời:

- Chúng tôi đã từng nghe danh nhà vua ấy.

Vị ấy trả lời:

- Chính nhà vua ấy là tôi đây !

Quý vị kia lại hỏi:

- Do nhân duyên gì mà ngài làm người xuất gia?

Vị Độc giác thứ ba kể lại:

- Tôi, nhân đến tiết tam-xuân, trăm hoa đua nở, núi rừng rậm rạp xanh tươi, nước ao trong veo, chim hót. Các loại chim khổng tước, oanh võ, nga nhạn,

uyên ương... bay hót véo von. Lúc ấy tôi cùng với cung nhân thể nữ sửa sang chuẩn bị bốn binh, du ngoạn phương viên, đi quanh một vòng. Tôi cùng với mỹ nữ vui chơi say đắm, ăn đồ ngon bổ, ngủ mê trong mỏi mệt. Trong khi ấy, các cung nhân tự do chạy nhảy, ham thích các thứ bông trái. Thấy tôi ngủ mê, họ đến các cây hái bông trái, làm cho cành lá hư hoại, gãy nát. Khi thức dậy, thấy cảnh tượng ấy, tôi lo ngại và than: "Những cây này vừa mới đây cành lá sum suê tươi tốt, bây giờ bỗng nhiên tàn tạ xác xơ đến mức độ thế này!Thân ta cũng vậy, đây là điều khỏi phải nghi ngờ". Tôi lại nghĩ rằng: "Ngôn luận thế gian đều gây tổn não cho tâm thần". Do đó, tôi bèn vất bỏ vương vị mà làm người xuất gia.

Nói kệ rằng:

- Tôi thấy hương hoa cây vi diệu

Cành lá hư hoại không nỡ nhìn

Nên biết các dục đều như vậy

Như tê giác kia nên ở riêng.

Kế đó, hỏi vị Độc giác thứ tư:

- Ngài là ai?

Vị ấy nói:

- Quý vị có từng nghe nơi thành Anh Lạc có nhà vua tên là Tráng Thắng, vị vua ấy có vô lượng ức thiên nhơn chúng vây quanh hay chăng?

Mọi người trả lời:

- Chúng tôi đã từng nghe danh của nhà vua ấy.

Vị ấy trả lời:

- Nhà vua ấy chính là tôi.

Mọi người lại hỏi:

- Như vậy vì sao ngài làm người xuất gia?

Vị Độc giác ấy kể lại:

- Khi tôi còn ở trong cung, các thể nữ thường vây quanh. Bấy giờ có một thể nữ tay đeo xuyến hạt trai trắng. Mỗi khi cánh tay cử động thì xuyến chạm nhau tạo thành âm thanh ồn ào. Tôi thấy việc này lòng sanh lo âu, than rằng: "Đây là vật vô tri, va chạm nhau còn tạo thành âm thanh khua động, huống là người cùng ở với nhau, làm sao an tịnh được !". Tôi lại tự nghĩ rằng: "Vấn đề giao tiếp, người đời chỉ làm não tâm thức ta". Do vậy, tôi vứt bỏ mà làm người xuất gia.

Lại nói kệ tụng rằng:

Tôi thấy vòng xuyến đeo nơi tay

Cùng nhau va chạm phát âm thanh

Nên biết các dục đều như vậy

Như voi rừng trong đêm một mình.

Ngay lúc ấy, người thợ đồ sứ nghe các đại sĩ nói với nhau như vậy, người vợ nói với chồng:

- Này thánh tử, các đại tiên đây đều là những vị quốc vương tự tại, hào quý. Họ còn vứt bỏ địa vị vinh hiển, nhàm chán xa lìa sự vui của đời mà làm người xuất gia. Tại sao chúng ta không làm người xuất gia?

Hai đứa con của ông thợ đồ sứ lại thưa với cha rằng:

- Thưa cha, nếu cha xuất gia thì ai nuôi chúng con?

Người cha nói với con:

- Con chớ nên lo âu. Cha đợi con lớn cha mới xuất gia.

Nói như vậy rồi, ông thợ đồ sứ mang bình đi lấy nước.

Người vợ nói:

- Thánh tử, tôi đi lấy nước cho. Tại sao phải tự đi lấy cho nhọc.

Người vợ liền lấy cái bình trong tay chồng, tự đem đến nơi sông và để bình xuống đất rồi đi xuất gia. Người chồng nghe vợ đi xuất gia, than rằng:

- Thế là ta đã thất kế. Nay một mình ta phải nuôi dưỡng con đến tuổi lớn khôn!Ta thử xem nó đã biết điều thuận ác, tự nuôi sống được chưa?

Người cha tự mình ăn thức ăn có chất muối, cho con đồ ăn nhạt nhẽo; tự mình ăn trái cây chín, đưa trái cây sống cho con. Người con thưa với cha rằng:

- Con đâu không muốn ăn thức ăn có chất muối và ăn trái cây chín, mà cha cho con ăn đồ ăn nhạt nhẽo và trái cây sống, làm sao con ăn được?

Người thợ đồ sứ tự nghĩ rằng "Hai đứa con của mình đã biết mặn, lạt, sống, chín. Nay đã đến lúc ta có thể toại nguyện". Ông bèn đi xuất gia và gặp người "cố nhị" [1], bà hỏi:

- Ông đã có thể để vú sữa lại cho con rồi sao?

Người chồng trả lời:

- Tôi đã thử nghiệm. Chúng nó đã biết mặn, lạt, sống, chín, tốt, xấu... nên tôi mới đến đây. Bà đã xuất gia, tôi cũng xuất gia, bà chớ sanh nhớ nghĩ.

Này Bí-sô, các ông nghĩ sao? Người thợ đồ sứ trước kia đâu phải ai khác, mà nay chính là Đại Ca Diếp Ba, người vợ tức là Diệu Hiền vậy. Trước kia hai người đều bỏ thế tục xuất gia, nay cũng như vậy.

---o0o---

VÌ SAO ĐƯỢC THÂN HIỆN SẮC VÀNG?

Khi ấy, các Bí-sô lại bạch đức Phật:

- Kính bạch đức Thế Tôn, Diệu Hiền trước kia làm nghiệp gì mà thân hiện sắc vàng?

Đức Phật bảo các Bí-sô:

- Diệu Hiền trước kia tạo nghiệp tốt nên nay được thọ quả như thế. Như kệ tụng:

Dầu trải qua trăm kiếpNghiệp đã làm không mất

Nhơn duyên khi hội ngộ

Quả báo mình tự nhận.

Này các Bí-sô, chín mươi mốt kiếp xa xưa về trước có đức Phật hiệu là Tỳ Bát Thi Như Lai đẳng chánh giác ra đời, đầy đủ mười hiệu. Bấy giờ có vương đô, nhà vua tên là Thân Huệ, dùng pháp giáo hóa đời. Nhân dân cường thịnh, an ổn vui tươi, không có những việc trá ngụy, đạo tặc, tật dịch.v.v... Trâu, dê, hoa màu nơi nào cũng đầy nhẫy. Nhà vua thương dân như thương con đỏ. Đức Phật Tỳ Bát Thi đẳng chánh giác cùng với sáu mươi hai vạn Bí-sô vây quanh, sống an ổn bên sông, cách đô vương Thân Huệ không xa. Khi đức Phật ngồi tòa, đại chúng Bí-sô oai nghiêm tôn trọng, ánh sáng rực rỡ siêu tuyệt. Sau một thời gian, khi Tỳ Bát Thi Như Lai du hành trong nhân gian, thì chỗ ngồi của đức Phật không còn ánh sáng nữa. Bấy giờ, em gái của đức Phật thưa với phụ vương rằng:

- Tâu đại vương, đức Thế Tôn hiện nay đi đâu, con muốn được gặp.

Nhà vua bảo:

- Đức Thế Tôn hiện đang du hành trong nhân gian, vì muốn hóa độ các loài hữu tình.

Người con gái thưa:

- Cúi xin phụ vương dùng vàng Thiệm Bộ làm tượng, thân như tầm vóc của Như Lai.

Nhà vua liền dùng vàng làm tượng, an trí chỗ ngồi của đức Phật. Đức Phật du hóa xong, trở về lại đến vương đô, do oai của đức Phật nên tượng vàng Thiệm Bộ liền mất ánh sáng. Người con gái của vua thấy hiện tượng như vậy, rất lấy làm lạ, ôm lòng tịnh tín, quỳ gối chắp tay dưới chân đức Phật, phát nguyện:

- Như oai quang thần đức của Phật Thế Tôn, làm cho tượng vàng mất sắc sáng, từ nay về sau con nguyện sanh bất cứ nơi nào, thân tướng quang minh của con cùng Phật không khác.

Này các Bí-sô, người nữ xưa kia nay là Diệu Hiền. Do xưa kia dùng tâm thanh tịnh phát chánh nguyện, sanh vào bất cứ nơi nào thân đều có sắc vàng thanh tịnh vi diệu, ánh sáng rực rỡ. Các ông nên quán sát trở lại: Do lòng chí thành mãnh liệt, dùng tâm thanh tịnh tương tục, không hư hoại. Nhờ thiện căn này, trong chín mươi mốt kiếp, đối với ruộng phước hơn hết này, mà gieo xuống chủng tử thù thắng, thì sẽ nhận được cái quả vi diệu. Từ cái quả báo đó đến nay liên tục không dứt, tất cả đều nhận được cái hiện báo, thân hiện sắc vàng.

---o0o---

VÌ SAO ĐƯỢC DUNG NHAN ĐOAN CHÁNH SIÊU TUYỆT?

Đức Phật bảo:

- Này các Bí-sô, xưa kia ở thành Ba-la-nê-tư, có một trưởng giả giàu có, của nhiều, ra lệnh cho vợ rằng: nên luôn luôn sắm thức ăn, vì tôi cúng dường Sa-môn, Bà-la-môn. Sau đó một thời gian, có một vị Độc giác thân tâm tịch tịnh vào nhà ông trưởng giả khất thực. Người vợ thấy vị Độc giác không có tướng hảo nên không cúng dường thức ăn. Vị Độc giác không nhận được thức ăn, sắp sửa ra đi, đứa tớ gái thấy vậy liền mời vào nhà thưa với phu nhân:

- Thưa đại gia, tại sao không cho thức ăn?

Phu nhân bảo:

- Nay vị khất thực này thân không sáng sủa nên ta không cúng.

Đứa tớ gái thưa:

- Ông chủ đâu có ra lệnh là đừng cúng dường cho những người có tướng xấu !

Phu nhân nói:

- Tuy ông chủ không dặn riêng như vậy, song ta không cho !

Người tớ gái nghĩ: “Ta nên nhịn ăn, để đem phần ăn của mình dâng cúng”. Nghĩ như vậy rồi, liền đem cúng. Khi ấy, vị Độc giác dũ lòng ai mẫn, như con đại nga vương bay lên hư không, hiện các thần biến, khiến cho người nữ thấy. Người nữ thấy vậy, liền quỳ thẳng gối, chắp tay phát nguyện:

- Kính thưa tôn giả, do thân hình tôn giả xấu, nên khất thực khó được. Con xin cúng dường một ít thức ăn, đối với đời vị lai, nguyện được dung nhan tốt đẹp, mọi người đều ưa nhìn.

Cũng vào lúc đó có nhà vua tên là Phạm Thọ, đang sống cùng với vô lượng trăm ngàn thần tôi phò tá vây quanh, thấy đại sĩ bay lên hư không, nhà vua và mọi người từ xa nhìn thấy thảy đều chiêm ngưỡng quan sát, bàn luận rằng:

- Hiện nay đại sĩ nhận thức ăn nơi nhà nào?

Nhà vua cùng chúng thần thấy vậy, liền nói kệ tụng:

- Hôm nay Đại sĩ đến nhà ai?

Trừ khử bần cùng, ban an lạc

Giống phước được gieo ruộng tối thượng

Khiến cho quả báo không cùng tận.

Bấy giờ, nhà vua được biết hôm nay Đại sĩ nhận thức ăn nơi nhà ông trưởng giả. Ông trưởng giả nghe như vậy, liền trở về nhà và hỏi người nhà, được biết đứa tớ gái của mình đã nhịn phần ăn của nó để cúng dường Đại tiên, bèn nói với đứa tớ gái rằng:

- Do việc làm này, từ nay về sau tùy ý ngươi tự sống, ngươi cần dùng vật chi, cứ tùy ý lấy dùng.

Phu nhân lại bảo đứa tớ gái rằng:

- Phước phần của ngươi nay có thể cho ta với.

Đứa tớ gái không chịu cho, phu nhân nổi giận lấy gậy đánh vào đầu, đứa tớ gái mạng chung, được sanh lên cõi trời thứ Ba mươi ba. Vừa sanh lên cõi trời, cung điện của thiên đường đều sáng rực, không nơi nào không chiếu soi. Vào lúc ấy, Đế Thích và bốn phụ thần thấy người nữ kia đoan nghiêm vi diệu, dung nhan siêu tuyệt, lòng đều mê loạn, cùng nói kệ tụng.

Thiên Đế Thích nói tụng:

Nay ta tình rất mê Không biết giải quyết sao?

Dụng tâm mà nhớ nghĩ Chỉ được xét đến thân.

Vị phụ thần thứ nhất nói tụng:

Thiên chủ còn an ẩn

Ngộ cảnh giới già-tha (kệ)

Như nghe tiếng trống lớn

Dục loạn cũng như vậy.

Vị phụ thần thứ hai nói tụng:

Như trống khi được đánh

Âm thanh được chuyển tới

Như dòng nước gỗ trôi

Dục loạn cũng như vậy.

Vị phụ thần thứ ba nói kệ tụng:

Nước lớn trôi các gỗ

Chạm nhau không dừng tạm

Rắn độc trừng mắt giận

Dục ái cũng như vậy.

Vị phụ thần thứ tư nói kệ tụng:

Quý vị tâm an ổn

Đều nói được già-tha (kệ)

Nay tôi tự không biết

Nên chết hay nên sống?!

---o0o---

VÌ SAO ĐƯỢC NHAN SẮC KHẢ ÁI?

Đức Phật kể:

- Này các Bí-sô, xưa kia ở trong một tụ lạc, ông trưởng giả có người vợ tướng mạo đoan chánh, hình dung siêu tuyệt, rất là dễ thương. Bấy giờ, có năm thanh niên đến nơi tụ lạc đó, thấy vợ ông trưởng giả, liền đắm nhiễm tình cảm, lòng sanh mê loạn. Năm thanh niên kia sai sứ giả đến nói với bà ta là có người cần gặp riêng và muốn tại địa điểm... cùng làm việc giao hội. Khi ấy người vợ thưa lại phu chủ rằng: "Có các thanh niên cùng nhau đến tìm em, em sẽ làm nhục họ. Phu quân nên yên lặng, khiến cho bọn chúng một phen xấu hổ". Thưa chồng xong, bà trả lời với sứ giả rằng: "Có thể trong đêm... tạm thời đến đợi tôi trên nhánh Cây Đa-căn [2], tôi sẽ đến đó". Người nữ bảo người thứ nhất đến ngồi nơi nhánh cây phía Đông, người thứ hai có thể ngồi nơi nhánh cây phía Tây, người thứ ba có thể ở nơi nhánh cây phía Nam, người thứ tư có thể ở tại nhánh cây phía Bắc, người thứ năm ngồi nơi nhánh cây giữa. Cả năm người đều không biết là mình đã được quy định chỗ ngồi như vậy. Mọi người đều y theo lời nói mà đến đợi trên nhánh cây. Mỗi người tự đợi đến sáng, không thấy người nữ ấy đến. Người ngồi trên nhánh cây giữa nói kệ tụng:

Mặt rời đang xuất hiện

Nông phu đã ra đồng

Người nói dối không đến

Nên bỏ cây Đa-căn.

Người thứ hai lại nói kệ tụng:

Người đẹp kia định đến

Không lẽ lại nói dối

Tại sao mặt trời này

Lại xuất hiện nhanh thế?

Người thứ ba cũng nói kệ tụng:

Mặt trời đã mọc rồi

Nông phu đến đồng ruộng

Chúng ta ngu như dê

Trên cây chịu lạnh buốt.

Người thứ tư lại nói kệ tụng:

Nay gặp khổ não nhiều

Cầu vợ người nên vậy

Chúng ta là kẻ mê

Đêm lạnh gần muốn chết.

Người thứ năm lại nói kệ tụng:

Ta không lo thân mình

Một đêm lạnh chịu khổ

Chỉ sầu cây Ca-la

Nhánh khô không sanh lại.

Bấy giờ có thọ thần Đa-căn nói kệ tụng:

Các ông chỉ lo thân

Chớ lo việc người ngoài

Cây hại có ngày sanh

Dục khổ không đình chỉ.

Các Bí-sô nên biết, người say đắm nơi dục, có những tội lỗi như vậy, luống chịu nỗi khổ, sự việc chẳng toại lòng. Cho nên muốn cần cầu xuất ly sinh tử phải trừ tội lỗi do dục sanh ra. Vợ của ông trưởng giả tức là Diệu Hiền, do đoan chánh nên có khả năng khiến trời Đế Thích và các loài thần của trời, luôn cả người trong tụ lạc tâm ý mê loạn. Hiện nay vẫn còn dung nhan đoan nghiêm, thù diệu, rất là khả ái, khiến mọi người thấy đều mê.

---o0o---

VÌ SAO ĐÃ LÀM NGƯỜI XUẤT GIA MÀ CÒN BỊ NGOẠI ĐẠO BỨC NÃO?

Đức Phật kể:

- Này các Bí-sô, xa xưa về trước, trong thành Ba-la-nê-tư có một người dâm nữ bán sắc nuôi thân. Nam tử nào có năm trăm kim tiền mới được cùng giao hội. Bấy giờ có năm trăm người nghĩa nhân đồng ấp, mỗi người đều nạp tiền vàng cho dâm nữ và hẹn gặp tại phương viên, để cùng hội họp. Dâm nữ nhận tiền, trên đường đến điểm hẹn lại gặp vương tử, nên dâm nữ bị giữ lại, không đến phương viên được. Bấy giờ, năm trăm nghĩa nhân thấy giờ hẹn sắp qua, nên tất cả đều ưu não.

Lúc ấy, có vị Độc giác giàu lòng ai mẫn, chỉ nhận ngọa cụ xấu để làm phước điền tối thượng, sống nơi không nhàn, sau bữa tiểu thực, đắp y bưng bát đến chỗ năm trăm người. Mọi người thấy Đại sĩ thân tâm tịch nhiên, đều mang đồ ăn thức uống ngon đến phụng hiến. Đại sĩ bèn thăng lên không trung hiện

các thần biến, năm trăm nghĩa nhân đồng ấp kia thấy vậy, liền chắp tay phát nguyện:

"Nay chúng tôi đối với bậc tối thượng phước điền hưng khởi phước nghiệp, sẽ đặng báo này: Dâm nữ ác kia lấy tiền mà không đến, khiến tâm chúng tôi đều sanh ưu não. Từ nay dâm nữ kia- dầu ở tại gia hay xuất gia- chúng tôi nguyện: trong kiếp tương lai sẽ thường bức não nhau, cùng hành phi pháp".

Này các Bí-sô, các ông nghĩ sao? Năm trăm nghĩa nhân trước kia đâu phải là ai khác, mà chính là năm trăm người ngoại đạo hiện nay. Dâm nữ kia nay là Diệu Hiền vậy. Do nhân duyên này nên người nữ kia tuy đã xuất gia, nhưng vẫn còn bị năm trăm người ngoại đạo bức não, làm việc phi pháp.

---o0o---

VÌ SAO ĐÃ CHỨNG QUẢ A-LA-HÁN MÀ CÒN BỊ NHÀ VUA CƯỠNG BỨC LÀM VIỆC BẤT TỊNH?

Khi ấy, các Bí-sô thưa đức Thế Tôn:

- Trước kia Diệu Hiền đã tạo nghiệp gì mà được chứng quả A-la-hán, lại còn bị vua Vị Sanh Oán làm việc cưỡng bức, hành bất tịnh hạnh?

Đức Phật dạy:

- Này các Bí-sô, thuở xa xưa về trước, có một ông trưởng giả nghĩ rằng: "Người vợ lớn không sanh con được, ta nên cưới vợ nhỏ". Khi người vợ thứ hai được đón về nhà, tình trạng chuộng mới nới cũ sinh ra, nên ông trưởng giả yêu chuộng người vợ sau, khinh rẻ người vợ trước. Người vợ trước thú thực với chồng là: "Tôi thọ năm giới". Người chồng thấy vợ trì giới, nên lòng sanh kính trọng. Người vợ sau sanh lòng tật đố, khởi ý nghĩ: "Bằng kế hoạch nào khiến người kia phá giới?". Người vợ nhỏ dùng rượu đưa chồng uống khiến cho say, rồi dẫn vào phòng người vợ lớn đang ngủ. Bị chồng cưỡng bức cùng hành phi pháp, người vợ lớn sanh lòng não hận. Khi ấy, có vị Độc giác vào bữa tiểu thực đắp y bưng bát vào tụ lạc khất thực, đến nhà ông trưởng giả. Người vợ lớn thấy vị Độc giác thân tâm tịch tịnh, đem thức ăn đến phụng hiến. Vị Độc giác ai mẫn người nữ này, nên hiện thần biến. Người đàn bà quỳ thẳng gối, chắp tay phát nguyện: "Nay con đối với bậc phước điền tối thượng, tạo phước nghiệp này, khiến cho đời tương lai của

con, dù người vợ này có chứng đặng thần thông, con vẫn nguyện cưỡng bức, làm nhơ nhớp tịnh hạnh của cô ta".

-Này các Bí-sô, các ông nghĩ sao? Người vợ lớn xưa kia, nay là vua Vị Sanh Oán, còn người vợ nhỏ, nay là Diệu Hiền. Diệu Hiền tuy đã đặng quả A-la-hán, mà vẫn còn bị người khác cưỡng bức, là do nghiệp lực ấy.

---o0o---

KHÔNG SAI MÀ LÀM

Bấy giờ, có vị Bí-sô ni A-la-hán tên là Thế-La, đã đoạn trừ các phiền não. Có một đồng tử bán hương, thấy cô ni Thế-La sanh lòng kính tín sâu xa, đến chỗ cô ân cần kính lễ, thưa:

- Kính thưa thánh giả, nếu thánh giả cần chi cứ đến nhà con tùy ý lấy dùng. Thánh giả cần dạy chi, con xin đê đầu nhận lãnh.

Bí-sô ni bảo:

- Lành thay hiền thủ!Chúc hiền thủ vô bệnh.

Sau một thời gian, Bí-sô ni Thế-La lâm phải trọng bệnh, không thể đi khất thực. Các Bí-sô ni khác đi khất thực. Đồng tử bán hương thấy chư ni đến, đảnh lễ và thưa:

- Thưa các thánh giả, sao không thấy Bí-sô ni Thế-La đi khất thực?

Chư ni trả lời:

- Này hiền thủ, cô Thế-La bị bệnh.

Đồng tử thưa:

- Trước đây con có nói với cô Thế-La là cần gì thì đến nhà con tùy ý lấy, nhưng không thấy cô Thế-La đến lấy chi cả. Nếu cô Thế-La cần dùng chi thì xin các cô nhận dùm cho cô ấy.

Chư ni nói:

- Được rồi!Nguyện cho hiền thủ vô bệnh.

Chư ni nói xong rồi ra đi. Đồng tử bán hương ba phen ân cần thưa gởi như vậy. Bấy giờ, có một Bí-sô ni thiếu niên nghĩ: "Ta đã từng nghe đồng tử này nói như vậy, ta nên thử xem vấn đề hư thật thế nào?". Cô ni thiếu niên liền đem một cái bát nhỏ trao cho đồng tử và nói:

- Này hiền thủ, thánh giả Thế-La cần một ít dầu.

Lúc ấy, đồng tử kia có dầu mới ép nên đựng đầy bát nhỏ, trao cho cô ni và thưa:

- Thưa thánh giả, nếu cô Thế-La cần gì nữa, xin cô cứ đến tùy ý lấy.

Bí-sô ni thiếu niên nhận bát dầu rồi ra về. Cô ni ấy đem dầu về, thoa khắp cả thân hình và chân tay cô Thế-La cho đến khi dầu hết. Sau đó, cô Thế-La lành bệnh, đi khất thực lại. Đồng tử kia thấy, liền kính lễ sát chân và thưa:

- Kính thưa thánh giả, sao từ lâu không thấy thánh giả?

Bí-sô ni Thế-La trả lời:

- Từ lâu tôi bị bệnh.

Đồng tử thưa:

- Thưa thánh giả, trước đây, con có thưa thánh giả cần gì thì cứ đến nhà con tùy ý lấy. Từ lâu sao không thấy thánh giả sai ai tới lấy chi? Vừa rồi, con gặp một cô ni nói thánh giả bị bệnh và đến lấy dầu nơi con. Con dùng dầu mới ép đựng đầy bát nhỏ trao cho cô ni ấy.

Bí-sô ni Thế-La nói:

- Lành thay đồng tử!Nguyện cho người vô bệnh.

Cô Thế-La nói xong, đi khất thực rồi về lại trú xứ, hỏi các thiếu ni rằng:

- Cô nào đã đến nhà đồng tử bán hương lấy bát dầu đem về?

Một cô ni trả lời:

- Thưa thánh giả, tôi đi khất thực, gặp đồng tử kia, ba phen thưa: "Con đã thưa với thánh giả Thế-La, cần gì cứ đến nhà con nhận theo ý muốn, sao từ lâu không thấy thánh giả Thế-La đến nhận thứ chi. Nếu thánh giả Thế-La cần chi, xin nhờ cô đem về chùa". Nghe như vậy, tôi khởi ý nghĩ: "Thử xem vấn đề này thật hư thế nào". Tôi bèn đem cái bát nhỏ trao cho đồng tử và nói: "Nay thánh giả Thế-La đang bị bệnh, cần ít dầu". Đồng tử kia lấy dầu mới ép đựng đầy bát trao cho tôi. Tôi nhận được dầu đem về trong phòng, liền vì thánh giả thoa khắp cả thân hình và cả tay chân, cho đến khi hết dầu.

Bấy giờ, Thế-La Bí-sô ni hỏi cô thiếu ni rằng:

- Tôi có khiến cô đến đồng tử kia lấy dầu hay không?

Cô ni thiếu niên thưa:

- Cô không sai tôi.

Lúc ấy, các Bí-sô ni kia cùng với cô thiếu ni này- trước đó có sự hiềm khích- nên khi nghe như vậy rồi, nói với cô Thế-La rằng:

- Này thánh giả, thiếu ni này nhơn nơi thánh giả đau bệnh, không phải chỉ nhân danh thánh giả đến một nhà đàn-việt nhận dầu, mà còn đi khắp cả thành Thất-la-phiệt này để tìm cầu. Như vậy, cô ta đã phạm tội Tha-thắng, về số lượng khó biết được.

Cô thiếu ni nghe nói như vậy rồi, sanh tâm hối hận: "Thật sự ta có phạm tội Tha-thắng hay không?". Thiếu ni này đem nhân duyên trên thưa với các Bí-sô, các Bí-sô bạch lên đức Phật, đức Phật hỏi cô thiếu ni rằng:

-Cô dùng tâm gì đến nơi nhà kia xin dầu?

- Kính bạch Thế Tôn, con đến xin để thử xem tâm của đồng tử kia thế nào !

Đức Phật bảo các Bí-sô:

- Nếu với tâm thử xem, thì Bí-sô ni này không phạm, song các Bí-sô ni chưa hỏi người bệnh, thì không nên vì họ mà đi xin. Nếu khi cần đi xin, thì nên hỏi người bệnh rằng: "Nên đến nhà dưỡng bệnh của chúng Tăng để xin thuốc, hay nên đến thí chủ và thân tộc để xin?". Nếu thân tộc đông thì nên

hỏi đến xin ai. Theo ý kiến của người bệnh mà đến xin. Nếu không hỏi người bệnh mà tự ý đi xin thì mắc tội Việt-pháp [3]

---o0o---

XÚC CHẠM

Tại thành Thất-la-phiệt, khi đức Thế Tôn chưa chế giới cấm "Các Bí-sô ni không nên ở nơi A-lan-nhã", đức Thế Tôn đã dạy:

- Nay ta vì lợi ích, bi mẫn các Thanh văn, việc cần làm đều đã làm xong. Nay các ngươi nên để ý như vầy: Có thể nương nơi A-lan-nhã, hoặc dưới gốc cây, chỗ an tịnh trống vắng, hay trong núi, trong hang và trong am cỏ, hoặc nơi nhà trống, hoặc chốn rừng hoang, sống trong nếp sống tịnh lự, chớ nên phóng dật để rồi hối hận. Đây là lời giáo huấn của ta.

Từ đó, các Bí-sô ni đều đến nơi A-lan-nhã để yên lặng an tịnh tâm mình.

Bấy giờ, ni Liên Hoa Sắc- khi chưa xuất gia, chưa lìa dục nhiễm, nhan sắc đẹp đẽ, nghi mạo tuyệt vời, mọi người đều yêu mến. Người nam nào muốn hoan hội với cô, phải mang đến năm trăm kim tiền, Liên Hoa Sắc mới thuận ý.

Khi ấy, có người con trai của Bà-la-môn thấy Liên Hoa Sắc, tỏ ý muốn giao hội. Liên Hoa Sắc nói:

- Nếu ông muốn giao hoan thì đem năm trăm kim tiền đến đây.

Người nam tử nói:

- Hiện tại tôi không có tiền.

Liên Hoa Sắc bảo:

- Tìm đâu có đem đến mới được.

Nam tử kia bèn đi làm thuê...

Vào lúc đó, cụ thọ Đại Mục Càn Liên muốn cho ni Liên Hoa Sắc đoạn các ác pháp, trên đường đi đến Niết-bàn, vượt ra ba cõi, lìa các dục nhiễm,

chứng an vui giải thoát, thành A-la-hán, ngài Mục Liên khiến Liên Hoa Sắc thường vào trong rừng rậm, sống trong nếp sống yên lặng để tu thiền định, thọ hưởng cái vui giải thoát.

Bấy giờ, người con trai của Bà-la-môn kia, sau khi làm thuê đã thu được năm trăm kim tiền, liền mang đến tìm Liên Hoa Sắc. Khi nghe nói Liên Hoa Sắc đã xuất gia, nam tử này mang năm trăm kim tiền đến chùa ni, hỏi:

- Liên Hoa Sắc hiện nay ở đâu?

Chư ni trả lời:

- Cô đang ở trong rừng rậm.

Nam tử tìm đến bên Liên Hoa Sắc, thấy cô đang im lặng ngồi dưới gốc cây, liền nói:

- Nay tôi mang đủ năm trăm kim tiền đến đây, để cùng cô giao hội.

Liên Hoa Sắc nói:

- Này nam tử Bà-la-môn!Đó là ác pháp, tôi đã vất bỏ rồi.

Liên Hoa Sắc lại hỏi:

- Đối với thân thể tôi, có cái gì hấp dẫn, khiến cho ông thấy đó mà sinh ra nhiễm dục?

Nam tử Bà-la-môn nói:

- Tôi rất yêu thích mi mắt của thánh giả.

Ni Liên Hoa Sắc liền dùng thần thông móc đôi mắt để vào lòng bàn tay và nói:

- Nay, đối với cục thịt này ông có yêu thích không?

Nam tử nổi giận bảo:

- Nữ Sa-môn trọc đầu này chơi trò huyễn thuật !

Nói xong, nam tử dùng tay đánh lên đầu cô rồi bỏ đi.

Liên Hoa Sắc đem vấn đề này bạch với chư ni. Chư ni bạch với Bí-sô. Bí-sô bạch lên đức Phật. Đức Phật bảo các Bí-sô ni:

- Thí như cục thịt vất bỏ nơi ngã tư đường, chim chóc đều tụ họp, người nữ cũng vậy. Vì nghĩa này, các Bí-sô ni không nên ở nơi A-lan-nhã.

Khi đức Thế Tôn chế giới cấm "Không cho Bí-sô ni ở nơi A-lan-nhã" rồi, thì bấy giờ, các Bí-sô ni bèn vào trong thành Thất-la-phiệt, im lặng ngồi các nơi có trục lộ, lại bị các ác nam tử và bọn giặc trộm đến bức bão. Chư tăng đem vấn đề này bạch lên Phật, đức Phật dạy:

- Chư ni nên ở trong chùa ni.

Trong thành này có trưởng giả Tỳ Xá Khư, lòng tin sâu đậm, nên khi thấy chư ni liền thưa:

- Thánh giả cần chi?

Các Bí-sô ni đem vấn đề trên trình bày đầy đủ. Tỳ Xá Khư nghe xong liền thưa:

- Kính bạch thánh giả, con đang cho xây dựng một trú xứ rộng rãi. Khi nào hoàn thành, xin quý thánh giả thương xót con đến nơi đó mà cư trú.

Chư ni bèn đến đó an trú.

Tỳ Xá Khư hàng ngày đến chỗ chư ni đích thân kính lễ. Tỳ Xá Khư có nghi mạo đoan chánh nên ni Châu Kế Nan Đà tâm liền sanh ái nhiễm, thân hiện bệnh hoạn, vào phòng nằm. Tỳ Xá Khư sáng sớm thức dậy, đi vòng quanh kính lễ Phật, tháp, nhân tiện vào chùa, chỉ thấy vị ni giữ chùa, ngoài ra đều đi vắng, liền đảnh lễ và hỏi:

- Thưa thánh giả, chư ni đi đâu hết?

Đáp rằng:

- Chư ni đi khất thực.

Tỳ Xá Khư liền muốn ra về, thì ni Châu Kế Nan Đà từ trong phòng lớn tiếng kêu rên. Tỳ Xá Khư nghe, lòng sanh thương cảm, bèn hỏi vị ni giữ chùa:

- Thưa thánh giả, ai kêu rên lớn tiếng trong phòng như thế?

Đáp rằng:

- Trong phòng có cô ni bệnh.

Nghe vậy, Tỳ Xá Khư liền vào phòng kính lễ và hỏi:

- Kính thưa thánh giả, thánh giả bị bệnh khổ thế nào?

Cô ni trả lời:

- Bệnh khổ của tôi khó bề nói được.

Hỏi rằng:

- Sao thánh giả không chữa thuốc?

Ni đáp rằng:

- Bệnh này không thể trị được.

Tỳ Xá Khư trưởng giả nói:

- Kính thưa thánh giả, vị thuốc dùng để chữa khó tìm được hay sao?

Cô ni nói:

- Không khó, song sự mong cầu của tôi có thể không thực hiện được.

Tỳ Xá Khư thưa:

- Kính bạch thánh giả, đã là người xuất gia, thì suốt đời nên tìm cầu thuốc thang, ẩm thực, y phục, ngọa cụ nơi người khác. Như đức Thế Tôn đã dạy, nên nhận từ tịnh nhơn. Thánh giả cần chi, con sẽ lo liệu. Con xin cúng dường đầy đủ.

Cô ni nói:

- Chí thành như lời đã nói, người biết pháp cũng phải châm chước, liệu lường.

Tỳ Xá Khư nghe những lời như vậy, càng sanh kính trọng hơn, tán thán rằng:

- Kỳ diệu thay!Bí-sô ni là người rất thiểu dục.

Tỳ Xá Khư liền kính lễ sát chân và nói kệ:

Con đối với thánh giả

Nay phát tâm tịnh tín

Dù dùng thịt nơi thân

Con cũng vui lòng cúng.

Tỳ Xá Khư nói kệ tụng rồi, cô ni buông lời thô bỉ đòi hỏi việc làm ác pháp. Tỳ Xá Khư trưởng giả vừa nghe qua liền bịt tai và nói:

-Thánh giả đối với con chớ nên nói những lời như thế !

Cô ni nói:

- Vì có ưa thích nên nói quá lời.

Tỳ Xá Khư muốn bỏ đi, cô ni lại nói:

- Nếu không chấp thuận thì nên đến ôm đầu tôi, hay những chỗ khác của tôi cũng được.

Tỳ Xá Khư trưởng giả bèn đến ôm nơi đầu. Cô ni tưởng tượng thọ lạc. Bấy giờ, các Bí-sô ni khất thực xong, vào phòng thấy vậy... Tỳ Xá Khư xấu hổ, cúi đầu ra đi. Chư ni đem vấn đề này báo cáo với các Bí-sô, các Bí-sô bạch lên Phật. Đức Phật dùng nhân duyên này, tập hợp chúng Bí-sô. Như thường

pháp của chư Phật là biết mà vẫn hỏi, đức Phật hỏi Bí-sô ni Châu kế Nan Đà rằng:

- Thật sự cô có làm những việc không đoan nghiêm như thế không?

Bí-sô ni Nan Đà thưa:

- Kính bạch đức Thế Tôn, thật vậy.

Đức Thế Tôn quở trách:

- Việc làm của cô chẳng phải là pháp của nữ Sa-môn, chẳng phải hạnh tùy thuận, chẳng phải pháp tịnh hạnh...

Dùng mọi cách quở trách xong, đức Thế Tôn chế học xứ như vầy:

"Bí-sô ni nào, tự mình có tâm nhiễm ô, cùng với nam tử có tâm nhiễm ô, từ mắt trở xuống, từ đầu gối trở lên, hai thân xúc chạm nhau, làm tâm phát sanh thọ lạc, hoặc rờ rẫm nhau. Bí-sô ni làm những việc như vậy, mắc Ba-la-thi-ca, không được sống chung"

1 Đổ-sử Thiên-cung : Cách phiên âm khác, Đâu-suất-thiên, Đâu-suất-đà-thiên, Đổ-sử-đa-thiên, Đâu-thuật-thiên. Dịch nghĩa là cõi trời Vui-vẻ (Hỷ-túc-thiên); cõi trời Biết-đủ(Tri-túc-thiên). Đây là tầng trời thứ tư cõi Dục-giới, giữa cõi trời Dạ-ma và Lạc-biến-hoá. Phần nội viện là Tịnh-độ của Di-lặc Bồ-tát. Cõi này chư vị Bồ-tát trước khi thành Phật đều ngự ở đây cũng như đức Phật Thích Ca Mâu Ni.

2 Lục-dục-thiên:1. Tứ-đại-vương-thiên, 2. Tam-thập-tam-thiên, 3. Dạ-ma-thiên, 4. Đâu-suất-thiên, 5. Hoá-tự-tại-thiên, 6. Tha-hoá-tự-tại-thiên. Ở đây chỉ Bồ-tát Mã-minh ngự cung trời Đâu-suất đến nhập vào thai Ma-da phu nhân.

3 Thành Thất-la-phạt(nước Thất-la-phạt): Dịch nghĩa là nước Văn-vật (nước này có nhiều danh nhân và báu vật), Vô-vật-bất-hữu (hàng hoá không thiếu thứ gì), Đa-hữu (có nhiều trân bảo quí hiếm). Tên gọi khác là nước Xá-vệ. Nay là Rapetmapet phía Nam sông Rapti (địa phận Sàhet-Màhet).

4 Thành Vương-xá(nước Vương-xá) : dịch âm : Hạt-la-xà-cô-lợi-hy, La-duyệt-kỳ. Thành phố cổ thời Ấn-độ, kinh đô nước Ma-kiệt-đà do vua Tần-bà-sa-la trị vì thời Phật tại thế. Vị trí hiện nay gần địa phương Rajgir (thành phố Patna,phía nam Bihar).

5 Nước Kiều-thiểm-tỳ : Phiên âm khác, Câu-thiểm-di, Câu-tham-tỳ.... là vương quốc vua Ưu-điền trị vì, ở trung Ấn độ. Vị trí hiện nay là làng Kosàm, Tây bắc bờ sông Jumna, cách thành phố Allahabad 30 dặm.

6 Nước Ốt-thệ-ni : Nước này nằm phía Tây Ấn-độ. Vị trí hiện nay không rõ.

7 Thích Phạm Đại-vương : Là Đế-thích-thiên(Vua cõi trời Đao-lợi) và Đại Phạm-thiên-vương(Gọi tắc Phạm-vương, hay Thi-khí, Thế-chủ. Theo truyền thuyết Ấn độ là vị Thần sáng tạo). Hai vị này đều qui y theo Phật.

8 Tụ lạc : Thôn lạc, tụ lạc, phiên âm : Già-lạt-ma. Nghĩa là thôn xóm, làng nhỏ, vùng quê, chỉ chung tất cả khu vực nhà dân cư. Khu vực đó có thể được bao quanh bởi tường xây, luỹ tre, hoặc cắm cây làm hàng rào, hoặc được bao quanh bởi sông ngòi các thứ. Nhiều nhà họp lại cũng thành một tụ lạc.

9 Nước Ma-kiệt-đà : Một trong 16 nước lớn thời Phật. Ma-kiệt-đà là trung tâm phát triển Phật giáo cho đến năm 400 sau công nguyên.

10 Tỳ-sa-môn : Dịch nghĩa là giàu có, đầy đủ mọi thứ. Tên gọi khác, Thác-tháp-thiên-vương, Bắc-phương-đa-văn-thiên-vương(vì cư ngụ ở phương Bắc và thường đến nghe đức Phật thuyết pháp). Một trong bốn vị Thiên-vương. Vị này thống lãnh La-sát, Dạ-xoa...., và được Phật phó chúc hộ trì Phật pháp, bảo vệ quốc gia.

11 Cây Ni-câu-luật : Dịch là cây mọc xuống(vì cành mọc rễ rũ xuống nên cũng gọi là Khí-sinh-căn 'rễ mọc giữa hư không'), cây nhiều rễ, cây toả rộng...., hình dáng giống cây đa, cây si. Lá của nó dài và nhọn giống lá cây hồng-vàng, còn quả dùng chế thuốc ho.

12 Cây Tát-bát-la : Dịch nghĩa là cây Kiết-tường. Cây này sinh trưởng Ấn-độ và Mãnh-gia-lạp (Bangladesh). Đức Thích Tôn thành Chánh giác là ngồi dưới gốc cây này nên nó còn có tên cây Bồ-đề.

13 Năm tướng suy : Khi người cõi Thiên mạng sắp tận có năm tướng suy vong xuất hiện; 1. Hoa cài trên đầu, hay trên mũ bị héo tàn, 2. Trong nách

thường ra mồ hôi, 3. Xiêm y ô uế, 4. Trên thân mất ánh hào quang, 5. Tự nhiên cảm thấy không vui với chỗ ngồi, nơi cư ngụ.

14 Thiệm-bộ-châu : Khi Phật còn tại thế Ấn-độ gọi là Thiệm-bộ-châu. Nguyên nguồn gốc chữ này dịch từ tên một loài cây (cây táo hồng) mọc ở châu này. Xưa gọi là Nam Diêm-phù-đề.

15 Thành Kiếp-tỷ-la : Nguồn gốc thành này là do vị tiên tên Kiếp-tỷ-la dùng nước sái tịnh, kết giới chỗ ở cho bốn vương tử con vua Ý-ma-di,nên họ lấy tên vị tiên đặt tên thành (Căn bản Nhất-thiết-hữu-bộ Tỳ-nại-da phá Tăng sự, q.2, tr 104, T. 24, n.1450).

16 Tứ Bệ-đà : Còn gọi là tứ Vệ-đà, tứ Phệ-đà.v...v. Dịch nghĩa là Trí-luận, Minh-luận, Vô-đối. Đây là bộ Thánh điển căn bản của Bà-la-môn giáo, gồm bốn phần : Một là tán tụng, hai là tế tự, ba là ca vịnh, bốn là cầu đảo.

17 Đa-tử-chế-để : Từ này phiên âm của tiếng Phạn, Cách đọc khác là Đa-tử-chi-đề, dịch nghĩa là tháp Đa-tử. Vị trí nằm phía Tây thành Tỳ-xá-ly trung Ấn-độ.

18 A-lan-nhã : Cũng gọi là A-luyện-nhã, là một nơi yên tĩnh thích hợp cho Tăng sĩ tu hành, cách làng xóm khoảng 300 đến 600 dặm. Ngũ phần, Tăng kỳ : Dịch là không địa, khu đất trống (không có nhà dân cư). Tứ phần : Dịch là nhàn tĩnh xứ, chỗ vắng vẻ. Căn bản : Dịch là không nhàn xứ, chỗ trống không người ở. Giải thoát giới kinh : Dịch là không tĩnh địa, vùng đất trống vắng. Các từ này đều dịch từ aranya của tiếng Phạn, nghĩa đen là vùng đất xa xôi hẻo lánh; thường âm là a-lan-nhã, và cũng có nơi dịch vô sự xứ.

19 Nước Bà-la-nê-tư : Cách gọi khác, nước Ba-la-nại, Già-thi ...v...v. Dịch nghĩa là Giang nhiễu, vì lẽ nước này nằm ở lưu vực sông Hằng, vườn Lộc Dã cũng ở nơi này. Khi người Anh đô hộ, thành phố này gọi là Benares. Sau Ấn-độ độc lập, chính phủ đổi lại Bràsi, nay gọi là Vàràsì.

20 Chỗ tiên nhân đọa : Vì thuở quá khứ có năm trăm vị tiên nhân bay ngang qua đây, thấy những thể nữ của nhà vua vui đùa, khởi dục tâm liền mất thần thông, bị rơi xuống đất.

21 Rừng Thí Lộc : Đại Đường Tây Vực ký q.7 ghi, Quốc vương Phạm-đạt-đa đi săn, thấy nai chúa xả thân chết thay cho nai mẹ đang mang thai. Nhà

vua cảm động bèn hạ lệnh phóng thích cả đàn nai và dành riêng cánh rừng cho chúng. Cho nên gọi rừng Thí Lộc nghĩa là rừng cho nai, hay gọi vườn Lộc Dã.

22 Bí-sô : Còn gọi là Tỳ-kheo, Bức-sô v.v... dịch là khất sĩ(khất thực trưởng dưỡng thân huệ mạng thanh tịnh), trừ sĩ, huân sĩ, phá phiền não (trừ cái đói lục tình, đoạn diệt tham dục, huân tu thiện pháp nên gọi trừ sĩ, huân sĩ, phá phiền não), bố ma(chứng nhập Niết-bàn khiến cho ma sợ) v.v...Căn bản q.1, tr 629-630 a,T.23,n.1442: Có năm hạng Bí-sô:1.Bí-sô danh tự, 2.Bí-sô tự ngôn, 3.Bí-sô khất cầu, 4.Bí-sô phá phiền não, 5.Bí-sô bạch tứ yết-ma viên cụ. Tứ phần q.1,tr 571a 24,T.22,n.1428 có 8 hạng Tỳ-kheo: 1.Tỳ-kheo danh tự, 2. Tỳ-kheo tương tợ (là cạo bỏ râu tóc, mà không thọ giới giả bộ hình tướng xuất gia), 3. Tỳ-kheo tự xưng, 4. Tỳ-kheo thiện lai, 5.Tỳ-kheo khất cầu, 6. Tỳ-kheo mặc y cắt vá, 7. Tỳ-kheo phá kiết sử, 8. Tỳ-kheo thọ đại giới bạch tứ Yết-ma như pháp thành tựu đắc xứ sở. Ngũ phần q.1, tr 4 b4, T.22, n.1428: Tỳ-kheo, là Tỳ-kheo khất thực, Tỳ-kheo mặc y hoại sắc cắt rọc, Tỳ-kheo phá ác, Tỳ-kheo chân thật, Tỳ-kheo kiên cố, Tỳ-kheo thấy lỗi, Tỳ-kheo một lời thọ giới, Tỳ-kheo hai lời thọ giới, Tỳ-kheo ba lời thọ giới, Tỳ-kheo thiện lai thọ giới, Tỳ-kheo như pháp bạch tứ yết-ma thọ giới.

23 Ngoại đạo lưu kế : Là nhóm ngoại đạo thờ lửa, trên đầu búi tóc như hình xoắn ốc, do ba anh em Ca-diếp là Ưu-lầu-tần-loa Ca-diếp, Già-da Ca-diếp và Na-đề Ca-diếp làm thủ lãnh.

24 Cận viên : Còn gọi là Cụ túc giới. Viên chỉ cho Niết-bàn, Cụ túc giới là pháp đến gần Niết-bàn.

25 An-thiện-na : Cách phiên âm khác, An-thiền-na, An-xà-na...v...v. An-thiện-na là tên một loại thực vật, có thể dùng chế thuốc trị bệnh mắt. Cây này sinh trưởng ở Ấn-độ, sắc xanh hoặc đen.
26 Nước Phật-lật-thị : (?)

27 Thành Quảng-nghiêm : Cũng gọi là nước Tỳ-da-ly, dịch nghĩa là mở rộng. Vị trí hiện nay nằm phía Bắc thành phố Patna 27 dặm (trên 40 km), và phía Đông bắc Ấn-độ bang Bihar.

28 Y diệp Tăng-già-chi : Là y Tăng-già-lê. Điệp (diệp) là loại vải lụa, dùng sợi bông hay tơ tằm dệt thành.

29 Y gai phấn tảo : Y phấn tảo còn gọi là y bá-nạp (y trăm miếng vá lại).Người đời mặc y hư rách, bỏ chỗ dơ bẩn, người tu lượm y rách này đem về giặt sạch, may những mảnh rách lại rồi mặc. Y gai là vải lấy vỏ cây dệt thành. Y gai phấn tảo là y chắp vá cả hai lại.

30 Đại-thế-chúa : Là Đại-ái-đạo(Di mẫu của Thế Tôn, phu nhân Ma-ha-ba-xà-ba-đề), hay gọi Đại-sinh-chủ.

31 Vua Vị Sanh Oán : Hay gọi vua A-xà-thế, quốc vương nước Ma-kiệt-đà. Vị-sanh-oán nghĩa là có oán thù trước khi sanh. Ông đã giết vua cha là Tần-bà-sa-la để soán ngôi (trong tiền kiếp vì nóng lòng muốn có con, vua Tần-bà-sa-la đã giết một tiên nhân. A-xà-thế là tiền thân vị tiên nhân).

32 Lễ Bao-sái-đà : Cách phiên âm khác, Ưu-ba-bà-tố-đà, Ưu-bà-sa, Bố-sa-tha, Bố-tát.v...v. Dịch nghĩa là lễ trưởng tịnh, trưởng dưỡng, cận trụ, đoạn, xả, trai, hoặc thuyết giới.

33 Bí-sô ni : Là Tỳ-kheo ni, dịch trừ sĩ nữ, huân nữ v.v... (xem thêm nghĩa Bí-sô)

34 Ba-la-thị-ca : Còn gọi là Ba-la-di tội. Dịch là : Khí (bị vứt bỏ ra khỏi chúng Tăng), thối một (các Thánh quả bị chìm mất), bất cộng trú(không được cùng Tăng chúng yết-ma, thuyết giới), đoạ lạc (đoạ vào tam đồ ác đạo), đoạn đầu (như đầu bị chặt, Thánh quả không thể phát sinh), tha thắng (bị người khác đánh bại, là ác pháp chiến thắng)...

35 Tô-trần-na: Là người phạm Ba-la-di đầu tiên trong Tăng. Luật Tứ phần, Ngũ phần, Thập tụng, Thiện kiến : Tu-đề-na. Tăng kỳ : Da-xá; Căn bản : Tô-trần-na.

36 Mười điều lợi : 1.Nhiếp thủ đối với Tăng; 2. Khiến cho Tăng hoan hỷ; 3. Khiến cho Tăng an lạc; 4. Khiến cho người chưa tin được tin; 5. Người đã tin khiến tăng trưởng; 6. Để điều phục người chưa được điều phục; 7.Người có tàm quý được an lạc; 8. Đoạn hữu lậu hiện tại; 9. Đoạn hữu lậu vị lai; 10. Chánh pháp được cửu trụ(Tứ phần tr 570c 3, T.22, n. 1421).

37 Tỳ-nại-da : Dịch là pháp luật.

38 Học xứ : Nghĩa là chỗ học, chỉ chung cho giới luật. Khi Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni học tập giới luật phải tuân thủ những giới điều như năm giới, tám giới, mười giới ..... gọi là học xứ.

--- o0o ---

PHẦN 2 - TÁM VIỆC THÀNH PHẠM

Khi đức Phật ở tại thành Thất-la-phiệt, thì lúc bấy giờ, trong thành này có một nam tử bán hương, tướng mạo đoan chánh, cưới vợ chưa bao lâu. Bí-sô ni Thổ La Nan Đà nhân đi qua trông thấy, liền sanh ái nhiễm, hỏi nam tử:

-Anh cưới vợ bao lâu rồi ? Người vợ của anh hình dáng thế nào ? Hai vợ chồng có thương nhau không ?

Nam tử trả lời:

-Thưa thánh giả, nếp sống của kẻ đạo người tục có khác nhau, phiền gì thánh giả phải hỏi điều đó ?

Cô ni nói:

-Anh và em cùng giao hợp, há không vui thú lắm sao ?

Cô ni nói mãi những lời khêu gợi, khiến nam tử phải sanh nhiễm trước. Cô ni cùng hẹn, bảo nam tử đến chùa ni, vào cửa ngõ... phòng... chỗ cư trú của mình, để cùng nhau gặp gỡ. Nam tử dặn:

-Chớ nên cho người ngoài biết việc riêng tư này.

Ni cô dặn:

-Khi vào chùa, anh không nên lắc linh.

Ni cô dặn dò xong, về chùa.

Đến chiều tối, theo sự ước hẹn, nam tử đến chỗ phòng ở của cô ni. Cô ni vừa thấy nam tử đến, liền kêu vào phòng mình và dấu nam tử dưới gầm giường.

Các đệ tử của cô ni đến bên ngoài phòng thỉnh vấn, sau khi thọ giáo, đều trở về phòng. Khi ấy, cô ni cũng trở về phòng, thì nam tử từ dưới gầm giường chui ra. Cô ni vì quên, nên la lên là có kẻ trộm, khiến cho nam tử hoảng sợ vội trả lời:

- Tôi không phải là ăn trộm, mà là người được hẹn đến đây.

Bấy giờ, nhiễm tâm từ bên trong bộc phát, nam tử liền ôm cô ni đặt lên giường. Cô ni tự nghĩ: "Ta là người đứng đầu trong chúng, nhiếp phục được mọi người là nhờ giới đức. Ta phá Thi-la1 thì làm sao được ! Mọi người biết việc ta làm, thảy đều vất bỏ ta thì sao ?!!".

Cô ni suy nghĩ như vậy rồi, liền hối thiếu niên ra gấp. Theo lời cô ni, thiếu niên bỏ chạy ra. Cùng lúc đó, cô ni cũng vùng chạy, và tông nhằm ngực của thiếu niên. Thiếu niên ngã nhào xuống đất, mửa máu. Cô ni chạy ra ngoài, lớn tiếng kêu lên:

- Quý vị nên biết, tôi đã hàng ma, đã xô ngã được oán địch.

Chư ni nghe, thảy đều cùng hỏi:

- Đại tỷ, chứng đắc quả A-la-hán chăng?

Cô ni trả lời:

- Không chứng đắc.

Chư ni lại hỏi:

- Có chứng được Bất-hoàn, Nhất-lai, Dự-lưu quả chăng ?

Cô ni trả lời:

- Không chứng.

Chư ni lại hỏi tiếp:

- Cô đã trần thiết nhiều phẩm vật cúng dường đức Thế Tôn chăng ?

Cô ni cũng đáp:

- Không.

Chư ni nói:

- Như vậy thì tại sao cô lớn tiếng kêu lên như thế ?!

Cô ni liền chỉ người nam tử và nói:

-Người này đã vào phòng tôi, tôi dùng chân đạp, khiến cho mửa máu.

Chư ni nghe và thấy sự việc như vậy, liền hỏi:

- Nếu cô không dẫn vào, thì người này làm sao vào trong chùa này được ?!

Các Bí-sô ni đều cùng cơ hiềm:

- Cô làm ác nghiệp, chúng tôi không tùy hỷ.

Chư ni bạch lại Bí-sô. Bí-sô bạch lên Phật. Đức Phật dùng nhân duyên này tập hợp các ni chúng. Ngài nhận thấy những điều lợi ích nên hỏi Bí-sô ni kia:

- Thật sự cô đã làm những việc này phải không ?

Bạch rằng:

- Chính con đã làm.

Đức Phật liền quở trách:

- Người làm hạnh bất tịnh, chẳng phải việc tùy thuận, chẳng phải hạnh của Sa-môn nữ, chẳng phải việc làm của người xuất gia.

Đức Thế Tôn dùng mọi cách quở trách rồi, liền bảo với các Bí-sô ni rằng:

- Ta nhận thấy mười điều lợi ích đối với Tỳ-nại-da của Thanh văn ni, nên nay chế học xứ như vầy:

“Bí-sô ni nào, tự mình có nhiễm tâm, cùng với nam tử có nhiễm tâm, dựa kề, cười giỡn, hẹn chỗ đến, hẹn giờ đến, được thể hiện bên ngoài, chấp nhận, chỗ vắng cùng trượng phu buông thân nằm. Tám việc như vậy mà cùng nhau nhận lãnh, Bí-sô ni này mắc Ba-la-thi-ca, không được sống chung”.

MỘT MÌNH ĐẾN NHÀ THẾ TỤC

Khi đức Phật ở tại thành Vương-xá, có Bí-sô ni tên là Thiện Hữu, dùng việc không có thật, để hủy báng Thật Lực Tử. Khi ở trước mặt các Bí-sô, Thiện Hữu tự nói mình đã phạm giới, bèn xin hoàn tục, rồi sau đó bị bệnh khổ.

Thiện Hữu có người em gái là Bí-sô ni Tri Hữu, khi bệnh Thiện Hữu nặng, gần qua đời, liền nhắn Bí-sô ni Tri Hữu rằng:

- Nay tôi lâm phải bệnh khổ, gần qua đời, cô nên đến gấp để tôi được gặp mặt.

Tri Hữu nhận được tin, liền đến. Trong đêm đó, Thiện Hữu qua đời. Người chồng đi vắng, đêm ấy vừa về, thấy vợ đã chết, đấm ngực khóc than:

- Ai sẽ nuôi nấng con trai con gái trong nhà này đây !

Người thân trong gia đình bảo rằng:

- Dì Tri Hữu đây có thể thay thế.

Tri Hữu nghe vậy liền nghĩ: “Nếu ta trả lời, thì sợ có thể bị bức nhục”, nên làm thinh mà ngồi suốt đêm. Sáng hôm sau, Tri Hữu sắp sửa ra về, thì người anh rể bảo:

- Nay dì muốn đi đâu ? Dì có thể ở đây nuôi nấng các cháu. Đã là thân tộc, há không bi mẫn sao ?

Người anh rể đến trước mặt, muốn chận Tri Hữu lại. Cô ni Tri Hữu cao giọng giả giận nói lớn:

- Tự thân ông cùng con trai con gái của ông, nhất thời đều chết, cũng không có can gì đến việc của tôi !

Cô ni liền đi vội về chùa. Chư ni thấy, hỏi:

- Đêm rồi, cô ngủ với ai, ở đâu ?

Đáp:

- Tôi ngủ không có bạn.

Chư ni nói:

- Nếu gặp ác nhân, há không phá hoại cuộc sống phạm hạnh của cô sao ?!

Tri Hữu trả lời:

- Nếu tôi lên tiếng, thì chắc chắn đã tự chuốc lấy họa ấy.

Chư ni hỏi kỹ và Tri Hữu trả lời đầy đủ. Chư ni đem việc này bạch lại Bí-sô. Bí-sô bạch lên đức Phật. Đức Phật dùng nhân duyên này tập hợp các ni chúng, hỏi Bí-sô ni Tri Hữu rằng:

- Thật sự, ban đêm ngươi từ chùa đến chỗ khác ngủ, phải không ?

Tri Hữu thưa:

- Thật vậy, bạch Thế Tôn !

Đức Phật dạy:

- Đây không phải là việc làm của người xuất gia, phái nữ.

Đức Thế Tôn quở trách, rồi chế học xứ như vầy:

- Bí-sô ni nào, một mình từ chùa đến chỗ khác ngủ, Tăng-già-phạt-thi-sa1.

---o0o---

ĐỘ PHỤ NỮ ĐÃ LÀM VIỆC PHI PHÁP

Khi đức Phật ở tại thành Vương-xá, vua Thắng Quang có một tướng quân tên là Năng Chấp Kiếm, thường ra quân đi chinh phạt. Vợ của vị tướng này ở nhà, vì dục tình bức bách, nên cùng với ngoại nhân giao thông. Người chồng về, nghe biết sự việc, liền dùng roi và trượng để trị phạt. Tuy bị trừng

phạt, chịu khổ nhục như vậy, nhưng người vợ vẫn không bỏ việc ấy. Tướng quân liền nghĩ: “Ta vì quốc vương đi hàng phục thôn ấp khác, khiến cho họ thuận theo. Tại sao vợ của ta không thể làm cho nó nghiêm túc lại được ?!”. Nghĩ như vậy rồi, tướng quân liền đến tâu với nhà vua:

- Cúi xin đại vương, đại vương nên chế lập luật pháp cho người phụ nữ. Nếu không tu sửa đức hạnh của người phụ nữ, thì sẽ ô nhiễm hiến chương, mắc tội xâm phạm luật pháp rất nặng !

Nhà vua nói:

- Đó là điều tốt.

Sau đó một thời gian, có người con gái của một tướng quân, vi phạm luật này, bị chồng bỏ và bị pháp luật trị tội. Người đàn bà này đến pháp quan, thưa:

- Tôi mới phạm tội một lần, xin được tha thứ !

Pháp quan nói:

- Tội này không thể tha thứ được.

Người nữ biết chắc sẽ không khỏi chết, nên xin:

- Cho được sống thêm bảy năm.

Pháp quan nói:

- Không thể được !

Người nữ nói:

- Nếu sống thêm bảy năm không thể được, thì cho tôi được sống thêm sáu, năm, bốn, ba, hai hay một năm.

Pháp quan cũng đều nói:

- Không thể được !

Tử tội tiếp tục xin được sống thêm bảy tháng, cho đến một tháng. Pháp quan đều nói: “Không thể được”. Cuối cùng tội phạm chỉ van xin được hoãn chết bảy ngày, pháp quan chấp thuận.

Sau khi được chấp thuận, người nữ này tự nghĩ: “Ta chỉ còn sống bảy ngày nữa, rồi sẽ bị hành hình!”. Vì vậy, bà ta khóc ròng rã và đồng thời lo tu các phước nghiệp.

Bấy giờ, ni Thổ La Nan Đà, vào giờ tiểu thực, đắp y mang bát vào thành khất thực, đến nhà người nữ kia, thấy bà ta khóc sướt mướt, hỏi:

- Này thiếu nữ, vì lý do gì mà tâm đau khổ đến nỗi rơi lệ, trong khi làm việc bố thí như vậy ?

Người nữ thưa rằng:

- Tôi bị tội tử hình, đã gần đến ngày chết rồi !

Cô ni ngạc nhiên nói:

- Chớ nói lên những lời không tốt như vậy !

Người nữ liền khóc và kể lại đầu đuôi câu chuyện.

Cô ni nói:

- Như vậy, tại sao không bỏ thế tục đi xuất gia?

Người nữ thưa:

- Ai là người dìu dắt tôi làm điều đó ?

Cô ni nói:

- Tôi sẽ giúp cô việc xuất gia này.

Người nữ liền đảnh lễ sát chân, và thưa:

- Kính bạch thánh giả, ngài đã ban cho tôi mạng sống !

Thổ La Nan Đà liền cho xuất gia.

Tướng quân Chấp Kiếm nghe người nữ ác độc kia nay đã xuất gia, liền nói như vầy:

- Há có thể để người kia vào trong thành Vô úy được chăng ? Đợi đủ bảy ngày, ta sẽ đoạn mạng người ấy !

Cô ni nghe những lời nói này, toan dẫn người nữ kia tìm bạn an ủi, liền đến chỗ mười hai ni chúng, nói:

- Người nữ này là con gái của quan... đã quy y Phật, quy y Pháp rồi, nay quay về với quý vị.

Người nữ kia được dẫn đến hết mười hai chúng. Mười hai chúng nói:

- Đây là việc thiện. Nay ta sẽ nhiếp thọ, ai lại dám nói ? Nếu có ai vội đến đây nói, ta sẽ tự giải thích.

Thổ La Nan Đà lại dẫn người nữ kia đến chỗ Đại thế chúa, thưa rằng:

- Kính bạch thánh giả, thánh giả biết cho, người nữ này là con của quan... thâm tâm quy y Phật, Pháp, Tăng bảo. Nay đến quy y sát chân Đại thế chúa.

Đại thế chúa hỏi về cô ta, người nữ trình bày đầy đủ. Thế chúa bảo rằng:

- Này chị em, đây là người không có đức hạnh, sao có thể dùng được ?!

Thổ La Nan Đà lại dẫn người nữ này đến chỗ Thắng Man phu nhân, và thưa:

- Kính thưa phu nhân, người nữ này là con của quan... đã quy y Tam bảo, nay quay về nương tựa phu nhân.

Phu nhân hỏi cô ta, người nữ này trình bày đầy đủ như trước. Phu nhân nói:

- Đây là người nữ không có đức hạnh, tại sao lại vội độ xuất gia ? Đây là việc làm phi pháp, là việc làm sai lầm, ta sẽ tâu lên vua.

Phu nhân đến chỗ vua, trình bày đầy đủ mọi việc. Nhà vua bảo:

- Đây là vấn đề thật sự phi pháp, song nó là việc khó quyết đoán. Nếu y theo pháp luật mà giết thì thương tổn đến Phật giáo, ta phải chịu ảnh hưởng xấu ác. Nếu nay phóng thích thì lại vi phạm đến hình phạt.

Tấn thối, cả hai đều khó quyết đoán, nhà vua liền sai sứ giả báo cáo đầy đủ mọi việc với tướng quân Chấp Kiếm. Tướng quân tâu lại:

- Nghiêm lệnh đã lập ra, mọi người đều biết, làm sao đối với người nữ này, nhà vua lại muốn vi phạm luật pháp chính mình đã chế, để rồi phóng thích chăng ?!

Nhà vua nói:

- Trường hợp này nên tha thứ thì hơn, chỉ chế cấm cho người khác (tại gia).

Tướng quân nghe như vậy, cơ hiềm mạnh mẽ:

- Tại sao lại độ cho người nữ phi pháp thế này xuất gia ?

Chư ni đem việc này bạch lại Bí-sô. Bí-sô bạch lên Phật. Đức Phật dùng nhân duyên này tập hợp các Bí-sô ni, hỏi lại để xác định sự thật, quở trách... rồi chế học xứ như vầy:

“Bí-sô ni nào, biết phụ nữ khác làm việc phi pháp, mọi người đều chê, bị chồng từ bỏ, dù có tâu vua biết, mà độ xuất gia, Tăng-già-phạt-thi-sa”.

ĐÒI VẬT NGƯỜI ĐÃ QUA ĐỜI

Khi đức Phật ở tại thành Vương-xá, trong thành này có một trưởng giả rất giàu, bỗng nhiên lâm trọng bệnh, chữa chạy thuốc men một thời gian lâu, không hề thuyên giảm. Ông trưởng giả biết không thể sống được lâu nữa, bèn lập đàn bố thí rộng rãi, cúng dường Sa-môn, Bà-la-môn, giúp kẻ bần cùng cô quả.

Bấy giờ, Bí-sô ni Thổ La Nan Đà, vào bữa tiểu thực, mặc y bưng bát, nhân đi khất thực, ghé vào nhà ông trưởng giả, cầu nguyện:

- Nguyện ông trưởng giả không bệnh, an ổn!

Ông trưởng giả bạch:

- Kính thưa thánh giả, đối với thân mạng của con không hy vọng sống lâu, còn lòng con lại không khỏi bệnh hoạn; tất cả mọi của cải đềulập đàn tu phước.

Cô ni nghe xong, liền nói:

- Này hiền thủ ! Tôi rất mừng vui khi nghe ông làm việc hợp lý này. Song giới người nữ của chúng tôi, vấn đề lợi dưỡng rất là thiếu thốn, ít oi. Nếu theo thứ tự xả thí, thì ân huệ của chúng tôi được nhiều ít, bao nhiêu?

Ông trưởng giả trả lời:

- Tài sản của con hiện có đã xả thí hết, tại sao thánh giả không đến sớm ?

Ni Thổ La Nan Đà nói:

- Không lẽ tôi từ nhà này ra đi với hai bàn tay không ? Đây là một điều tổn phước và tai hại !

Trưởng giả trả lời:

- Không còn thứ gì cả, làm sao đây ?!

Ni cô nói:

- Này hiền thủ, ắt phải có chút ít gì để cứu giúp cho nhau chứ !

Bấy giờ, ông trưởng giả chỉ còn có một khế ước của người thiếu nợ, liền chỉ cho cô ni, và nói:

- Thưa thánh giả, hiện nay trong nhà con chỉ còn bản khế ước này, nếu cần cô có thể nhận.

Cô ni nói:

- Này hiền thủ, nếu cho thì tôi mang về.

Cô ni nhận khế ước và nói với ông trưởng giả:

- Do nhờ phước thí nàyTâm đặng diệu trang nghiêm

Thường được đủ của cảiĐạt đến vui vô thượng.

Ông trưởng giả nói:

- Thưa thánh giả, người mắc nợ này nhà nghèo, không thể trả hết một lần. Họ sẽ lần lượt trả ít nhiều, chớ nên gây phiền phức đối với họ.

Cô ni nói:

- Này hiền thủ, tôi là người xuất gia, há không đắn đo suy tính, để gây não loạn đối với người khác sao ?! Đó là điều không hợp lý.

Không bao lâu, ông trưởng giả mạng chung. Cô ni nghe tin này liền đến kéo lôi, xô đẩy, bắt người mắc nợ đến nơi ngã tư để đòi. Trưởng giả, Bà-la-môn thấy vậy, cơ hiềm: "Tại sao Bí-sô ni lại dựa vào khế ước của người đã chết mà lôi kéo người mắc nợ !".

Chư ni đem việc này bạch lại Bí-sô. Bí-sô bạch lên Phật. Đức Phật dùng nhân duyên này tập hợp ni chúng, hỏi để rõ sự thật, quở trách..., rồi chế học xứ như vầy:

Bí-sô ni nào, dựa vào khế ước của người khác, mà vì mình đòi vật người đã qua đời, Tăng-già-phạt-thi-sa.

---o0o---

VỘI LÀM PHÁP GIẢI TỘI

Khi đức Phật ở tại thành Vương-xá, bấy giờ, có Bí-sô ni tên là Loạn Ý, ôm lòng giận hờn, thường dùng những lời thô ác, mạ nhục lẫn nhau, nên các ni chúng thảy đều cơ hiềm, khinh tiện cô ta. Nhân lúc Bí-sô ni Loạn Ý đi khất thực, chư ni thấy vắng, liền cùng nhau hội họp nói hạnh ác của cô ta.

Cô Loạn Ý có một người con gái tên là Tịch Tịnh, nghe biết mọi người nói lỗi của mẹ mình, chờ mẹ khất thực về đến để thưa lại. Người mẹ nghe qua, tâm liền nổi giận, đối với ni chúng, dùng những lời thô ác cay nghiệt. Mọi

người tìm hiểu để biết, ai đã nói những lời chia rẻ, đấu tranh đó. Cuối cùng mới biết ra: cô Tịch Tịnh đã đến nói lại với mẹ điều ấy. Đại chúng liền trao cho Tịch Tịnh pháp Yết-ma Xả trí1. Tịch Tịnh kêu khóc, đến chỗ người mẹ, kính lễ sát chân, thưa:

- Chư ni đã trao cho con pháp Yết-ma Xả trí.

Loạn Ý nghe qua, nổi cơn phẫn nộ bội phần, nói:

- Mong sao, chúng tác pháp Yết-ma cho tất cả mọi người trong nước !

Loạn Ý nói lẫy như vậy, rồi dẫn cô con gái ra ngoài giới, tác pháp giải Yết-ma.

Chư ni nói:

- Chúng vì người con gái của cô, tác pháp Yết-ma Xả trí. Vì sao cô lại ra ngoài giới làm pháp giải nó?

Ni Loạn Ý trả lời:

- Chúng cưỡng tác pháp, tôi giải, có lỗi gì?!

Chư ni hỏi:

- Cô cùng ai tác pháp, và tác pháp nơi nào ?

Cô Loạn Ý nói:

- Tôi cùng với người khác đã tác pháp ngoài giới, để giải.

Chư ni nói:

- Tác pháp để giải như vậy, có hợp lý hay không?

Loạn Ý trả lời:

- Dù hợp hay không hợp, tôi đã làm rồi, có can gì đến việc của cô ?!

Chư ni đem việc này bạch lại Bí-sô. Bí-sô bạch lên Phật. Đức Phật dùng nhân duyên này, tập hợp chư ni, hỏi để xác định sự thật, quở trách... rồi chế học xứ như vầy:

Bí-sô ni nào, đaõ biết Bí-sô ni bị chúng Bí-sô ni tác pháp Yết-ma Xả trí, liền ra ngoài giới, tác pháp Yết-ma giải, Tăng-già-phạt-thi-sa.

---o0o---

KHÔNG BỎ ÁC KIẾN

Tại thành Thất-la-phạt, có một Bí-sô ni tên là Hắc Sắc, đã từng theo ngoại đạo. Mỗi lần cùng với các Bí-sô ni đấu tranh gây nhiễu loạn, thì Hắc Sắc nói: "Xả Phật, Pháp, Tăng. Chẳng phải chỉ có Sa-môn Thích nữ mới trì giới đức hạnh, lòng luôn chơn chất ngay thẳng, thuần thiện phạm hạnh, mà các nơi khác cũng có những người lành như vậy. Ta sẽ đến đó để tu phạm hạnh". Chư ni đem việc này bạch lên Phật. Đức Phật bảo chư ni:

- Có thể ở nơi vắng vẻ can gián ni Hắc Sắc. Cô ni nào khác, nếu muốn can gián, thì phải nói như vầy: "Cô ni Hắc Sắc, khi nào có tranh cãi, thì chớ nên nói "Tôi xả Phật, Pháp, Tăng. Chẳng phải chỉ có Sa-môn Thích nữ mới trì giới đức hạnh, mà các nơi khác cũng có những người lành như vậy. Ta sẽ đến đó để tu phạm hạnh". Này ni Hắc Sắc, nay cô nên bỏ ác kiến như vậy đi!".

Khi chư ni theo lời dạy, tác pháp can gián nơi chỗ vắng, thì cô ni kia, đối với sự việc đó, chấp chặt không bỏ, lại nói: "Chỉ có đây mới là những sự thật, ngoài ra đều là hư vọng".

Chư ni đem việc này bạch lại Bí-sô. Bí-sô bạch lên Phật. Đức Phật bảo chư ni:

- Các cô nên trao cho ni Hắc Sắc bạch tứ Yết-ma can gián. Đánh kiền chùy..., tập họp tất cả ni chúng. Một ni tác bạch: "Đại đức Ni Tăng xin lắng nghe, Bí sô ni Hắc Sắc này, tự mình khởi lên ác kiến, khi tranh cãi thìnói: "Nay tôi xả Phật, Pháp, Tăng. Chẳng phải chỉ có Sa-môn Thích nữ này mới có trì giới đức hạnh, lòng luôn luôn chơn chất ngay thẳng, thuần thiện phạm hạnh, mà các nơi khác cũng có người lành như ở đây. Ta sẽ đến đó để tu phạm hạnh". Bí-sô ni nên can gián nơi chỗ vắng vẻ. Khi can gián, nếu ác kiến không bỏ, mà cô lại nói: "Đây là những sự thật, ngoài ra đều là hư

vọng". Nếu thời gian thích hợp đối với Bí-sô ni Tăng cho phép, thì Bí-sô ni Tăng nên chấp thuận: "Nay Bí-sô ni Tăng tác pháp Yết-ma Bất xả ác kiến, trao cho Bí-sô ni Hắc Sắc".

Rồi kế đến tác pháp Yết-ma:

- Đại đức ni Tăng lắng nghe ! Bí-sô ni Hắc Sắc này, tự mình khởi lên ác kiến, khi tranh cãi thì nói: "Nay tôi xả Phật, Pháp, Tăng. Chẳng phải chỉ Sa-môn Thích nữ đây mới có trì giới đức hạnh, lòng luôn chơn chất, ngay thẳng, thuần thiện phạm hạnh, mà các nơi khác cũng có người lành như vậy. Ta sẽ đến đó để tu phạm hạnh". Chư Bí-sô ni đã đến chỗ vắng vẻ can gián, và khi can gián nơi vắng, ác kiến vẫn không bỏ, lại nói: "Đây là những sự thật, ngoài ra đều hư vọng". Nay Bí-sô ni Tăng tác pháp Yết-ma Bất xả ác kiến, trao cho Bí-sô ni Hắc Sắc. Nếu cụ thọ nào đồng ý trao cho Bí-sô ni Hắc Sắc pháp Yết-ma Bất xả ác kiến, thì im lặng. Nếu vị nào không chấp thuận thì nói. Đây là Yết-ma lần đầu. (Lần thứ hai, lần thứ ba cũng như vậy). Bí-sô ni Tăng đãchấp thuận trao cho Bí-sô ni Hắc Sắc pháp Yết-ma Bất xả ác kiến rồi. Bí-sô ni đã chấp thuận nên im lặng. Việc này tôi ghi nhận như vậy.

Bấy giờ ni chúng y theo lời dạy, tác pháp bạch tứ Yết-ma. Khi can gián, nếu Bí-sô ni kia đối với việc đó vẫn chấp chặt ác kiến, không bỏ, lại nói: "Đây là những sự thật, ngoài ra đều hư vọng. Tôi đâu có chấp mà khiến tôi bỏ ?!".

Chư ni đem việc này bạch lại các Bí-sô, Bí-sô bạch lên Phật. Đức Phật dùng việc này, tập hợp ni chúng, hỏi để xác định sự thật, quở trách... rồi chế học xứ như vầy:

Bí-sô ni nào, cùng các Bí-sô ni đấu tranh gây phiền nhiễu, mà nói như vầy: "Tôi bỏ Phật, Pháp, Tăng; chẳng phải chỉ có Sa-môn Thích nữ mới đủ giới đức, có pháp lành hơn hết, mà đối với các Sa-môn khác cũng có đủ giớiđức, có pháp lành hơn hết vậy. Tôi sẽ đến đó tu tập phạm hạnh". Khi các Bí-sô ni bảo rằng: "Cô nên bỏ kiến giải tội ác này đi". Khi có lời can gián như vậy, bỏ thì tốt, nếu không bỏ thì nên ba lần ân cần chánh thức can gián, tùy theo lời dạy mà gạn hỏi, khiến cho họ bỏ việc này; bỏ thì tốt, nếu không bỏ, Tăng-già-phạt-thi-sa.

---o0o---

LÀM NHỚP NHÀ NGƯỜI

Khi đức Bạc Già Phạm ở tại thành Thất-la-phạt, thì bấy giờ nơi núi Chỉ Tra1, có mười hai vị Bí-sô ni: Nan Đà, Ô Ba Nan Đà, Thổ La Nan Đà, Châu Kế Nan Đà, Để Sa Để Sa, Mật Hằng La Để Sa, Ba Ly Da Để Sa, Lạc Ỷ Da, Bạt Dà La, Tô Bạt Đà La, Tôn Đà La, Thệ Diên Đa. Những người này đã tạo ra các điều ác, làm nhớp nhà người, như: cùng với các nam tử giỡn cợt, cười nói, vui đùa, thân thể dựa kề đụng chạm nhau, cùng ngồi một giường, cùng ăn một mâm, cùng uống rượu một chén; hái những loại hoa quả mà mình thấy thích biếu tặng nhau, soạn nhạc, ca múa, trang điểm thân thể, buông lung dật dựa, nằm nghiêng, nằm ngửa, hình trạng tựa như con cá không khác. Hoặc làm tiếng ngựa hý, hoặc làm tiếng trâu rống, miệng phát ra mọi thứ âm thanh, làm chim sẻ đá nhau, cho đến nam nữ nắm bắt nhau, làm những việc phi pháp hý lộng như vậy. Vì vậy, nên núi Chí Tra đã trở thành ác danh lưu bố khắp cả xóm làng. Chư ni muốn đến đó, mà nghe tiếng xấu đồn khắp như vậy, nên không dám đến. Các ni cựu trú đều bỏ ra đi, đến các nơi khác.

Bấy giờ, có số đông Bí-sô ni du hành đến đó, buổi sáng đắp y mang bát vào xóm khất thực, rồi mang bát về không, không nhận được một thức ăn nào cả. Chư ni bèn nghĩ: "Đại đa số nhân dân trong tụ lạc này đều an lạc, phong phú, thịnh vượng, người nào đến khất cầu cũng đều được đầy đủ, tại sao hôm nay chúng ta không nhận được thứ gì cả ?! Phải chăng, ni chúng ở trú xứ này, trước đây đã làm những điều gì phi pháp, làm nhơ nhớp nhà người, làm những điều sai nguyên tắc, lân la gần gũi nhau, khiến cho mọi người sanh tâm bất tín hay chăng ?!"

Bấy giờ, các trưởng giả trong tụ lạc này nhân có việc cần luận bàn, nên cùng nhau nhóm họp lại một chỗ, trong số đó có một Ô-ba-sách-ca2 tên là Ốt Lộ Ca, thấy các ni đi khất thực, rồi mang bát về không, liền đến đứng gần bên, hỏi:

- Tại sao các cô mang bát không về ?

Các ni liền trình bày đầy đủ mọi việc.

Ô-ba-sách-ca nói:

- Nếu như vậy, quý cô có thể đến thành Thất-la-phạt, đem việc này bạch lên đức Thế Tôn, để Ngài dũ lòng thương đối với chúng tôi.

Các Bí-sô ni nhận lời bằng cách im lặng. Bấy giờ, Ô-ba-sách-ca kính lễ sát chân các ni, và bạch:

- Thưa chư thánh giả, hôm nay xin các ni từ mẫn đến nhà tôi nhận bữa cúng dường ít oi.

Ni chúng hoan hỷ thọ nhận.

Khi đến nhà, chính tay Ô-ba-sách-ca phụng hiến các thứ thức ăn ngon nhất cho chư ni một cách đầy đủ. Sau khi các ni xỉa răng, súc miệng, rửa tay xong, gia chủ nhẹ nhàng thu dọn chén bát, rồi thí chủ mới ngồi trên chiếu, trước chỗ ngồi của các ni. Các ni vì họ mà nói pháp, chỉ bày những điều an vui lợi ích.

Từ chỗ ngồi, các ni xin cáo lui.

Cùng lúc ấy, các ni chúng ở Kiều-tát-la3, du hành trong nhơn gian, tuần tự đến thành Thất-la-phạt. Ni chúng tại đó thấy khách ni đến, liền chào đón và mời giải lao, rồi hỏi thăm trên đường đi có được an lạc hay chăng ? Các ni đem hết mọi sự việc trình bày đầy đủ. Các ni nghe xong, thưa lại với các Bí-sô. Các Bí-sô bạch lên Phật. Đức Phật bảo Đại thế chúa rằng:

- Này Kiều-đáp-di 4, ngươi có thể cùng với năm trăm vị Thượng tọa Bí-sô ni, đến núi Chi tra, vì mười hai ni chúng tác pháp Yết-ma trục xuất được chăng ?

Kiều-đáp-dithưa:

- Kính bạch Đại đức, con có thể đi được.

Đức Phật nói với Kiều-đáp-di :

- Có năm cách tác pháp Yết-ma trục xuất trở thành phi pháp, phi luật, mà ni chúng lại mắc tội Việt pháp. Năm cách đó là:

1- Không gạn hỏi.

2- Không làm cho người khác nhớ nghĩ lại.

3- Không cứu xét sự việc.

4- Đương sự không tự nói.

5- Người không có mặt.

Tuy người ta thật sự phạm tội, nhưng phải qua ba lần quở trách cho hợp pháp, để khiến cho chính họ nói lên sự hối hận. Qua ba lần nói đi nói lại tội này, đó là năm cách trục xuất phi pháp, chúng mắc tội Việt pháp. Nếu ngược lại với năm cách này để tác pháp Yết-ma trục xuất, thì đúng như pháp, như luật, chúng không mang tội Việt pháp.

Muốn đến núi kia, trên đường khi gần đến, nên ở tạm một nơi nào đó, rồi sai một Bí-sô ni đến đó cật vấn. Nếu người nào có năm pháp sau đây thì không được sai; nếu đã lỡ sai thì nên hủy bỏ. Năm pháp ấy là:

1- Ái.

2- Nhuế.

3- Bố.

4- Si.

5- Không rành vấn đề cật vấn.

Như thường lệ, tập hợp Tăng rồi, trước hết nên hỏi đương sự: "Bí-sô ni, cô tên gì ? Cô có thể đến núi Chi tra, để cật vấn mười hai vị Bí-sô ni đã làm những việc phi pháp được chăng ?". Nếu cô ni kia trả lời là "Có thể được", thì nên sai một Bí-sô ni khác tác bạch Yết-ma:

- Đại đức Ni Tăng xin lắng nghe ! Bí-sô ni này tên là..., có khả năng đến núi Chi tra kia, cật vấn mười hai vị Bí-sô ni làm nhớp nhà người. Nếu thời gian thích hợp đối với Ni Tăng, Tăng chấp thuận. Nay Tăng sai Bí-sô ni tên là..., làm người cật vấn, đến chỗ chúng Bí-sô ni mười hai người làm nhớp nhà người, tại núi Chi tra. Đây là lời tác bạch.

Văn Yết-ma y theo văn tác bạch mà làm.

Sau đó, đến thành núi Chi tra, trải chỗ ngồi, rồi đánh kiền chùy, nếu họ nghe tiếng kiền chùy đến tập hợp thì tốt, nếu không đến, thì nên làm pháp Yết-ma

trục xuất. Nếu họ đến thì nên báo cáo nguyên do cho họ biết rằng: "Các cô đã cùng nhau làm những việc phi pháp như vậy". Nếu họ nhận tội thì nên nói với họ rằng: "Vì nhân duyên này, nên chúng tôi đến đây, vì các cô mà tác pháp Yết-ma trục xuất".

Bấy giờ, ni chúng mười hai người nghe Đại thế chúa muốn vì họ tiến hành việc trục xuất, trong số đó có Bạt Đà La, Tô Bạt Đà La, Tôn Đà La, Thệ Diên Đà, tự nghĩ rằng: "Chúng mười hai người đã tạo ra các ác hạnh hủy hoại chánh pháp, chúng ta đồng tình làm như vậy. Nay Đại thế chúa vì chúng ta đến tác pháp Yết-ma trục xuất, cũng vì chúng ta mà tiến hành việc trục xuất này". Họ nghĩ như vậy rồi, liền đắp y mang bát ra khỏi cửa thành phía Tây, tuần tự du hành đến thành Thất-la-phạt. Những tội họ đã phạm, tội nào cần nói lên lời sám hối thì họ như pháp, ở trước mặt nói với nhau; còn tội nào tự trách tâm, thì họ y pháp trách tâm, để trừ tội. Họ cùng với các ni thanh tịnh khác, được thọ dụng mọi lợi dưỡng như nhau.

Lúc bấy giờ, thì Đại thế chúa cùng năm trăm vị, từ cửa thành phía Đông đi vào, đến trú xứ, trải chỗ ngồi, rồi đánh kiền chùy họp. Trong số mười hai chúng còn lại đều đến tập hợp. Vị ni cật vấn hỏi mười hai chúng rằng:

- Hiện các cô đang làm những việc ác hạnh, hủy hoại chánh pháp, việc này có thật hay không ?

Đáp rằng:

- Đúng thật như vậy.

Bấy giờ, vị ni cật vấn biết chúng đã tập hợp rồi, nên tác bạch Yết-ma:

- Đại đức Ni Tăng xin nghe cho ! Các Bí-sô ni Nan Đà, Ô Ba Nan Đà, Thổ La Nan Đà, Châu Kế Nan Đà, làm hạnh nhơ nhớp nhà người. Các ni này làm những việc ác hạnh, hủy hoại chánh pháp. Nếu thời gian thích hợp với Bí-sô ni Tăng, Bí-sô ni Tăng chấp thuận trao pháp Yết-ma cho các Bí-sô ni Nan Đà.v.v... đã làm các hạnh nhơ nhớp nhà người, mà không có tâm buông bỏ. Nay Tăng già làm pháp Yết-ma trục xuất. Đây là lời tác bạch.

Văn Yết-ma chuẩn theo lời tác bạch mà làm.

Bấy giờ, Ốt Lộ Ca, Ô Ba Sách Ca đã chứng kiến sự việc như vậy rồi, đến chỗ Đại thế chúa Kiều-đáp-diđảnh lễ sát chân, rồi ngồi qua một bên. Khi ấy,

Đại thế chúa Kiều-đáp-divì Ốt Lộ Ca, Ô Ba Sách Ca nói pháp, chỉ dạy những điều lợi ích và vui vẻ, khuyến khích họ tu thiện, phát tâm hoan hỷ, và báo cho biết là những Bí-sô ni làm hạnh nhơ nhớp nhà người, đã bị trục xuất rồi. Ốt Lộ Ca, Ô Ba Sách Ca bạch với Thế chúa Kiều-đáp-di:

- Nguyện thương xót chúng con, sáng mai mời thánh giả đến nhà chúng con dùng bữa cơm đạm bạc.

Kiều-đáp-diim lặng nhận lời mời. Ốt Lộ Ca, Ô Ba Sách Ca biết lời mời của mình đã được nhận rồi, liền trong đêm chuẩn bị ẩm thực đầy đủ. Sáng sớm tinh sương, họ liền sai người đến thỉnh:

- Kính thưa Kiều-đáp-di, thức ăn đã sửa soạn xong, xin mời thánh giả đến thọ trai.

Kiều-đáp-di cùng các ni chúng đắp y mang bát đến nhà Ốt Lộ Ca, Ô Ba Sách Ca. Bí-sô ni chúng đến chỗ ngồi, ngồi xuống. Ô Ba Sách Ca mang đồ ăn thức uống thanh tịnh, theo thứ tự dâng lên đầy đủ cho ni chúng. Sau khi các ni xỉa răng, súc miệng và rửa tay xong, Ô Ba Sách Ca đến trước Thế chúa Kiều-đáp-di, ngồi nơi ghế thấp để nghe pháp. Khi đã chỉ dạy những điều lợi ích, khiến cho vui vẻ xong, các vị từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

Bấy giờ, Đại thế chúa Kiều-đáp-didu hành trong nhân gian, đến thành Thất-la-phạt. Sau khi cất y bát, rửa chân xong, liền đến chỗ đức Phật đảnh lễ sát chân, ngồi qua một bên, bạch Phật:

- Con đã vì các Bí-sô ni Nan Đà, Ô Ba Nan Đà.v.v... tác pháp Yết-ma trục xuất-vì họ làm những hạnh nhơ nhớp nhà người-đã xong.

Thế chúa bạch Phật rồi, đảnh lễ sát chân, cáo lui.

Bấy giờ, các Bí-sô ni Nan Đà, Ô Ba Nan Đà.v.v... cùng nhau bàn tính, bảo:

- Nếu người nào bị té xuống đất, thì tự chống đất mà đứng dậy. Chúng ta cùng đến thành Thất-la-phạt, chỗ đức Phật và nơi Bí-sô ni Đại thế chúa Kiều-đáp-di, sám hối tạ tội.

Nghĩ như vậy rồi, họ liền tuần tự đến thành Thất-la-phạt.

Bấy giờ, Kiều-đáp-dinghe các Bí-sô ni Nan Đà, Ô Ba Nan Đà.v.v... đến trong thành, Thế chúa Kiều-đáp-dicùng năm trăm ni chúng đến chỗ đức Phật, đảnh lễ sát chân, ngồi qua một bên. Đại thế chúa Kiều-đáp-dibạch Phật:

- Kính bạch đức Thế Tôn, con nghe các Bí-sô ni Nan Đà, Ô Ba Nan Đà... hiện tại đã đến thành này. Vậy gặp họ, nên tiếp đón, đối xử thế nào ?

Đức Phật dạy:

- Nếu khi gặp họ, thì không cần phải nói chuyện với họ. Nếu là bậc già lớn thì cũng khỏi phải lễ bái. Những vị nhỏ tuổi đến bái chào, cũng đừng chúc "vô bệnh". Nếu họ xin chỗ ở thì nên chỉ phòng bên cạnh. Nếu họ muốn tìm giường chiếu, thì nên trao cho họ thứ cũ và rách. Nếu họ nói: "Tôi là bậc già lớn, sao lại trao cho những đồ cũ rách ?" thì nên nói: "Cô là người già mà si mê, vì lòng đại từ của đức Phật, nên mới trao cho các cô những đồ vật này".

Bấy giờ, Đại Thế chúa Kiều-đáp-dinghe đức Phật dạy như vậy rồi, kính lễ cáo lui.

Lúc bấy giờ có trưởng giả Cấp-cô-độc, cũng đến chỗ đức Thế Tôn, kính lễ sát chân Phật, rồi lui lại ngồi một bên, chấp tay bạch Phật:

- Kính bạch Đại đức Thế Tôn, con nghe các Bí-sô ni Nan-Đà... đến thành này làm hạnh ác nhơ nhớp nhà người. Nay con nên như thế nào ?

Đức Phật dạy:

- Không nên kính lễ chào hỏi, nhưng phải cung cấp thức ăn cho họ.

Bấy giờ, các Bí-sô ni Nan Đà, Ô Ba Nan Đà... đến chỗ Đại thế chúa và các ni cựu trú, để đảnh lễ, hỏi thăm, nhưng họ không được trả lời và cầu chúc "vô bệnh, an lạc". Các ni thiếu niên không đích thân đến kính lễ. Họ đòi hỏi ngọa cụ thì được cung cấp thứ cũ, rách. Họ cầu xin chỗ ở thì được chỉ nơi phòng thiếu phương tiện nhất. Họ nói:

- Chúng tôi là bậc già lớn, vì sao lại trao cho những thứ xấu tệ này ?

Bấy giờ, Đại thế chúa mới phương tiện bảo họ rằng:

- Các cô thật là bậc già lớn mà si mê. Đức Đại sư còn thương xót, khiến chúng tôi trao cho các cô những vật xấu rách này, không nên không hoan hỷ.

Bấy giờ, Nan Đà, Ô Ba Nan Đà... bàn luận như vầy:

- Chủ đích hành động và lời nói của chúng ta, thì Bạt Đà La, Tôn Đà La, Thệ Diên Đa, các vị ấy cùng làm tương tợ như chúng ta không khác. Nay chúng ta nên đến đó cùng họ bàn tính.

Khi đến chỗ các vị ấy rồi, Bạt Đà La.v.v... thấy họ đều không vui vẻ chào đón, hỏi han chi cả. Họ thấy vậy, liền bảo:

- Các lão túc ni không nói năng với chúng ta là điều hợp lý, còn các cô này, tất cả hành vi trước đây của các cô có khác gì chúng tôi đâu, vì sao hôm nay cũng không đón tiếp chúng tôi ?!

Các cô nghe, liền trả lời:

- Hành động, ngôn ngữ của chúng tôi trước đây, thật sự không khác với quý vị, song đối với tội phạm cần phải nói lên những lời sám hối, thì chúng tôi đã nói. Cần trách tâm thì chúng tôi cũng đã trách tâm, để diệt trừ rồi. Chúng tôi đã thanh tịnh, không còn phạm nữa. Do đó, chúng tôi không thể cùng với người ác hạnh phá giới như các cô cùng nhau thọ dụng như người trí được.

Nghe nói như vậy, họ liền nghĩ và nói:

- Các ni chúng kia có ái, có nhuế, có bố, có si. Có Bí-sô ni cùng đồng phạm tội như vậy, mà có người bị đuổi, người không bị đuổi.

Chư ni liền đem việc này bạch lại Bí-sô, Bí-sô bạch lên Phật. Đức Phật bảo các Bí-sô ni:

- Các cô nên đem đến chỗ vắng, can gián tận tình các Bí-sô ni Nan Đà, Ô Ba Nan Đà... cho đến tác pháp bạch tứ Yết-ma trục xuất...

Chư ni làm theo lời Phật dạy, nhưng họ vẫn kiên trì không bỏ, còn nói: “Đây là chơn thật, ngoài ra đều là hư vọng”. Các ni đem việc này bạch lại Bí-sô, Bí-sô bạch lên Phật. Đức Phật dùng nhân duyên này, tập hợp các ni chúng, hỏi để xác định sự thật, rồi quở trách và chế học xứ như vầy:

Bí-sô ni nào, sống tại thôn xóm, thành ấp, làm hạnh ác nhơ nhớp nhà người; làm nhơ nhớp nhà người, ai cũng thấy, cũng nghe, cũng biết; làm hạnh ác, ai cũng thấy, cũng nghe, cũng biết. Các Bí-sô ni nên nói với Bí-sô ni kia rằng: "Quý cụ thọ, các cô làm hạnh ác nhơ nhớp nhà người; làm nhơ nhớp nhà người, ai cũng thấy, cũng nghe, cũng biết; làm hạnh ác ai cũng thấy, cũng nghe, cũng biết. Các cô nên đi, không nên ở nơi đây". Bí-sô ni kia nói với các Bí-sô ni rằng: "Đại đức có ái, có nhuế, có bố, có si. Các Bí-sô ni đồng tội như vậy, mà có người bị đuổi, có người không bị đuổi". Khi ấy các Bí-sô ni nói với Bí-sô ni kia rằng: "Cụ thọ chớ nói như vầy: 'Các Đại đức có ái, có nhuế, có bố, có si. Có Bí-sô ni đồng tội mà có người bị đuổi, có người không bị đuổi'. Tại sao vậy ?-Vì các Bí-sô ni không có ái, có nhuế, có bố, có si. Các cô làm hạnh ác nhơ nhớp nhà người; làm nhơ nhớp nhà người ai cũng thấy, cũng nghe, cũng biết; làm hạnh ác ai cũng thấy, ai cũng nghe, ai cũng biết. Cụ thọ, các cô không nên nói: 'Có ái, có nhuế.v.v...'. Khi các Bí-sô ni can gián như vậy, bỏ thì tốt, nếu không bỏ, nên chánh thức ba lần ân cần can gián. Tùy theo những lời dạy mà gạn hỏi, khiến cho họ bỏ việc ấy. Nếu bỏ thì tốt, còn không bỏ, Tăng-già-phạt-thi-sa.

1 Thi-la : Nghĩa gốc là thiện, phẩm chất của thiện, luân lý, đạo đức, tánh cách, tập quán. Dịch là giới, là những điều răn dạy thực hiện điều thiện, ngăn ngừa điều ác(phòng-phi chỉ-ác, tu tập thiện sự).

1 Tăng-già-phạt-thi-sa: Hay gọi là Tăng-già-bà-thi-sa, lược dịch là Tăng-tàn, nghĩa là còn sót lại, dư tàn, tàn tật.... Căn bản q.11, tr 681b 6,T.23,n.1442 : Tăng-già-phạt-thi-sa, Tăng-già là phạm tội này phải nhờ Tăng già hướng dẫn sám hối.....Phạt-thi-sa là dư tàn...đối với 13 pháp này, Bí-sô tuy phạm mà có dư tàn, chữa trị được, nên gọi là Tăng-tàn. Thiện kiến q.5, tr 263b 5,T.22, n.1425 : Tăng-già-bà-thi-sa, Tăng-già là chỉ cho Tăng, bà nghĩa là bắt đầu, thi-sa là tàn. Tỳ-kheo phạm tội này, nếu muốn thanh tịnh thì đến gặp chúng Tăng, Tăng cho pháp ba-lợi-bà-sa (biệt trú), gọi là bắt đầu. Sau đó, hành 6 đêm ma-na-đỏa (hoan hỷ), đó là khoảng giữa. Giai đoạn cuối cùng là cho pháp a-phù-ha-na (xuất tội). Đó gọi là Tăng-già-bà-thi-sa.

1 Yết-ma xả trí : Yết-ma phiên âm từ Karmavàcana của tiếng Phạn. Hán dịch"Biện sự tác pháp", tức là những việc cần làm đều phù hợp với pháp qui định, cho nên có công dụng giúp thành tựu. Yết-ma xả trí là tác pháp mặc tẫn người phạm tội. Nghĩa là vị ấy dù sống trong chúng nhưng mọi người đều không tiếp xúc trò chuyện và coi như vị ấy vắng mặt.

1 Núi Chỉ-tra: Skt. Kṛïtàgiri, Pàli. Kitàgiri, phiên âm núi Chỉ-tra, Kê-tra; dịch nghĩa là núi Đen(Hắc-sơn), cũng là tên một ngôi làng trong nước Ca-thi trung Ấn Độ. Tứ phấn: Kỳ-liên. Ngũ phần: Ấp Kiết-la. Tăng kỳ: Thôn Hắc-sơn, nước Ca-thi. Căn bản: Núi Chỉ-tra. Thiện kiến: Núi Kê-tra.

2 Ô-ba-sách-ca: Cách phiên âm khác, Y-bồ-tắc, Ô-bà-tắc, Ưu-bà-tắc, dịch là cận sự nam. Một trong tứ chúng đệ tử, một trong hai chúng tại gia, là người thường thân cận cúng dường Tam bảo, chấp tác phục dịch trong tự viện.

3 Kiều-tát-la : dịch là nước Vô-đấu-chiến, nước Công-xảo. Có 2 nước Kiều-tát-la,1.Bắc Kiều-tát-la, phía Tây bắc nước Ca-tỳ-la-vệ, Chánh bắc nước Ba-la-nại, 2.Nam Kiều-tát-la, phía Nam nước Ma-kiệt-đà, kinh đô là Xá-vệ. Đức Phật thường cư trú nơi đây thuyết pháp trước sau 25 năm.Vị trí hiện nay dưới dãy Hy-mã-lạp-sơn (Hymalaya), nằm trên địa phận Nepal ngày nay.

4 Kiều-đáp-di : Cựu dịch làø Kiều-đàm-di, tân dịch là Kiều-đáp-di, từ giống cái (nữ thanh) của từ Kiều-đáp-ma(Hàng nữ họ Cù-đàm), tức dì ruột của đức Phật, là Ma-ha-ba-xà-ba-đề.

--- o0o ---

PHẦN 3 - CÙNG BÍ-SÔ CHẲNG PHẢI THÂN QUYẾN GIẶT Y CŨ

Khi Bồ-tát từ cõi trời Đổ Sử giáng hạ, thác sanh vào nhà vua Tịnh Phạn, nơi thành Kiếp-tỷ-la, thì bấy giờ tiếng đồn vang khắp bốn phương là dòng họ Thích sanh ra thái tử.

Kiếp-tỷ-lalà chỗ tiên nhân ở, cạnh sông Phần Diêm, bên núi tuyết. Cách đó không xa, có tiên nhân Bà-la-môn tên là A Tư Đà, rất giỏi nghề xem tướng. Nhà vua mời đến xem tướng, và tiên đoán rằng: “Thái tử nếu ở nhà thì sẽ làm Chuyển luân vương1, cảm hóa được tứ thiên hạ. Khi làm Đại thánh chủ thì bảy báu đầy đủ, gồm những xe quý, voi quý, ngựa quý, ngọc quý, con gái quý, thần chủ kho quý, thần chủ binh quý, thiên tử viên mãn, có đại oai lực, dũng mãnh vô song, có đủ khả năng hàng phục oán địch. Hết cả đại địa này, cùng tận cả bốn biển không có đạo tặc, cũng không có hình thức trị phạt tàn ác. Vua dùng pháp trị, mọi người sống trong yên ổn. Còn nếu thái tử xuất gia, cạo bỏ râu tóc, dùng tâm chánh tín, từ nhà đến chỗ chẳng phải nhà, thì sẽ được thành Phật, Ứng cúng Chánh biến tri, tiếng đồn vang khắp mười phương, thường hay hoằng hóa tế độ muôn loài”.

Bấy giờ, tất cả các vị đại vương các nước, thảy đều nghe biết thái tử Thích Ca sinh nơi núi tuyết... cho đến việc sẽ thường hoằng hóa tế độ muôn loài, vị nào cũng tự nghĩ: "Nay ta nên đến thừa sự thái tử, sau này sẽ nhận được phước lộc". Họ lại nghĩ: "Nay ta không có duyên để được thấy thái tử, nếu ta thừa sự vua Tịnh Phạn, tức là thừa sự tự thân thái tử vậy".

Bấy giờ, các quốc vương đều sai sứ giả mang thư thần phục (quốc tín) đến chỗ vua Tịnh Phạn. Sau khi Bồ-tát được nuôi dưỡng nơi thâm cung, và theo thời gian tuổi đã lớn khôn, nhờ mọi sự tiếp xúc, thái tử đã nhìn thấy được lão, bệnh, tử, nên ôm lòng buồn lo. Thái tử bèn vào trong rừng, tìm nơi vắng lặng, vất bỏ mọi việc người đời. Bấy giờ, nghe việc này rồi, tất cả đều tự nghĩ: "Sở dĩ ta thần phục vua Tịnh Phạn là vì chủ ý thừa sự thái tử, nhưng nay thái tử đã vào rừng, mong cầu sự xuất ly, vậy thì tại sao ta phải làm việc phí công này ?". Do vậy, các sứ giả được triệu hồi và các thứ thần phục đều được thủ tiêu, đoạn tuyệt.

Bấy giờ, đại vương Thắng Quang nước Kiều Tất La cùng các nước lân cận vua Tịnh Phạn, tuy tín vật không còn nữa, nhưng sứ thần vẫn còn qua lại, thường vẫn sai sứ đến thăm hỏi, và vị sứ được sai là đại thần trong nước, tên là Mật Hộ.

Bấy giờ, Mật Hộ đến chỗ vua Tịnh Phạn luận bàn việc nước xong, trở về nhà đại thần Ô Đà Di tạm nghỉ. Khi vua Tịnh Phạn sai sứ đến thăm hỏi vua Thắng Quang, thì đại thần Ô Đà Di là người được sai đi. Khi Ô Đà Di đến thành Thất-la-phạt, yết kiến vua Thắng Quang, sau khi luận bàn mọi việc với nhà vua xong, thì cũng trở về nhà đại thần Mật Hộ tạm nghỉ. Mật Hộ có người vợ tên là Cấp Đa, nhan sắc đẹp đẽ dễ thương, ai cũng ưa nhìn. Ô Đà Di cùng với Cấp Đa lén làm việc phi pháp. Mật Hộ nghe biết vợ mình cùng Ô Đà Di lén làm việc giao mật, liền tự nghĩ: "Hai kẻ ác này sẽ bị đoạn mạng". Sau đó lại nghĩ: "Nếu ta giết họ, thì sẽ tạo ra mọi sự sợ hãi, làm nhiễu loạn vương thành. Tại sao phải vì tội lỗi của người đàn bà mà giết Bà-la-môn?!". Nghĩ như vậy rồi, liền bỏ qua mọi việc.

Sau đó một thời gian, Mật Hộ lâm bệnh, mạng chung. Vì Mật Hộ không có con, nên vua Thắng Quang tịch thu tài sản, nhập vào kho của nhà vua. Ô Đà Di nghe sự việc như vậy, liền nghĩ: "Ta hiện còn đây, tại sao để cho Cấp Đa không có nơi nương tựa?"Nghĩ như vậy rồi, trong đêm đó, Ô Đà Di đắn đo mọi điều lợi hại, sáng ngày liền đến chỗ nhà vua Tịnh Phạn, tâu như sau:

- Nhà vua cùng vua Thắng Quang, biên giới của hai nước giáp nhau, hiện đang có việc bất ổn như vậy, nhà vua nên sai sứ đến nước kia trù tính, nếu không thăm hỏi, thì chúng ta sẽ chiêu lấy tai họa.

Vua Tịnh Phạn liền bảo rằng:

- Nếu vậy, thì khanh nên làm sứ giả đến đó thương lượng.

Ô Đà Di liền đến thành Thất-la-phạt. Vừa đến nơi, liền nghĩ: "Nay ta nên đến yết kiến đại vương trước, hay nên đến gặp vị đại thần của nhà vua trước?". Nghĩ như vậy rồi, liền cân nhắc: "Theo cách làm việc, đúng lý thì phải liên hệ từ cấp dưới lên đến cấp trên". Ô Đà Di liền đi đến chỗ vị đại thần, trình bày ý kiến của mình:

- Tôi muốn tâu với nhà vua, để cùng Cấp Đa chung sống. May mắn thay, ông có thể giúp tôi điều đó.

Vị đại thần của vua Thắng Quang nghe xong, mặc nhiên hứa khả.

Bấy giờ, Ô Đà Di đến chỗ vua Thắng Quang, cùng nhau luận bàn mọi việc nước xong, liền tâu với nhà vua rằng:

- May mắn thay, đại vương cho tôi chỗ tạm nghỉ.

Nhà vua nói:

- Trước đây ông đến, tạm nghỉ ở nơi nào?

Ô Đà Di trả lời:

- Trước đây tôi đến, thì tạm nghỉ nơi nhà của Mật Hộ.

Nhà vua nói:

- Hôm nay cũng đến đó mà tạm nghỉ.

Ô Đà Di tâu:

- Mật Hộ qua đời rồi.

Nhà vua nói:

- Chủ nhà tuy đã chết, nhà đâu có chết !

Ô Đà Di tâu:

- Nhà tuy không chết, mà sản nghiệp đều không.

Nhà vua ra lệnh cho vị đại thần, tìm nơi tạm nghỉ cho Ô Đà Di. Vị đại thần tâu:

- Không có chỗ nào để ông ta đình trú, song trước đây ông ta cùng với Cấp Đa đã giao thông, bản ý của đương sự là nhân việc này, muốn tâu cùng nhà vua điều đó. Nhà vua xét thấy, nếu có thể được thì chấp thuận ý kiến người này, tức là đã thỏa mãn những yêu cầu của vua Tịnh Phạn vậy.

Vua Thắng Quang liền bảo sứ giả mời Ô Đà Di đến, và bảo:

- Này Ô Đà Di, thật sự ta không biết, ông cùng Cấp Đa trước đã có giao mật. Nay ta thuận cho Cấp Đa làm vợ ông. Nhà cửa và tài vật, tất cả đều được ta cung cấp.

Bấy giờ, Ô Đà Di bái tạ ra về. Cấp Đa nghe Ô Đà Di đến nhà, bà ta liền ra tận cửa ngõ đón chào, và lớn tiếng khóc kể. Ô Đà Di vừa đến cửa, liền hỏi Cấp Đa rằng:

- Tại sao khóc kể ?

Cấp Đa mếu máo bảo:

- Phu chủ khả ái của em đã qua đời. Nay anh nỡ nào lại cũng bỏ em ?!

Ô Đà Di nói:

- Anh vốn vì em nên nay đến đây. Anh đã tâu với nhà vua rồi. Em và tài sản của nhà em, đều được nhà vua ban cho anh. Em muốn ở đây hay về thành Kiếp-tỷ-la?

Cấp Đa tự nghĩ: “Nếu ta về Kiếp-tỷ-la, thì người vợ Bà-la-môn của ông ta đâu để ta sống. Nay ta nên ở lại nhà này”.

Như vậy, lúc bấy giờ, Ô Đà Di một cảnh hai quê: một tại Kiếp-tỷ-la, một tại Thất-la-phạt.

Bấy giờ, trong vòng sáu năm, Bồ-tát sống không có bất cứ vật sở hữu nào, ngoài việc tu khổ hạnh. Sau khi Bồ-tát tự xét lại, nên đã tùy ý thọ nhận những đồ ăn thức uống vi diệu, rồi lấy bơ thoa khắp thân thể, dùng nước ấm tắm rửa.

Bồ-tát lại đến tụ lạc Thắng Quân, chỗ hai người nữ chăn bò, một tên là Hoan Hỷ, một tên là Hoan Hỷ Lực, thọ nhận mười sáu bội cháo sữa, ăn một bữa ăn vừa đủ no. Bồ-tát lại đến chỗ nam tử Thiện Hạnh, lấy cỏ cát-tường.

Bấy giờ, Hắc Long Vương thấy thế, tỏ lời khen ngợi. Sau đó, Bồ-tát hướng về gốc cây Bồ-đề, tự tay kết cỏ ngay ngắn, rồi tréo chân ngồi đoan thân chánh ý, tâm nghĩ miệng nói: "Nếu các lậu hoặc của ta mà không đoạn hết, thì quyết không rời khỏi chỗ này".

Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn đã hàng phục ba mươi sáu ức quân binh ma rồi, các lậu đều đoạn tận, chứng Nhất thiết trí. Trong thời gian vừa rời chỗ ngồi, Ngài đã nhận lời thỉnh mời của Phạm vương, đến Ba La Nê Tư, ba phen chuyển mười hai hành pháp luân, độ năm Bí-sô, cùng những người đi theo năm Bí-sô ấy xong, liền đi đến rừng Bạch-điệp2, độ sáu mươi Hiền bộ3, khiến họ trụ vào Kiến-đế.

Thế Tôn lại đến tụ lạc Thắng Quân, độ hai người nữ chăn bò, cùng khiến họ được vào Kiến-đế.

Ngài lại đến bên rừng Ô-lô-tần-loa4, độ một ngàn ngoại đạo xuất gia thọ Cận viên.

Thế Tôn lại đến đỉnh núi Già-da5 hiện thần biến, giáo hóa ba lần, khiến những người được giáo hóa đều trụ vào Niết-bàn an ổn. Và lại đến Trượng Lâm6 giáo hóa quốc vương Ma-kiệt-đà là vua Tần-tỳ-bà-la, giúp ông được trụ vào Kiến-đế

Ngài lại độ luôn tám mươi trăm ngàn Thiên chúng, vô lượng trăm ngàn Bà-la-môn nước Ma-kiệt-đà.v.v...

Kế đến, Ngài đến nơi thành Vương-xá, nhận tinh xá Trúc Lâm, và cho Thân tử, Mục Liên xuất gia thọ Cận viên.

Kế đến, Thế Tôn đến thành Thất-la-phạt nhận rừng Thệ-đa, vườn trưởng giả Cấp-cô-độc7.

Kế đến, Ngài đến Kiều-tát-la, nói kinh Thiếu Niên, khiến vua Thắng Quang được Kiến-đế, rồi đến rừng Thệ-đa.

Bấy giờ, vua Thắng Quang sai sứ mang thư đến chỗ vua Tịnh Phạn, thưa:

- Tâu đại vương, nay nhà vua được sự khánh hỷ: thái tử đã chứng Vô thượng chánh giác, cũng khiến cho loài hữu tình đồng hưởng cam lồ. Hiện nay thái tử ở tại rừng Thệ-đa.

Vua Tịnh Phạn nghe tin này rồi, lấy tay chống má, lòng ôm nỗi lo, than rằng:

- Trước đây, khi Nhất Thế Nghĩa Thành thái tử tu khổ hạnh, ta thường sai sứ đến thăm hỏi sức khỏe, để sứ giả trở về báo cáo chỗ ở của thái tử cho ta, nhưng mãi đến nay, các sứ giả ấy vẫn không một người nào trở về. Nay lại được tin thái tử đã đến rừng Thệ-đa, việc ấy thế nào ?

Bấy giờ, đại thần Ô Đà Di hiện có mặt chỗ nhà vua, thấy vậy, liền tâu với đại vương:

- Tại sao đại vương chống tay vào má, trông có vẻ ưu tư lo lắng vậy ?

Nhà vua nói:

- Hiện tại, làm sao ta không thể không ưu lo được. Trước kia, khi thái tử Nhất Thế Nghĩa Thành tu khổ hạnh, ta thường sai sứ đến thăm hỏi, để rồi trở về báo cáo cho ta biết chỗ ở của thái tử, nhưng mãi cho đến nay, không một sứ giả nào trở về. Nay lại có tin: thái tử Nhất Thế Nghĩa Thành đã chứng Vô thượng chánh giác, và cũng đã khiến cho các loài hữu tình đồng hưởng cam lồ. Hiện nay, thái tử đến nơi rừng Thệ-đa, làm sao ta không ưu lo được ?!

Ô Đà Di liền tâu:

- Nếu như vậy, thần xin làm sứ giả đến đó để tìm hiểu tin tức, rồi về tâu lên vua.

Nhà vua nói:

- E rằng, khanh đến đó rồi cũng ở lại luôn không về.

Ô Đà Di liền tâu:

- Phụng mệnh đại vương, đâu dám không về !

Bấy giờ, vua Tịnh Phạn tự tay viết thư:

“Từ sau khi thọ thai

Nuôi lớn đối Thế Tôn

Lửa phiền não luôn cháy

Thường cầu cây tối thắng

Nay đã được thành Phật

Đồ chúng đông vô biên

Mọi người nhận an lạc

Chỉ tôi chưa trừ khổ”.

Viết và đóng ấn xong, giao cho Ô Đà Di. Ô Đà Di mang sắc thư của nhà vua đến thành Thất-la-phạt, dâng lên đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn nhận thư rồi, tự tay mở ra đọc. Ô Đà Di bạch Thế Tôn rằng:

- Đức Thế Tôn có thể về thành Kiếp-tỷ-lađược không ?

Đức Phật nói:

- Này Ô Đà Di, ta cùng ngươi đi !

Bấy giờ, Ô Đà Di nhớ lại, xưa kia, lúc thái tử vượt thành xuất gia, phụ vương từng gọi về mà đã không về, cho nên lại bạch với đức Phật:

- Thế nào đức Thế Tôn cũng không chịu về. Nay con có đủ sức lực để yểm trợ cho Ngài về.

Đức Thế Tôn nghe nói như vậy, liền nói kệ để trả lời Ô Đà Di:

- Lưới ái sanh tử nếu trừ hết

Mới thật không cần người dẫn đường

Oai lực Thế Tôn không xiết kể

Bằng cách nào để ông được đi ?

Lưới ái sanh tử nếu trừ hết

Mới thật không cần người dẫn đường

Cảnh giới Thế Tôn không xiết kể

Bằng cách nào để ông được đi ?

Lúc bấy giờ, Ô Đà Di nghe đức Phật nói bài kệ rồi, đảnh lễ sát chân Phật, và bạch:

- Kính bạch đức Thế Tôn, con muốn về cung để tâu cho phụ vương biết.

Đức Phật bảo Ô Đà Di:

- Vì Phật làm sứ giả, lý không nên như vậy.

Ô Đà Di bạch Phật:

- Kính bạch đức Thế Tôn, vì Phật làm sứ giả, việc đó là thế nào ?

Đức Phật bảo Ô Đà Di:

- Phàm người xuất gia mới là sứ giả của Phật.

Ô Đà Di thưa:

- Con nguyện xuất gia ! Nhưng cần phải về, để báo cáo cho đại vương Tịnh Phạn đã. Nay con cần phải đi !

Đức Phật dạy:

- Đợi xuất gia rồi mới báo cáo.

Ô Đà Di nói:

- Hay thay ! Nay con xin xuất gia !

Đức Phật dạy:

- Trong thời gian đức Thế Tôn còn làm Bồ-tát, sanh vào bất cứ chỗ nào, đối với hai thầy, cha mẹ cùng hạng người tôn trọng, như pháp dạy bảo, thì chưa từng trái ngược. Vì nhân duyên này, nên lời nói của ta không bao giờ sai trái.

Lúc ấy, Ô Đà Di thưa:

- Kính bạch đức Thế Tôn, nay con xin xuất gia.

Đức Phật bảo ngài Xá Lợi Tử:

- Ông cho Ô Đà Di xuất gia, khiến cho ông ấy đêm trường tăm tối hằng được lợi ích.

Ngài Xá Lợi Tử vâng lời Phật dạy, liền cho Ô Đà Di xuất gia, thọ luôn Cụ túc. Những pháp thực hành cần thiết, đều dạy cho biết. Ô Đà Di thọ giáo giới rồi, kính lễ ngài Xá Lợi Tử xong, đến chỗ đức Thế Tôn, kính lễ sát chân Phật, và bạch:

- Bạch đức Thế Tôn, nay con đã xuất gia.

Đức Phật dạy:

- Nay ông có thể đi về được rồi, song đừng vội vàng vào vương cung. Khi đến cửa vương cung, nên dừng lại, báo tin rằng: “Bí-sô Thích Ca hiện đang đứng ngoài cửa”. Nếu gọi vào thì nên theo đó mà vào. Nếu người trong cung có hỏi: “Có Bí-sô Thích Ca khác cùng đến hay không ?”, thì nên trả lời

“Có”. Nếu họ hỏi: “Thái tử Nhất Thế Nghĩa Thành cũng với hình dáng như vậy phải không ?”, thì cũng trả lời là: “Cũng hình dáng như vậy”. Ông không nên ngủ trong vương cung. Nếu hỏi: “Thái tử Nhất Thế Nghĩa Thành có ngủ trong vương cung hay không ?”, thì trả lời là: “Không ngủ”. Nếu hỏi: “Vậy thì ngủ ở đâu ?”, thì trả lời là: “Hoặc A-lan-nhã, hay là Tỳ-ha-la”. Nếu hỏi: “Thái tử Nhất Thế Nghĩa Thành muốn đến đây hay không ?”, thì

trả lời là: “Muốn đến”. Nếu hỏi: “Khi nào đến?”, thì trả lời là: “Sau bảy ngày mới đến đây”.

Khi Ô Đà Di kính lễ đức Phật rồi ra đi, thì bấy giờ, đức Thế Tôn dùng thần lực gia bị, giúp Ô Đà Di trong khoảnh khắc đã đến thành Kiếp-tỷ-la, đứng ngoài cửa vương cung báo cáo với người giữ cửa rằng:

- Vì tôi, tâu với nhà vua: “Bí-sô Thích tử nay đang ở ngoài cửa”.

Người giữ cửa hỏi:

- Có các Bí-sô Thích Ca khác hay không?

Ô Đà Di trả lời:

- Có.

Người giữ cửa liền vào tâu với vua:

- Bí-sô Thích Ca đến, đang ở ngoài cửa, được phép vào hay không ?

Nhà vua bảo:

- Gọi vào, để ta xem Bí-sô Thích Ca hình dạng thế nào !

Người giữ cửa dẫn vào. Khi đến chỗ nhà vua, vua nhận biết nhan sắc tướng mạo, liền hỏi:

- Này Ô Đà Di, hiện nay ông đã xuất gia rồi à?

Ô Đà Di thưa:

- Tôi đã xuất gia.

Nhà vua bèn hỏi:

- Thái tử Nhất Thế Nghĩa Thành cũng sống với hình dạng như vậy chăng ?

Ô Đà Di trả lời:

- Kính tâu đại vương, thái tử cũng giống hình dạng như vậy.

Do vô thỉ kiếp ân ái sâu nặng, nên vua Tịnh Phạn vừa nghe nói như vậy, liền ngất xỉu, ngã người xuống đất, phải dùng nước lạnh để cấp cứu, giây lâu mới tỉnh lại. Vừa từ đất đứng dậy, vua liền hỏi Ô Đà Di:

- Thái tử Nhất Thế Nghĩa Thành có ý muốn về đây hay không ?

Thưa rằng:

- Thái tử có ý muốn về.

Hỏi:

- Khi nào về ?

Thưa:

- Sau bảy ngày nữa mới về đến đây.

Nhà vua liền ra lệnh cho các đại thần:

- Thái tử Nhất Thế Nghĩa Thành sau bảy ngày nữa sẽ trở về lại quê nhà, các khanh cần phải sửa sang trang trí hoàng thành, chỉnh trang đường sá. Mọi người trong cung nội cũng phải lau quét sạch sẽ, vì thái tử sắp đến.

Ô Đà Di thưa:

- Đức Thế Tôn không ở trong vương thất và cung nội đâu !

Nhà vua hỏi:

- Như vậy thì tạm ở nơi nào ?

Ô Đà Di thưa:

-Hoặc A-lan-nhã hay Tỳ-ha-la8

Nhà vua bảo các đại thần:

-Các khanh nên đến nơi A-lan-nhã, rừng Khuất-lộ-đà9, tạo lập một trú xứ gồm mười sáu đại viện, mỗi viện gồm có sáu mươi phòng, cũng giống như rừng Thệ-đa.

Bấy giờ, các đại thần phụng mệnh nhà vua, đến nơi A-lan-nhã, rừng Khuất-lộ-đà, xây dựng mười sáu đại viện, mỗi đại viện gồm có sáu mươi phòng. Giáo lệnh của đại vương liền được chấp hành ngay. Các hàng trời, người vượt trội, đã hết lòng với sự việc, định lực tương ưng, ý niệm trọn thành.

Trong thành này, mọi ngã tư, đường hẻm đều được trang hoàng sạch sẽ, nước hương chiên-đàn được rưới khắp, chỗ nào cũng có mùi thơm đặc thù, treo các bức lụa thêu, dựng lập tràng phan, hương hoa rải khắp, thật là hấp dẫn, như vườn của Đế Thích Hoan Hỷ. Bấy giờ, mọi người đều một lòng khát ngưỡng, trông ngóng đức Thế Tôn.

Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn ở nơi rừng Thệ-đa, ra lệnh cho tôn giả Đại Mục Liên:

- Nay ông nên đến bảo hết các Bí-sô rằng: Như Lai muốn đến thành Kiếp-tỷ-la. Cụ thọ nào muốn trực tiếp nhìn thấy cuộc gặp gỡ giữa cha con, thì nên chuẩn bị y bát.

Đại Mục Liên vâng lời Phật dạy, bảo các Bí-sô:

- Này các cụ thọ, đức Thế Tôn muốn đến thành Kiếp-tỷ-la, cụ thọ nào muốn thấy cuộc gặp gỡ giữa cha con, thì chuẩn bị y bát để đi theo đức Thế Tôn.

Các Bí-sô nghe xong, liền đến để cùng đi với đức Phật. Bấy giờ, đức Thế Tôn tự điều phục, nên mọi điều phục vây quanh, tự tịch tịnh nên mọi tịch tịnh vây quanh, tự giải thoát nên mọi giải thoát vây quanh, tự an ổn nên an ổn vây quanh, tự khéo tùy thuận nên mọi tùy thuận vây quanh, tự ly dục nên mọi ly dục vây quanh, tự A-la-hán nên A-la-hán vây quanh, tự đoan nghiêm nên mọi đoan nghiêm vây quanh. Như rừng chiên-đàn, chiên đàn vây quanh;

như voi chúa, voi con vây quanh; như sư tử chúa, sư tử vây quanh; như trâu chúa, các trâu vây quanh; như ngỗng chúa, các ngỗng vây quanh; như Diệu sí vương, diệu sí điểu vây quanh; như Bà-la-môn, học đồ vây quanh; như đại y, con bệnh vây quanh; như đại quân tướng, binh chúng vây quanh; như thầy dẫn đường, lữ hành vây quanh; như thương chủ, thương khách vây quanh; như đại trưởng giả, nhơn chúng vây quanh; như các quốc vương, đại thần vây quanh; như trời trăng, các sao vây quanh; như bánh xe mặt trời, muôn ngàn ánh sáng vây quanh; như Trì Quốc thiên vương, Càn-thát-bà vây quanh; như Tăng Trưởng thiên vương, Cưu-bàn-trà vây quanh; như Xú Mục thiên vương, long chúng vây quanh; như Đa Văn thiên vương, chúng Dược xoa vây quanh; như Tịnh Diệu vương, chúng A-tu-la vây quanh; như Đế Thích, tam thập tam thiên vây quanh; như Phạm thiên vương, chúng Phạm vây quanh.

Giống như biển lớn an ổn, vắng lặng, như đám mây lớn mịt mù bao phủ, như con voi con khép nép trước sự cuồng say, điều phục các căn, oai nghi tịch tịnh, ba mươi hai tướng trang sức, tám mươi vẻ đẹp tự nghiêm thân. Một tầm ánh sáng chiếu soi hơn ngàn mặt trời. Bước đi thong thả nhẹ nhàng như bảo sơn di chuyển. Mười lực, Tứ vô sở úy, an trụ trong Đại bi tam niệm. Vô lượng công đức thảy đều viên mãn.

Các đại Thanh văn gồm có: tôn giả A Thận Nhã Kiều Trần Như, tôn giả Cao Thắng, tôn giả Bà Sắc Ba, tôn giả Đại Danh, tôn giả Vô Diệt, tôn giả Xá Lợi Tử, tôn giả Đại Mục Liên, tôn giả Ca Diếp Ba, tôn giả Danh Xưng, tôn giả Viên Mãn.v.v... Các đại Thanh văn và bao nhiêu người khác đều đến Kiếp-tỷ-la, tuần tự theo thứ lớp đi đến sông Lô Tử Đa. Bấy giờ, các Bí-sô, hoặc có vị đang rửa chân tay, hoặc đang xỉa răng, hoặc đang lọc nước, hoặc đang tắm.

Vào lúc bấy giờ, nơi thành Kiếp-tỷ-la, tất cả mọi người, khi nghe thái tử Nhất Thế Nghĩa Thành sắp đến, thảy đều hoan hỷ, chen nhau chạy đến rừng Quật Lộ Đa. Bấy giờ, vua Tịnh Phạn sử dụng một khu đất rộng, thiết lập chỗ ngồi đợi thái tử đến.

Bấy giờ, lại có vô lượng trăm ngàn dân chúng vân tập, hoặc có kẻ nhờ thiện căn đời trước, cùng nhau kỉnh giác; hoặc có người lòng sanh hỷ lạc, khởi ý niệm như vầy: “Cha lễ con, hay con bái cha ?”.

Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn liền tự nghĩ: “Nếu ta đi bộ vào thành, thì con cháu dòng họ Thích Ca đều khởi lòng kiêu mạn, cùng nhau sanh tâm bất tín,

và sẽ bàn tán như vầy: ‘ Thái tử Nhất Thế Nghĩa Thành đã bị mất mát quá nhiều. Ngày xưa được trăm ngàn thiên chúng đi theo sau trong không trung, vòng quanh thành Kiếp-tỷ-la. Hôm nay đã đạt được Vô thượng diệu trí, mà lại đi bộ về nhà ’. Muốn khiến cho mọi người chấm dứt tâm khinh mạn, ta nên dùng thần biến vào thành Kiếp-tỷ-la ”.

Bấy giờ, đức Thế Tôn theo tâm đã nghĩ, nhập Tam-ma-địa, khi đã vào cảnh định, biến khỏi chỗ ngồi. Ngài cùng các Bí-sô hiện hình giữa hư không, như mặt trăng tròn đầy, cùng nhau vây quanh, như con nga vương xòe cánh tung bay, trong bốn oai nghi: đi, đứng, nằm, ngồi, đều hiện thần biến đầy đủ.

Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn từ cửa Đông vào định hỏa quang, hiện nhiều ngọn lửa xanh, vàng, đỏ, trắng, hồng, màu pha-lê; hoặc hiện thần biến: trên thân tuôn ra nước, dưới thân tuôn ra lửa; hoặc trên thân tuôn ra lửa, dưới thân tuôn ra nước. Hướng Đông như vậy, Nam, Tây, Bắc, các phương khác cũng lại như vậy. Kế đến, Ngài thu nhiếp thần thông lại, ở trong hư không cao bảy cây Đa-la10, trong lúc ấy các Bí-sô chỉ cao sáu cây Đa-la. Thế Tôn cao sáu cây, thì các Bí-sô cao năm cây. Phật năm thì chúng bốn, Phật bốn thì chúng ba, Phật ba thì chúng hai, Phật hai thì chúng một, Phật một thì chúng bằng sáu người, Phật sáu thì chúng năm, Phật năm thì chúng bốn, Phật bốn thì chúng ba, Phật ba thì chúng hai, Phật hai thì chúng một, Phật một thì chúng liền ở trên mặt đất. Đức Thế Tôn đi trên mặt đất cao lớn hơn một người đi trên hư không, cùng với vô lượng trăm ngàn vô số đại chúng người, trời vây quanh, đến thành Kiếp-tỷ-la.

Bấy giờ, nhà vua Tịnh Phạn gặp đức Phật, đầu diện lễ túc, nói kệ:

Khi Phật mới sinh thì trời đất động

Cây Thiệm-bộ11 bóng không lìa thân

Lần thứ ba, nay lễ viên trí

Hàng phục oán ma thành chánh giác.

Bấy giờ, mọi người trong họ Thích và quần chúng thấy vua Tịnh Phạn lễ sát chân đức Phật, lòng sanh bất nhẫn, cùng nhau xướng lên rằng:

- Tại sao người cha tôn kính lại lễ sát chân người con ?!

Vua Tịnh Phạn bảo các Thích tử và Thích nữ rằng:

- Các ngươi không nên nói như vậy. Chính ngày Bồ-tát mới sanh, đại địa chấn động, phát ra ánh sáng rộng lớn, chiếu khắp cả thế giới. Màu sắc của ánh sáng đó, vượt quá cõi trời thứ ba mươi ba. Trong thế giới hắc ám, chỗ mà oai quang của mặt trời, mặt trăng không chiếu đến được, thì ngay lúc ấy cũng đều sáng rực. Loài hữu tình từ lâu sống nơi đó, nhờ ánh sáng chiếu soi, mà họ đã được thấy nhau. Họ nói với nhau rằng: "Thì ra các bạn hữu tình cũng đã sống nơi đây !". Bấy giờ, tôi thấy việc hy hữu như thế, đã kính lễ sát chân Phật. Lại nữa, Bồ-tát đã từng đến nơi đồng ruộng, quan sát các sản nghiệp, tréo chân ngồi dưới cây Thiệm-bộ, viễn ly dục giới và pháp ác bất thiện. Có tầm, có từ, đạt được định hỷ lạc, vào sơ tịnh lự (sơ thiền). Lúc ấy đã quá ngọ, bao nhiêu bóng cây đều ngã về hướng Đông, chỉ trừ cây Thiệm-bộ, độc nhất bóng không di chuyển, dùng che mát thân Bồ-tát. Lúc ấy, tôi thấy được việc hy hữu như vậy, lại kính lễ sát chân đức Thế Tôn.

Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn ở trong chúng Bí-sô và mọi người cùng đến nơi tòa an tọa. Vua Tịnh Phạn lại kính lễ sát chân Phật. Đây là lần thứ ba kính lễ sát chân đức Thế Tôn.

Bấy giờ, mọi người trong dòng họ Thích, ở rừng Khuất-lộ-đà thù thắng, trải bày chỗ ngồi tốt đẹp và dâng phẩm vật cúng dường, chờ đợi đức Thế Tôn và chúng Bí-sô.

Khi đức Thế Tôn đến nơi rừng kia, đến chỗ ngồi an tọa trước mọi người rồi, vua Tịnh Phạn liền dùng tất cả những thứ vi diệu thù thắng trên đời để cúng dường. Cúng dường Phật và Tăng xong, bấy giờ vua Tịnh Phạn, vua Bạch Phạn, vua Hộc Phạn, vua Cam Lồ Phạn cùng trăm ngàn dân chúng kính lễ sát chân đức Phật, rồi ngồi qua một bên. Có một số người chỉ chắp tay, lại có một số người từ xa trông đến đức Thế Tôn im lặng ngồi.

Bấy giờ, vua Tịnh Phạn liền dùng kệ hỏi đức Phật:

Xưa Phật ở vương cung

Ra đi bằng xe cộ

Sao nay với hai chân

Đi khắp trong gai sỏi ?!

Đức Thế Tôn trả lời:

Tôi dùng thần túc thông

Tự tại nương hư không

Đi khắp hết đại địa

Phiền não, chân không tổn.

Nhà vua lại hỏi:

Ngày xưa mặc mỏng, nhẹ

Dung sắc nhiều tia sáng

Nay mặc đồ thô xấu

Làm sao kham nhẫn được ?

Đức Thế Tôn trả lời:

Tàm quý là thượng phục

Đắp mặc rất đoan nghiêm

Người thấy sanh lòng vui

Im lặng chốn rừng già.

Nhà vua lại hỏi:

-Xưa ăn thức ăn ngon

Để đầy cả mâm vàng

Nay ăn đồ hành khất

Làm sao được no lòng ?

Đức Thế Tôn trả lời:

- Tôi ăn pháp vi diệu

Vị cùng định tương ưng

Trừ bỏ tham ăn uống

Vì thương nên mới thọ.

Nhà vua lại hỏi:

- Xưa ở nơi lầu đẹp

Tùy thời được tự an

So với trong rừng núi

Làm sao không sợ sệt ?

Đức Thế Tôn trả lời:

- Tôi đoạn gốc rễ sợ

Phiền não đều trừ hết

Tuy ở trong rừng già

Dứt sạch các lo sợ.

Nhà vua lại hỏi:

- Xưa ở trong vương cung

Tắm rửa bằng nước thơm

Nay ở trong rừng già

Mâu Ni tắm bằng gì ?

Đức Phật trả lời:

- Ao pháp nước công đức

Trong sạch người thích ưa

Người trí tắm trong đó

Rửa sạch các bụi trần.

Nhà vua lại hỏi:

- Ngày xưa ở trong cung

Bình vàng rót nước tắm

So với nơi sông ao

Đồ gì dùng để rót ?

Đức Thế Tôn trả lời:

- Tôi tắm nước giới tịnh

Dùng diệu pháp để rót

Người trí cùng khen phục

Làm sạch thân tâm nhớp.

Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn dùng kệ vi diệu trả lời cho vua Tịnh Phạn rồi, kế đến quan sát giới tánh sai biệt, cùng ý muốn khác nhau của mọi người. Ngài dùng pháp tương ứng với căn cơ của họ mà nói. Số người nghe pháp gồm có: vua Bạch Phạn, vua Hộc Phạn, vua Cam Lồ Phạn và trăm ngàn dân chúng khác đồng nghe diệu pháp, đặng quả Dự-lưu, hoặc đặng quả Nhất-lai, hoặc đặng quả Bất-hoàn, hoặc có người xuất gia đoạn các phiền não, chứng quả A-la-hán, hoặc phát tâm Độc giác Bồ-đề, hoặc có người phát khởi tâm Vô thượng Bồ-đề. Ngoài ra, đều khiến cho họ quy y Tam bảo, trụ trong chánh tín.

Bấy giờ, vua Tịnh Phạn vì tình cảm vui mừng quá độ, cho nên chưa được Kiến đế. Vua Tịnh Phạn và mọi người kính lễ sát chân đức Phật, rồi cung kính cáo lui. Trong đêm đó, vua Tịnh Phạn tự nghĩ: "Chỉ có một mình con của ta mới có oai đức như vậy. Ngoài ra không ai có được".

Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn biết tâm niệm của vua Tịnh Phạn, nên muốn hàng phục tâm kiêu mạn của tôn thân. Trời vừa sáng, Phật bảo Đại Mục Kiền Liên:

- Ông nên quán sát dũ lòng thương đối với phụ vương ta.

Mục Liên bạch Phật:

- Con xin vâng lời đức Thế Tôn.

Mục Liên đắp y mang bát đến chỗ vua Tịnh Phạn. Nhà vua thấy tôn giả, liền cất tiếng chào: "Thiện tai", và đón mời ngồi. Mục Liên liền như ý nghĩ, nhập Tam-ma-địa. Vào định rồi, ẩn thân nơi chỗ ngồi, vụt hiện lên không trung. Trước hết, nơi phương Đông, hiện đại thần biến: vào định hỏa quang, hiện các ngọn lửa màu xanh, vàng, đỏ, trắng, hồng, màu phả-chi-ca (pha-lê), trên thân tuôn ra nước, dưới thân tuôn ra lửa; trên thân tuôn ra lửa, dưới thân tuôn ra nước. Đối với phương Nam, Tây, Bắc cũng lại như vậy. Kế đến, tôn giả thu nhiếp thần thông, hiện lại chỗ ngồi. Bấy giờ vua Tịnh Phạn bạch với Đại Mục Liên:

- Đệ tử đức Thế Tôn đều có đủ đại oai đức như tôn giả hết hay chăng ?

Đại Mục Liên vì phụ vương nói kệ:

- Các đệ tử Mâu Ni

Đều có đại oai đức

Tam minh và lục thông

Không vị nào không có.

Bấy giờ, vua Tịnh Phạn lại nghĩ: "Không phải chỉ có con ta mới có đại oai đức, mà bao nhiêu vị khác cũng có. Như vậy, Bí-sô đều là Đại oai lực". Tất

cả tâm kiêu mạn trước kia, nay đều được trừ sạch. Nhà vua lại nghĩ: "Hiện tại, đức Thế Tôn chỉ có loài người cúng dường, không thấy có chư thiên". Đại Mục Liên biết nhà vua đã nghĩ gì, liền nói:

- Nay tôi muốn trở lại chỗ đức Thế Tôn.

Nhà vua thưa:

- Tùy ý.

Bấy giờ, vua Tịnh Phạn cùng muốn đến chỗ đức Phật. Đức Thế Tôn biết ý niệm của phụ vương, nên nơi rừng Khuất-lộ-đàtự nhiên hóa thành phả-chi-ca. Khi nhà vua muốn đi vào từ cửa Đông, thì người giữ cửa báo cáo:

- Đại vương chớ vào.

Nhà vua hỏi:

- Với ý gì ?

Người giữ cửa báo cáo:

- Đức Phật hiện đang nói pháp riêng cho các hàng chư thiên.

Nhà vua hỏi người giữ cửa:

- Này hiền thủ, ông là người gì ?

Người giữ cửa trả lời:

- Thưa đại vương, tôi là Đông phương Trì Quốc thiên vương.

Nhà vua liền đến cửa phía Nam, với ý muốn vào gặp đức Thế Tôn. Người giữ cửa thưa:

- Đại vương chớ vào.

Nhà vua hỏi:

- Tại sao ?

Người giữ cửa thưa:

- Đức Phật hiện đang nói pháp riêng cho các hàng chư thiên.

Nhà vua hỏi người giữ cửa:

- Này hiền thủ, ông là người gì ?

Người giữ cửa trả lời:

- Tôi là Nam phương Tăng Trưởng thiên vương.

Nhà vua lại đến cửa phía Tây, muốn vào yết kiến đức Thế Tôn, người giữ cửa lại thưa:

- Đại vương chớ vào !

Nhà vua hỏi:

- Tại sao ?

Người giữ cửa đáp:

- Đức Phật hiện đang nói pháp cho các hàng chư thiên.

Nhà vua hỏi người giữ cửa:

- Này hiền thủ, ông là người gì ?

Người giữ cửa thưa:

- Tôi là Tây phương Quảng Mục thiên vương.

Nhà vua lại đến cửa phía Bắc, muốn vào yết kiến đức Thế Tôn, người giữ cửa cũng thưa:

- Nhà vua chớ vào !

Nhà vua hỏi:

- Tại sao ?

Người giữ cửa thưa:

- Đức Phật hiện đang nói pháp riêng cho các hàng chư thiên.

Nhà vua hỏi người giữ cửa:

- Này hiền thủ, ông là người gì ?

Người giữ cửa thưa:

- Tôi là Bắc phương Đa Văn thiên vương.

Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn liền dùng thần lực, gia bị cho vua Tịnh Phạn, khiến cho nhà vua từ ngoài cửa, thấy được đức Thế Tôn, đang nói pháp vi diệu cho các hàng chư thiên. Nhà vua thấy vậy, liền có ý nghĩ: "Nay đức Phật Thế Tôn không phải chỉ có loài người cúng dường, mà cả đến chư thiên cũng đến thân cận phụng hành", khiến cho tâm kiêu mạn của vua Tịnh Phạn được chấm dứt. Sau đó, đức Thế Tôn liền thu nhiếp thần biến.

Bấy giờ, Đại Mục Liên hướng dẫn vua Tịnh Phạn vào yết kiến đức Thế Tôn. Khi đến chỗ Phật, nhà vua kính lễ sát chân Thế Tôn, rồi ngồi qua một bên. Bấy giờ, đức Thế Tôn tùy theo tâm niệm, tùy theo giới tánh sai khác của vua Tịnh Phạn và mọi người, mà theo căn cơ nói pháp, khiến cho vua Tịnh Phạn dùng chày trí kim cương, phá tan hai mươi núi cao thân kiến, đạt được quả Dự-lưu. Đã chứng quả rồi, vua bạch đức Phật:

- Kính bạch đức Thế Tôn, quả chứng của tôi hôm nay, chẳng phải do cao tổ làm nên, cũng chẳng phải do cha mẹ tạo thành, chẳng phải vua, chẳng phải trời, chẳng phải Sa-môn, Bà-la-môn, chẳng phải các tôn thân, mà có thể làm được. Tôi nương nơi Thế Tôn, là bậc thiện tri thức, nên mới có thể đạt được việc này. Đối với gốc rễ trong Nại-lạc-ca12, bàng sanh, ngã quỷ của ba đường ác được nhổ giúp, khiến cho ra khỏi, mà còn đặt nền tảng nơi cõi người trời, để có khả năng dứt sạch biên tế sanh tử đời vị lai, làm khô cạn biển cả sữa máu, vượt khỏi núi lớn xương trắng, mà từ vô thỉ đến nay đã từng tích lũy trong nhà hang thân kiến, nay đều trừ bỏ, để chứng diệu quả này. Kính bạch Đại đức13, đối với dòng sanh tử, nay tôi đặng ra khỏi. Nay tôi xin quy y Phật, Pháp, Tăng bảo, làm người Ô-ba-sách-ca. Cúi xin đức

Thế Tôn từ bi chứng giám. Kể từ hôm nay cho đến trọn đời, tôi không đoạn mạng loài hữu tình, cho đến không uống rượu, cúi đầu nhận lãnh năm chi học xứ của đức Thế Tôn.

Sau đó, vua Tịnh Phạn lễ Phật cáo lui, đến chỗ Bạch Phạn vương báo rằng:

- Nay em có thể nhận vương vị.

Người em hỏi:

- Tại sao có ý như vậy ?

Nhà vua nói:

- Nay tôi đã thấy sự thật của sự vật (kiến đế) nên không thể làm vua nữa.

Người em hỏi:

- Lúc nào ?

Đáp rằng:

- Ngay ngày hôm nay.

Người em nói:

- Ngay ngày đầu đến với đức Thế Tôn, tôi đã đặng kiến đế rồi !

Sau đó, nhà vua đến Hộc Phạn vương, cuối cùng đến Cam Lồ Phạn vương, mục đích là mong muốn truyền được ngôi vua, nhưng đến đâu cũng đều được trả lời là: “Tôi đã kiến đế”. Vua Tịnh Phạn nói:

- Như vậy thì nay tôi quán đảnh14 cho ai để nhận vương vị đây ?

Người em thưa:

- Thích Ca đồng tử tên là Hiền Thiện có thể nối vương vị.

Biết được ý chí của nhà vua, nên Hiền Thiện im lặng thọ nhận. Bấy giờ, vua Tịnh Phạn liền làm lễ quán đảnh cho Hiền Thiện và trao vương vị.

Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn và Tăng chúng Bí-sô hàng ngày vào cung vua thọ nhận thức ăn cúng dường. Vua Tịnh Phạn nghĩ: "Hiện nay, đệ tử của Phật đa số là người ngoại đạo trước kia, với số lượng có đến ngàn người. Tâm tuy đoan chánh, nhưng thân chẳng có tướng hảo, vì xưa kia họ khổ, nên thân hình gầy còm tiều tụy, làm sao cho môn đồ của đức Thế Tôn dung nghi khả ái, khiến cho mọi người thấy đều sanh thiện tâm. Ta cần ra lệnh cho dòng họ Thích, theo đức Thế Tôn, càng nhiều càng tốt. Có vậy, mới đoan nghiêm đoàn thể, người người đều tôn trọng được". Vua Tịnh Phạn liền tập hợp dòng họ Thích lại, bảo rằng:

- Quý vị nên biết, thái tử Nhất Thế Nghĩa Thành nếu không xuất gia thì sẽ làm gì ?

Mọi người đều trả lời:

- Làm vua Chuyển luân.

Nhà vua lại hỏi:

- Quý vị khi ấy sẽ làm gì ?

Họ trả lời:

- Chúng tôi là chư thần tùy tùng của Ngài.

Vua Tịnh Phạn bảo:

- Nay thái tử Nhất Thế Nghĩa Thành đã chứng được pháp cam lồ, nhờ đó, khiến cho các loài hữu tình đồng hưởng pháp vị ấy, vì sao quý vị không tùy tùng ?

Mọi người đều trả lời:

- Chúng tôi nguyện xuất gia, tùy tùng Thế Tôn.

Nhà vua nói:

- Tùy ý quý vị.

Các Thích tử nói:

- Cả gia đình đều đi, hay mỗi gia đình một người ?

Nhà vua nói:

- Mỗi gia đình một người.

Bấy giờ, vua Tịnh Phạn rung chuông tuyên lệnh:

- Mỗi nhà phải có một người xuất gia phụng Phật ! Nếu ai không thuận, sẽ chịu sự khiển trách.

Vào lúc bấy giờ, trong dòng họ Thích có Hiền Thiện Vô diệt cùng năm trăm Thích tử đều xuất gia. Như đức Thế Tôn nói, nếu bỏ quý tộc xuất gia, sẽ thu hoạch được nhiều lợi dưỡng. Do vậy, năm trăm Thích tử Bí-sô thu hoạch được nhiều lợi dưỡng.

Lúc bấy giờ, đức Bạc Già Phạm lại nghĩ: "Các Thích tử này vốn vì giải thoát mà cầu xuất gia. Nay, họ lại bỏ nếp sống thiểu dục, mà đắm say nơi tài lợi". Đức Thế Tôn muốn cho họ chấm dứt nếp sống hưởng thụ này, nên liền trở về thành Thất-la-phạt, ở tại rừng Thệ-đa, như đã an trụ trước kia.

Bấy giờ, cụ thọ Ô Đà Di, buổi sáng đắp y mang bát vào thành Thất-la-phạt, tuần tự khất thực. Đi đến nơi nhà của Cố nhị Cấp Đa, đứng ngay ngoài cửa. Cấp Đa từ xa trông thấy, đấm ngực kêu:

- Ô Đà Di, tại sao anh bỏ em đi xuất gia?!

Ô Đà Di đáp:

- Này hiền thủ, như đức Thế Tôn của tôi, khi còn làm Bồ-tát, đã xả bỏ những người đàn bà quý báu Da Du Đà La (Trì Xưng), Cù Tỷ Ca (Mật Hộ), Mật Lật Ca Xà (Lộc Tử), cùng sáu vạn thể nữ mà đi xuất gia. Ai có thể cùng với loại trần cấu như ngươi, để rồi phải bị vùi vào bùn chăng ?

Cấp Đa trả lời:

- Nếu như vậy thì em cũng xuất gia.

Ô Đà Di nói:

- Hay lắm !

Cấp Đa nói:

- Nay em cần sắp xếp gia nghiệp rồi sẽ xuất gia.

Ô Đà Di nói:

- Nên sắp xếp mau, chớ nên chậm trễ.

Ô Đà Di nói xong bỏ đi, rồi hằng ngày đến thăm hỏi:

- Ngươi chưa xuất gia à ?

Đáp:

- Gia nghiệp của em chưa thu xếp xong.

Ô Đà Di hối thúc:

- Chờ sau khi nước Kiều-tát-lacháy thành tro, khi ấy ngươi mới thu xếp xong gia nghiệp hay sao ?

Cấp Đa nói:

- Trong ngày nay sẽ thu xếp xong, ngày mai xuất gia.

Bấy giờ, Ô Đà Di liền nghĩ: "Hiện nay ta chỉ liên hệ vì tục lụy xưa thôi, mà còn bị người cùng phạm hạnh Hắc Bát khinh tiện, huống chi bây giờ bảo Cấp Đa xuất gia, thì phải chiêu lấy biết bao nhiêu sự cơ hiềm về: Lục chúng Bí-sô độ Bí-sô ni. Ô Đà Di liền sanh lòng hối hận. Thế rồi sáng ngày hôm sau, đắp y mang bát đi về thành Vương-xá. Khi đến nơi rồi, liền an cư tại đó.

Cấp Đa giao gia nghiệp xong, một hôm, đến rừng Thệ-đa hỏi các Bí-sô:

- Ngài ấy ở đâu ?

Các Bí-sô hỏi:

- Ngài ấy là ai ?

Cấp Đa trả lời:

- Thánh giả Ô Đà Di.

Các Bí-sô nói:

- Vị ấy đã viễn du đến thành Vương-xá rồi.

Nghe xong, Cấp Đa liền khóc kể. Bí-sô hỏi:

- Tại sao Cấp Đa khóc kể ?

Cấp Đa mếu máo trả lời:

- Thánh giả Ô Đà Di bảo tôi bỏ nhà, hứa cho tôi xuất gia. Nay tôi đã giao hết gia sản rồi, thánh giả lại bỏ tôi đi xa. Hiện giờ, tôi chẳng phải người thế tục, chẳng phải người xuất gia, làm sao tôi không ưu não được ?!

Bí-sô hài hước nói:

- Vì dao cạo cũ, nên vị ấy đến thành Vương-xá, là muốn có được con dao mới, để cạo tóc mới cho bà.

Bấy giờ, chúng Bí-sô ni vì thỉnh giáo thọ nên đến rừng Thệ-đa, thấy Cấp Đa vừa đi vừa khóc một cách ưu sầu, bèn hỏi:

- Tại sao Cấp Đa khóc ?

Cấp Đa đem tất cả sự việc đã xảy ra, thưa lại các Bí-sô ni. Các ni nói:

- Thật sự cô không biết, chứ đâu có chuyện Bí-sô mà độ Bí-sô ni. Cô nên cầu ni chúng độ cho cô xuất gia. Cô có thể đi theo chúng tôi, đến chỗ Đại thế chúa Kiều-đáp-di, để được độ xuất gia.

Bấy giờ, các ni chúng liền hướng dẫn Cấp Đa đến chỗ Đại thế chúa, bạch:

- Kính bạch thánh giả, người nữ Cấp Đa này nguyện xin xuất gia.

Đại thế chúa liền cho xuất gia.

Bấy giờ Ô Đà Di ở thành Vương-xá, tự nghĩ: “Ta vì đề phòng dư luận của các Hắc Bát, nên không cho Cấp Đa xuất gia. Ta sẽ bị mất mát các dụng cụ tư thân, như dây lưng.v.v... Nếu các Hắc Bát độ cho Cấp Đa xuất gia, thì cho đến chỉ tạm gặp mặt, ta cũng không có lý do nào được gặp !”. Do vậy, tuy Ô Đà Di an cư mà tâm vẫn không vui.

Lúc bấy giờ, có Bí-sô Ma Ha La từ thành Thất-la-phạt, hạ an cư xong, đến nơi Vương thành, gặp lúc Ô Đà Di đến tinh xá Trúc Lâm, gần bên ngoài đại lộ, đứng trông ngóng. Từ xa, thấy Bí-sô già đến, tóc tợ như bông lau, chân mày dài, vai xũ xuống, đi với dáng bộ chậm rãi, Ô Đà Di liền tự nghĩ: “Vị sư đến đây, là bậc Thượng tọa chăng ?”. Khi đến gần, Ô Đà Di chào:

- Thiện lai, thiện lai, Thượng tọa !

Vị Bí-sô già nói:

- Kính lễ A-giá-lợi-da15 ! Kính lễ Ô-ba-đà- da16 !

Bấy giờ, thấy vị này không biết phép tắc, biết chắc là Ma Ha La, liền dẫn vào chùa, và hỏi:

- Sư từ đâu đến ?

Vị sư trả lời:

- Từ Thất-la-phạtđến.

Ô Đà Di liền nghĩ: “Trước hết, nếu ta hỏi về tin tức của Cấp Đa, thì người nghe sẽ có suy nghĩ không tốt, mà ta nên tuần tự hỏi thăm”:

- Này Ma Ha La, sư từ Thất-la-phạtđến, vậy có được biết đức Thế Tôn thiểu bệnh, thiểu não, đi đứng nhẹ nhàng, với hạnh an lạc chăng ? Ngài, hạ an cư tại Thất-la-phạtchứ ?

Vị sư già trả lời:

- Thế Tôn vô bệnh, an lạc. Ngài an cư tại đó

Ô Đà Di lại hỏi:

- Bí-sô, Bí-sô ni, Ô-ba-sách-ca17, Ô-ba-tư-ca18, mọi người đều vô bệnh, an lạc, bình thường trong nếp sống, và thường thường cung kính hầu cận đức Thế Tôn, để nghe chánh pháp chứ?

Vị Bí-sô già nói:

- Những vị được hỏi đều được an ổn và luôn luôn đến Phật để nghe chánh pháp.

Ô Đà Di lại hỏi:

- Trụ vị liễu pháp Kiều Trần Như, trụ vị Ca Diếp Ba, trụ vị19 Xá Lợi Tử, Đại Mục Liên.v.v... bao nhiêu vị tôn túc khác, Đại thế chúa Kiều-đáp-divà Thắng Quang Vương, trưởng giả Tiên Thọ, cô cựu Lộc Mẫu, Tỳ Xá Khư, phu nhân Thiện Sanh, tất cả đều vô bệnh an lạc chứ ?

Bí-sô già đáp:

- Đều trụ trong an lạc.

Ô Đà Di hỏi tiếp:

- Ông có biết Cấp Đa, vợ của trưởng giả chăng ?

Đáp:

- Tôi có biết. Người ấy xưa kia là vợ của Đại đức Ô Đà Di phải không ?

Ô Đà Di nói:

- Người ấy nay đâu còn là vợ của trưởng giả nữa !

- Vâng, bà ta đã xuất gia rồi.

Ô Đà Di hỏi:

- Ai độ bà ta xuất gia ?

Đáp:

- Đại thế chúa độ.

Ô Đà Di liền nghĩ: "Cấp Đa xuất gia rồi, thế thì ta được phép tái ngộ".

Ô Đà Di vừa nghĩ xong, liền kêu:

- Này Ma Ha La, đến rửa chân đi !

Ô Đà Di nhận y bát của vị Bí-sô già, máng lên móc y bằng ngà voi rất cao, rồi đưa cho nhiều dầu, khiến xoa tay chân, và bảo:

- Phòng này có thức ăn, có lợi dưỡng, nên vui sống một cách yên ổn.

Vị Bí-sô già trả lời:

- Tôi không thích ở một chỗ.

Bấy giờ, Ô Đà Di bèn trao chìa khóa phòng, và nói:

- Như đức Thế Tôn dạy, Bí-sô không nên vội bỏ trú xứ đi. Này Ma Ha La, chìa khóa đây, cất đi !

Ô Đà Di nói như vậy rồi, rảo bước ra đi, đến rừng Thệ-đa, tại thành Thất-la-phạt. Đến nơi, Ô Đà Di lau quét phòng ốc, trét phân trâu xong, khép một cánh cửa, nằm nghỉ trên giường, dùng giọng ca vịnh mà tụng chánh pháp. Bấy giờ, có Bí-sô ni, vì đi thỉnh giáo thọ, nên đến đây. Các ni nghe tiếng phúng tụng, biết giọng đó là của ai, cùng nhau đến chỗ Ô Đà Di, hỏi:

Thưa Đại đức, lâu nay ngài đi đâu vắng?

Đáp:

- Lâu nay, tôi có việc cần phải đến thành Vương-xá.

Các cô ni hỏi, biết như vậy rồi, về báo cho Cấp Đa:

- Nay cô sẽ được thỏa mãn. A-giá-lợi-da của cô hiện về đến đây rồi.

Cấp Đa hỏi:

- A-giá-lợi-da của tôi là ai ?

- Là Ô Đà Di chứ còn ai nữa !

Cấp Đa nói:

- Lý do nào mà Ô Đà Di là A-giá-lợi-da của tôi?

- Đâu phải cô thọ học nghiệp từ Ô Đà Di? Vì cô không biết nên mới nói như vậy. Có nhiều cô ni cùng với Đại Bí-sô cùng nhau liên hệ lệ thuộc. Nay cô nên đến hỏi thăm ngài có được bình an hay không?

Cấp Đa liền mang hương bột, dầu và vật dụng thoa tắm, đến gõ cửa phòng Ô Đà Di. Ô Đà Di hỏi:

- Ai gõ cửa đó ?

- Tôi là Cấp Đa đây !

- Lành thay, lành thay, vợ của trưởng giả. Xin mời vào !

Cấp Đa vừa vào, liền thưa hỏi:

- Thưa Đại đức, hiện tại tôi không còn là vợ của trưởng giả nữa. Tôi đã xuất gia rồi !

Ô Đà Di hỏi:

- Ai độ cô xuất gia ?

Thưa:

- Thánh giả Đại thế chúa.

Ô Đà Di nói:

- Tôi có việc cần nên đến Vương thành. Vì duyên gì mà cô lại gấp cầu xuất tục thế ?

Cấp Đa thưa:

- Đại đức trước đây có nói: "Cô nên thu xếp gia nghiệp, tôi sẽ độ cho cô xuất gia". Tôi y theo lời dạy ấy, nên đã giao hết gia sản rồi; trong lúc đó, đại đức lại bỏ đi, viễn du đến Vương thành. Nếu không có Đại thế chúa độ tôi, thì thật sự tôi đã không phải người thế tục, cũng chẳng phải người xuất gia nữa !

Ô Đà Di nói:

- Bây giờ, tôi sẽ tự đặt nặng vấn đề giáo dục đối với cô. Cô có thể ngồi, tôi sẽ vì cô nói pháp.

Cấp Đa kính lễ xong, liền ngồi chánh tâm nghe pháp. Ô Đà Di liền vì Cấp-Đa nói pháp. Ô Đà Di nhớ lại những việc vui đùa ngày xưa, bèn hỏi:

- Cô có nhớ xưa kia ở nơi vườn rừng, nhà thiên từ, ăn uống thức ăn mỹ diệu như vậy... như vậy... không ?

Những lời nói như vậy, đã khơi dậy dục tâm Ô Đà Di, nên tình sanh thác loạn. Phàm người nữ có trí tuệ, thì dù việc chung hay chẳng phải việc chung, nhưng khi nói ra là biết người nam có dục tâm, hay không có dục tâm. Cấp Đa biết Ô Đà Di dục tâm đang mạnh mẽ, nên liền thưa:

- Thưa thánh giả, tôi xin tạm phải ra ngoài, việc xong sẽ vào liền.

Ô Đà Di liền nghĩ: "Đây có phải là vấn đề tiện lợi nên muốn ra ngoài chăng ?". Ô Đà Di đồng ý cho Cấp Đa tạm ra ngoài. Cấp Đa vừa ra ngoài, vội vã vén y chạy gấp. Ô Đà Di nghe tiếng chân chạy ngoài phòng, liền đuổi theo, kêu:

- Người nữ trọc đầu chạy đi đâu vậy ?

Ô Đà Di tiếp tục đuổi theo, nên sanh chi va chạm vào đùi vế, làm cho xuất tinh. Khi dục tâm đã tạm lắng xuống, thì lòng luôn bồi hồi. Cấp Đa biết, bèn trở lại thưa với Ô Đà Di:

- Thưa thánh giả, nếu vừa rồi tôi ở đây, thì tôi chẳng phải là Bí-sô ni, mà ngài cũng chẳng phải là Bí-sô.

Ô Đà Dinói:

- Này cô, như đức Thế Tôn dạy: “Nếu tự bảo vệ mình tức là bảo vệ người; bảo vệ người tức thành tự bảo vệ”.

Cấp Đa thưa:

- Thưa thánh giả, ngài có thể thay hạ y, đưa tôi giặt cho.

Ô Đà Di liền thay hạ y, trao cho Cấp Đa.

Bấy giờ, Cấp Đa thấy tinh dính nơi hạ y, liền sanh tâm hối tiếc, tự nghĩ: “Thân thể của ta chưa bị thánh giả xúc chạm. Ta không tùy thuận vào việc chẳng lành của người”. Tự nghĩ như vậy rồi, tâm nhiễm Cấp Đa lại càng phát triển hơn nữa. Như trong kinh Phật đã nói kệ:

“Mọi người đều say dục Không thấy điều nghĩa lợi

Cũng không quán pháp lànhThường làm trong đen tối”.

Lúc ấy, Cấp Đa tâm loạn vì dục, lấy một giọt tinh để vào miệng, và lấy một giọt để vào trong nữ căn. Việc nghiệp lực của loài hữu tình không thể nghĩ bàn, nên ngay vào lúc ấy, có thân trung ấm20 sắp chấm dứt cuộc sống cuối cùng, đến nương thác. Cấp Đa về chùa giặt y, các ni thấy hỏi, Cấp Đa trả lời đầy đủ sự việc. Các ni nói:

- Chúng tôi nghĩ rằng, cô vì cầu thắng pháp nên đến chỗ Đại đức, chứ đâu ngờ lại có việc làm ác pháp như vậy !

Cấp Đa thưa:

- Đại đức là người trì giới, từ sau khi xuất gia, thân thể tôi chưa từng bị xúc chạm.

Các ni nói:

- Chưa xúc chạm thân thể mà còn có việc như vậy, huống là có xúc chạm, thì lòng dục của cô như thế nào nữa ?!

Các Bí-sô ni biết việc này rồi, đến bạch lại Bí-sô, Bí-sô bạch lên Phật. Đức Phật bảo các Bí-sô:

- Cô ni kia không phạm Ba-la-thị-ca. Nếu có thai thì nên để ở nhà vắng, cung cấp thức ăn, đừng để thiếu thốn. Sau khi sanh đẻ rồi, đứa con nên gọi là đồng tử Ca Diếp Ba, cho xuất gia trong chánh pháp của ta, để đoạn các hữu lậu, thành A-la-hán. Trong hàng đệ tử của ta, vị ấy sẽ là người biện tài xảo diệu, khéo hay tuyên thuyết, có một không hai.

Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn liền nghĩ: "Nếu có Bí-sô ni nào, cùng Bí-sô chẳng phải bà con thân quyến giặt y cũ, thì có lỗi". Đức Thế Tôn dùng nhân duyên này, tập hợp chúng, hỏi để xác định sự thật, rồi quở trách... và chế học xứ như vầy:

Bí-sô ni nào, cùng Bí-sô không phải bà con giặt, nhuộm, đập y cũ, Ni-tát-kỳ ba dật-để-ca21.

1 Chuyển-luân-vương : Là vị vua cai trị toàn cầu. Luận Trí độ, q.4. Vị vương này khi lên ngôi do Thiên cảm mà có được Luân bảo, lại vận chuyển Luân bảo hàng phục bốn phương, nên gọi là Chuyển-luân-vương. Về sau từ này dùng chỉ cho đức Phật, bước chân của Ngài đi đến mọi nơi, và giáo pháp của Ngài là chân lý tuyệt đối cho muôn loài.

2 Rừng Bạch-điệp: Một trong những cánh rừng ở nước Ma-kiệt-đà.

3 Hiền bộ : Chứng ngộ được cái chân thật gọi là Thánh. Gần gũi với Thánh gọi là Hiền. Bộ là nhóm.

4 Rừng Ô-lô-tần-loa : Còn gọi là rừng Ưu-lâu-tần-loa. Ưu-lầu-tần-loa là tên vùng đất ở ven sông Ni-liên-thiền, cũng ở trong nước Ma-kiệt-đà.

5 Núi Già-da : Dịch là núi tượng đầu, vì đỉnh núi giống đầu con voi. Vị trí gần Bồ-đề đạo tràng, phía Tây nam thành Dà-gia trong nước Ma-kiệt-đà.

6 Trượng Lâm : Là rừng tre, nằm ngoài thành Vương-xá ở nước Ma-kiệt-đà. Nguyên cánh rừng này do Tôn giả Thú-bác-ca là vị La-hán thứ chín trong16 La-hán, lấy cây tre cắm xuống đất, kỷ niệm chỗ mình đã nhổ lấy đo thân

Phật. Vì lúc trước Tôn giả là ngoại đạo không tin thân Phật cao một trượng sáu. Nhờ sự huyền nhiệm nên cây tre này mọc lan thành rừng tre um tùm.

7 Rừng Thệ-đa, vườn trưởng giả Cấp-cô-độc : Trưởng giả Cấp-cô-độc mua lại vườn rừng của thái tử Thệ-đa(dịch nghĩa Chiến thắng) con vua Ba-tư-naàu7841?c nước Câu-tát-la, xây tinh xá cúng dường cho đức Phật. Thường gọi Kỳ-thọ Cấâp-cô-độc viên, gọi tắt Kỳ-hoàn, Kỳ viên.

8 Tỳ-ha-la : Dịch là trú xứ, Tăng-già-lam, vườn chúng, Tăng phường, tinh xá, nơi dừng chân v..v.. nay gọi là tự viện.

9 Rừng Khuất-lộ-đaø: (?)

10 Cây Đa-la : Dịch là Ngạn thọ, Cao-lạt thọ, sinh trưởng ở Ấn-độ, Miến-điện, Tích-lan v..v. Hình dáng giống cây cọ, cao 70-80 thước, thường mọc những vùng cát ven biển. Cây này nếu bị gãy ngang thì không mọc được nữa, do vaây kinh Phật thường ví dụ Tỳ-kheo phạm trọng tội Ba-la-di như cây Đa-la bị chặt.

11 Cây Thiệm-bộ : Xem Thiệm-bộ-châu.

12 Nại-lạc-ca : Dịch Bất-lạc (không vui), Khả-yểm (đáng chán), Khổ-khí (đủ mọi cảnh khổ), Địa ngục.v..v.

13 Đại đức: là tiếng tôn xưng chư Phật, Bồ-tát và những vị cao Tăng, hoặc trưởng lão trong hàng Tỳ-kheo thời Ấn Độ. Trong các bộ luật, trước hiện tiền đại chúng, chỉ cho chúng Tỳ-kheo gọi là Đại đức Tăng. Chúng Tỳ-kheo ni gọi là Đại-tỷ Tăng. Thời đại Tuỳ Đường, những vị gánh vác trách nhiệm lịch sử phiên dịch kinh điển cũng gọi là Đại đức.

14 Quán đảnh : Luật Thập tụng gọi là Kiết-thủy-quán-đỉnh (nước lành rưới đầu). Ngũ phần, Căn bản : quán đảnh. Tứ phần : Thủy-nghiêu-đầu-chủng (nghi thức nước rưới đầu). Quán đảnh : Là lấy nước rưới lên đầu. Đây là nghi thức dành cho người được tấn phong một địa vị tối cao. Nguyên thời xưa ở Ấn Độ, khi đế vương lập thái tử lên ngôi, vị quốc sư lấy nước 4 biển lớn rưới lên đầu người đó, biểu thị chúc phước.

15 A-giá-lợi-da : Hay gọi A-xà-lê, dịch là quĩ phạm sư, chánh hạnh, giáo thọ, trí hiền, truyền thọ v..v. Người thầy có đủ giới hạnh, nghi thức để truyền dạy cho đệ tử.

16 Ô-ba-đà-da : Dịch là thân giáo sư, cận tụng, cận đọc. Theo nghĩa đen được hiểu là vị giám hộ, vị thầy trực tiếp dạy dỗ việc học đạo cũng như hành đạo cho đệ tử. Thường gọi là bổn sư hoặc gọi Hoà-thượng. Hoà-thượng là một thổ âm của các xứ thuộc miền Tây vực Trung quốc.

17 Ô-ba-sách-ca : Xem cht.2, truyện 17.

18 Ô-ba-tư-ca : Cách phiên âm cũ là Ưu-bà-di, dịch nghĩa là Thanh tịnh nữ, cận sự nữ. Chỉ chung cho những người phụ nữ tại gia thọ ngũ giới, gần gũi phụng thờ Tam bảo.

19 Trụ vị : Hay gọi là trưởng lão, thượng lạp, thủ tọa, thượng tọa.

20 Trung ấm : Còn gọi là trung hữu, là giữa chừng lúc cái này chết cái kia sanh. Người ta sau khi chết chưa sinh lại thì đang ở ấm cảnh. Cảnh này vẫn có đủ Ngũ ấm là sắùc, thọ, tưởng, hành, thức. Đó gọi là Trung ấm.

21 Ni-tát-kỳ ba-dật-để-ca : Phiên âm khác Ni-tát-kỳ ba-dật-đề, Ni-tát-kỳ ba-dạ-đề, Ni-tát-kỳ bối-dật-đề, gọi tắt Ni-tát-kỳ. Dịch là "xả đọa", nghĩa là tài vật nào, Tỳ-kheo nhận phi pháp, thì phải đem vật ấy ra giữa chúng Tăng, để tác pháp xả bỏ và đối trước một vị Tỳ-kheo sám hối về tội nhiễm tâm sa đọa vào những tài vật ấy.

--- o0o ---

PHẦN 4 - KHÔNG NÊN NHẬN Y TỪ BÍ-SÔ CHẲNG PHẢI BÀ CON

Lúc bấy giờ, đức Phật ở vườn Cấp-cô-độc, rừng Thệ-đa, tại thành Thất-la-phạt. Khi chưa ngăn cấm Bí-sô ni ở nơi A-lan-nhã, thì bấy giờ, có các ni đến trong rừng vắng tu tập tịnh lự, hưởng thọ cái định vui thắng diệu. Bấy giờ, Bí-sô ni Liên Hoa Sắc, cùng năm trăm đồ chúng, đều đến trong rừng tối, dưới gốc cây, ngồi bán già, nhập diệt tận định. Sau buổi xế chiều, các cô ni khác muốn trở về thành Thất-la-phạt, nên bảo như vầy:

- Ta nên kêu thánh giả Liên Hoa Sắc xuất thần.

Có người lại nói:

- Thánh giả đủ đại oai thần, ta nên vào trước trong chùa, không cần phải gọi làm chi.

Do vậy, họ tự ra về. Mãi đến sẫm tối, Liên Hoa Sắc mới xuất định, nhìn khắp, thấy các ni đều đi hết, liền nghĩ: "Ta nên vào thành hay nên ở lại đây ?". Nghĩ rồi, thánh giả lại nhập định.

Bấy giờ, có năm trăm tên giặc, cướp đoạt của người, rồi đến bên rừng này cùng nhau bàn nói: "Phân nửa số người chia vật, phân nửa số người phòng thủ". Họ vào trong rừng, thấy cô ni nhập định, có người nói là gốc cây, có kẻ nói là người, có người lại nói là Bí-sô. Bấy giờ, trong bọn giặc có người tu xuất, bảo rằng:

- Đây là Bí-sô ni, chẳng phải Bí-sô.

Những người kia hỏi:

- Làm sao biết được ?

Người tu xuất trả lời:

- Bí-sô thì ngồi toàn già, ni thì ngồi bán già. Người này ngồi bán già, nên rõ thật là ni.

Đồ chúng của bọn giặc tự nghĩ và nói:

- Chúng ta nên biết, nơi đây là rừng tối đáng sợ, mà lại có một Bí-sô ni, có thể ở lại đêm nơi đây, thật là hy hữu !

Họ liền đến chỗ tướng quân của họ. Tướng quân hỏi:

- Trong rừng này, anh em có thấy điều gì kỳ lạ hay chăng ?

Bọn giặc trả lời:

- Có thấy ! Trong khu rừng tối đáng sợ này mà lại có một cô ni, có thể ở lại đêm nơi đây.

Tướng quân nghe rồi, bảo người phòng hộ rằng:

- Ta thử đến đó xem !

Tướng quân thấy Bí-sô ni dung nhan đoan chánh, khiến ai cũng muốn nhìn, và oai nghi lại tĩnh lặng, người thấy đều thâm kính. Tướng quân khâm phục và khen ngợi:

- Hiện tại, nơi rừng này có hai điều khả ái: một là ánh sáng của mặt trăng chiếu soi, hai là Bí-sô ni hình dung rực rỡ kỳ lạ.

Tướng quân bảo:

- Nên kêu cô ni dậy, để ta dâng thức ăn.

Người tu xuất kia bảo rằng:

- Người này không ăn phi thời.

Tướng quân lại nói:

- Ở trong rừng này lại có hai điều khả ái: một là dung nghi đoan chánh, hai là không ăn phin chánh, hai là không ăn phi thời cô ni uống rượu.

Người tu xuất báo cáo:

- Người này không uống rượu.

Tướng quân nói:

- Trong rừng này lại có hai điều khả ái: một là Bí-sô ni nhan sắc đoan chánh, hai là lại không uống rượu.

Tướng quân bảo tiếp:

- Nay ta may mắn gặp đám ruộng phước hơn đời, mà không dâng cúng được một món ăn thức uống nào !

Tướng quân liền dùng diệp y quý báu phủ lên thức ăn ngon nhất, đem treo trên nhánh cây, với ý nghĩ: “Thánh giả dung nghi tĩnh lặng này, không điều gì không hay biết. Nay ta để y thực nơi đây, nếu được may mắn, xin người từ bi sẽ vì ta mà thọ dụng”. Với ý nghĩ như vậy, rồi để đó ra đi.

Đến sáng ngày hôm sau, Liên Hoa Sắc từ định đứng dậy, nhìn thấy dấu chân của nhiều người, nhìn thấy năm trăm bọn giặc, đã đến đây rồi bỏ ra đi, lại quán sát nơi thân mình, xem có bị việc xú ố hay chăng. Liên Hoa quán biết vẫn thanh tịnh. Sau đó, lại thấy diệp y treo trên nhánh cây, liền nghĩ: "Đây là vật do từ tịnh tâm kính tín dâng đến". Liên Hoa Sắc lại nghĩ tiếp: "Nếu ta đợi có người trao thức ăn, thì sợ cầm thú đến phá hoại tịnh thí kia. Nay ta nên mang phẩm vật này đến dâng cúng cho Tăng".

Như đức Phật có dạy: "Ni có tiếp xúc Bí-sô cũng tịnh, Bí-sô tiếp xúc ni vẫn là tịnh", Liên Hoa Sắc liền dùng tay mang đến rừng Thệ-đa. Thường thường, Lục chúng lúc nào cũng có mặt một hay hai người của họ, đứng nơi cửa ngõ. Bấy giờ, Ô Ba Nan Đà đang đi kinh hành trước cửa, từ xa thấy Bí-sô ni đến, liền hỏi:

- Đại muội, trời chưa sáng, cửa thành đã mở rồi à ?

Cô ni đáp:

- Thưa Đại đức, chẳng phải tôi ngủ trong thành, mà tôi từ rừng tối đến đây.

Ô Ba Nan Đà nói:

- Đại muội, ban ngày, tôi vào trong rừng ấy, thân tâm còn sợ sệt, tóc lông dựng đứng. Bằng cách nào mà đại muội một mình dám ở nơi đó ? Nơi tay đại muội cầm vật gì vậy ?

Bí-sô ni trình bày đầy đủ mọi việc, và nói:

- Đây là tịnh tâm của bọn giặc để lại.

Ô Ba Nan Đà nói:

- Đại muội, thấy oai nghi của cô, giặc sanh kính ái, nên cô mới nhận được vật này; chứ nếu thấy tôi, thì ắt bọn giặc cho một hèo, rồi khiến tôi mang đồ đi !

Ô Ba Nan Đà nói tiếp:

- Đại muội, nếu có được bạch diệp mới và tốt như vầy, mà cắt may Tăng-già-chi hai lớp, thì đối với nếp sống thiểu dục, tu các thiện pháp, thật là điều tốt đẹp biết bao !

Cô ni nói:

- Thánh giả cần y này chăng ?

Đáp:

- Nếu cô có dư, thì tùy tình càng tốt.

Cô ni bảo:

- Thánh giả chờ một chút, tôi mang tiểu thực phụng hiến cho Tăng, rồi trở lại đây mang y dâng cúng.

Ô Ba Nan Đà liền nghĩ: "Nếu các Hắc Bát thấy, thì ắt họ xin y này, mình đâu có được". Nghĩ như vậy rồi, liền bảo:

- Này đại muội, đại muội có thể đứng tại đây, tôi kêu người phụ trách tiểu thực ra nhận thức ăn.

Cô ni đồng ý, nên Ô Ba Nan Đà liền về chùa, thấy người phụ trách nhận thức ăn đứng không, liền bảo:

- Cụ thọ, thí chủ ở ngoài cửa gánh thức ăn khổ sở, cụ thọ ở không, nên ra nhận thức ăn cúng dường gấp !

Cụ thọ ấy liền đem đồ đựng ra ngoài cửa chùa, đến chỗ Bí-sô ni nhận thức ăn tiểu thực. Cô ni trao thức ăn rồi, mang y bạch diệp đến dâng cho Ô Ba Nan Đà. Nhận được y, Ô Ba Nan Đà vui mừng chú nguyện:

- Cô cúng vật này với tâm anh lạc, với tâm giúp đỡ, thì mong rằng định huệ trang nghiêm, sẽ đạt được con đường đi đến nhơn thiên, thọ dụng theo ý muốn, y phục thắng diệu, cuối cùng đạt đến Vô thượng an ổn Niết-bàn.

Ô Ba Nan Đà chú nguyện xong, liền ra đi. Bấy giờ Bí-sô Liên Hoa Sắc lại nghĩ: "Nay ta nên về lại bổn xứ, hay đến kính lễ đức Thế Tôn ? Từ lâu, ta chưa đến kính lễ Thế Tôn, nay ta nên đến kính lễ Phật". Nghĩ vậy, liền đến

kính lễ Thế Tôn, xong rồi ngồi qua một bên. Bấy giờ, năm y của Bí-sô ni1 bị hư rách, đức Thế Tôn thấy vậy, hỏi A Nan Đà rằng:

- Ni chúng Bí-sô, mùa an cư, lợi dưỡng có đầy đủ không ?

A Nan Đà bạch Phật:

- Đầy đủ.

Đức Phật hỏi:

- Tại sao năm y của Liên Hoa Sắc bị hư rách ?

A Nan Đà thưa:

- Kính bạch Đại đức, Bí-sô ni này do lòng tin kiên cố, ý ưa thuần thiện, những vật nhận được, đối với Tam bảo thảy đều hỷ xả. Người đến xin không trái ý họ. Vừa rồi, tại trú xứ, cô có nhận được đại diệp mới và tốt, lại đem dâng cúng cho tôn giả Ô Ba Nan Đà.

Đức Phật bảo A Nan Đà:

- Bí-sô đối với ni không phải bà con, nên nhận y hay chăng ?

A Nan Đà thưa:

- Đúng như vậy, không nên nhận.

Đức Phật bảo A Nan Đà:

- Bí-sô không phải bà con, thì không biết được Bí-sô ni này có đủ năm y hay không, nên tùy theo đó, khi họ dâng cúng, có thể không nhận. Nếu Bí-sô ni là bà con, thì biết họ thiếu, nên không nhận.

Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn bảo A Nan Đà:

- Số y còn chứa trong phòng lớn, nên lấy năm y trao cho Bí-sô ni Liên Hoa Sắc.

Tôn giả A Nan Đà vâng lời Phật dạy, lấy năm y trao cho ni Liên Hoa Sắc.

Bấy giờ, đức Thế Tôn dùng nhân duyên này, bảo các Bí-sô ni, cũng không nên đến Bí-sô chẳng phải bà con nhận y... Rồi vì hai bộ đệ tử, chế học xứ này:

Bí-sô ni nào, nhận y từ Bí-sô chẳng phải bà con, Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề-ca.

---o0o---

BÍ-SÔ NI ĐƯỢC NHẬN Y QUÝ GIÁ RỒI TRAO ĐỔI CÙNG BÍ-SÔ

Lúc bấy giờ, tại thành Thất-la-phạt, có một trưởng giả giàu, có nhiều của cải, việc thọ dụng phong túc. Của nhà như vua Tỳ-sa-môn, cưới người nữ vọng tộc làm vợ. Tuy ăn ở với nhau lâu ngày mà không có con, lòng luôn âu lo suy nghĩ: "Nay trong nhà ta có nhiều của quý báu, mà không có người kế thừa. Sau khi ta chết, tài sản có được này, mà không có con, thì sẽ bị nhập vào kho nhà vua. Lương thực đi đường cho đời sau lại chưa tu tập", nên lấy tay chống má than dài thở ra. Người vợ thấy vậy, hỏi:

-Tại sao mình ưu sầu, lấy tay chống má vậy ?

Ông chồng trả lời:

- Này hiền thủ, nay ta làm sao không ưu sầu được !

Rồi ông ta thuật lại hết những gì mình đã nghĩ. Người vợ nói:

- Thế nào là tu tập để làm lương thực cho đời sau ?

Người chồng nói:

- Này hiền thủ, nếu có thể dùng đồ ăn thức uống ngon bổ, cúng dường cho Phật và Tăng. Khi các ngài ăn xong, chúng ta dâng cúng cho mỗi người một cặp bách diệp thượng hạng, thì đó gọi là tu tập để làm lương thực cho đời sau.

Người vợ hỏi:

- Như vậy, tại sao không làm ?

Lúc bấy giờ, ông trưởng giả đến chỗ đức Phật, kính lễ sát chân rồi ngồi qua một bên. Đức Phật dùng diệu pháp chỉ bày những điều an vui lợi ích xong, rồi ngồi im lặng. Ông trưởng giả từ chỗ ngồi đứng dậy, phủ y một bên vai, chắp tay bạch Phật:

- Kính bạch đức Thế Tôn, cúi xin Ngài thương xót, con xin thỉnh Ngài và Bí-sô Tăng, sáng mai đến nhà con, thọ nhận sự cúng dường ít ỏi của con.

Đức Thế Tôn im lặng thọ nhận. Ông trưởng giả biết Phật đã nhận lời, liền kính lễ cáo lui.

Đêm đó, trưởng giả sửa soạn đầy đủ các món đồ ăn thức uống ngon bổ, an trí chỗ ngồi và đồ đựng nước sạch. Sáng ngày, sai sứ đến bạch Phật.

Sáng hôm đó, đức Thế Tôn đắp y bưng bát cùng chúng Bí-sô đến nhà trưởng giả, đến tòa an tọa. Trưởng giả thấy đức Phật và chúng Tăng như pháp ngồi xuống xong, liền đem đồ ăn thức uống ngon bổ chính tay dâng cúng, theo thứ tự đầy đủ. Khi súc miệng xong, Phật và Tăng đều được dâng cúng mỗi vị một cặp bạch diệp thượng hạng. Ông trưởng giả liền dùng ghế thấp, ngồi ngay trước đức Thế Tôn để nghe diệu pháp. Đức Phật tùy theo căn tánh, mà chỉ bày những điều an vui lợi ích. Sau khi vì thí chủ nói pháp yếu, và chú nguyện xong rồi, từ chỗ ngồi ra về.

Bấy giờ, trưởng giả đưa chân đức Thế Tôn ra về, nhiễu quanh ba vòng, kính lễ sát chân, rồi trở lên trên lầu tu niệm xả thí. Bấy giờ, ông trưởng giả bảo người vợ rằng:

- Này hiền thủ, người nên sanh tâm vui mừng hơn hết. Nay tôi đã tạo ra lương thực cho đời sau rồi đó.

Bà vợ liền bảo:

- Tuy anh đã tu, nhưng em chưa tu.

Trưởng giả bảo:

- Việc tu phước hôm nay, há không cùng chung hưởng sao ?

Người vợ bảo:

- Tuy biết là cùng chung hưởng, nhưng lòng em có nguyện thỉnh Đại thế chúa và ni chúng Bí-sô đến nhà thọ thực và dâng mỗi vị một cặp bạch diệp thượng hạng, đó là phần lương thực đời sau của em.

Trưởng giả nói:

- Hay lắm, tốt lắm ! Em cứ làm theo ý nguyện.

Bấy giờ, vợ chồng trưởng giả liền đến chỗ Bí-sô ni Đại thế chúa, kính lễ sát chân, ngồi qua một bên. Khi nghe diệu pháp rồi, từ chỗ ngồi đứng dậy thưa:

- Kính thưa thánh giả và chúng Bí-sô ni, cúi xin dũ lòng thương xót, con xin được thỉnh thánh giả và ni chúng, sáng mai đến nhà con thọ nhận sự cúng dường ít ỏi của con...

Bấy giờ, vợ chồng trưởng giả dùng cái thùng lớn đựng đầy bạch diệp thượng hạng, ngay trước tòa mở ra. Đại thế chúa liền nghĩ: "Đức Thế Tôn đã chế giới, không cho Bí-sô ni nhận y phục thượng hạng. Nay ta nhận thì trái với học xứ. Nếu không nhận thì trở ngại cho việc tu phước của thí chủ, và các Bí-sô ni lại mất lợi dưỡng". Ni chúng cũng nghĩ: "Nếu Đại thế chúa nhận y này, thì thật là điều tốt lành".

Đại thế chúa biết được lòng của ni chúng rồi, liền nghĩ: "Đức Thế Tôn cũng sẽ ứng theo duyên sự này, mà cho phép nhận y tốt". Đại thế chúa nhận hết số y, và vì vợ trưởng giả nói kệ chú nguyện, rồi từ chỗ ngồi cáo lui, đến chỗ đức Thế Tôn, với đầy đủ oai nghi hằng ngày, đem mọi việc trình bày đầy đủ lên đức Thế Tôn. Đức Phật bảo Đại thế chúa:

- Lành thay, lành thay ! Như Lai chưa cho phép, mà ngươi đã tự biết thời. Từ nay về sau, cho phép Bí-sô ni nhận y quý giá, để rồi trao đổi cùng Bí-sô.

Đại thế chúa vâng lời đức Phật dạy, kính lễ sát chân cáo lui, rồi về lại trú xứ của ni, báo cáo rằng:

- Đức Thế Tôn có dạy: Từ nay, cho phép Bí-sô ni được nhận y quý giá, rồi trao đổi cùng Bí-sô, lấy loại y thô, tùy ý thọ dụng. Bí-sô ni nhận được y rồi, đến rừng Thệ-đa trao đổi lại cùng Bí-sô.

Bấy giờ, mười hai chúng Bí-sô ni liền mang y quý đến nơi lục chúng, báo rằng:

- Thưa thánh giả, đức Thế Tôn có dạy: Từ nay, cho phép Bí-sô ni được nhận y quý giá, rồi trao đổi cùng Bí-sô. Nay thánh giả nên lấy y tốt này, trao cho tôi y thô.

Lục chúng nói:

- Các cô cho, tôi còn chưa nhận, huống là đổi chác với hạng người ngu si, vô thức, không tự do như các cô hay sao ?

Các ni chúng khác, đều theo ý mình, mang y nhận được đến chỗ Bí-sô trưởng lão, thuật lại mọi việc trên, rồi đem y cùng trao đổi.

Bí-sô già nói:

- Các cô chờ một chút, tôi sẽ thỉnh tôn ý đức Phật.

Bí-sô ấy liền đến chỗ đức Phật, bạch:

- Kính bạch Đại đức Thế Tôn, có Bí-sô ni đem y đẹp đến chỗ con, xin đổi lấy y thô, không biết việc ấy thế nào ?

Đức Phật bảo:

- Ta cho phép, Bí-sô từ nay được nhận y đổi chác từ Bí-sô ni. Khi đổi y, nên làm sao để cho Bí-sô ni hoan hỷ và không hối hận.

Lúc ấy, đức Thế Tôn tán thán người trì giới, thiểu dục, tri túc, rồi chế học xứ như vầy:

Bí-sô ni nào, nhận y từ nơi Bí-sô không phải bà con, trừ đổi chác, Ni-tát-ky-ba-dật-để-ca.

---o0o---

KHÔNG NÊN CẦM GIỮ VẬT BÁU

Khi đức Thế Tôn ở rừng Thệ-đa, tại nước Chiêm-ba1, có một trưởng giả, thâm tín, thuần thiện, dùng vật tốt nhất để dâng cúng. Vị trưởng giả này vì đức Phật và chúng Tăng, tạo lập trú xứ. Cửa ngõ, cửa sổ, lan can trang trí

đẹp đẽ, mọi người đều thích nhìn. Vì muốn sanh thiên nên nhiều ni chúng an cư tại đây. An cư xong, việc tùy ý cũng rồi, chư ni thưa với ông trưởng giả:

- Nay chúng tôi muốn đến nơi thành Thất-la-phạt, kính lễ sát chân đức Đại sư và các kỳ túc trưởng lão, nhưng Bí-sô ni hiện thiếu y phục, xin ông giúp cho !

Ông trưởng giả thưa:

- Thưa thánh giả, người ở đây không có y diệp tốt nhất, nghe đoàn thương nhân sắp đến đây, đợi khi họ đến, tôi sẽ dâng cúng.

Bí-sô ni thưa:

- Này trưởng giả, nếu không có vật tốt thì cho vật xấu.

Ông trưởng giả nói:

- Thưa thánh giả, tánh của tôi thường dâng cúng vật tốt, làm sao nay lại dùng vật xấu để cúng. Nếu chư ni không đợi được, thì số tiền sắm y có thể mang theo.

Các ni đáp:

- Này ông trưởng giả, đức Thế Tôn chế giới: không cho chúng tôi cầm tiền.

Ông trưởng giả thưa:

- Nếu như vậy, thì thà là tôi không cúng, chứ tôi không thể dùng thứ xấu để dâng cúng.

Cuối cùng, các ni chúng không nhận được gì, bèn ra đi. Trên đường đi đến thành Thất-la-phạt, các ni gặp chào nhau:

- Lành thay, chào các cô mới đến ! Há chẳng phải các cô an cư tại chỗ, nhận được nhiều y phục, tại sao lại mặc y phục xấu rách mà đến đây như vậy?

Chư ni trả lời:

- Không có y có thể nhận.

Bí-sô ni hỏi:

- Các cô an cư tại trú xứ nào ?

Các ni trả lời:

- Tại nước Chiêm Ba.

Hỏi:

- Nương vào ai ?

Thưa:

- Trưởng giả tên là...

Hỏi:

- Nghe ông trưởng giả ấy ưa cúng y hảo hạng, tại sao không cúng dường ?

Thưa:

- Vì tại địa phương đó, nên chúng tôi không nhận được y.

Hỏi:

- Lý do tại sao ?

Chư ni trình bày đầy đủ mọi việc. Các Bí-sô ni tại trú xứ này nghe rồi bạch lại các Bí-sô. Các Bí-sô bạch lên Phật. Đức Phật liền nghĩ: "Có những Bà-la-môn, trưởng giả, cư sĩ.v.v... thành kính tin ưa, hoan hỷ muốn dâng cúng tiền sắm y cho Bí-sô ni; các đệ tử của ta cũng thật tình muốn được y. Ta nên tác pháp, để các Bí-sô ni được nhận, không phải thiếu hụt". Do đó, Như Lai mới bảo các Bí-sô ni rằng:

- Nếu có người cúng tiền sắm y, cần dùng thì nhận. Nhận rồi liền khởi tâm là vật của người kia nhờ mình cất giữ. Song các Bí-sô ni nên tìm gởi nơi người chấp sự.

Bí-sô ni không biết tìm người gởi như thế nào ?

Đức Phật dạy:

- Nên tìm người trong nhà chùa, hoặc Ô-ba-tư-ca. Người trong nhà chùa là tịnh nhân. Ô-ba-tư-ca là người thọ tam quy ngũ giới. Nên hỏi họ rằng: "Ngươi có thể vì tôi làm người thí chủ được không ?". Nếu họ nói là "Có thể", thì đặt lòng tin gởi gắm nơi họ, giao cho họ cất. Mọi vật nhận được nhờ họ cất giữ, không nên tự mình cầm giữ.

Bấy giờ, có Bí-sô ni vừa đến chỗ mới, nên nghĩ: "Nay ta đến đây chưa có thí chủ", liền sanh tâm hối hận. Các ni bạch lại Bí-sô, Bí-sô bạch lên Phật. Đức Phật dạy:

- Dầu cho đi xa, miễn là người thí chủ kia còn sống, thì vẫn là người thí chủ của mình.

Bấy giờ, có Bí-sô ni chưa tìm được người thí chủ, có người dâng cúng vật, Bí-sô ni nghi, không dám thọ nhận. Đức Phật dạy:

- Nên nhận. Nhận rồi, đem vật ấy đổi cho một Bí-sô ni khác, và nói như vầy: "Cụ thọ, ngài nhớ nghĩ cho, tôi Bí-sô ni tên là... nhận được vật bất tịnh này. Tôi sẽ đem vật bất tịnh này để đổi lấy tịnh tài". Nói như vậy ba lần, rồi tự nhận dùng, chớ có tâm nghi.

Bấy giờ, có thí chủ xây dựng tự viện nơi biên giới, dâng cúng cho Tăng, thường bị giặc cướp đến khủng bố. Bí-sô ni kia tự bỏ chùa đi, nên bọn giặc đến lấy vật dụng trong chùa. Đức Phật dạy:

-Nếu vật của Tăng, vật của Tốt-đô-ba [4], như vàng, bạc, tiền, bảo vật.v.v... nên cất giữ chắc chắn, sau đó mới di chuyển.

Tuy nói cất giữ, nhưng ni không biết sai ai cất giữ. Đức Phật dạy:

- Hoặc tịnh nhơn, hoặc Ô-ba-sách-ca cất giữ.

Trường hợp người cất giữ kia lấy luôn vật, đức Phật dạy:

- Ô-ba-sách-ca có tín tâm mới sai cất giữ. Nếu họ không có thâm tín thì nên sai Cầu tịch nữ [5]. Nếu không có Cầu tịch nữ, thì ni tự cất giữ.

Ni lại không biết cất giữ bằng cách nào, đức Phật dạy:

- Nên đào hầm.

Ni không biết sai ai đào, đức Phật dạy:

- Nên sai tịnh nhân, hoặc Ô-ba-sách-ca.

Những người này lại lấy trộm vật, đức Phật dạy:

- Nên sai người có tín tâm. Nếu không có người có lòng tin, thì sai Cầu tịch nữ. Nếu Cầu tịch nữ không có, thì nên tự đào lấy. Sau khi giặc cướp đi rồi, nên đem vật ấy hoàn lại cho Tăng như trước. Vì nạn duyên nên ta khai cho điều này. Sau khi nạn duyên hết, thì không nên áp dụng. Nếu vẫn áp dụng thì mắc tội Việt pháp.

---o0o---

XUẤT NHẬP CẦU LỢI

Khi đức Thế Tôn ở tại rừng Thệ-đa, vườn ông Cấp-cô-độc, thì lúc ấy, xa gần đều nghe trung quốc có Phật xuất hiện ở đời. Các vị Thanh văn đệ tử có đại thần thông, làm các việc biến hóa, rộng nói diệu pháp. Nếu có người nào đối với hàng đệ tử kia, làm việc cúng dường thì sẽ được quả báo lớn, càng thêm nhiều ích lợi.

Vào lúc ấy, phương Bắc có các thương khách nghe tiếng đồn như vậy, cùng nhau bàn bạc: "Quý vị nên biết, chúng ta nên đến trung quốc cùng nhau giao dịch, một là được nhiều lợi nhuận, hai là cúng dường Tam bảo". Các thương nhân có nhiều hàng hóa của cải, vận chuyển đến thành Thất-la-phạt. Trong thành này có một lõa hình ngoại đạo, giỏi về thiên văn, tiên đoán việc sẽ xảy ra, đến chỗ thương chủ, nói:

- Thiện lai, thương chủ ! Cha của người tên là..., mẹ của người tên là.... Người vận chuyển hàng hóa như vậy đến đây, ngày đó đến sẽ được lợi nhuận như vậy...

Thương chủ nghe rồi, liền nghĩ: "Ta đã từng nghe đệ tử đức Thế Tôn có đại thần biến, làm mưa, làm gió..., trước đây chưa hề có, người đó là đây rồi".

Họ bèn dùng tơ lụa màu chu ở phương Bắc, các quả mang đến dâng cúng. Ngoại đạo kia nhận được rồi, liền mặc đi đến chỗ đồng bạn. Bạn thấy hỏi, người kia trình bày đầy đủ. Đồng bạn nói:

- Này ông bạn, chúng ta thường bị Sa-môn Thích tử khinh miệt. Họ thường nói với tôi rằng: "Các ông không hề gần gũi với hạng người cao quý tốt nhất, chỉ có thể lân la được với giới người làm thuê, làm mướn, cùng đinh, Chiên-trà-la [6]". Nay ông bạn nên mặc chiếc áo cao quý này, đến chỗ Thích tử, để họ đau nhói tâm can chơi !

Ngoại đạo liền mặc chiếc áo lông quý giá đó, đến rừng Thệ-đa. Bấy giờ, Ô Ba Nan Đà đang đi bách bộ ngoài cửa rừng Thệ-đa, từ xa thấy ngoại đạo đi đến, liền khởi ý nghĩ: "Ngoại đạo mặc chiếc áo tốt kia, nếu ta không lấy được chiếc áo ấy, thì không xứng với tên Ô Ba Nan Đà". Ngoại đạo kia đi gần đến, Ô Ba Nan Đà liền hỏi:

- Này ngoại đạo, ông mới vừa hoàn tục hay chăng ?

Ngoại đạo ngạc nhiên nói:

- Tôi đâu có hoàn tục !

Ô Ba Nan Đà hỏi:

- Nếu không hoàn tục, thì tại sao lại mặc chiếc áo của người thế tục ?

Ngoại đạo kia mới trình bày rõ ràng mọi việc. Ô Ba Nan Đà nói:

- Đó không phải là việc làm tốt. Với tuổi tác cao, già nua như ông, há lại cho phép làm việc phá giới sao ? Ông hãy ngồi tạm, để nghe tôi nói pháp yếu.

Ngoại đạo theo lời khuyên, ngồi xuống. Ô Ba Nan Đà tâm hoan hỷ, vì ngoại đạo nói pháp. Khi Ô Ba Nan Đà vì người nói pháp xả thí, thì người nào nghe cũng đều muốn chính mình tự xẻo thịt nơi thân để làm việc bố thí.

Ô Ba Nan Đà lại nói với ngoại đạo:

- Đại sư của ông tánh ưa thô thiển, dạy ông cùng môn đồ lõa hình và nhổ tóc, đi nhiều đứng ít, thường nằm nơi đất. Nếu đại sư của ông tánh ưa thích y thực tốt đẹp, thì sẽ cho phép ông mặc những chiếc áo thượng hạng, giá trị

ngàn vạn; ăn uống thì trăm vị, tùy ý thọ hưởng; phòng xá để ở thì trị giá trăm ngàn. Nhưng vì đại sư ông tánh tình khiêm tốn, nên đã không cho phép làm những điều đó. Đại sư của tôi với lòng rộng lớn, cho phép các hàng đệ tử mặc y thì đáng giá, nhận thức ăn thì trăm vị, phòng xá để ở thì giá đến ngàn vàng. Nếu ông mặc chiếc y quý giá tốt đẹp này đi khất thực, thì người tín kính sẽ có ý nghĩ: "Nay ngoại đạo này thân hành phá giới, đưa đến vấn đề ẩm thực sẽ gặp khó khăn, để tự nuôi thân". Thượng y này của ông nên trao lại cho tôi, tôi sẽ dùng lông tơ đổi lại. Khi tôi mặc y này đi vòng quanh khất thực, có người tịnh tín nào đến hỏi, tôi sẽ trả lời: "Có người ngoại đạo lõa hình tên... họ... mặc rồi trao cho tôi". Họ sẽ biết ông là người có lòng tin sâu xa. Khi nào ông đi khất thực, họ vừa thấy, liền đem rượu ngon rót đầy bát cúng dường ông.

Ngoại đạo lõa hình kia nghe xong, liền sanh lòng tin vui, nói:

- Đại đức, nếu vậy thì Đại đức có thể lấy chiếc y này.

Ô Ba Nan Đà liền chú nguyện:

- Cầu mong ông vô bệnh, trường thọ ! Song, đồ đảng của ông bần cùng khổ sở, khi nghe ông thí xả chiếc áo này, họ khiến đoạt lại thì sao ?

Ngoại đạo lộ hình nói:

- Đại đức, chiếc áo quý giá này đâu phải là vật của họ, quyền tự do của tôi. May mắn thay, đại đức chớ lo !

Ô Ba Nan Đà nói:

- Nếu được như vậy, thì tôi sẽ vì ông mà nhận.

Nhận được chiếc y ấy rồi, Ô Ba Nan Đà liền trao cho ngoại đạo một chiếc y lông thô xấu. Ngoại đạo liền mặc chiếc áo ấy đi. Khi đến nơi đồng phạm hạnh, họ thấy liền hỏi:

- Từ nơi nào, ông bạn lại được chiếc áo này ?

Ngoại đạo kể lại câu chuyện đổi y cho bạn mình nghe một cách đầy đủ. Đồng bạn nghe xong, tất cả đều nổi giận, nói:

- Này ông bạn ơi, tên Thích tử này luôn luôn nghĩ chuyện giết chúng ta. Mọi người tuy có lòng khinh chúng ta, nhưng không như bọn lục chúng. Trong số sáu người này, không ai hơn tên này. Nếu ông bạn thí xả chiếc y cho Đại đức nào khác, thì chúng tôi còn có thể tùy hỷ, nhưng Ô Ba Nan Đà thì lúc nào cũng muốn uống máu chúng ta. Ông đem y thí xả cho ông ấy, thì ai có thể chịu được ? Ông bạn nên đến đòi lại, nếu đòi được thì tốt, bằng không thì chúng tôi đồng tình tẫn xuất ông bạn, dời đổi chỗ ngồi của ông, cắt thức ăn của ông, khỏi phải cùng ông nói chuyện.

Đương sự đâm ra sợ hãi, liền đến chỗ Ô Ba Nan Đà. Từ xa, Ô Ba Nan Đà thấy ngoại đạo đến, liền nghĩ: "Coi bộ dáng điệu của tên ngoại đạo này muốn đến đoạt lại chiếc y thượng hảo hạng thì phải ?". Ô Ba Nan Đà liền vào phòng đóng cửa. Ngoại đạo gõ cửa kêu. Ô Ba Nan Đà im lặng không trả lời. Các Bí-sô thấy vậy, hỏi:

- Ông cần việc gì ?

Ngoại đạo trả lời:

- Tôi đem y đến đổi lại.

Bí-sô nói:

- Ông muốn đổi lại được, thì chỉ có cách là đến chỗ đức Thế Tôn cần cầu Ngài, bảo vị ấy trả lại.

Ngoại đạo nghe lời hướng dẫn, đến chỗ đức Thế Tôn. Lúc ấy, đức Thế Tôn từ xa thấy ngoại đạo đến, bảo các Bí-sô:

- Các ông có thấy ngoại đạo đang đến hay chăng ?

Các Bí-sô thưa:

- Kính bạch đức Thế Tôn, có thấy.

Đức Phật dạy:

- Người ấy vì chiếc y lông quý nên đến. Nếu đòi được thì tốt, bằng không sẽ mửa máu nóng cho đến chết.

Ngoại đạo đến chỗ đức Thế Tôn, thưa:

- Kính bạch Đại đức, Ô Ba Nan Đà lấy chiếc áo lông của tôi. Cúi xin Thế Tôn từ bi ai mẫn, khiến Ô Ba Nan Đà trả lại cho tôi. Nếu không trả lại, đồng phạm hạnh của tôi sẽ tẫn xuất tôi...

Bấy giờ, Phật bảo cụ thọ A Nan Đà:

- Chính ông đến bảo Ô Ba Nan Đà rằng: "Chúc ông vô bệnh", nhưng bảo ông ấy nên trả lại chiếc y quý giá cho ngoại đạo. Nếu không trả, thì họ sẽ mửa máu nóng cho đến chết, cho mà xem !

Khi ấy, cụ thọ A Nan Đà vâng lời Phật dạy, đến nói như vậy. Ô Ba Nan Đà nghe rồi, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, nói:

- Nay tôi vì kính đức Vô thượng tôn, đâu dám trái lời. Nếu chẳng phải đức Phật bảo tôi trả lại, thì dù cho bọn ngoại đạo hết cả Thiệm Bộ châu, với số lượng nhiều như trúc vĩ, đều đồng loạt mửa máu nóng cho đến chết nữa, thì Ô Ba Nan Đà tôi, một sợi lông cũng không động. Cụ thọ A Nan Đà có thể về đi, tôi sẽ trả lại cho họ !

Ô Ba Nan Đà đem trả y, và nói với ngoại đạo rằng:

- Đại sư của ngươi trước kia đã tìm cách nói dối, lừa đảo thế gian. Sau khi ông ta chết, sẽ đọa vào địa ngục lớn vô gián. Ở nơi đó, trên lưỡi của ông ta có năm trăm con trâu cày suốt ngày lẫn đêm. Nay ngươi nói dối còn gấp bội, hơn cả Đại sư của ngươi, thì sẽ có một ngàn con trâu cày trên lưỡi của ngươi. Ngươi đã mặc chiếc áo lông của ta, còn vật của ngươi, ta chưa từng dùng.

Ngoại đạo ngơ ngác nói:

- Tôi cũng không mặc.

Bấy giờ, Ô Ba Nan Đà lấy chiếc y đẹp kia trải xuống đất, tay bên tả túm lấy bốn diệp, còn tay bên hữu kéo cái phách trương ra, khiến cho tơ lụa đều bị sút nơi đầu. Ngoại đạo té xỉu xuống đất, Ô Ba Nan Đà đạp xéo vào hông, và nói:

- Ngoại đạo đi gấp, đi gấp ! Đừng để phân uế làm nhớp Tăng điền của ta !

Ngoại đạo gắng gượng nói:

- Này Đại đức, nay tôi còn được sống để ra khỏi chốn này, tôi sẽ không gao giờ dám vào vườn Thệ-đa, trong rừng này nữa !

Đây là duyên khởi, nhưng đức Thế Tôn vẫn chưa chế giới.

Bấy giờ, lục chúng Bí-sô ni xuất ra nhiều vật để cầu lãi. Dùng vật đã thành trao lấy vật đã thành, dùng vật chưa thành trao lấy vật đã thành, dùng vật đã thành trao lấy vật chưa thành, dùng vật chưa thành trao lấy vật chưa thành. Bí-sô ni giao dịch như vậy để cầu lợi, nên lúc ấy các ngoại đạo Bà-la-môn, cư sĩ, trưởng giả thấy việc làm như vậy, tất cả đều sanh cơ hiềm: "Tại sao Sa-môn Thích tử lại làm việc xuất vật cầu lợi. Như vậy đâu có khác nào người thế tục đâu ? Ai có thể cho y thực, cung cấp vật dụng cho họ ?". Các Bí-sô bạch lên Phật, đức Phật dùng nhân duyên này tập hợp chúng, hỏi để xác định sự thật, rồi quở trách... và chế học xứ như vầy:

Bí-sô ni nào, kinh doanh tài bảo dưới mọi hình thức để cầu lợi, Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề-ca.

---o0o---

DÙNG TIỀN SẮM Y VÀO VIỆC ĂN UỐNG

Tại thành Thất-la-phạt, lúc bấy giờ, năm y của ni Thổ La Nan Đà hư rách, đến giờ thọ trai, cô mặc y bưng bát đến chỗ Thắng Man phu nhân. Tới nơi, phu nhân trải tòa mời ngồi. Thổ La nói pháp xong, rồi ngồi im lặng. Phu nhân thưa:

- Tại sao y phục cũ rách như thế ?

Ni Thổ La Nan Đà nói:

- Hiện tại tôi đâu có chồng và con để cho tôi y phục.

Phu nhân thưa:

- Thưa thánh giả, tôi xin cúng năm y.

Thổ la nói:

- Cầu nguyện cho bà vô bệnh. Điều đó nay đúng là lúc.

Phu nhân liền lấy rương đựng y mở ra và nói:

- Thánh giả, tùy ý cứ lấy.

Thổ La nói:

- Tuy có phước dâng cúng, nhưng không có phước thọ dụng. Tôi cần có một số tiền để may, một số tiền để nhuộm.

Phu nhân lại cúng luôn.

Nhận được y rồi, Thổ La Nan Đà đem bán, dùng vào việc ăn uống.

Sau đó, lại như ngày trước, ni Thổ La Nan Đà mặc y cũ rách, đến chỗ phu nhân, phu nhân thấy, hỏi:

- Thưa thánh giả, vì sao cô cũng vẫn mặc thứ y cũ rách này ?

Thổ La nói:

- Chỉ cần tùy hỷ thì sẽ được xa lìa tám nạn. Những gì bà cho bữa trước, tôi đã cất vào trong kho vô tận rồi.

Phu nhân nói:

- Thưa thánh giả, nhận được y lại đem làm việc gì ?

Thổ La nói:

- Tùy nghi thì có lỗi. Chỉ che thân thể bằng y phấn tảo đủ rồi, cần gì phải dùng y phục tinh khiết ?!

Phu nhân xét thấy những điều như vậy, nên tâm sanh bất kính: “Tại sao cúng tiền để sắm năm y, mà Bí-sô ni lại đem dùng vào việc ăn uống ?!”. Các Bí-sô ni biết, thưa lại các Bí-sô. Bí-sô bạch lên Phật. Đức Phật dùng nhân duyên

này, tập hợp các ni, hỏi để xác định sự thật, rồi quở trách... và chế học xứ như vầy:

Bí-sô ni nào, dùng tiền sắm y vào việc ăn uống, Ni-tát-kỳ-ba-dật-để-ca.

---o0o---

THỌ TRÌ Y QUÝ GIÁ

Tại thành Thất-la-phạt, lúc bấy giờ, đại vương Thắng Quang Kiều-tát-la ban cho tướng quân một chiếc y quý giá sang trọng. Tướng quân bèn đem y đó dâng cho ni Pháp Dữ. Cô ni Pháp Dữ nhận được y rồi, đem treo lên móc y. Bấy giờ, ni Châu Kế Nan Đà vào trong phòng của Pháp Dữ lễ bái, thấy y quý giá, hỏi:

- Thánh giả nhận được chiếc y này ở đâu?

Pháp Dữ nói:

- Chấp Kích tướng quân đem cho tôi.

Ni Châu Kế nói:

- Cô có ý thích y này phải không ?

Ni Châu Kế nói tiếp:

- Thưa thánh giả, nơi miếu thần hoa héo thì nên bỏ.

Nghe nói như vậy, biết ý, nên Pháp Dữ liền lấy y cho cô Châu Kế. Châu Kế nhận được y rồi, liền mặc đi vào thành khất thực. Người đời thấy vậy đều chê trách:

- Này, xem cô ni này đắm say dục lạc. Tại sao cô ni lại mặc chiếc y thượng phục của vua, du hành khắp nơi ?

Các ni thưa lại Bí-sô, Bí-sô bạch lên Phật, đức Phật dùng nhân duyên này, tập hợp ni chúng, hỏi để xác định sự thật, rồi quở trách:

- Cô là người khó nuôi, khó biết đủ, nhiều ham muốn, không biết nhàm chán !

Đức Thế Tôn khen ngợi người dễ nuôi, dễ biết đủ, ít ham muốn, rồi đức Phật chế học xứ như sau:

Bí-sô ni nào, sử dụng y quý giá, Ni-tát-kỳ-ba-dật-để-ca.

---o0o---

CỐ Ý NÓI DỐI

Khi đức Phật ở cạnh ao Yết Lan Đạc Ca, trong vườn Trúc Lâm, tại thành Vương-xá, thì bấy giờ, có cụ thọ La Hổ La an trụ tại rừng Ôn Tuyền, cũng trong thành này. Lúc ấy có một số đông Bà-la-môn, cư sĩ.v.v... với lòng thành kính tin yêu đến tại đó, hỏi La Hổ La rằng:

- Đại đức Thế Tôn hiện nay ở đâu ?

Nếu nói đức Phật Thế Tôn hiện ở tại Trúc Lâm, thì La Hổ La sợ phiền Ngài, nên liền trả lời:

- Đại đức Thế Tôn hiện ở tại núi Thứu Phong [7]

Nếu đức Thế Tôn ở tại hang Tất Bát La, thì La Hổ La lại trả lời:

- Đại đức Thế Tôn ở tại hang Tây Ny Già.

Nếu ở tại hang Tây-ny-già, thì lại nói:

- Hiện ở tại hang Tất Bát La.

Số đông người có tín tâm ấy muốn tìm để kính lễ đức Phật, mà không gặp được. Thân thể họ tiều tụy, rất là khổ cực. Họ trở lại chỗ La Hổ La, và được La Hổ La hỏi:

- Các người có gặp được đức Thế Tôn hay không ?

Họ trả lời:

- Không gặp.

Mọi người cật vấn La Hổ La:

- Tại sao thánh giả lại cố ý gây phiền phức cho chúng tôi ?

La Hổ La nói:

- Thật vậy, tôi đã cố ý gây phiền phức cho nhau.

Bấy giờ, mọi người đều sanh lòng hiềm trách. Các Bí-sô đem nhân duyên này bạch lên Phật. Đức Thế Tôn nghe nói như vậy rồi, sáng hôm đó, Ngài đắp y mang bát vào thành Vương-xá, tuần tự đi khất thực, rồi trở về bản xứ thọ trai. Sau bữa ăn, Ngài liền đến chỗ ở của La Hổ La, nơi rừng Ôn Tuyền. Bấy giờ, La Hổ La từ xa trông thấy đức Thế Tôn đến, liền trải tòa, sắp đặt bình nước, luôn cả đồ rửa chân. La Hổ La rửa tay sạch sẽ, rồi đến nghinh đón đức Thế Tôn, rước thượng y của Ngài, và bạch:

- Lành thay ! Đức Thế Tôn quang lâm ! Cung thỉnh Thế Tôn an tọa nơi tòa này.

Đức Phật đến nơi tòa an tọa rồi, liền lấy bình nước tự rửa hai chân. Rửa xong, đổ nước, để lại một ít. Thế Tôn hỏi La Hổ La:

- Ông có thấy trong chậu còn một ít nước hay không ?

La Hổ La thưa:

- Kính bạch đức Thế Tôn ! Con có thấy.

Đức Phật dạy:

- Này La Hổ La, nếu Bí-sô cố ý nói dối, không có xấu hổ, cũng không ăn năn sám hối, thì ta xem người ngu si như vậy, là người thiếu một ít pháp Sa-môn.

Đức Thế Tôn lại đổ hết một ít nước còn lại trong chậu xuống đất, và bảo La Hổ La rằng:

- Ông có thấy một ít nước còn lại trong chậu đã được đổ hết xuống đất hay không ?

Thưa:

- Kính bạch đức Thế Tôn, con có thấy.

Đức Phật dạy:

- Này La Hổ La, nếu cố ý nói dối, không biết xấu hổ, cũng không ăn năn sám hối, thì ta xem người ngu si như vậy, là người đã đổ hết pháp Sa-môn.

Đức Thế Tôn lại nghiêng cái chậu xuống đất và bảo La Hổ La:

- Ông có thấy cái chậu bị nghiêng xuống đất hay không ?

Thưa:

- Kính bạch đức Thế Tôn, con có thấy.

Đức Phật dạy:

- Nếu Bí-sô cố tâm nói dối, không biết xấu hổ, cũng không ăn năn sám hối, thì ta xem người ngu si như vậy, là người nghiêng đổ pháp Sa-môn xuống đất.

Đức Thế Tôn lại úp cái chậu xuống đất và hỏi La Hổ La:

- Ông có thấy cái chậu bị úp xuống đất hay không ?

Thưa:

- Kính bạch đức Thế Tôn ! Con có thấy.

Đức Phật dạy:

- Nếu Bí-sô cố tâm nói dối, không biết xấu hổ, cũng không ăn năn sám hối, thì ta xem người ngu si như vậy, là người úp pháp Sa-môn xuống đất.

Đức Phật dạy tiếp:

- Lại nữa, này La Hổ La ! Như con voi chúa say, có thế lực lớn, ngà của nó như cái trục bánh xe, trẻ mập, dũng mãnh và chiến đấu giỏi. Đến trong chiến trường, khi cùng với đối phương chiến đấu, bốn chân, hai ngà, đuôi, xương sống và hông thảy đều có tác dụng, chỉ có cái vòi cuốn lại không đưa ra. Này La Hổ La ! Vì để bảo vệ tính mạng, nên con voi này không dùng cái vòi để đánh bại quân địch. Người nài voi liền nghĩ: "Voi chúa này muốn bảo vệ thân mạng của nó. Này La Hổ La ! Nếu con voi chúa khi cùng địch chiến đấu, đưa cái vòi ra tham chiến, thì khi ấy người nài voi liền biết voi mày không tiếc thân mạng; quên mình, quên người, khi xáp chiến đều bị tàn hại, và không một việc ác nào nó không làm. Này La Hổ La ! Như vậy, nếu có Bí-sô cố tâm nói dối, không biết xấu hổ, cũng không ăn năn sám hối, thì ta nói người như vậy không một việc ác nào mà họ không làm.

Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn nói kệ:

- Nếu người trái thật pháp

Cố nói lời hư dối

Khi nào họ còn sống

Không tội nào không làm

Thà nuốt hoàn sắt đỏ

Giống như lò lửa mạnh

Không dùng miệng phá giới

Ăn nuốt lòng tin người.

Đây là duyên khởi nhưng đức Thế Tôn chưa chế giới.

Lúc bấy giờ, tại thành Thất-la-phạt, lại có Bí-sô ni Thổ La Nan Đà cố tâm nói dối. Chư ni đem việc này thưa lại Bí-sô, Bí-sô bạch lên Phật. Đức Phật dùng nhân duyên này, tập hợp ni chúng, hỏi Thổ La Nan Đà:

- Thật sự cô có cố tâm nói dối như vậy không ?

Thưa:

- Kính bạch đức Thế Tôn! Có thật như vậy.

Đức Phật dùng lời quở trách... rồi vì hai bộ chúng đệ tử, chế học xứ này:

Bí-sô ni nào cố ý nói dối, Ba-dật-đề-ca [8]

---o0o---

NÓI LỜI MỈA MAI MẮNG NHIẾC

Khi đức Bạc Già Phạm ở vườn Cấp-cô-độc, trong rừng Thệ-đa, tại thành Thất-la-phạt, thì bấy giờ, Lục chúng Bí-sô khi tiếp xúc với các Bí-sô khác, thường hay nói lời mỉa mai, mắng nhiếc rằng:

- Thầy mắt chột, chân què, lưng gù, tủn mủn, cao quá, thấp quá, điếc, đui, câm, ngọng, đi bằng gậy, chân bước nặng nề, tay trụi, đầu to, môi hở, răng sún...

Khi bị Lục chúng Bí-sô dùng những lời mỉa mai mắng nhiếc như vậy, các Bí-sô nghe qua xấu hổ, thẹn đỏ mặt, ưu sầu không vui, phế bỏ cả việc đọc tụng tư duy, luôn ôm lấy những lo âu trong cuộc sống.

Bấy giờ, có Bí-sô thiểu dục nghe những sự việc như vậy rồi, sanh lòng hiềm trách, nói ra lời hủy báng khinh thị: "Tại sao Bí-sô lại đối với những Bí-sô khác, nói lên những lời mắng nhiếc, mỉa mai như: mắt chột.v.v..."

Các Bí-sô đem nhân duyên này bạch lên Phật. Đức Thế Tôn dùng nhân duyên này, tập hợp hai bộ chúng, hỏi Lục chúng rằng:

- Các ông thật có nói lời mắng nhiếc, mỉa mai, gây phiền não cho các Bí-sô khác, như: "Con mắt thầy chột".v.v... hay chăng ?

Lục chúng trả lời:

- Kính bạch Thế Tôn, có thật như vậy.

Đức Thế Tôn dùng mọi cách quở trách:

- Các ông chẳng phải Sa-môn, việc đó chẳng phải việc làm của các ông...

Đức Phật dạy:

- Các ông nên lắng nghe: Đời xa xưa về trước, trong một tụ lạc nọ, có một ông trưởng giả cưới vợ chưa bao kâu, thì trong cuộc sống hỷ ái, sanh được một người con gái. Cô ta theo thời gian lớn khôn, ông trưởng giả cũng một mình lo việc cấy cày. Bấy giờ, có người con trai của một cư sĩ, cha mẹ đều qua đời, thường ở nơi rừng hoang, đốn củi nuôi sống. Một hôm, anh ta gánh củi đến chỗ đầu thửa ruộng đang cày, ngồi nghỉ mệt dưới gốc cây. Thấy ông trưởng giả đích thân làm việc cày cấy, đến gần bên hỏi:

- Thưa cậu, tại sao với tuổi già nua, mà cậu còn tự cày bừa khổ sở vất vả thế này ? Lẽ ra cậu phải được yên nghỉ nơi thôn xóm, hay đứng trên bờ ruộng để coi ngó người làm mới phải chứ, thưa cậu ?

Ông trưởng giả nói:

- Này cháu nhỏ, cậu không có anh em, lại không có con rể, không tự mình cày cấy, thì vấn đề cơm áo, lấy vào đâu để chi dụng ?

Chàng thanh niên tỏ ý:

- Thưa cậu, cháu có thể thay thế cậu trong việc cày cấy này, để cậu tạm nghỉ được không ?

Ông trưởng giả đồng ý. Chàng thanh niên liền lại cầm cày, cày thế cho ông trưởng giả đến trưa. Khi người nhà đem cơm đến, ông trưởng giả kêu chàng thanh niên đến cùng ăn. Ăn xong, chàng thanh niên thưa:

- Cậu nên về nghỉ cho khỏe, để cháu cày đến chiều luôn. Nhưng cháu chưa biết nhà cậu. Chiều tối cậu cho người ra đầu thôn đón cháu.

Ông trưởng giả đồng ý và về nhà nghỉ. Con ông cư sĩ cày cho đến sẫm tối, mở trâu cho ăn cỏ tươi, rồi gánh củi và lùa trâu về. Khi đến đầu thôn, ông trưởng giả đón và đưa về nhà. Chàng thanh niên quét dọn chuồng bò, rải rơm khô, xông muỗi, bỏ cỏ cho bò ăn. Ông trưởng giả thấy vậy, liền có ý nghĩ: “Ta nhờ cháu nhỏ này mà được an lạc. Đứa con gái của ta sẽ cho nó làm vợ”. Ông trưởng giả khiến nó ăn, rồi bảo:

- Cháu sẽ ở đây luôn, siêng năng coi ngó gia nghiệp, đứa con gái của ta đây sẽ trao cho cháu làm vợ.

Con ông cư sĩ thưa:

- Hay lắm !

Rồi anh ta nương vào đó mà lo làm ăn sanh nghiệp.

Nhà ông trưởng giả có hai con bò. Mỗi lần lùa đi ăn, con lớn tánh hiền lành, con nhỏ tánh ham ăn, tuy đã xỏ mũi mà nó vẫn ăn phá hoa màu của người. Chàng thanh niên nổi giận, từ xa lấy đá quăng, nên nó bị gãy hết một sừng. Do vậy, nó được mang tên là con bò trụi sừng. Một ngày nọ, nó vẫn phạm phải tội ăn phá lúa bắp của người, thanh niên lấy lưỡi liềm cắt đuôi của nó, cho nên nó lại được gọi là "con bò cụt đuôi gãy sừng".

Sau một thời gian, con ông cư sĩ thưa với ông trưởng giả rằng:

- Trước đây cậu có hứa... may mắn thay, nay cậu có thể thực hiện.

Bấy giờ, ông trưởng giả nói: "Tốt !", rồi ông trưởng giả nói với vợ:

- Này hiền thủ, bà nên sắm sửa y phục, anh lạc, không bao lâu nữa tiểu nữ của ta sẽ làm lễ hôn thất.

Người vợ ngạc nhiên hỏi:

- Tôi chưa từng hứa gả cho ai, tại sao lại sắm sửa ?

Ông trưởng giả nói:

- Tôi đã hứa gả cho người ta rồi.

Bà vợ hỏi:

- Ông hứa gả cho ai ?

Ông chồng thản nhiên nói:

- Tôi hứa gả cho con ông cư sĩ.

Bà vợ tỏ vẻ bất bình, nói:

- Người này dòng họ vốn không ai biết, chẳng biết nó sanh từ nơi nào, làm sao vội đem con gái mình làm lễ hôn phối ? Phàm hôn nhân, thân thuộc phải tới lui, quà cáp, ăn uống, họ hàng cùng đồng biết, tôi mới gả con gái của tôi.

Ông trưởng giả nói với vợ:

- Này hiền thủ, từ ngày con ông cư sĩ này đến nhà mình thay thế việc lao nhọc, do đó tôi được an lạc. Nếu không có nó thì tôi phải đích thân cày cấy ruộng vườn, chịu nhiều vất vả.

Bà vợ bảo chồng:

- Thật sự tôi không thể đem ái nữ của mình mà gả cho một người làm thuê như vậy. Người đời họ sẽ lắm lời trong vấn đề cưới gả này.

Bấy giờ, ông trưởng giả liền có ý nghĩ: "Nếu ta trả lời rằng không gả con, thì người làm này sẽ bỏ đi ngay, ta lại không tránh khỏi tự cày cấy. Nay ta nên giả vờ, dùng phương tiện nói khéo, khiến cho nó không đi liền".

Sau đó, một thời gian, người làm kia lại thưa với ông trưởng giả:

- Kính thưa trưởng giả, gia trưởng nên tổ chức việc hôn nhân cho con.

Ông trưởng giả bảo:

- Này cháu, nhà ta họ hàng bà con rất đông, khi nào muốn tụ họp thì phải cần nhiều thức ăn. Chúng ta nên đợi đến mùa thu lúa chín, khi thu hoạch xong sẽ hay.

Khi thu hoạch xong, chàng thanh niên lại yêu cầu tổ chức lễ thành hôn. Ông trưởng giả nói:

- Này cháu, lễ này cần nhiều đường, đợi đến mùa mía sẽ tổ chức.

Khi thu hoạch đường xong, con ông cư sĩ lại hối thúc tổ chức lễ thành hôn. Kỳ này cậu ta được ông trưởng giả trả lời:

- Bánh bún cần nhiều lúa mạch, nên phải đợi đến khi nào lúa mạch chín, sẽ tổ chức.

Khi lúa mạch chín, thu hoạch xong, vấn đề được đặt trở lại. Lần này ông trưởng giả hoãn binh một cách hết sức gượng gạo:

- Này cháu, lúa cũ gần hết rồi, phải đợi đến mùa lúa mới.

Bấy giờ, con ông cư sĩ thấy sự trì hoãn nhiều lần, nên đâm ra suy nghĩ: "Đâu có chuyện nông vụ đồng bộ, nhất thời thu hoạch hết các thứ được, hết hẹn mùa lúa, đến hẹn mùa đường... kéo dài mãi thế này ? Chắc chắn ta đã bị lừa dối trong việc này rồi. Nay ta nên đem vấn đề này bố cáo cho mọi người biết. Nếu ông ta không gả thì ta phải đến cửa quan, để nhờ lấy sự quyết định". Chàng thanh niên nghĩ như vậy rồi, bèn rêu rao cho mọi người biết, để ông trưởng giả có thể tổ chức lễ thành hôn cho mình. Mọi người nghe như vậy, liền đến gợi ý ông trưởng giả:

- Ông đã hứa lâu rồi, tại sao không làm lễ thành hôn cho cậu thanh niên kia ?

Ông trưởng giả nổi giận nói:

- Quý vị nên biết, người này là người làm thuê trong nhà tôi, lý do nào tôi lại đem ái nữ của tôi gả cho nó !

Bấy giờ, con ông cư sĩ liền có ý nghĩ: "Ta không nhận được tiền thuê, lại không được vợ, luống qua năm tháng chẳng ích gì. Nay ta phải gây tổn hại cho người này trước khi ta đi mới được".

Anh ta liền lùa hai con bò vào lúc giữa trưa, cột vào gốc cây khô, dưới sức nóng thiêu đốt của mặt trời, dùng gậy đánh đập một cách tàn bạo, trước khi trở về. Bấy giờ, gần kiếp sơ, súc vật hiểu được tiếng nói của con người, nên con bò lớn bảo con ông cư sĩ rằng:

- Trước đây, ông đối với tôi, cùng nhau thương nhớ, ân của ông đồng như cha mẹ. Ông đã biết được nỗi vất vả khổ sở của tôi, tại sao nay ông lại đánh đập tôi nhiều thế này ? Ông cột tôi vào gốc cây khô, với sức nóng thiêu đốt của mặt trời giữa trưa, và dùng bạo lực đối với tôi, rồi ông bỏ tôi về nhà. Tôi đối với ông có điều gì sai lỗi hay chăng ?

Con ông cư sĩ nói:

- Ngươi thì không có lỗi gì, song chủ của ngươi đối với ta có lỗi.

Con bò nói:

- Ông ấy có lỗi gì ?

- Ông ấy trước đây có hứa gả con gái cho ta, nay lại nói ngược lại.

- Như vậy, sao ông không kiện nhờ quan xử ?

- Vì không có người làm chứng !

- Chúng tôi sẽ vì ông mà làm chứng cho việc này.

- Ngươi nói bằng tiếng người, hay tiếng của bò?

- Tôi không nói bằng tiếng người, mà tôi hiện tướng, khiến người ta hiểu được. Ông sẽ lập lời thề, dẫn tôi làm chứng, khiến mọi người đều biết. Ông cột hai chúng tôi vào trong chuồng, đừng cho ăn cỏ uống nước chi cả. Đủ bảy ngày, ông thả hai chúng tôi ra nơi chỗ đất có nhiều cỏ, nước. Mọi người chung quanh đến xem sẽ đều tin nhận. Chúng tôi sẽ cấm khẩu, không ăn, không uống. Chúng tôi sẽ hiện tướng mạo khiến đại thần của vua tin lời ông nói là thật, khi ấy chúng tôi mới ăn uống.

Bấy giờ, chàng thanh niên nghe kế hoạch của con bò trình bày như trên, liền thả hai con bò nơi chỗ cỏ non xanh để nó ăn, rồi tự mình đến chỗ nhà vua, tâu với vua:

- Tâu đại vương, tại nơi thôn..., có ông trưởng giả hứa gả con gái ông ấy cho tôi, khiến tôi phục dịch nhiều năm nay, nay lại phủ nhận lời hứa.

Nhà vua liền đòi ông trưởng giả đến, hỏi để biết việc hư thật. Ông trưởng giả tâu:

- Thật sự tôi không hứa.

Nhà vua hỏi chàng thanh niên:

- Có ai làm chứng cho ngươi không ?

Chàng thanh niên tâu:

- Tâu đại vương, có !

Nhà vua hỏi:

- Chứng nhân là người hay chẳng phải người ?

Chàng thanh niên tâu:

- Chứng nhân chẳng phải là người.

Nhà vua hỏi:

- Như vậy là loài gì ?

Chàng thanh niên tâu:

- Là loài bò !

Nhà vua ngạc nhiên hỏi:

- Nó nói tiếng người hay nói tiếng khác?!

Chàng thanh niên tâu:

- Nó không nói tiếng người.

Nhà vua nói:

- Như thế làm sao thành chứng được ?

Chàng thanh niên tâu:

- Nó có tín hiệu khiến cho người biết được: Bò kia suốt bảy ngày cột trong chuồng, không cho ăn uống chi cả, đủ bảy ngày thả chúng ra, nơi chỗ đất có nhiều cỏ tươi xanh, nước trong mát, tôi sẽ dẫn chúng làm chứng. Lúc này, ắt chúng sẽ có tướng kỳ lạ, là chúng sẽ không ăn uống chi cả, cho đến khi nào

đại vương chưa tin lời tôi là đúng sự thật. Điều này nếu là hư dối thì tôi sẽ chịu tội.

Vua ra lệnh cho một vị đại thần rằng:

- Nên y theo lời nói này, tìm xem sự chứng nghiệm của vấn đề.

Vị đại thần phụng mệnh, bèn bắt hai con bò cột trong chuồng, không cho nước, cỏ... Bấy giờ, con bò gãy sừng đứt đuôi bảo con bò lớn rằng:

- Đâu có chuyện điên đảo thế này, chỉ có chúng ta suốt ngày bị cột trong chuồng, mà không nghe nói đến cỏ, nước !

Con bò lớn trả lời:

- Há chúng ta đã hứa với chàng thanh niên ấy là sẽ làm chứng, là trong bảy ngày tự chúng mình sống đói khát, không ăn uống, cho đến khi nào nhà vua chưa tin lời nói của anh ấy hay sao ?

Con bò gãy sừng cụt đuôi nói với con bò lớn rằng:

- Nếu thả tôi ra thì đá cục tôi cũng nuốt, huống là nước với cỏ.

Con bò lớn khuyên:

- Con ông cư sĩ này thương nhớ đối với chúng ta, chẳng khác gì cha mẹ, đâu có thể trái với lòng tin, làm nguy hại cho người này.

Con bò gãy sừng cụt đuôi nói:

- Tuy thật là thương nhớ cũng như song thân, nhưng anh ấy thường kêu tôi là cụt đuôi gãy sừng. Mỗi khi tôi nghe kêu như vậy, tôi liền muốn dùng cái sừng còn lại đâm thủng bụng anh ta.

Con bò lớn nghe những lời như vậy, chỉ biết nín thinh.

Khi con ông cư sĩ đến thăm, và hỏi bò rằng:

- Được an ổn hay chăng ?

Con bò lớn trả lời:

- Tôi có thể an ổn, nhưng ông không được an ổn !

Con ông cư sĩ hỏi:

- Nói như vậy có ý gì ?

Con bò lớn báo cáo lại đầy đủ vấn đề. Con ông cư sĩ chán nản thở ra, và nói:

- Nếu như vậy thì tôi nay phải trốn thoát, chứ đối với nhà vua mà nói dối, thì mạng sống chỉ còn trong chốc lát.

Con bò lớn hiến kế:

- Ông khỏi phải trốn thoát. Ông nên dùng cái dây, xỏ mũi ông bạn cụt đuôi gãy sừng của tôi, rồi đem sợi dây ấy cột vào sừng của tôi. Ngày thả ra, nếu khi ông bạn tôi trái lại với lòng tin, ăn cỏ uống nước, thì tôi sẽ dùng cặp sừng của tôi, đưa cái mũi ông bạn tôi lên trời. Khi ấy, ông nên trình bày rằng: "Hiện nay hai con bò này đang báo cáo với vị hộ thế thứ năm". Người đời đều thừa nhận có năm vị hộ thế là: đất, nước, gió, lửa và mặt trời.

Bấy giờ, con ông cư sĩ liền tặng cho con bò nhỏ sợi dây xỏ mũi. Con bò cụt đuôi gãy sừng nói với con bò lớn rằng:

- Ông anh xem cái nỗi khổ ngược đãi đối với tôi đây !

Con bò lớn tếu:

- Em xem đó như xâu chuỗi anh lạc, thì có gì là khổ.

Sợi dây ấy được cột nơi đầu con bò lớn.

Đã đúng bảy ngày, vua và các đại thần đích thân đến chứng kiến. Hai con bò được thả ra nơi đám ruộng nhiều cỏ, nước. Con bò gãy sừng cụt đuôi vừa thấy cỏ, nước liền muốn ăn. Khi ấy, con bò lớn liền dùng cặp sừng, đưa cái mũi con bò nhỏ lên, hướng về mặt trời. Nhà vua hỏi các đại thần:

- Hai con bò ngóng về hướng mặt trời, có ý gì ?

Bấy giờ, vị đại thần có trí tâu:

- Muôn tâu đại vương, hiện nay hai con bò có ý muốn khải tấu với nhà vua rằng: sự việc này chẳng phải chỉ có hai đứa tôi làm chứng, mà có cả vị hộ thế thứ năm kia nữa. Giữa thanh thiên bạch nhật, giúp tôi chứng tri việc này.

Nhà vua thấy sự việc hết sức hy hữu như vậy, liền bảo các đại thần:

- Súc sanh vô tri còn có thể làm chứng, như thế là bảo đảm, sự việc chẳng phải hư dối, nên bảo người nữ kia cùng nam tử này xây dựng cuộc sống trăm năm với nhau.

Bấy giờ, hai con bò được thả ra, nó liền ăn cỏ uống nước. Con ông cư sĩ đắc thắng, cưới người nữ kia làm vợ.

Đức Phật bảo tiếp các Bí-sô:

- Các ông nên biết, loài bàng sanh nghe những lời mắng nhiếc mỉa mai, còn ôm lòng não hại, huống là đối với con người. Vậy các Bí-sô không nên dùng lời nói mỉa mai mắng nhiếc, đối với người khác.

Đây là duyên khởi, song Phật chưa chế giới.

Đức Phật lại bảo các Bí-sô:

- Thuở xa xưa, ở một thôn nọ, có ông trưởng giả sống với nghề đánh xe. Ông ta có hai con bò cái, một con tên là Hoan Hỷ, một con tên là Mỹ Vị. Vào mùa xuân, mỗi con đều đẻ một con nghé, sắc lông loang lỗ. Khi đã lớn khôn, con của con bò Hoan Hỷ thì sừng dài và rộng, con của con bò Mỹ Vị thì đầu trọc, không sừng. Lúc bấy giờ, ông trưởng giả đặt tên cho nó: một con tên là Hoan Hỷ sừng dài, một con tên là Mỹ Vị trọc đầu. Cả hai con khi trưởng thành đều có khí lực. Sau đó một thời gian, những người đánh xe nhân lúc cho bò của họ cùng uống nước nơi ao, họ nói với nhau:

- Bò của ai khỏe nhất ?!

Mọi người đều nói là bò của mình khỏe nhất. Ông trưởng giả nói:

- Bò của tôi mới thật là rất khỏe. Tại sao biết ?- Vì nó có thể kéo một xe nặng lên ngược sườn núi.

Họ liền lập lời minh ước với nhau, bằng năm trăm kim tiền. Lập minh ước xong, họ đem bò của họ kéo một xe nặng lên ngược sườn núi. Khi ấy, ông trưởng giả kêu hai con bò của ông rằng:

- Này con Hoan Hỷ sừng dài, nên đến mau để kéo ! Này con Mỹ Vị trọc đầu, cũng phải đến kéo gấp !

Bấy giờ, con bò trọc đầu nghe tiếng hủy nhục, đứng yên không chịu đến kéo. Ông trưởng giả cả giận, dùng gậy to đánh đập nó. Mọi người nói:

- Nay ông trưởng giả muốn giết con bò này hay chăng ? Nó đã không kéo thì nên mở nó ra.

Ông trưởng giả đành chịu thua cuộc, bị phạt năm trăm kim tiền. Hết sức phẫn nộ, ông ta đánh nó bằng gậy, cột nó dưới gốc cây khô.

Vào lúc đó, bò hiểu được tiếng người như đã nói ở trên. Ông trưởng giả bảo rằng:

- Hôm nay vì ngươi mà ta phải bị phạt năm trăm kim tiền !

Con bò nói:

- Do tại miệng của ông chủ có lỗi.

Ông chủ hỏi:

- Miệng của tao có lỗi gì ?

Con bò nói:

- Tại sao trước mọi người mà ông hủy nhục tôi ? Nếu ông gọi tên tôi một cách đẹp đẽ, không hủy nhục tôi, thì đối với sườn núi đó, nặng bằng hai lần, tôi cũng kéo được. Ông cứ lập minh ước một ngàn kim tiền, với trọng tải bằng hai, tôi sẽ kéo cho ông xem !

Ông trưởng giả nói:

- Nay ngươi lại muốn cho ta bị phạt gấp đôi nữa hay sao ?

Con bò nói với tinh thần xây dựng:

- Ông chủ đừng hủy nhục tôi, nhất định tôi sẽ tận lực.

Sau đó, ông trưởng giả, cùng với người khác lập minh ước: dùng bò kéo xe ngược lên sườn núi... Bấy giờ, ông ta kêu hai con bò của ông:

- Này Hoan Hỷ, nên đến kéo gấp ! Này Mỹ Vị, hãy đến kéo mau !

Hai con bò nghe kêu tên mình một cách êm đẹp, lòng phát sanh vui mừng hoan hỷ, tận lực kéo xe lên đến đỉnh đồi. Khi đã được thắng cuộc rồi, ông trưởng giả nhận được một ngàn kim tiền. Bấy giờ, có thiên thần ở giữa hư không nói kệ:

- Dù chở đồ rất nặng

Ở dưới chân sườn núi

Hai bò lòng được vui

Sẽ kéo được xe này.

Lời nói nghe thuận ý

Hai bò nghe vui lòng

Kéo xe khỏi chỗ khó

Chủ được thưởng ngàn vàng.

Cho nên thường ái ngữ

Đừng nói nghịch tai người

Khi nói lời ái ngữ

Không tội, thường an lạc.

Đức Phật bảo các Bí-sô:

- Loài bàng sanh kia, khi nghe lời hủy nhục, còn có thể làm việc không lợi ích đối với chủ, huống là đối với người. Vậy nên, các thầy Bí-sô.v.v... không nên đối với người khác nói lời hủy nhục.

Đức Phật dùng mọi cách quở trách, rồi vì hai bộ đệ tử, chế học xứ này:

Bí-sô ni nào, cố ý dùng lời nói mỉa mai mắng nhiếc, phạm Ba-dật-đề-ca.

1 Năm y của Tỳ-kheo-ni (Bí-sô ni) : Ngoài 3 y như Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni còn có thêm hai loại y : 1.Câu-tô-la là cái váy phụ nữ mặc lót phòng kinh nguyệt; 2.Tăng-kỳ-chi tức cái yếm để nịt vú.

1 Nước Chiêm-ba : Một vương quốc thời xưa ở Ấn độ, nằm phía Nam nước Phệ-xá-ly. Theo Đại đường tây vực ký q.10 : Vị trí đô thành nước Chiêm-ba ở phía Nam sông Hằng. Nay là thành phố Bhàgalpur.

--- o0o ---

PHẦN 5 - KHÔNG TỰ MÌNH DỌN CẤT, KHÔNG BẢO NGƯỜI DỌN CẤT PHU CỤ1 VÀ GIƯỜNG NGỒI CỦA TĂNG...

Khi đức Thế Tôn ở tại thành Thất-la-phạt, bấy giờ có ông trưởng giả thỉnh Phật và Tăng về nhà thọ trai. Buổi sáng, các Bí-sô đắp y mang bát đến nhà ông trưởng giả. Hôm ấy, đức Thế Tôn ở tại trú xứ, khiến người mang thức ăn về. Đức Phật có năm duyên, khiến Ngài thọ trai tại trú xứ. Năm duyên ấy là:

1- Chính Ngài cần sự yên tịnh.

2- Vì chư thiên nói pháp.

3- Vì quan sát người bệnh.

4- Vì quan sát ngọa cụ của Tăng.

5- Vì các Bí-sô chế học xứ.

Hôm ấy, Ngài muốn xem xét ngọa cụ của Tăng và chế học xứ. Vì vậy mà Ngài ở tại chùa, sai người lấy thức ăn mang về.

Sau khi chúng Tăng đi phó trai, đức Thế Tôn cầm chìa khóa đi xem xét khắp trong trú xứ. Tất cả các phòng xá, từ bên trong đến bên ngoài chùa, vườn rừng xung quanh, Ngài đều quan sát. Theo thứ tự, Ngài đến phòng của một vị Tăng, nơi đây có nhiều phu cụ bỏ dưới đất trống. Thình lình có một cơn mưa không đúng lúc, bất chợt sắp đổ xuống, đức Phật liền có ý nghĩ: "Những phu cụ này đều do lòng tin của các Bà-la-môn, cư sĩ.v.v... tự khổ cực bớt phần ăn của mình, và giảm bớt phần ăn của gia đình, đem dâng cúng cho Tăng để cầu thắng phước. Khi các Bí-sô và Bí-sô ni thọ dụng, lại không biết lượng mức, không khéo giữ gìn, bỏ bừa bãi, gió mưa sắp đến...".

Đức Thế Tôn thấy như vậy, liền dùng sức thần thông, tạm thời chận đứng cơn mưa gió, sấm chớp, mây đen đang bao phủ khắp nơi, để cho Ngài đủ thời gian thu dọn số phu ngọa cụ đó. Đức Thế Tôn tự tay thu dọn, đem vào an trí trong nhà xong, lấy áo tắm mưa choàng vào, ra ngoài phòng để tắm rửa. Ngài thu nhiếp thần thông, thì trên bầu trời u ám, trút xuống một cơn mưa như hồng vũ. Như Lai tắm rửa xong, trở lại phòng mình an trụ.

Bấy giờ, Bí-sô lấy thức ăn về, dọn ra qua một bên, rồi đến chỗ đức Thế Tôn, đảnh lễ dưới chân Ngài. Như thường lệ, đức Thế Tôn cùng với vị lấy thức ăn, hỏi chuyện vui vẻ:

- Bí-sô Tăng thọ thức ăn có được đầy đủ không?

Vị mang thức ăn về thưa:

- Kính bạch đức Thế Tôn, chư Tăng thọ nhận đầy đủ.

Thưa xong, vị ấy liền dâng thức ăn lên đức Thế Tôn. Ngài thọ trai xong, an trụ im lặng. Vào buổi chiều, Ngài đến an tọa nơi chỗ ngồi đã định, vào bảo các Bí-sô:

- Sau khi Tăng đi phó trai, tôi lấy chìa khóa phòng, đi xem xét khắp các phòng xá, thấy hầu hết các phu cụ bị bỏ nơi đất bừa bãi, trong khi cơn mưa sắp đến. Tôi dùng thần lực, tạm chận cơn mưa để tự tay thu dọn... Bao nhiêu thí chủ tự chịu khổ đối với mình, đem dâng cúng chư Tăng để cầu phước, các thầy đã không như pháp thọ dụng, làm hư tổn của tín thí...

Đức Phật nói kệ:

- Đối vật người tín cúng Biết lượng mà thọ dụng

Tự thân được an ổn Khiến người phước nghiệp tăng.

Kế tiếp, đức Thế Tôn khen ngợi người tri túc, y theo pháp thọ dụng vật của tín thí, rồi vì hai bộ đệ tử chế học xứ này:

Bí-sô ni nào, ở chỗ đất trống, để phu cụ và các giường ngồi của Tăng, khi bỏ đi, không tự mình dọn cất, không bảo người dọn cất, Ba-dật-để-ca.

---o0o---

TRỪ TRƯỜNG HỢP ĐẶC BIỆT, KHÔNG TỰ MÌNH DỌN CẤT, KHÔNG BẢO NGƯỜI DỌN CẤT PHU CỤ VÀ GIƯỜNG NẰM, GHẾ NGỒI CỦA TĂNG...

Sau khi đức Thế Tôn vì hai bộ đệ tử chế học xứ: "Bí-sô ni nào ở chỗ đất trống, để phu cụ và các giường ngồi của Tăng, khi bỏ đi, không tự mình dọn cất, không bảo người dọn cất, Ba-dật-để-ca", tại thành Thất-la-phạt, có hai ông trưởng giả, nhiều đời cừu địch với nhau. Một ông có tín tâm, một ông không có tín tâm. Ông có tín tâm có ý nghĩ: "Nay ta vì lý do gì tăng trưởng oán đối, ta nên xả bỏ mọi oán đối, mà làm người xuất gia". Ông không có tín tâm nghe như vậy, ôm lòng oán hận, nói: "Dầu địch thủ có chạy vào trong sừng trâu, cuối cùng ta cũng không tha". Bí-sô (trưởng giả có tín tâm) nghe những lời này, liền khởi ý nghĩ: "Vì sợ người đó mà ta xuất gia. Nếu ta ở đây thì cũng sẽ bị người ấy khủng bố. Nay ta nên đi lánh xa nơi khác". Nghĩ như vậy rồi, đương sự liền thưa với Ô Ba Đà Da:

- Con nên đến chỗ nào để tránh nạn được

Vị thân giáo sư nói:

- Nếu con có sự sợ sệt như vậy, thì nên du hành trong nhơn gian.

Người đệ tử liền ra đi.

Người thù địch kia nghe được, cũng liền mang lương thực đuổi theo. Bí-sô ngày đi đêm nghỉ, còn người thế tục thì dù là ngày hay đêm cũng đều đi, không nghỉ. Đến giữa đường gặp một chùa Tăng, ông trưởng giả thù địch kia đuổi kịp Bí-sô ở tại đây. Từ xa thấy, Bí-sô liền vào trong chùa. Kẻ thù địch

kia lại nghĩ: “Để sáng mai, giữa đường ta sẽ giải quyết”. Nghĩ như vậy rồi, ông ta tìm nơi nghỉ đêm.

Khi trời sáng, Bí-sô kia bận lo dọn dẹp ngọa cụ, giường chiếu.v.v... rồi thưa với các Bí-sô:

- Xin xem xét ngọa cụ, tôi muốn tiếp tục lên đường.

Các Bí-sô hỏi:

- Ngài muốn đi đâu

Vị Bí-sô thưa:

- Tôi muốn đến thành Vương-xá.

Các Bí-sô nói:

- Nên đi đường này, đừng đi đường khác.

Vị Bí-sô kia chúc:

- Quý ngài ở lại mạnh khỏe.

Chúc xong, vị Bí-sô lên đường.

Sáng hôm sau, ông trưởng giả cừu địch kia vào chùa, hỏi các Bí-sô:

- Vị Bí-sô kia đi đường nào

Các Bí-sô nói:

- Vị ấy đi đường này.

Ông trưởng giả theo đường ấy, đuổi kịp Bí-sô kia, và bảo:

- Ê ! Sa-môn trọc đầu, ông muốn đi đâu?

Bí-sô kia trả lời:

- Thưa hiền thủ, tôi đã xuất gia là muốn trừ oán tránh.

Ông trưởng giả hằn học nói:

- Ngay bây giờ, tôi muốn trừ oán tránh.

Nói xong, liền dùng gậy đánh Bí-sô kia đến gần chết, bát bị bể, y bị rách, chỉ còn chút hơi thở thoi thóp. Bí-sô kia gắng sức vào lại trong chùa, trình bày đầy đủ sự việc. Các Bí-sô trong chùa nói:

- Nếu ngài đừng dọn dẹp phu cụ..., đi sớm, và chúng tôi không bảo ngài đi đường đó, thì chắc ngài không bị khổ não như thế này !

Các Bí-sô đem nhân duyên này bạch lên Phật. Đức Phật lại tùy khai học xứ này:

Bí-sô ni nào, mang giường nằm, ghế ngồi, hoặc phu cụ của Tăng bày ra chỗ đất trống, khi bỏ đi, không tự dọn cất, không bảo người dọn cất. Nếu có Bí-sô ni, mà không dặn dò, trừ trường hợp đặc biệt, Ba-dật-để-ca.

---o0o---

THỌ THỨC ĂN QUÁ BA BÁT

Tại thành Thất-la-phạt, khi đức Thế Tôn đã chứng Vô thượng tri giác, tiếng đồn khắp nơi. Lúc ấy, ở phương Bắc, có các thương chủ đến nghỉ tạm bên ngoài thành. Lục chúng biết tin này cùng nhau đến đó, vì họ nói pháp. Thương chủ mời họ thọ trai. Thọ trai xong, Lục chúng lại vì họ nói pháp. Thương chủ ân cần mời họ thọ trai nữa. Lục chúng lại nói:

- Chúng tôi không dùng cơm, mà mong cầu được y.

Thương chủ bỏ đi, Lục chúng đi theo sau nói kệ:

- Đường hiểm ven biên không nên qua

Dù phải đi chớ nên dừng lại

Không những nơi đó không nên đi

Có người chớ nên làm bè bạn

Người ở núi ban đầu thấy tốt

Như vàng lau đá mới sáng tươi

Người ở trung phương không như vậy

Đầu đuôi bất động như núi nhạc.

Khi ấy, các thương nhân nghe kệ như vậy rồi, liền hỏi:

- Thưa thánh giả, tại sao các ngài hận khổ chê trách như thế

Lục chúng nói:

- Này hiền thủ, chúng tôi đã cùng với quý vị gây cảm tình ân nghĩa với nhau, mà quý vị lại bỏ phẩm thiện của chúng tôi. Chúng tôi thường vì quý vị nói pháp để biểu hiện ý cầu mong được y, mà quý vị không lưu ý.

Thương nhân vì lòng kính mộ, đã dâng cúng tất cả, cho nên lương thực đi đường đều cạn hết, lại bị giặc cướp. Các thương nhân khác nghe nói, cùng nhau cơ hiềm... Đây là duyên khởi, nhưng Phật chưa chế giới.

Lúc ấy, trong thành này lại có ông trưởng giả cưới vợ chưa bao lâu, vợ qua đời... Cứ như vậy, cho đến đời vợ thứ bảy cũng mạng vong. Người bấy giờ đều gọi ông là "sát phụ". Do đó, ông muốn cưới vợ nữa, mà không một người đàn bà nào dám ưng. Cho đến chỉ tìm được một người nữ mù con mắt bên phải, đến nỗi người bạn tri thức phải nói kệ:

- Ba-la-xá sửa răng trong sạch

Nếu đầu người xây ngủ hướng Tây

Cưới người làm vợ mù mắt phải

Đây là những tướng không lành mạnh

Hai ác tương phùng ắt tổn thương

Thí như đao đá cùng ném nhau

Cả chồng vợ là người phòng hại

Nếu cưới nhau ắt sẽ đám ma.

Với tình tri hữu, tuy nghe nói kệ, mà ông ta vẫn không chịu hủy bỏ cuộc hôn nhân. Cha mẹ của người nữ một mắt, chuẩn bị phẩm vật để gả con gái lấy chồng. Mười hai chúng lại đến xin thọ nhận hết cơm, bánh, nên hôn lễ không thành, khiến cho mọi người đều cơ hiềm...

Biết được việc này, đức Thế Tôn quở trách, rồi chế học xứ này:

Số đông Bí-sô ni nào, đến nhà thế tục, tịnh tín, Bà-la-môn, cư sĩ, ân cần xin cúng bánh, bún, cơm. Bí-sô ni nào cần, thì nên nhận hai, ba bát. Nhận rồi về đến trú xứ, nên chia cho các Bí-sô ni khác dùng. Đó gọi là hợp cách. Nếu nhận quá, Ba-dật-đề-ca.

---o0o---

KHUYÊN NGƯỜI ĂN ĐỦ

Lúc bấy giờ, tại thành Thất-la-phạt, có vợ của một người bạch y đến chỗ Bí-sô ni thưa:

- Thưa thánh giả, tôi muốn xuất gia.

Cô ni dẫn người nữ này đến chỗ vị thân giáo sư để cho xuất gia. Xuất gia xong, vị thân giáo sư bảo cô ni đệ tử rằng:

- Cô phải giáo thọ người nữ mới xuất gia này.

Bấy giờ, có ông trưởng giả thỉnh Phật và Tăng đến nhà thọ trai. Thọ thực theo ý muốn rồi, họ còn nhận được thức ăn đem đến bên ao. Vị thầy hỏi cô đệ tử già rằng:

- Cô có muốn được thức ăn không

Cô đệ tử già thưa:

- Muốn được...

Vị thầy nói:

- Cô lọc nước hay làm pháp dư thực1

Cô đệ tử già thưa:

- Con làm pháp dư thực, thầy đi lọc nước.

Vị thầy đi lọc nước, người đệ tử già liền đem phần ăn của mình làm pháp dư thực, còn phần ăn của thầy không làm. Vị thầy lọc nước xong, liền lấy thức ăn để ăn. Khi thầy ăn xong, cô đệ tử già thưa:

- Nay thầy có tội, nên như pháp sám hối.

Vị thầy nói:

- Ta không thấy tội.

Cô đệ tử già thưa:

- Thầy không làm pháp dư thực mà ăn.

Vị thầy nói:

- Thật sự ta không có tội, nếu căn cứ theo đạo lý thì cô phải là người có tội, mới đúng.

Vị thầy đem sự việc này báo lại các Bí-sô ni. Các Bí-sô ni bạch lại Bí-sô. Bí-sô bạch lên Phật. Đức Phật dùng nhân duyên này tập hợp Tăng, hỏi để xác định sự thật, rồi quở trách... và chế học xứ như vầy:

Bí-sô ni nào, biết Bí-sô ni khác ăn đủ rồi, không làm pháp dư thực mà khuyên bảo họ ăn, và nói rằng: "Cụ thọ, ngài nên ăn thức ăn này". Dùng nhân duyên này, muốn khiến cho người kia phạm tội, để sanh phiền não, Ba-dật-đề-ca.

---o0o---

KHÔNG NHẬN MÀ ĂN

Khi đức Thế Tôn ở tại thành Vương-xá, có Bí-sô Đại Ca La thường nằm ngủ nơi bỏ thây chết, và lấy bình bát, y phục, ngọa cụ... của người chết để dùng, lấy thức ăn cúng người chết để ăn. Vì thế, khi người chết nhiều, thì Đại Ca La thân thể béo mập đầy đủ, khỏi phải vào thành khất thực. Nếu gặp lúc ít người chết, thì thân thể gầy ốm, thường vào thành tuần tự đến các cửa ngõ khất thực.

Bấy giờ ngươi giữ thành với ý niệm kỳ lạ, tung tin là: "Đại Ca la ăn thịt người chết!". Cũng vào lúc ấy, trong thành có người Bà-la-môn qua đời, gia đình đưa tử thi vào rừng, người vợ và đứa con gái đứng một bên khóc lóc. Lúc ấy, Đại Ca La chăm chú nhìn xem lửa đốt tử thi. Người con gái thấy vậy, liền nói với mẹ:

- Nay, thánh giả này giống như con chim mù lòa, đứng giữ thây chết.

Lúc đó, có người nghe được, đến nói với các Bí-sô, các Bí-sô bạch lên Phật. Đức Phật dạy:

- Người con gái Bà-la-môn kia tự làm việc tổn hại. Hàng đệ tử Thanh văn của ta, đức như núi Diệu Cao, mà lại bị lời thô ác khinh hủy như thế. Do ác nghiệp này, trong năm trăm đời, cô gái kia sẽ thường làm con chim mù lòa.

Thời bấy giờ, kẻ xa người gần đều nghe lời huyền ký của đức Thế Tôn như thế.

Sau đó, Đại Ca La lại tiếp tục sống trong bãi tha ma, thường xua đuổi dã-can để lấy đồ cúng người chết mà ăn. Vì thế nên có tiếng đồn khắp thành là: "Ông ăn thịt người chết". Các Bí-sô đem việc này bạch lên Phật. Đức Phật khởi ý niệm: "Đệ tử Thanh văn của ta, do không thọ nhận mà ăn, nên có những lỗi như vậy phát sinh. Nay ta phải khuyên bảo các đệ tử chỉ nên nhận lấy thức ăn có người mời mà ăn".

Đức Phật dạy:

- Nên nhận rồi ăn.

Có năm cách nhận:

1- Thân cùng thân nhận.

2- Thân cùng vật nhận.

3- Vật cùng thân nhận.

4- Vật cùng vật nhận.

5- Để dưới đất nhận.

Có 5 cách không thành nhận:

1- Ở ngoài giới.

2- Ở chỗ xa, cách trở.

3- Ở một bên.

4- Đứng sau lưng.

5- Khi chắp tay.

Mặc dù Phật đã dạy "nên nhận rồi ăn", nhưng mười hai chúng Bí-sô ni- dù có nhận hay không nhận- cũng tự lấy mà ăn. Ni thiểu dục thấy vậy sanh tâm cơ hiềm, đem việc này bạch lại các Bí-sô, Bí-sô bạch lên Phật. Đức Phật dùng nhân duyên này tập hợp ni chúng, hỏi để xác định sự thật, rồi quở trách..., và chế học xứ như vầy:

- Bí-sô ni nào, thức ăn không nhận, đưa vào miệng ăn, Ba-dật-để-ca.

---o0o---

CHO THỨC ĂN CHO NAM NỮ NGOẠI ĐẠO KHÔNG MẶC Y

Lúc bấy giờ, trong thành Vương-xá, có các thương chủ đến chỗ đức Phật, đảnh lễ sát hai chân, rồi ngồi qua một bên.

Khi ấy, đức Thế Tôn vì các thương nhân nói pháp vi diệu, dạy dỗ chỉ bảo những điều an vui lợi ích, rồi im lặng mà ngồi. Họ nghe pháp rồi, với thâm tâm hoan hỷ, đảnh lễ đức Phật, cáo lui.

Sau đó, các thương nhân lại đến chỗ tôn giả A Nan Đà, kính lễ rồi ngồi xuống. Tôn giả vì họ nói pháp yếu, khiến được an vui lợi ích.

Một thương nhân thưa:

- Kính bạch Đại đức, đức Thế Tôn muốn đi du hành nơi nào trong nhân gian

Tôn giả A Nan Đà trả lời:

- Quý vị nên tự đến thưa hỏi đức Thế Tôn.

Thương nhân thưa:

- Thế Tôn Đại sư oai đức quá nghiêm trang, chúng tôi đâu dám trực tiếp đến thưa hỏi.

A Nan Đà nói:

- Tôi quán tướng mạo, thì không bao lâu nữa đức Thế Tôn sẽ đến thành Thất-la-phạt.

An cư xong, đức Thế Tôn cùng đại chúng tuần tự lên đường. Lúc ấy, trong đoàn thương nhân cũng có ngoại đạo lộ hình cùng đi. Họ tìm thức ăn không có, hiện tướng đói khát. Thức ăn còn thừa nơi bát, các Bí-sô ni đều đem đến cho họ...

Giữa đường, thương nhân hỏi một kẻ lộ hình:

- Lương thực dọc đường của quý vị do ai giúp đỡ

Kẻ lộ hình trả lời:

- Do Thích nữ đầu không có tóc giúp đỡ.

Khi ấy, một kẻ lộ hình khác nghe như vậy, lòng sanh bất nhẫn, nói kệ:

- Làm sao thân người không bị đọa?!

Làm sao lưỡi ngươi không bị xé!

Làm sao chư thần biết việc này,

Không dùng sấm sét đánh thân ngươi?!

Dã-can ăn đồ dư sư tử

Thường có ý nghĩ hại sư tử

Thập lực thánh chúng cứu tế ngươi

Nay ngươi mạ nhục không biết ơn

Thánh chúng chứng được Nhất thế trí

Bạn hay không bạn đều bình đẳng

Ngoại đạo các ngươi người khả ố

Cũng vẫn giúp đỡ cấp thức ăn

Nếu người không biết ân cùng nghĩa

Nên biết kẻ ấy không bằng chó

Chó đối với người rõ biết ân

Ngươi như rắn độc thường phun nọc.

Đây là duyên khởi, nhưng đức Phật chưa chế giới.

Khi đức Phật du hành đến thành Thất-la-phạt, có người trong năm trăm ấp thỉnh Phật và chư Tăng về cúng dường... Đức Phật thuyết diệu pháp, khiến họ được kiến đế. Lúc ấy, có hai người nữ ngoại đạo- một già, một trẻ- đến tìm cầu thức ăn. A Nan Đà không khéo quan sát, nên cho bánh có hai cái dính lại. Người già nhận được một cái, người trẻ nhận được một cái đôi.

Người nữ già nói:

- Bí-sô vương tử cho tôi một cái bánh, còn cho cô hai cái, thì chắc là đối với cô có lòng yêu mến. Vậy cô nên tự trang sức !

Người nữ trẻ nói:

- Không nên nói như vậy. Vương tử này bỏ cung điện nguy nga, xuất gia, nhàm chán thế tục, cởi bỏ trần lao như nhổ đàm dãi.

Các Bí-sô đem việc này bạch lên Phật. Đức Phật bảo các Bí-sô:

- Ta nhận thấy mười điều lợi, mà vì hai bộ đệ tử chế học xứ này:

Bí-sô ni nào, tự tay trao thức ăn cho ngoại đạo không có y, và nam nữ ngoại đạo khác, Ba-dật-để-ca.

---o0o---

CHE DẤU TỘI NGƯỜI KHÁC

Lúc bấy giờ, tại thành Vương-xá, Bí-sô Nan Đà có đệ tử thân giáo tên là Đạt Ma, tâm hồn tàm quý nhiều, ưa trì giới hạnh, thường tự hối lỗi. Vì thế, Đạt Ma thưa với thầy:

- Nay con muốn đến chỗ yên tịnh, để tu tập theo ý mình.

Nan Đà bảo:

- Cần phải cẩn thận !

Khi ấy, Ô Ba Nan Đà nghe như vậy, liền bảo Đạt Ma:

- Ông mang thêm tọa cụ1 của tôi, để tôi cùng đi với !

Đạt Ma thưa:

- Ngài cũng đến nơi rừng vắng để tịnh lự à

Ô Ba Nan Đà tự ái nói:

- Ông là người ngu si, ông nói tâm tôi bị tán loạn, không có sở tri, phải chăng

Thế rồi, Đạt Ma mang tọa cụ đến nơi rừng vắng, cùng tu tịnh lự với Ô Ba Nan Đà...

Sau đó ít lâu, một hôm, có một người nữ đến, Ô Ba Nan Đà nhiễm tâm khởi lên, nắm tay, ôm choàng thân người nữ, hôn lên miệng, rồi bỏ đi, dặn Đạt Ma rằng:

- Cụ thọ, tuy ông biết, nhưng chớ nên nói với ai.

Đạt Ma nói:

- Đại sư, cho đến khi nào, chưa thấy thiện Bí-sô đến, thì tôi trọn không nói với ai.

Ô Ba Nan Đà không bằng lòng, nói:

- Thân giáo sư của ông có những việc ác bỉ ổi, mà tôi thường che dấu. Nay ông thấy lỗi của tôi, không che dấu được sao

Đạt Ma nói:

- Đại sư, biết người khác có tội thô, mà cùng nhau che dấu, đó là việc xấu, tôi sẽ nói trước.

Đạt Ma liền đến báo với các Bí-sô, Bí-sô bạch lên Phật, đức Phật tập hợp các Bí-sô, bảo:

- Ta vì hai bộ đệ tử, chế học xứ này:

Bí-sô ni nào, biết Bí-sô ni khác có tội thô ác, mà che dấu, Ba-dật-để-ca.

---o0o---

XÚC HỎA

Lúc bấy giờ, tại thành Vương-xá, các trưởng giả Bà-la-môn trong thành này có ý nghĩ: "Kiết hạ xong, đức Thế Tôn muốn du hành nơi nào

trong nhân gian, ta nên chở nhiều phẩm vật đi theo đức Phật, sẽ được nhiều phước lợi". Họ liền đến hỏi tôn giả A Nan Đà, được tôn giả cho biết:

- Tôi xem triệu chứng, biết trước là đức Thế Tôn muốn đến thành Vương-xá.

Thương chủ lại hỏi tiếp về thời gian đi bao lâu, để chuẩn bị phẩm vật cần dùng mang theo cúng dường.

Bấy giờ, hằng ngày A Nan Đà thường đi trước thương chủ, gặp một con đường nguy hiểm, có nhiều sư tử, hổ, báo khủng bố, khó đi mà lại ngắn; và một con đường khác quanh co, nhưng lại an ổn, không có gì trở ngại. Thương chủ hoang mang, không biết đi theo đường nào. Họ bèn hỏi A Nan Đà, và được A Nan Đà trả lời:

- Đức Đại sư Như Lai đã xa lìa sự khủng bố lâu rồi, sư tử, hổ, báo đâu có thể làm gì được. Cùng đi theo Phật mà gặp điều sợ sệt là không bao giờ có.

Đức Thế Tôn tuần tự du hành, đi đến một tụ lạc. Nơi đây, có hai đồng tử đang chơi ngoài đầu thôn, một đứa cầm trống, một đứa cầm cung. Hai đồng tử này đến trước đức Phật, đánh trống và bắn cung. Đức Thế Tôn mỉm cười. Ngài hiện ra các loại ánh sáng có sắc xanh, vàng, đỏ, trắng, hồng. Ánh sáng này hoặc đi xuống, hoặc đi lên.

Ánh sáng đi xuống, chiếu đến địa ngục Tốc-hoạt, Hoắc-thằng, Chúng-hiệp, Tiểu-kiếu, Đại-kiếu, Tiểu-nhiệt, Đại-nhiệt, A-tỳ và tám địa ngục lạnh. Khi ánh sáng đến đâu, các loài hữu tình đang chịu sự nung nấu, đều được mát mẻ; nếu là nơi lạnh lẽo thì được ấm áp. Các loài hữu tình kia đều lìa khổ, an lạc. Họ nói: "Chúng ta cùng với những người đang ở trong địa ngục, đã thoát sanh đến chỗ khác hay sao?!".

Lúc ấy, đức Thế Tôn vì muốn cho các loài hữu tình kia sanh tâm tín hỷ, nên Ngài liền hóa thân vào trong địa ngục. Các loài hữu tình thấy hóa thân của Ngài, đều nói: "Không phải chúng ta đang từ địa ngục thoát sanh đến các chỗ khác, mà là do sức oai đức của đại nhân hy hữu này, khiến thân tâm chúng ta trừ khổ đặng vui". Khi họ đã sanh lòng tin rồi, liền có khả năng tiêu diệt các khổ địa ngục, trong đường nhân thiên, thọ thân thắng diệu, thường làm pháp khí, hay thấy đế lý.

Ánh sáng chiếu lên đến cõi trời Tứ đại vương chúng, trời Tam thập tam, trời Dạ Ma, trời Đổ Sử Đa, trời Hóa Lạc, trời Tha Hóa Tự Tại, trời Sắc Cứu

Cánh. Ánh sáng chiếu đến đâu, thì nơi đó có diễn nói pháp khổ, không, vô thường, vô ngã.v.v... Lại nói hai bài kệ:

- Người nên cầu xuất ly Đối Phật giáo siêng năng

Hàng phục quân sanh tử Như voi phá nhà cỏ.

Ở trong pháp luật nàyThường tu, không buông lung

Nên khô biển phiền não Sẽ hết bờ bến khổ.

Khi ánh sáng kia chiếu khắp ba ngàn đại thiên thế giới rồi, trở về chỗ đức Phật. Nếu đức Thế Tôn nói việc quá khứ, thì ánh sáng kia từ sau lưng nhập vào. Nếu nói việc vị lai, thì ánh sáng kia từ trước ngực nhập vào. Nếu nói việc địa ngục, thì ánh sáng kia từ dưới chân nhập vào. Nếu nói việc bàng sanh, thì ánh sáng từ ngón chân nhập vào. Nếu nói chuyện về loài người, thì ánh sáng từ đầu gối nhập vào. Nếu nói chuyện về Lực luân vương, thì ánh sáng từ bàn tay bên tả nhập vào. Nếu nói chuyện về Chuyển luân vương, thì ánh sáng từ bàn tay bên hữu nhập vào. Nếu nói chuyện về loài trời, thì ánh sáng từ rốn nhập vào. Nếu nói chuyện về Thanh văn, thì ánh sáng từ miệng nhập vào. Nếu nói chuyện về Độc giác, thì ánh sáng từ giữa lông mi nhập vào. Nói chuyện về A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ-đề, thì ánh sáng từ đảnh nhập vào.

Lúc bấy giờ, ánh sáng xoay quanh đức Phật ba vòng, rồi từ đảnh nhập vào. Lúc ấy, cụ thọ A Nan Đà chắp tay cung kính bạch Phật:

- Kính bạch đức Thế Tôn Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, chẳng phải không có nhân duyên mà Ngài hiện nụ cười vui vẻ sáng rực.

Tôn giả liền nói kệ:

- Thế Tôn xa lìa trạo, kiêu mạn

Trong các hữu tình lớn bậc nhất

Hàng phục phiền não và các ác

Nếu không nhân duyên, không mỉm cười

Như lai tự chứng chân diệu giác

Tất cả thính giả đều thích nghe

Mâu-Ni tối thắng nguyện tuyên dương

Giải quyết lòng nghi của đại chúng.

Đức Phật bảo tôn giả A Nan Đà:

- Đúng như vậy, đúng như vậy ! Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, chẳng phải không có nhân duyên mà hiện nụ cười. Ông có thấy hai đồng tử dẫn đường cho ta hay chăng

Thưa:

- Bạch đức Thế Tôn, con có thấy.

Đức Phật bảo A Nan Đà:

- Do thiện căn này, ở đời tương lai, trong mười hai kiếp, họ không đọa ác thú, sanh vào trời người, và nhận thân sau cùng, đạt được Vô thượng chánh đẳng Bồ-đề. Một vị tên là Pháp Cổ Âm Như Lai, một vị tên là Thi Vô Úy Như Lai.

Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn nói lời thọ ký rồi, thuận theo con đường mà đi, đến một thôn, nghỉ đêm trong ven rừng. Như đức Phật thường dạy, Bí-sô cư trú chỗ nào, cho đến dưới gốc cây, cũng nên theo thứ tự mà phân phối nơi ăn nghỉ.

Lúc ấy, Lục chúng Bí-sô được phân phối dưới một gốc cây khô, ban đêm bị lạnh bức thúc, phải dùng lửa đốt gốc cây cho ấm. Trong bọng cây này có con rắn đang ở. Rắn bị khói xông, nên leo lên nhánh cây, buông mình thòng xuống. Lục chúng thấy rắn, lớn tiếng kêu:

- Muốn rớt ! Muốn rớt !

Khi ấy, thương nhân nghe la như vậy, đều nghĩ là: “Có sư tử vào trong doanh trại, nên mọi người đang chống cự”. Vì vậy, họ hoảng sợ chạy tứ tản. Đức Thế Tôn hỏi A Nan Đà:

- Vì lý do gì mà thương tộc chạy tứ tản một cách hoảng hốt như vậy

Tôn giả A Nan Đà bạch Phật:

- Kính bạch Đại đức Thế Tôn, như lời Phật dạy, phàm các Bí-sô ở bất cứ nơi nào, cũng phải tùy theo lớn nhỏ mà phân phối nơi ăn chốn ở. Nay Lục chúng Bí-sô được phân phối dưới một gốc cây khô, đêm ngủ bị lạnh, phải lấy lửa đốt gốc cây cho ấm. Trong cây này có rắn đang ở, rắn bị khói xông, leo lên cây thòng mình xuống. Lục chúng thấy rắn, nên lớn tiếng kêu la: "Rắn ! Rắn ! Nó muốn rớt !". Các thương nhân nghe vậy, nên có ý nghĩ là có sư tử vào doanh trại, và mọi người đang chống cự, nên họ hoảng hồn chạy tứ tản.

Đức Thế Tôn bảo:

- Ông phải mau đến nói cho thương nhân biết là chỗ có Như lai ở, thì không có sự sợ hãi bởi sư tử, để họ khỏi phải kinh hoàng.

Tôn giả A Nan Đà phụng hành lời Phật, đến bảo cho họ biết. Mọi người đều yên tâm ở. Bấy giờ, các Bí-sô thấy việc như vậy, nên có sự nghi ngờ, thưa hỏi đức Thế Tôn:

- Kính bạch Đại đức Thế Tôn, tại sao Lục chúng tạo nên sự kinh hoàng đối với thương nhân; đức Thế Tôn nhân việc này lại an ủi, khiến cho họ xa lìa sự sợ hãi

Đức Phật bảo A Nan Đà:

- Không phải chỉ có ngày nay họ mới gây sự sợ hãi cho thương tộc, mà xưa kia họ cũng đã từng gây sự hoảng sợ cho người khác, phải chạy trốn thoát bốn phương. Ta cũng đã an ủi, khiến cho họ xa lìa ưu não.

Đức Phật kể tiếp:

- Các ông nên lắng nghe: Thuở đời quá khứ, ở bên bờ một dòng nước, có rừng cây trái Tần-loa, trong rừng này có sáu con thỏ, cùng làm bạn quen nhau chung sống. Bấy giờ trái Tần-loa chín, rơi xuống nước tạo thành tiếng động. Sáu con thỏ nghe tiếng trái rớt, vì thân hình của nó nhỏ bé, ý chí khiếp nhược, nên hoảng sợ chạy trốn tứ tản. Khi ấy, có con dã-can thấy thỏ chạy, đến hỏi: "Tại sao chạy". Thỏ nói: "Tôi nghe trong nước có tiếng phi thường,

há không phải mãnh thú muốn đến hại tôi sao Vì lý do ấy cho nên tôi chạy". Nghe rồi, dã-can cũng chạy. Như vậy, cho đến heo, nai, trâu, voi, cọp, hổ, lang và sư tử nhỏ... đều đến gạn hỏi. Nghe sự việc như vậy rồi, thảy đều trốn chạy.

Cách đó không xa, trong hang núi, có một con mãnh sư vương đang sống ở đó. Lúc ấy, con sư tử vương kia thấy các loài thú hoảng hốt chạy tứ tản, nên hỏi: "Tại sao các ngươi sợ". Các loài thú kể lại mọi việc, sư tử hỏi: "Các ngươi nghe tiếng dữ ấy ở phía nào?". Các thú nói: "Tôi không biết rõ". Sư tử nói: "Nếu chưa biết rõ gốc ngọn, thì các ngươi đừng chạy chứ ! Tôi sẽ tìm hiểu tiếng dữ đó là tiếng gì". Theo thứ tự, sư tử hỏi cho đến con thỏ, con thỏ nói: "Tiếng đáng sợ đó chính tai tôi nghe, chứ chẳng phải do ai truyền nói". Chúng cùng nhau quan sát chỗ tiếng động.

Trong khi các loài thú có mặt nơi đó, lại nghe tiếng trái Tần-loa rơi xuống nước, tạo thành âm thanh. Sư tử nói: "Đây là loại trái cây có thể ăn được, không liên quan gì đến sự hoảng sợ". Lúc ấy, trên không có loài trời mục kích sự việc, liền nói kệ:

- Không nên nghe người nói tin liền

Cần phải đích thân quan sát kỹ

Đừng như trái cây rớt trong ao

Các thú trong rừng đều chạy hoảng.

Này các Bí-sô, các ông chớ sanh ý niệm nào khác, con sư tử trước kia chính là thân ta, còn sáu con thỏ lúc ấy chính là Lục chúng vậy.

Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn tuần tự du hành đến thành Vương-xá. Lục chúng Bí-sô tụ tập ở chỗ đốt lửa, dùng củi đang cháy cùng nhau đùa giỡn, ngoại đạo thấy, sanh lòng khinh chê, nói:

- Các người biết chăng, Sa-môn Thích tử dùng củi đang cháy giỡn nhau, cùng với trẻ nít nào có khác gì! Tại sao lại bớt phần của vợ con, để cung cấp thức ăn đầy cả bát cho hạng người không tóc này!

Các Bí-sô nghe nói, đem những lời này trình bày đầy đủ lên đức Thế Tôn. Đức Phật dùng duyên này tập hợp các Bí-sô, hỏi để xác định sự thật, rồi quở trách và bảo rằng:

- Nay ta vì hai bộ đệ tử, chế học xứ này:

Bí-sô ni nào, hoặc tự mình nhen lửa, hoặc bảo người khác nhen lửa, Ba-dật-để-ca.

---o0o---

CÙNG VỚI NGƯỜI CHƯA THỌ CẬN VIÊN ĐỒNG NGỦ MỘT PHÒNG QUÁ HAI ĐÊM

Tại thành Vương-xá, lúc bấy giờ đại chúng vây quanh, đức Thế Tôn vì chúng nói pháp, lời lẽ tuyệt diệu, khiến cho chúng, ai cũng ưa nghe, người nghe quên cả mỏi mệt, như ong hút mật. Lúc ấy, trong giới người làm thuê, nghe nói đến Phật pháp rồi, họ bảo nhau:

- Đức Thế Tôn xuất hiện chỉ vì người giàu. Nếu đức Phật Thế Tôn nói pháp ban đêm, thì chúng ta mới có thì giờ nghe được.

Đức Phật dạy:

- Nếu tụng kinh hay nói pháp ban đêm, thì phải thắp đèn đuốc cho sáng, đừng để tối tăm.

Bấy giờ, có Bí-sô Ma Ha La không nhiếp tâm lúc ngủ, mớ nói việc phi pháp, người đời nghe, nên cơ hiềm, không nghe pháp. Vấn đề này được bạch lên Phật, Phật dạy:

- Do cùng với người chưa thọ Viên cụ cùng ngủ một phòng, và đốt đèn sáng, nên mới có lỗi này phát sanh. Nay ta không cho phép Bí-sô, Bí-sô ni cùng với người chưa thọ Viên cụ cùng ngủ một phòng, và đốt đèn đuốc.

Đây là duyên khởi, nhưng Phật chưa chế giới.

Bấy giờ, tôn giả Xá Lợi Tử có hai đệ tử, một tên là Chuẩn Đà, người thứ hai tên là La Hổ La (La Hầu La) muốn hạ an cư. Khi đại chúng tập hội, cùng nhau phân phòng xá, thì hai vị này không nhận được phần, ôm lòng ưu não... Chuẩn Đà hỏi La Hổ La:

- Tại sao đứng buồn như vậy

La Hổ La nói:

- Ông đủ phước đức, có đại oai thần, hóa am bằng cỏ, để có thể nghỉ qua đêm; còn tôi không có oai lực, muốn thế nào được!

Chuẩn Đà nói:

- Có việc muốn thưa hỏi, nhưng đến nơi đức Phật lúc phi thời, không được. Vừa rồi có tịnh thí chủ dùng bùn diệu hương thoa trét nhà vệ sinh, khả dĩ có thể tạm ngủ nơi đó qua một đêm.

La Hổ La liền vào nhà vệ sinh tạm thời nằm ngủ. Trong đêm ấy, có trận mưa lớn, cách đó không xa, có con rắn độc lớn, đang ở trong hang dưới mặt đất, nước mưa đầy hang, rắn bò vào nhà vệ sinh. Đức Đại sư Như Lai đạt được tâm không quên, liền có ý nghĩ: "Nếu bị rắn cắn, thì chắc chắn La Hổ La sẽ chết, chỉ để lại cái danh. Trong lúc ấy, những người dòng họ Thích Ca tự ngã mạn cống cao, lại còn sanh bất tín, nói như vầy: Nếu La Hổ La không xuất gia, thì đã được kế truyền ngôi vị Luân vương rồi. Nay đã xuất gia, lại không nơi nương tựa, phải ngủ nơi nhà vệ sinh, bị rắn độc cắn chết một cách oan uổng". Đức Như lai nghĩ như vậy rồi, liền duỗi cánh tay bên hữu, như cái vòi con tượng vương, nắm lấy thân hình của La Hổ La đem để trên giường.

Suốt đêm ấy, đức Phật khi thì đi, khi thì ngồi, cho đến sáng. Các Bí-sô khác đến chỗ đức Thế Tôn, muốn đích thân kính lễ. Theo pháp thường lệ của đức Thế Tôn, nếu muốn vì các Thanh văn mà chế học xứ, thì vị nào chưa đến đợi đến, vị nào đã đến không cho đi. Bấy giờ, khi La Hổ La thức dậy, biết mình đang nằm trên giường đức Phật, nên hoảng sợ kinh hoàng, đứng dậy liền. Lúc ấy, Thế Tôn bảo các Bí-sô:

- Phàm các cầu tịch, cầu tịch nữ không cha, không mẹ, chỉ có các ông là người đồng phạm hạnh, cùng thương mến nhau. Các ông không thương yêu nhau, giúp đỡ nhau, thì ai lo liệu cho ! Vì vậy, nay ta cho phép các Bí-sô, Bí-

sô ni cùng người chưa thọ Cận viên được cùng ngủ chung phòng hai đêm, thì không phạm

Bấy giờ, Lục chúng Bí-sô ngủ quá hai đêm. Bí-sô thiểu dục nghe nói, sanh cơ hiềm: "Tại sao Bí-sô không vâng lời Phật dạy", và đem nhân duyên này bạch lên Phật. Đức Phật hỏi, rồi quở trách và bảo rằng:

- Ta nhận biết mười điều lợi, mà vì hai bộ đệ tử chế học xứ này:

Bí-sô ni nào, cùng người chưa thọ Cận viên, ngủ chung một phòng, quá hai đêm, Ba-dật-để-ca.

---o0o---

MẶC Y KHÔNG HOẠI SẮC

Tại thành Vương-xá, lúc bấy giờ trong thành này có hai con long vương, một con tên là Kỳ Lợi, một con tên là Bạt Lũ.

Lúc ấy, vua Ảnh Thắng tạo hai thần đường ở bên ngoài thành, nơi lâm tuyền. Mỗi năm hai lần, đến ngày lễ tiết, khắp sáu đại thành, tất cả nhân dân thảy đều vân tập.

Một lần, đến ngày tiết hội, đoàn ca nhạc phương Nam đến thành Vương-xá, họ cùng nhau bàn tính: "Nếu trình diễn công hạnh của một đại nhân thù thắng, thì khiến cho mọi người lòng sanh hỷ ái, sẽ thu hoạch được nhiều tài lợi". Do vậy, họ đến chỗ Lục chúng, kính lễ sát chân, thưa:

- Kính thưa thánh giả, chúng tôi muốn tuyên thuyết quá trình xưa kia của đức Phật, khi còn làm Bồ-tát, những thắng hạnh của Người... Xin thánh giả hướng dẫn.

Lục chúng hỏi:

- Các ông muốn chúng tôi nói việc ấy để làm gì

Đoàn nhạc trình bày:

- Chúng tôi muốn cho vào ống sáo, dây đàn, tạo thành khúc nhạc.

Lục chúng không chấp thuận, nói:

- Các ông là kẻ ngu si, muốn đem thắng sự Phật pháp của chúng tôi, dùng vào việc trình tấu nhạc khúc à Các ông đi mau, tôi không nói đâu !

Đoàn nhạc bèn đến chỗ Bí-sô ni Thổ La Nan Đà. Cô ni tuyên thuyết đầy đủ từ khi sanh cho đến chứng quả Bồ-đề, đời sống và công hạnh của đức Phật. Đoàn nhạc nghe rồi, cho vào ống sáo, dây đàn, tạo thành khúc nhạc. Họ tập hợp các tay nghề cao để trình tấu.

Người có tín kính đều sanh lòng hy hữu, khen: "Đoàn nhạc xuất sắc, trình tấu khúc ca tài tình". Họ nhận được nhiều của tặng. Trong đoàn nhạc, có một sáng kiến khác thường là làm thế nào cho người không tin kính cũng được hấp dẫn. Họ bèn dựa vào việc làm của Lục chúng để trình diễn. Giới người không tín kính đều vui cười nhiều. Do vậy, đoàn nhạc thu hoạch được nhiều của cải.

Lục chúng nghe nói, bèn đến chỗ hai thần đường, tự mặc y phục của người thế tục để trình diễn vũ nhạc. Quần chúng đều tập trung đến đó xem, hý trường của đoàn nhạc kia bị bỏ trống. Lục chúng thu được nhiều y vật. Đoàn nhạc hiềm tiện: "Tại sao Bí-sô lại mặc đồ của người bạch y, trình diễn vũ nhạc?..."

Vì nhân duyên này, đức Thế Tôn tập hợp chúng quở trách, rồi bảo:

- Ta nhận thấy mười điều lợi, vì hai bộ đệ tử, chế học xứ này:

Bí-sô ni nào, nhận được y mới, thì nên dùng ba loại để nhuộm thành hoại sắc, hoặc xanh, hoặc lam, hoặc đỏ, tùy theo một loại để làm hoại sắc. Nếu không dùng ba loại để làm hoại sắc, mà thọ dụng, Ba-dật-đề-ca.

---o0o---

TẮM RỬA PHI THỜI

Tại thành Vương-xá, lúc bấy giờ, bên thành này có ba con suối nước ấm: suối thứ nhất dành cho vua tắm rửa, suối thứ hai dành cho người trong vương cung, suối thứ ba chung cho mọi người.

Bí-sô cùng tắm một chỗ với nhà vua. Bí-sô ni cùng tắm một chỗ với người trong vương cung. Vào lúc ấy, Lục chúng và mười hai chúng Bí-sô ni đến tắm, với ý niệm: "Thử xem tín tâm nhà vua dày mỏng thế nào !". Lục chúng ý muốn gây phiền não, nên ngâm mình lâu trong nước, không chịu lên. Nhà vua bèn sai người lấy nước đến chỗ riêng để tắm, chứ không vào trong suối ấm. Tắm xong, nhà vua đến chỗ đức Phật, đảnh lễ sát chân, nghe diệu pháp xong, cáo từ ra về. Bấy giờ, A Nan Đà đem sự việc này bạch lên Phật, đức Phật dạy:

- Do các Bí-sô tắm rửa, sanh ra lỗi này. Vậy không được tắm.

Vì không tắm, thân thể mồ hôi nhơ nhớp, nên khi đi khất thực, nhiều người thế tục nhận biết, hỏi: "Đem mồ hôi nhơ nhớp này cho là thanh tịnh sao". Đức Phật biết, nên dạy: "Nửa tháng phải tắm".

Đối với khí hậu nóng bức, không thường tắm nên bị hôi hám, đức Phật dạy: "Khi nào nóng bức thì tắm".

Có Bí-sô bệnh, thầy thuốc bảo tắm rửa, bệnh nhân trả lời: "Đức Thế Tôn không cho phép". Đức Phật dạy: "Khi bệnh thì được tắm".

Hoặc khi làm việc cho chúng, thân thể nhơ nhớp, người thấy cơ hiềm, Phật dạy: "Làm việc được tắm".

Khi đi đường, tới lui mệt mỏi, sải thân ra nằm, mọi người quở trách, đức Phật dạy: "Khi đi đường được tắm". Cho đến khi bị gió thổi, thân nhiều bụi đất, Phật dạy: "Khi bị gió thổi thì được tắm".

Gặp lúc trời mưa, hay gặp cả mưa lẫn gió, nhơ nhớp thân thể, đức Phật dạy: "Nếu khi gặp mưa, hay gió mưa, cũng được tắm".

Bấy giờ, đức Thế Tôn khen ngợi sự trì giới, rồi bảo:

- Ta nhận thấy mười điều lợi, vì hai bộ đệ tử, chế học xứ này:

Bí-sô ni mỗi nửa tháng phải tắm, nếu cố ý trái phạm, Ba-dật-đề-ca. Trừ các trường hợp đặc biệt là: khi nóng, khi bệnh, khi làm việc, khi đi đường, khi gió, khi mưa, hoặc bị cả mưa lẫn gió. Đó là trường hợp đặc biệt.

---o0o---

ĐÙA GIỠN TRONG NƯỚC

Lúc bấy giờ, tại thành Thất-la-phạt, trong mười bảy chúng, có Bí-sô lớn nhất là Ô Ba Ly, đoạn các phiền não, chứng quả A-la-hán rồi, liền khởi ý niệm: "Ta bắt đầu quan sát trong số đồng phạm hạnh, trong chúng này ai có thiện căn, quan sát xem họ lệ thuộc với ai. Quan sát biết họ lệ thuộc ta, ta đóng vai dẫn đường với phương tiện tùy thuộc sau đó".

Tất cả đến nơi sông A-thị-la-bạt-đề1, lọc nước thêm vào bình. Quan sát nước rồi, chánh niệm dụng tâm rồi, mới tắm rửa; tắm rửa xong, đứng qua một bên.

Bấy giờ, mười sáu người kia cũng tắm gội. Họ lao mình vào trong nước, thoạt nổi thoạt chìm, hoặc đến bờ bên kia, hoặc về lại bờ bên này, khi trôi theo dòng nước, lúc ngược với dòng sông, đánh nước, đập nước... tạo thành âm nhạc, mà nhạc cụ là nước, cả thân lẫn tay chuyển động, cùng nhau chơi giỡn vui đùa...

Khi ấy, đại vương Thắng Quang ở trên lầu cao, từ xa nhìn thấy họ đùa giỡn, nói với Thắng Man phu nhơn rằng:

- Người thử xem, những hạng người có phước điền mà người kính trọng đó !

Phu nhân tâu với đại vương:

- Đó là các vị thiếu niên, thân thể tráng kiện, chưa có thể tu phạm hạnh được. Đại vương chớ xem việc đó là kỳ lạ. Chính đại vương, tuy tuổi đã già, còn chưa đứng yên khi vào trong nước. Vậy, các vị đó giỡn chơi trong nước, có gì đáng trách !

Lúc ấy, Ô Ba Ly quán biết tâm nhà vua rồi, báo với đồng bạn rằng:

- Quý vị sửa soạn y phục, mang nước về lại trú xứ.

Thế rồi, Ô Ba Ly dùng sức thần thông, đưa đồng phạm hạnh bay lên hư không, vượt qua trên lầu nhà vua. Thắng Man phu nhân nhìn thấy bóng, ngửa mặt lên xem, mục kích sự việc hy hữu kỳ diệu, bèn tâu với nhà vua:

- Đại vương có thể xem kìa, bậc thắng diệu phước điền đang bay qua trên không kìa!

Nhà vua nói với phu nhân:

- Đâu có chuyện đã chứng quả A-la-hán mà còn giỡn chơi trong nước như thế!

Phu nhân trả lời:

- Đó là việc chính nhà vua mục kích, chứ đâu phải chuyện xa lạ, tại sao nhà vua còn hỏi!

Phu nhân giải thích:

- Tâm như chớp sáng, như làn điện, trong chớp nhoáng biến đổi, dùng sức định kiên cố như kim cương, trong sát-na phá hoặc vô minh... Nhà vua không nên lấy làm lạ trong việc ấy.

Vua Thắng Quang nghe rồi, im lặng không trả lời. Thắng Man phu nhân sai sứ bạch lên Phật hết mọi việc đã xảy ra... Cúi xin đức Thế Tôn lưu ý cho !

Đức Thế Tôn biết rồi, tập hợp chúng, hỏi để xác định sự thật, rồi quở trách và bảo:

- Ta nhận thấy mười điều lợi, vì hai bộ đệ tử, chế học xứ này:

Bí-sô ni nào, đùa giỡn trong nước, Ba-dật-để-ca.

---o0o---

CÙNG NAM TỬ NGỦ CHUNG NHÀ

Tại thành Thất-la-phạt, lúc bấy giờ, A Ni Lô Đà đã đoạn trừ các kiết hoặc, chứng A-la-hán, đắp y mang bát du hành trong nhân gian, đến một tụ lạc. Trong tụ lạc này, có một trưởng giả sanh hai trai và một gái. Người con gái khi trưởng thành đã làm việc không trinh cẩn. Khi người anh được người khác cho biết là người em gái chưa chồng của họ đã cùng người khác tư thông. Hai người anh nghe rồi, hỏi người em để biết thật hư thế nào, được người em trả lời:

- Thật sự đời em thanh cẩn, người đời nói bịp đó !

Thời gian sau, sự hiện diện của thai nghén đã rõ ràng, hai người anh hỏi:

- Em nói thanh cẩn, tại sao bụng dạ như thế này

Người em gái nói:

- Một người không có tóc cưỡng bức em, nên sự việc đến như thế này.

Khi "no ngày, thẳm tháng", sanh ra một đứa con trai. Người thời bấy giờ gọi bà ta là "ngốc tử mẫu" (bà mẹ của đứa con người không tóc). Bấy giờ, cụ thọ A Ni Lộ Đà đến thôn này, trời sẩm tối, tìm nơi nghỉ lại đêm. Các đồng tử bảo:

- Này thánh giả, nơi nhà của bà mẹ ngốc tử, chắc thánh giả ở lại đêm được.

Theo sự giới thiệu của các đồng tử, A Ni Lộ Đà đến đó, xin nghỉ lại đêm. Ngốc tử mẫu thuận cho A Ni Lộ Đà ở lại đêm, với tà niệm, nên nửa đêm đến ôm choàng tôn giả. Tôn giả biết rõ ác kiến của bà ta, nên dùng sức thần thông bay thoát lên hư không. Bà ta thấy vậy, sanh tâm hy hữu, cần cầu sám hối tạ lỗi. Tôn giả thấy điều tội lỗi như vậy, sau đó không bao giờ nghỉ đêm lại nơi nhà thế tục nữa, và đem vấn đề bạch lại Phật, đức Phật dùng nhân duyên này tập hợp chúng, khen ngợi người trì giới, và bảo:

- Ta nhận thấy mười điều lợi, vì hai bộ đệ tử, chế học xứ này:

Bí-sô ni nào, cùng nam tử ngủ chung một nhà, Ba-dật-đề-ca.

---o0o---

UỐNG RƯỢU

Lúc bấy giờ, tại thành Thất-la-phạt, có một trưởng giả tên là Phù Đề, giàu có nhiều của, y thực dư dật. Cưới vợ chưa bao lâu, sanh được một đứa con gái, nhan sắc đoan chánh, ai cũng muốn nhìn.

Khi tuổi lớn khôn, cô sánh duyên cùng con trai của ông trưởng giả Cấp-cô-độc, sanh được một đứa con trai. Ông trưởng giả vừa trông thấy, sanh lòng hoan hỷ, vội hô lên: "Thiện lai, thiện lai !". Các thân tộc nhân cơ hội này, đặt tên cho nó là "Thiện Lai". Nhưng hài nhi này phước mỏng, nên kể từ

ngày chào đời, gia sản ngày càng tiêu vong, cha mẹ phải chia ly để tìm sự sống.

Mọi người thời bấy giờ thấy hiện tình như vậy, nên gọi đứa hài nhi đó là "Ác Lai", thay cho tên "Thiện Lai" mà trước đây thân tộc đã đặt. Ác Lai cùng với bọn người ăn xin làm bạn, để sống qua ngày. Ác Lai có căn lành nên thường chuyên lo tu tập: Tu quán thanh xứ ảnh tượng trước mắt. Đức Thế Tôn lại vì ông ta nói pháp yếu, chỉ bày mọi sự lợi ích an vui, khiến chứng được kiến đế, xuất gia lìa tục, tu trì phạm hạnh, phát đại dũng mãnh, giữ tâm kiên cố; đầu đêm, cuối đêm tư duy quên mệt mỏi, đoạn trừ kiết hoặc, chứng A-la-hán quả, và nói kệ:

- Xưa ở chỗ chư Phật

Chỉ giữ thân gạch sắt

Nay nghe Thế Tôn dạy

Chuyển thành thân vàng ròng

Tôi ở trong sanh tử

Lại không thọ thân sau

Phụng trì pháp vô lậu

Thẳng tiến đến Niết-bàn

Nếu người ưa trân bảo

Và sanh thiên giải thoát

Phải gần thiện tri thức

Thì sở nguyện theo ý.

Bấy giờ, có kẻ không tín kính liền sanh cơ hiềm, bàn tán: "Sa-môn Kiều Đáp Ma đã độ cho những người bần tiện, ngu si xuất gia, để dùng làm kẻ sai vặt". Đức Thế Tôn vì muốn giới thiệu cái đức của Thiện Lai, nên sai Thiện Lai

điều phục con độc long..., khiến cho con rồng độc thọ tam quy y và năm học xứ. Đức Phật bảo các Bí-sô:

- Trong hàng đệ tử Thanh văn của ta, điều phục độc long, Thiện Lai là bậc nhất.

Bấy giờ, tất cả mọi người, Bà-la-môn xa gần nơi núi Thâu Ma La chứng kiến việc Thiện Lai điều phục độc long, khiến cho họ thoát khỏi sự lo hại. Trong số đó, có Bà-la-môn cung thỉnh Thiện Lai, dùng những thứ đồ ăn thức uống ngon bổ nhất, và chí thành cúng dường một cách no đủ. Thí chủ muốn Thiện Lai ăn cho mau tiêu hóa, nên dùng một ít rượu trộn vào trong nước uống. Thiện Lai không biết, uống xong liền say, ngã nằm xuống đất. Các đức Phật Thế Tôn đã đạt ý niệm không quên, luôn luôn hiện tiền, nên đã hóa làm cái am tranh, nơi chỗ Thiện Lai nằm, che phủ thân hình, không cho người thấy, và bảo các Bí-sô:

- Các ông nên quan sát việc làm của Thiện Lai nơi núi Giang Trư, hàng phục con rồng độc Yêm Bà, mà hiện nay không thể điều phục được một con lươn con. Các ông Bí-sô, uống rượu có những mất mát lớn lao như vậy !

Đức Thế Tôn liền hiện vô lượng trăm ngàn tướng vòng tròn bằng lưới da, với tay phước đức thù thắng trang nghiêm vương, rờ đầu Thiện Lai, và bảo:

- Này Thiện Lai ! Tại sao không quan sát kỹ trước khi dùng, để rồi phải chịu sự khốn đốn thế này !

Khi ấy, Thiện Lai được tỉnh ngộ một ít, liền đi theo sau đức Phật đến rừng Thệ-đa. Đức Phật rửa chân, rồi đến chỗ ngồi thường lệ an tọa, bảo các Bí-sô:

- Các ông nên quan sát những người uống rượu, có các sự mất mát như vậy.

Đức Phật khen ngợi những người trì giới, rồi bảo:

- Ta nhận thấy mười điều lợi, vì hai bộ đệ tử chế học xứ này:

Bí-sô ni nào, uống các loại rượu, Ba-dật-để-ca.

---o0o---

VÀO XÓM LÀNG LÚC PHI THỜI

Lúc bấy giờ, tại thành Thất-la-phạt, có một Bà-la-môn từ nơi khác đến thành này, cưới vợ rồi ở luôn, chẳng bao lâu sanh được một đứa con gái. Theo thời gian, người con gái lớn khôn, cùng với các đồng nữ đến trước cửa chùa, tại rừng Thệ-đa.

Lúc ấy, Ô Đà Di thấy nhan sắc của người con gái này thùy mị, liền khởi nhiễm tâm, đụng chạm thân cô ta, hôn nơi miệng cô ta. Khi ấy, đồng nữ cũng muốn làm điều phi pháp, Ô Đà Di từ chối, cô ta ôm lòng sân hận, liền lấy móng tay tự cào vào thân hình của mình, rồi trở về nhà, báo cáo với cha của cô rằng: Ô Đà Di đã làm tổn hại đời đồng nữ của mình. Người cha liền thông báo với năm trăm Bà-la-môn, họ đều phẫn nộ, rồi tập trung lại một chỗ, muốn đánh Ô Đà Di. Năm trăm người đến chen lấn, lôi kéo nhau, không thể di chuyển được.

Đức Thế Tôn biết việc này, liền nghĩ rằng: "Đây là bài học tối hậu đối với Ô Đà Di". Đức Phật dùng thần lực làm suy yếu sức của ông ta, khiến Ô Đà Di không thể làm gì được. Các người Bà-la-môn thấy sức của ông suy yếu, liền cùng nhau đánh, đến độ gần chết, rồi kéo đến cửa nhà vua. Lúc ấy nhà vua đang ngủ ngày, trên lầu thượng, đức Phật dùng thần lực khiến cho nhà vua tỉnh giấc, để cùng với phu nhân phán xử mọi việc. Thắng Man phu nhân yêu cầu Ô Đà Di cải hối. Ô Đà Di nghe lời phiền trách, liền phát tâm dũng mãnh, thời gian chưa bao lâu, đoạn hết các lậu hoặc, chứng quả A-la-hán, rộng độ nhân dân. Đức Thế Tôn thọ ký: trong số người giáo hóa, ông là người đệ nhất hơn hết.

Sau đó, vì có việc đến nhà người khác, vào lúc ban đêm, một cách phi lý nên bị giết chết, và bị vất xác vào trong đống phân. Lúc ấy, đức Thế Tôn đến chỗ xảy ra sự việc, bảo các Bí-sô:

- Đây là việc do đi lúc phi thời, nên chiêu lấy lỗi lớn... Ta nhận thấy mười điều lợi, vì hai bộ đệ tử chế học xứ này:

Bí-sô ni nào, vào làng xóm không đúng lúc, Ba-dật-để-ca.

---o0o---

NHẬN SỰ MỜI TRƯỚC HAY SAU BỮA ĂN

Lúc bấy giờ, tại thành Thất-la-phạt, lúc ấy có một trưởng giả giàu có, lắm của cải, thọ dụng dư dật. Ô Đà Di nhân đi khất thực, đến nhà ấy, nói pháp yếu: "Người thí thực đặng năm công đức là: sống lâu, sắc đẹp, sức khỏe, an lạc và tự biện". Ông trưởng giả nghe rồi, mang thức ăn dâng cúng, thâm tâm hoan hỷ, đảnh lễ sát chân, quy y Tam bảo, thọ năm học xứ.

Một ngày khác, Ô Đà Di lại đến nhà trưởng giả, ông trưởng giả thưa:

- Ngày mai, con thỉnh Phật và Tăng đến nhà thọ trai, ngài có thể đến sớm.

Sáng sớm hôm sau, Ô Đà Di đến nhà ông trưởng giả, bảo:

- Tôi có duyên sự, tạm đến nhà khác. Nếu tôi chưa lại, thì không nên hành thực trước.

Đức Phật hướng dẫn đại chúng đến nhà ông trưởng giả. Các Bí-sô bảo ông trưởng giả:

- Nên xướng tùy ý (mời thọ trai).

Ông trưởng giả thưa:

- Kính thưa thánh giả, hôm nay, con vì Phật và đại chúng, thiết lập lễ cúng dường này, cúi xin Phật và đại chúng tùy hỷ, nhưng Ô Đà Di chưa đến.

Đức Phật dạy:

- Như vậy là xướng tùy ý rồi, nên cứ đến chỗ ngồi mà ngồi.

Nhưng mãi đến gần quá ngọ, Ô Đà Di mới đến chỗ thọ thực. Vì đợi chờ quá lâu, nên các Bí-sô có vị ăn được một ít, có vị không ăn được.

Đức Phật vì ông trưởng giả nói bài kệ về cúng dường, rồi từ chỗ ngồi ra về. Ô Đà Di ở lại, không về chùa. Hôm ấy, gặp ngày 15 (rằm), chúng Tăng làm pháp trưởng tịnh, Ô Đà Di không đến tập hợp, lại không có người mang dục đến. Chúng phải ngồi chờ lâu, bê trễ pháp sự. Tìm kiếm không có, khiến chúng mỏi mệt... Đức Phật quở trách, rồi bảo:

- Ta nhận thấy mười điều lợi, vì hai bộ đệ tử chế học xứ này:

Bí-sô ni nào, đã nhận thọ trai nơi nhà người, mà trước hay sau bữa ăn, đến nhà người khác, Ba-dật-để-ca.

---o0o---

TỰ TAY NẤU THỨC ĂN SỐNG

Lúc bấy giờ, tại thành Thất-la-phạt, có một người tánh ưa cảnh vườn cây, bảo người nấu ăn rằng:

- Tôi muốn đi du ngoạn, sáng sớm đến để nấu thức ăn cho tôi mang theo.

Trước khi đến chỗ phương viên, người này đã ra lệnh cho người nhà chuẩn bị hết mọi thứ, kể cả người giúp việc nấu nướng cũng phải sẵn sàng... Nhưng cuối cùng người thợ nấu không đến, mà thì giờ lại đã quá muộn. Bà vợ ưu sầu.

Khi ấy, Thổ La Nan Đà Bí-sô ni nhân đi khất thực, vào nhà này, nói:

- Hiền thủ, vô bệnh, có thể cho tôi thức ăn với.

Người vợ bảo:

- Thưa thánh giả, hiện tại tôi đang ưu sầu, làm sao có thể bỏ bát được!

Cô ni hỏi:

- Hiền thủ ưu sầu việc gì

Người ấy trình bày rõ sự việc. Cô ni nói:

- Này bà chị, chẳng lẽ bà chỉ biết có kim chỉ, ngoài ra không biết gì nữa hay sao

Người đàn bà ấy nói:

- Thánh giả có biết nấu thức ăn phải không

Cô ni nói:

- Công xảo gì tôi cũng rành cả.

Người đàn bà nói:

- Thánh giả thương xót, nấu dùm thức ăn cho tôi.

Cô ni nói:

- Tôi nấu, có cho tôi ăn không

Thưa:

- Cho chứ !

Hỏi:

- Có cho người coi phòng của tôi ăn không

Thưa:

- Cũng cho ăn luôn !

Cô ni hỏi:

- Cần nấu thức ăn gì

Thưa:

- Có thể nấu các thứ chả ram, tô, quả và các loại bánh.

Người đàn bà ấy cần chi, thì cô ni đều làm được hết. Làm xong, cô ni lấy thức ăn về chùa. Sau đó, người nấu ăn mới đến. Người nhà nói:

- Các thức ăn đã nấu xong một cách khéo léo, người nấu là cô ni Thổ La.

Người nấu ăn nghe qua, dùng mọi cách cơ hiềm, tuôn ra những lời thô ác:

- Tại sao Sa-môn Thích nữ lại cướp đoạt nghề nuôi sống của người ta ! Như vậy chẳng phải là nữ Sa-môn, chẳng phải là nữ tịnh hạnh !

Các Bí-sô ni đem việc này bạch lại Bí-sô, Bí-sô bạch lên Phật, đức Phật hỏi rồi quở trách... và chế học xứ này:

Bí-sô ni nào, tự tay nấu thức ăn sống, Ba-dật-để-ca.

---o0o---

VẪY NƯỚC LÊN KẺ BỀ TRÊN (chúng trên)

Tại thành Thất-la-phạt, lúc bấy giờ có ông trưởng giả, cưới vợ lâu mà không có con, thân tộc đều phân tán, của cải khánh tận, bần cùng, cô đơn, già nua, không nơi nghỉ ngơi, lấy tay chống cằm, có ý nghĩ: "Nay ta đã già yếu, lấy gì để nuôi sống! Có thể xuất gia để cầu sự an lạc". Ông ta nói với vợ:

- Này hiền thủ, tôi nguyện xuất gia, bà tính thế nào

Người vợ nói:

- Tôi cũng xuất gia.

Ông chồng liền dẫn người vợ đến chỗ Đại thế chúa, thưa:

- Kính thưa thánh giả, người này là vợ của tôi, ý muốn xuất gia, nên đến đây cầu xin.

Đại thế chúa liền độ cho xuất gia. Chồng của bà ấy cũng đến chỗ chư Tăng xin xuất gia. Xuất gia xong, ông ta có ý nghĩ: "Trước đây, ta cùng với vợ ta có sự hứa hẹn, thường thăm hỏi nhau, nay ta nên đến thăm". Nghĩ như vậy rồi, liền đến chỗ ni. Cô ni kia từ xa thấy, đích thân ra đón chào, mời ngồi. Theo lời mời, Bí-sô ngồi, cô ni đứng một bên, Bí-sô nói diệu pháp rồi ra về.

Giới nữ tánh ưa cất chứa những vật có được nơi phòng, nên mời Bí-sô lưu lại để thọ nhận. Cô ni đem thức ăn dâng cho Bí-sô, Bí-sô liền cười. Cô ni hỏi:

- Tại sao cười

Bí-sô trả lời:

- Khi còn ở nhà, phục vụ tôi, nay lại cũng như vậy, cho nên tôi cười !

Cô ni liền nổi giận, bảo:

- Tôi dâng cúng với tấm lòng thành, vì phước điền, tại sao nghĩ ngược lại để cười

Cô ni liền lấy tay vốc nước vẫy lên Bí-sô, lại dùng bình đánh Bí-sô.

Chư ni đem việc này bạch lại Bí-sô, Bí-sô bạch lên Phật, đức Phật hỏi, quở trách... rồi chế học xứ này:

Bí-sô ni nào, dùng nước vẫy lên kẻ bề trên (chúng trên), Ba-dật-để-ca.

---o0o---

ĐEM ĐỒ BẤT TỊNH ĐỔ RA NGOÀI VÁCH

Lúc bấy giờ, tại thành Thất-la-phạt, ni Thổ La Nan Đà lo việc của chúng, hoặc là giáo thọ, hoặc là dạy phúng tụng. Vì vậy, suốt đêm phần nhiều không ngủ, ăn uống không tiêu, bị khổ vì cái bụng, những đồ bất tịnh bài tiết ra, đem đổ ngoài vách tường.

Vua Thắng Quang có một vị đại thần tên là Cát Tường, tự tiện cỡi voi của vua, vua giận đuổi ra, đi ngang qua vách tường gần chùa. Khi ấy, ni Thổ La Nan Đà đang đổ đồ bất tịnh ra, nên nhằm đầu vị đại thần, khiến bị nhơ nhớp. Các Bí-sô biết việc này, cùng nhau bàn tán: "Hiện nay vị đại thần này có thế lực lớn, chúng ta ắt phải gặp tai họa". Vị đại thần kia giận ngầm, ôm lòng xấu hổ, đến nơi sông tắm rửa. Lúc ấy, vị đại thần Lộc Tử can thiệp cho đại thần Cát Tường, tâu với nhà vua:

- Muôn tâu đại vương, vị đại thần Cát Tường trung cẩn, đối với nước có công. Cúi xin đại vương bỏ qua cái lỗi tự tiện cỡi voi vua, của vị này.

Nhà vua chấp thuận lời tấu xin, liền kêu sứ thần đến, bảo:

- Hãy báo cho đại thần Cát Tường biết, đại vương ra lệnh cho ông phải trình diện gấp.

Cát Tường hoảng sợ, vội vã, không biết việc chi mà nhà vua gọi gấp, liền mặc áo ướt đến chỗ nhà vua. Nhà vua thấy, tỏ lòng hoan hỷ, hoàn lại quan vị cho Cát Tường, và nói:

- Con voi Bạch Liên Hoa của ta, cho khanh tùy ý sử dụng.

Đại thần Cát Tường hoan hỷ, nhảy nhót, lại sanh ý nghĩ: "Nhờ đâu mà ta được phục hồi chức vị vinh quang này Phải chăng do vị phạm hạnh đã đổ đồ bất tịnh, thấm nhớp thân ta, nên được quả báo này". Từ cung vua đi ra, ông đến ngay nơi trú xứ của ni, và hỏi các ni rằng:

- Thưa thánh giả, hôm nay vị ni nào đã đem đồ bất tịnh đổ trên đầu tôi

Lúc ấy, ni Thổ La Nan Đà thấy vị đại thần tìm hỏi như thế, lòng rất sợ hãi, vào phòng đóng cửa, và nói ra nơi kẻ hở rằng:

- Có một ni già chẳng biết tốt xấu, đem đổ đồ bất tịnh, không ngờ thấm nhớp đại nhân. May mắn thay, xin đừng nổi giận !

Vị đại thần nói:

- Đối với vị ni ấy, thật sự tôi không có lòng sân nhuế. Tôi muốn dâng cúng y phục, nên đến đây tìm hỏi. Tôi nhờ thấm nhớp đồ bất tịnh ấy, mà được phục hồi chức vị quang vinh.

Thổ La Nan Đà nghe câu nói ấy, từ trong cửa bước ra, lấy tay đấm ngực, nói:

- Do thô tâm của tôi nên tạo ra tội lỗi ấy.

Vị đại thần thấy cô ni bước ra, liền tự cởi các y phục, hai tay dâng cúng. Vị quan cười thầm, với ý nghĩ: "Ta nhờ oai lực bất tịnh của thánh giả, mà được phục hồi lại địa vị thắng tôn, nhận lãnh lại ân huệ của nhà vua".

Sau đó một thời gian, Thổ La Nan Đà cùng các ni chúng có việc đấu tranh, cô ta mắng vị ni kia rằng:

- Tôi xem cô không bằng phẫn nhơ của tôi!...

Chư ni đem việc này bạch lại Bí-sô, Bí-sô bạch lên Phật. Đức Phật hỏi, rồi quở trách... và chế học xứ này:

Bí-sô ni nào không khéo xem xét, mà vội đem đồ bất tịnh đổ ra ngoài tường, Ba-dật-đề-ca.

---o0o---

ĐỘ NGƯỜI NỮ ÁC TÁNH

Lúc bấy giờ, Bí-sô ni Thổ La Nan Đà vào thành Thất-la-phạt khất thực, gặp một người nữ tánh tình nhiều nóng giận, hung bạo, ưa tranh cãi với những người nữ khác. Đầu của người nữ này tóc dựng ngược lên, tiếng thét giống như tiếng con dã-can, nhiều người nghe tiếng thét của cô ta đều hoảng hồn. Thổ La Nan Đà thấy vậy, bèn nghĩ: "Ta có thể hướng dẫn người này xuất gia, để giúp ta đấu tranh, khi cần đến bạo lực". Nghĩ như vậy rồi, Thổ La liền tìm phương tiện độ người nữ này xuất gia.

Sau một thời gian, ni Thổ La cùng với một cô ni khác có việc tranh cãi, người nữ vừa được Thổ La độ xuất gia làm thinh đứng xem. Ni Thổ La giận, nói:

- Cô không thể cùng sống với tôi nữa. Tôi cho cô xuất gia, tại sao nay cô làm thinh đứng coi, không trợ giúp tôi trong việc cạnh tranh này!

Cô ni vừa được cho xuất gia nói:

- Thưa thánh giả, hiện tại tôi không biết tung tích của đối phương, làm sao trợ giúp được.

Ni Thổ La nói:

- Nếu tôi cùng với Đại thế chúa cạnh tranh, thì cô có thể mắng rằng: "Đồ cái quân tự ý mình cạo đầu". Nếu tôi cùng với ni Liên Hoa Sắc cạnh tranh, thì cô có thể mạ nhục rằng: "Cô là người đàn bà tự khoe sắc đẹp của mình trong sáu thành lớn để nuôi sống". Nếu tôi cùng với ni Pháp Dữ cạnh tranh, thì cô cứ nói: "Cô là kẻ nhờ vào sứ giả mà được thọ Cận viên". Nếu tôi cùng với Sấu Kiều-đáp-di cạnh tranh, thì cô nhắc lại rằng: "Cô là người bị kẻ khác đè xuống bảo ăn thịt con mình". Cô nên dùng những từ này để giúp tôi trong khi cần mắng chửi họ.

Từ đó, khi thấy ni Thổ La cùng người khác đấu tranh, thì ni ác tánh thường trêu chọc các ni, để cùng nhau tranh đấu. Số đông ni chúng thường nói: "Ai lại độ một người ác tánh - ưa đấu tranh như vậy - xuất gia". Trong chúng có người trả lời: "Ngoài ni Thổ La ra, thì ai lại độ người như vậy !". Các ni bạch lại Bí-sô, Bí-sô bạch lên Phật. Đức Phật hỏi, quở trách... rồi chế học xứ này:

Bí-sô ni nào, biết người nữ có tánh ác, ưa tạo ra việc đấu tranh, mà cho xuất gia và thọ Cận viên, Ba-dật-để-ca.

---o0o---

CHỒNG CHƯA CHO PHÉP, MÀ ĐỘ XUẤT GIA

Tại thành Thất-la-phạt, lúc ấy, ni Thổ La Nan Đà nhân đi khất thực, vào một nhà, thấy người đàn bà bị chồng đánh, đang an trí nơi góc nhà, người chồng đã đi ra ngoài. Thổ La Nan Đà hỏi:

- Này hiền thủ, nguyện cho người không bệnh, có thể cho tôi thức ăn không!

Người đàn bà kia nói:

- Thưa thánh giả, hiện tại tôi đang lo phiền, không thể nào bỏ bát cho thánh giả được.

Ni Thổ La hỏi:

- Tại sao lại lo phiền

Người đàn bà kia trình bày rõ hết câu chuyện.

Thổ La bảo:

- Như vậy, tại sao không xuất gia

Người đàn bà ấy vui mừng thưa:

- Đó là sở nguyện của tôi !

Thổ La liền dẫn đi và cho xuất gia. Sau đó, người chồng trở về tìm, nhưng không thấy vợ. Người nhà báo cáo:

- Vợ ông đã đi xuất gia rồi.

Người chồng hỏi:

- Ai cho xuất gia

Đáp:

- Ni Thổ La Nan Đà.

Người chồng bất mãn nói:

- Vợ tôi xuất gia, ai coi ngó việc nhà này?

Sau đó một thời gian, ni Thổ La Nan Đà đi khất thực, người chồng gặp, liền hỏi:

- Thánh giả cho vợ tôi xuất gia, ai coi ngó gia nghiệp của tôi đây

Người chồng phẫn nộ, nắm chặt y của Thổ La kéo, và nói:

- Cô cho vợ tôi xuất gia, vậy cô có thể đến đây coi sóc gia nghiệp cho tôi chăng

Các ni đem việc này bạch lại Bí-sô, Bí-sô bạch lên Phật. Đức Phật hỏi, quở trách... rồi chế học xứ này:

Bí-sô ni nào, biết vợ của người chưa được chồng cho phép, mà độ cho xuất gia, Ba-dật-đề-ca.

---o0o---

KHIẾN NGƯỜI NỮ KHÁC THU XẾP GIA NGHIỆP

Lúc bấy giờ, ni Kiều-đáp-di tuần tự đi khất thực trong thành Thất-la-phạt, đến nhà một trưởng giả. Ông trưởng giả đã qua đời, người vợ làm gia chủ, nhà giàu nhiều của, lắm tôi tớ, trong cuộc sống có kẻ hầu người hạ, mà

lòng vẫn ưu sầu. Gia chủ thấy Kiều-đáp-di, mà không đích thân cung kính, cũng không cúng thức ăn. Cô ni nói:

- Này bà chị, việc gì mà sầu não thế

Người đàn bà bảo:

- Này thánh giả, chồng tôi chết, thân tộc đều không còn, nay tôi biết làm thế nào đây, mũi tên độc bắn vào tôi, trong tâm tôi thường ôm sầu thảm. Tuy có của tiền, tôi tớ, sản nghiệp, mà chồng vắng bóng, bà con xa lìa, thì của cải này cũng chẳng có nghĩa gì !

Cô ni nói:

- Như vậy, tại sao không xuất gia

Người đàn bà thưa:

Kính thưa thánh giả, may mắn thay, nếu cho tôi xuất gia !

Cô ni nói:

- Nếu có thể thu xếp việc nhà, vất bỏ hết cái lưới của thế tục, thì đối với việc xuất gia cũng chẳng phải là khó.

Người đàn bà kia liền tuôn hết của cải trong kho, dâng cúng Sa-môn, Bà-la-môn và người bần cùng cô quả. Buông xả hết rồi, đến trú xứ của ni, nơi Kiều-đáp-di cư trú, bà ta cầu xin xuất gia. Cô ni nói:

- Nay tôi không thể cho bà xuất gia được. Bà có thể đến chỗ các cô ni khác để cầu xin.

Người đàn bà kia nghĩ rằng: "Gia sản của mình đã khánh tận, đến cầu xin xuất gia không được, bây giờ biết tính sao đây". Lúc ấy, có số đông ni chúng thấy vậy, hỏi:

- Này hiền thủ, việc gì mà ưu sầu thế

Người đàn bà kia kể lại đầy đủ mọi việc vừa qua. Các ni đem việc này bạch lại Bí-sô, Bí-sô bạch lên Phật. Đức Phật hỏi, quở trách... rồi chế học xứ này:

Bí-sô ni nào, bảo người đàn bà thế tục rằng: “Bà nên thu xếp gia nghiệp, tôi sẽ cho bà xuất gia”. Theo lời hướng dẫn, họ thu xếp xong, không cho xuất gia, Ba-dật-đề-ca.

---o0o---

NUÔI HÀI NHI CỦA NGƯỜI KHÁC

Lúc bấy giờ, ni Thổ La Nan Đà đi khất thực trong thành Thất-la-phạt, ghé lại một nhà, thấy người đàn bà sinh con chưa bao lâu, Thổ La Nan Đà nói:

- Này hiền thủ, nguyện cho người vô bệnh, có thể cho tôi thức ăn !

Người đàn bà hỏi:

- Thưa thánh giả, trẻ nhỏ khóc nhiều, làm thế nào cho nó hết khóc

Ni Thổ La nói:

- Đã biết sanh con, mà không biết cách nuôi con hay sao

Người đàn bà thưa:

- Thánh giả, ngài có biết phương pháp làm cho trẻ nhỏ hết khóc không

Ni Thổ La nói:

- Các thắng pháp của đời, tôi đều hiểu cả, huống là cách nuôi hài nhi, tôi lại không rành sao Nếu tôi dạy cách nuôi con cho bà thì bà có cho tôi ăn không

Người đàn bà trả lời:

- Cho !

Cô ni nói:

- Có cho người theo hầu tôi ăn không

Trả lời:

- Cũng cho !

Hỏi:

- Người coi phòng của tôi, cũng cho ăn chứ

Trả lời:

- Cũng cho ăn luôn !

Cô Thổ La bèn bồng hài nhi để lên trên đùi, lấy dầu nóng thoa lên thân nó, dùng bột gạo xoa, lấy nước ấm lau, lấy vải trùm lại. Hài nhi ngủ được. Những gì người đàn bà đã hứa, đều cung phụng đầy đủ.

Sau đó một thời gian, ni Đại Thế Chúa cũng nhân đi khất thực, ghé lại nhà này, vợ ông trưởng giả nói:

- Thánh giả có thể làm cho tiểu nhi này được an lành chăng

Cô ni nói:

- Đó không phải là việc làm của người xuất gia. Vậy, có người xuất gia nào đã từng làm việc này sao

Bà vợ ông trưởng giả trả lời:

- Trước đây, ni Thổ La Nan Đà đã từng giúp tôi điều đó.

Các ni đem việc này bạch lại Bí-sô, Bí-sô bạch lên Phật. Đức Phật hỏi, quở trách... rồi chế học xứ này:

Bí-sô ni nào, nuôi dưỡng hài nhi của người khác, Ba-dật-để-ca.

---o0o---

LÀM VIỆC NHÀ NGƯỜI THẾ TỤC

Tại thành Thất-la-phạt, lúc bấy giờ, ni Thổ La Nan Đà đi khất thực, ghé vào một nhà, nói với người vợ ông chủ rằng:

- Cầu cho bà không bệnh, bà có thể cho tôi thức ăn

Người đàn bà kia trả lời:

- Hiện nay tôi chưa rành những công việc trong gia đình của người đời, không biết làm sao đây?!

Ni Thổ La nói:

- Bà chị chỉ biết việc kim chỉ, ngoài ra không biết việc gì của gia đình hay sao

Người đàn bà thưa:

- Thưa thánh giả, phải chăng ngài rành công việc của một gia đình

Thổ La nói:

- Bao nhiêu công việc trong gia đình, tôi đều biết cả.

Người đàn bà nói:

- Nếu như vậy thì xin thánh giả giúp cho tôi với.

Thổ La nói:

- Tôi giúp cho bà, bà có cho tôi ăn không?

Thưa:

- Cho chứ !

Thổ La lại hỏi:

- Người hầu và người coi phòng của tôi, bà cũng cho ăn chứ

Thưa:

- Tôi cũng cho luôn !

Thổ La liền để y bát xuống, xách nước để xem có trùng hay không, lau quét khắp nơi, rửa các bồn chậu, nấu luôn thức ăn như cơm, canh, đồ kho, rau sống..., mọi việc đâu đó xong xuôi, liền rửa tay chân, thắp hương cúng gia thần, linh kỳ, rồi lấy luôn phần ăn của mình mang về chùa.

Sau đó một thời gian, ni Đại thế chúa cũng đi khất thực, ghé vào nhà này, vợ ông trưởng giả thấy, nói:

- Thánh giả giúp tôi sắp đặt mọi việc trong gia đình, được chăng

Đại thế chúa nói:

- Làm gì có chuyện, ni giúp cho người thế tục sắp đặt mọi việc trong gia đình

Bà vợ ông trưởng giả nói:

- Thánh giả Thổ La Nan Đà đã từng giúp tôi những công việc như vậy, và cô ta cũng làm giỏi hơn ai hết !

Đại thế chúa nói:

- Ni lại đến làm giúp những công việc nhà cho người đời hay sao

Các ni đem việc này bạch lại Bí-sô, Bí-sô bạch lên Phật. Đức Phật hỏi để xác định sự thật, rồi quở trách..., và chế học xứ này:

Bí-sô ni nào, sắp đặt mọi công việc gia đình cho người đời, Ba-dật-để-ca.

---o0o---

SẮM ĐẦU TÓC GIẢ TRANG ĐIỂM

Lúc bấy giờ, tại thành Thất-la-phạt, ni Thổ La Nan Đà khởi ý nghĩ như vầy: “Hiện nay ta còn có cái trò vui nào mà ta chưa thưởng thức”. Vừa

nghĩ xong, Thổ La thấy dâm nữ sắm đầu tóc giả để làm đẹp, bao nhiêu nam tử đam mê sắc đẹp, đều đến vây quanh. Thổ La đến hỏi nhỏ dâm nữ:

- Người nhờ đâu mà có cuộc sống đầy đủ như vậy

Dâm nữ đem sự thật nói với Thổ La:

- Chỉ nhờ cái đầu tóc giả mà nhiều người ái mộ, nên sự sống được như thế.

Thổ La liền nghĩ: "Đây là một kế hoạch tốt, ta cần thực hiện, để có trò vui". Thổ La liền làm đầu tóc giả đội lên đầu, để trang sức thân mình, rồi sống bên cạnh dâm nữ kia. Nam tử đam mê nữ sắc, đến tìm những cuộc truy hoan. Thổ La đòi giá cao, để khiến người ta đừng gần mình. Nhưng có một người đồng ý với giá của Thổ La đã nêu. Người nam tử ấy muốn ôm choàng Thổ La. Dâm nữ nghĩ: "Nếu ta nói cho người này biết, thì sợ Bí-sô ni bị phá giới". Dâm nữ liền bảo:

- Buông ra, buông ra, có em đây !

Nam tử vừa buông ra, Thổ La cầm tiền chạy, nam tử đuổi theo. Nam tử đuổi theo kịp, lấy tay túm đầu Thổ La. Thì ra, chỉ có cái đầu tóc giả dính nơi tay nam tử. Cô ni bỏ chạy luôn. Nam tử kêu la lớn tiếng:

- Nữ Sa-môn trọc đầu làm việc bỉ ổi, ác pháp, cuống hoặc thế gian, lấy tiền của ta bỏ chạy !

Các ni đem việc này bạch lại Bí-sô, Bí-sô bạch lên Phật. Đức Phật hỏi để xác định sự thật, rồi quở trách..., và chế học xứ này:

Bí-sô ni nào, sắm đầu tóc giả để trang sức, Ba-dật-đề-ca.

1 Phu cụ: Cũng gọi là ngọa cụ, là chỉ cho những vật dụng để ngủ như: giường chõng, nệm chăn, màn che, gối mền....

1 Làm pháp dư thực: Khi mình đã ăn đủ, hoặc đã rời oai nghi mà lại có người mang thức ăn đến, Tỳ-kheo vì nể tình người mang đến, hay vì các duyên sự khác, muốn ăn thêm thì phải làm pháp dư thực(tàn thực).Tỳ-kheo đem vật thực mình cần ăn đến trước một Tỳ-kheo chưa ăn, hay đang ăn mà chưa tỏ sự ăn đã đủ, tác bạch rằng:"Bạch Đại đức, tôi đã ăn đủ. Đại đức nên biết cái này, nên nhìn cái này"(Theo văn Tứ phần q.14).Tỳ-kheo kia ăn

tượng trưng hai, ba miếng rồi nói:“ Đại đức, hãy mang đi. Đây là vật thực của ngài, hãy tuỳ ý thọ dụng”.

1 Tọa cụ: Con gọi là“tuỳ toạ cụ”, “toà ngoạ cụ”, dịch âm ni-sư-đàn. Toạ cụ là một tấm vải để Tăng, ni dùng ngồi, nằm hay lễ bái.

1 Sông A-thị-la-bạt-đế: Dịch là sông Hữu-kim(có vàng). Vị trí trong nước Câu-thi-na-yết-la, ở Ấn độ. Hiện nay là sông Gandak(Can-đạt-khắc).

--- o0o ---

Hết

---

[1] . Cố nhị : Hay gọi bổn nhị, là chỉ người vợ cũ của Tỳ-kheo, khi vị Tỳ-kheo này còn tại gia. Cố là cũ, nhị là hai người đã kết duyên với nhau. Luật Ngũ phần q.1, tr3b 5, T.22, n.1421: “ Tôi đã cùng bổn nhị làm việc bất tịnh”.

[2] . Cây Đa-căn : Là cây Ni-câu-luật.

[3] . Tội Việt-pháp: Còn gọi là Việt Tam-muôïi-da tội. Chỉ tội vượt qua pháp bí mật của Tam thế chư Phật. Nhưng ở đây chỉ cho tội vượt qua giới luật, vượt qua Tỳ-ni, hay gọi là Việt Tỳ-ni.

[4] . Tốt-đô(đổ)-ba : Dịch là tháp. Đầu tiên là nơi thờ xá lợi của Phật và các vị Thánh Tăng. Về sau tháp trở thành biểu tượng cho hình ảnh đức Phật, cho sự tưởng niệm đức Phật. Vì vậy, các thánh địa Phật giáo đều có xây tháp kỷ niệm. Hiện nay các nước Trung hoa, Đại hàn, Nhật bản, Việt nam xây tháp để thờ xá lợi, tro tàn, hay thân của các vị Cao Tăng.

[5] . Cầu tịch nữ : Là Sa-di-ni

[6] . Chiên-trà-la : Hay còn gọi Chiên-đà-la, dịch là người hiểm ác, kẻ sát nhân, hạ tính v..v. Hạng người này thấp hèn nhất, dưới giai cấp Thủ-đà-la.

[7] . Núi Thứu Phong: Hay còn gọi là núi Kỳ-xà-quật, núi Linh-thứu, gọi tắt Linh sơn. Vì đỉnh núi có hình dáng tựa như đầu con chim thứu(chim kên kên) và loài chim này sống ở đây rất nhiều. Vị trí nằm phía Đông bắc thành Vương-xá, nước Ma-kiệt-đà.

[8] . Ba-dật-để-ca: Phiên âm khác, Ba-dật-đề, Ba-la-dật-ni-kha, Ba-dạ-đề... dịch là đọa, bị thiêu đốt (năng thiêu nhiệt), chuộc tội (ưng đối trị), cần phải sám hối (ứng sám hối). Căn bản Tát-bà-đa-bộ luật nhiếp q.8, tr 272c16, T.24, n.1458: Ba-dật-để-ca nghĩa là bị thiêu đốt, đọa vào đường ác. Căn bản Nhất-thiết-hữu-bộ Tỳ-nại-da q.25, tr 762c 44, T.23, n. 1442: Ba-dật-đề-ca

nghĩa là đọa lạc nơi thiêu đốt nung nấu. Người phạm tội này bị đọa nơi địa ngục, bàng sanh, ngạ quỉ, chịu các khổ nung nấu trong đường dữ. Tội này nếu không khẩn thiết ăn năng sám hối thì có thể bị trở ngại đối với pháp lành. Đủ các nghĩa trên gọi là Ba-dật-đề-ca.